VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

andré malraux và việt nam

vĩnh dào

mềm như nước

thu tú

nghĩ về milan kundera

nguyễn văn trung

sao các anh thù dai thế?

tạ chí đại trường

ải bắc - ba cái chết một nỗi buồn

thơ khoa hữu

văn

hoàng nga ● *hồ đình nghiêm* ● *trúc chi*

ngô nguyên dũng ● *nguyễn hòa trước* ● *tràm cà mau*

nguyễn ý thuần ● *ấu tím*

thơ

phươngmỹhoa ● *ngô nguyên dũng*

khoa hữu ● *đức phổ* ● *huỳnh liễu ngạn*

tin văn

thế quân

217

THÁNG 5 2004

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Revesby
NSW 2212, AUSTRALIA
Phone: (02) 9785-0460
Email: phudieuanh@yahoo.com

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2005 West Gray # F
Houston TX 77019
Phone: (713) 942-8777

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@verizon.net
Homepage trên Internet: nhanvan.com/vanhoc.htm
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 217 ● tháng 5, 2004

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
THU TỨ	3	mềm như nước
PHƯƠNGMỸHƠA	13	*thiện căn*
VĨNH ĐÀO	14	andré malraux & việt nam
KHOA HỮU	29	*ải bắc*
KHOA HỮU	30	*ba cái chết một nỗi buồn*
NGUYỄN VĂN TRUNG	31	milan kundera
HOÀNG NGA	51	nữ văn sĩ
ĐỨC PHỔ	54	*đêm qua anh mơ thấy biển*
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	55	thương tích
NGÔ NGUYÊN DŨNG	64	*vẫn chưa quên những trang cổ tích*
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	67	sao các anh thù dai thế?
TRÚC CHI	76	gió bụi
TRÀM CÀ MAU	80	còn những tấm lòng
ẤU TÍM	91	mái tóc
HUỲNH LIỄU NGẠN	98	*một lần thôi một lần*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	99	loan
NGUYỄN Ý THUẦN	108	người ôm trái núi
NGUYỄN HÒA TRƯỚC	128	mưa đêm áo bỏ
THẾ QUÂN	149	tin văn
VĂN HỌC	63	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2004
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2004

Thư Tòa soạn
Văn Học

Số báo tháng này phát hành đúng vào hai kỷ niệm quan trọng: một là biến cố 30 tháng Tư, một mốc thời gian đầy đau thương đối với đa số bạn văn và bạn đọc Văn Học, hai là dịp kỷ niệm Văn Học bước vào năm thứ hai mươi. Biến cố 30 tháng Tư mở đầu cho một giòng văn chương lưu vong ở hải ngoại. Mười chín năm hiện diện của Văn Học là kết quả tâm huyết của một thế hệ nhà văn, do lịch sử đưa đẩy, đã phải rời bỏ quê hương và trải qua kinh nghiệm lưu vong, từ đó mới có nhu cầu tụ hội và phát biểu để thành hình những tạp chí như Văn Học.

Vào những mốc thời gian quan trọng như thời gian này, đáng lý những trang văn chương các bạn sắp đọc phải đầy ắp những lời hiệu triệu, những bản tuyên ngôn tuyên cáo, những kể lể thống thiết, những hứa hẹn hùng hồn...

Nhưng như bạn đọc sẽ thấy, tất cả đóng góp của các văn hữu trên số báo này đều "bình thường", không lên giọng, không cao rao. Đó là những suy nghĩ và sáng tạo bình thường cho một đời sống bình thường. Nhưng sau cái bình thường dung dị ấy, có rất nhiều điểm chung, hữu dụng cho bất cứ thời nào, bất cứ ở đâu. Văn chương quan tâm đến những khả dĩ trước biến cố, và những dư âm sau biến cố. Văn chương ở lâu với đời hơn thời thế, có lẽ cũng do biết giữ một khoảng cách nào đó với thời thế để nhìn đời.

Về phần quản trị điều hành, một lần nữa Văn Học xin quí văn hữu và bạn đọc ghi nhận cho thay đổi quan trọng sau đây:

Kể từ đầu tháng Tư năm 2004, địa chỉ email của Văn Học là

vanhoc@verizon.net

Địa chỉ cũ tapchivanhoc@aol.com đã hết hiệu lực từ 1 tháng 4/04.

Văn Học

Mềm như nước

Thu Tứ

Dân tộc Việt Nam ứng xử linh động, mềm dẻo, cái ấy đã nhiều người biết.

Trong *Việt Nam văn hóa sử cương*, Đào Duy Anh nhận xét người Việt "bắt chước, thích ứng và dung hóa (...) rất tài."(1)

Trong *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu*, Cao Xuân Huy cho rằng người Việt "có cái đặc tính mềm mại, uyển chuyển, linh hoạt, lưu động, như nước", "Nước (...) dễ tính (...) không phải là vì nó không có cá tính. Trái lại, đó là cái khả năng thích ứng vô hạn của nó (...) chính cái khả năng thích ứng (...) là cái tính ưu việt, cái bí quyết sinh tồn của dân tộc ta."(2) Hai học giả, hai cách nói, nhưng không có gì để nghi ngờ: Đào Duy Anh và Cao Xuân Huy chính đang phát biểu về cùng một nét nền tảng quan trọng trong bản tính dân tộc. Cả hai hẳn đã dựa vào diễn biến lịch sử, quá trình phát triển xã hội, và nề nếp sinh hoạt mà rút ra kết luận ấy.

Gần đây, Phan Ngọc, Trần Quốc Vượng, Nguyễn Huệ Chi, Trần Đình Hượu, Trần Ngọc Thêm v.v., mỗi khi có dịp trình bày nhận định về bản sắc văn hóa Việt Nam đều không quên nhấn mạnh đặc điểm linh hoạt.

"Trăm miệng" một lời: Dân tộc ta tính mềm như nước.

"Văn là người". Cái mềm dộc đáo ngoài đời có để lại vết tích rõ ràng trong các biểu hiện nghệ thuật của người Việt Nam chăng?

Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu có lẽ là bài thơ Đường được nhiều người dịch qua Việt ngữ nhất xưa nay. Số bản dịch đã phong phú, vậy mà thỉnh thoảng lại thấy bản mới.

Thú thực, *Hoàng Hạc lâu* nguyên tác chữ Hán hay đến đâu, tôi

chịu. Không rõ trước các cụ thưởng thức thơ Đường thế nào, chứ kẻ hậu sinh mỗi lần tình cờ đối diện một cụm dày đặc chữ "thánh hiền" chỉ thấy ngẩn ngơ. Không phải đơn giản chuyện không hiểu nghĩa. Mỗi bài thơ "chữ" khi xuất hiện trên sách báo tiếng Việt vẫn thường có phần dịch nghĩa kèm theo. Nếu thiếu phần ấy, chịu khó tra tự điển Hán-Việt, thông ngay. Rắc rối là chữ dùng trong thơ không phải chỉ dùng vì nghĩa. Mỗi chữ, trong bất cứ ngôn ngữ nào, ngoài nghĩa còn mang một thứ diện mạo riêng, vang lên một thứ âm hưởng riêng, nếu khéo chọn sẽ góp phần làm nên giá trị bài thơ. Mặt khác, diện mạo âm hưởng của chữ lại là chuyện rất riêng tư, chỉ người bản ngữ mới thấy được, nghe được. Thôi Hiệu sáng tác bằng tiếng Tàu, mình người Việt, mình không "cảm" nổi *Hoàng Hạc lâu* nguyên tác, chuyện dĩ nhiên. Viết vậy xong, ngẫm lại, giật mình: 56 chữ trong bài thơ Đường lừng danh gồm toàn từ Hán Việt, tức từ Hán đã Việt hóa, tức từ Việt, sao lại không thấy không nghe không cảm? Chẳng phải Cao Xuân Hạo từng nêu rõ nét đặc thù của từ Hán Việt là trang trọng, thi vị, cổ kính v.v. sao? Những từ ấy, chúng có cả sắc thái riêng đấy chứ, đâu chỉ chở nghĩa? Những sắc thái ấy, khi còn là tiếng Hán chúng vốn không hề có.(3)

Nghĩ thêm, nhận thấy cùng một chữ, nếu dùng trong câu văn Việt, nó là tiếng Việt, còn nếu xuất hiện giữa đông đảo thuần túy những chữ Hán khác thì nó dường như trở lại là tiếng Hán, không tạo được dư ảnh dư âm gì đối với mắt ta tai ta. Những "phong trần", "phong vũ", "phong ba", chẳng hạn, trong câu tiếng Việt rất có thể nghe "trang trọng", "cổ kính", nhưng nếu dùng giữa câu tiếng Tàu thì e lại trở nên... thiếu "phong cách".

Ngấm nghía từng chữ từng câu, gặp trở ngại lớn. Thử lui ra xa, ngắm trọn, đọc trọn bài thơ:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu (4)

Vẫn thế! Tệ hơn thế! Cảm tưởng ngoài cuộc cơ hồ gia tăng. Dường như bản thân cấu trúc thơ vừa góp vào thêm một vấn đề. Luật Đường vốn khó thưởng thức? Thử cố gắng vận dụng cấu trúc truyền thống

Việt:

Tư quân như thiết như tha,
Thức hà khả thiết, ma hà khả lân
Thiết tha tâm bội tư quân
Như sơn dũ tuấn, như vân dũ trường!
Gia nương y ngã gia nương,
Kim khuê tâm loạn, tha hương thần trì (5)

Lục bát vần gieo răm rắp, lưu loát như nước chảy mây trôi, vậy mà hỏng. Ai cũng biết thơ (!) thế là hỏng. Bài "di thảo" của Thánh Tông tượng trưng một cố gắng về nguồn đáng kính phục, nhưng nó không sao gây nổi chút rung cảm nào nơi người đọc. Chữ thánh hiền làm thuyền chở đạo, chở ý thật tốt, xoay qua chở tình lại đắm ngay. Chẳng trách các cụ xưa kia dù sử dụng Hán văn đã hết sức thành thạo, vẫn luôn trằn trọc tìm cách sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ.

Có ai để ý trong tám câu thơ bảy chữ của Thôi Hiệu, hai câu chót hình như hay được ngâm nga nhất. Có phải vì hai câu này nghe du dương, êm ái hơn sáu câu kia? Một bài thơ Đường rất nổi tiếng khác, được nhiều người Việt nhớ nằm lòng, mà không hẳn chỉ vì nó ngắn:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Có phải cũng rất dễ đọc, rất thuận tai (ta) không? Trong chú thích kèm bản dịch bài *Phong kiều dạ bạc*, Trần Trọng Kim nhận xét: "Bài thơ này hay ở âm điệu, ít khi làm được như thế."(6) Lạ, cái "hay ở âm điệu" ít gặp trong thơ Tàu, dù là thứ thơ Tàu lừng danh thế giới, đường như lại chẳng hiếm trong thơ Việt.

Dù nhà thi sĩ chọn dùng thể thơ nào, hễ cứ sáng tác bằng "quốc âm" là hiệu quả khác ngay tức khắc. Thơ nôm Đường luật của Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Tú Xương v.v. gây xúc cảm nhất định, rõ ràng. Chúng ta đọc những bài thơ ấy có ngay cảm tưởng hoặc thích hoặc không, hoặc thích nhiều hoặc thích ít. Người Việt đọc thơ nôm không xảy ra chuyện ngẩn ngơ, trơ... mất ếch.

Để so sánh tác dụng của chữ người chữ ta, thử đọc Vũ Hoàng Chương dịch Thôi Hiệu:

Xưa cánh hạc bay vút bóng người
Nay lầu Hoàng Hạc chút thơm rơi
Vàng tung cánh hạc, bay bay mãi

Trắng một màu mây, vạn vạn đời
Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi
Gần xa chiều xuống, đâu quê quán?
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi! (7)

Cùng một ý, cùng một thể thơ, nhưng có phải cái "giọng tình" đã khác rồi không?

Bản Vũ Hoàng Chương gây cảm tưởng mềm mại, nhẹ nhàng hơn bản gốc, tuy vẫn đài các, cổ kính.

Không ít người từng ngẫm nghĩ về cảm tưởng ấy. Lúc đầu, đa số nghĩ theo hướng Trần Trọng Kim, tức chỉ tập trung chú ý đến âm thanh của tiếng. Nói âm thanh, nhớ ngay âm nhạc. Trong một đặc khảo, Phạm Duy cho biết: "dân nhạc Việt (...) đã hoàn toàn là sự dung hóa của giọng nói địa phương và các thể văn thơ bình dân hay bác học"(8). Ông muốn bảo, người Việt chỉ cần làm thơ, xong đọc lên theo một giọng nào đấy, thế là thành nhạc. "Thi trung hữu nhạc", tiện lợi quá, mà hẳn thứ ngôn ngữ dồi dào nhạc tính, "du dương" như thế, không phải khắp thế giới đâu đâu cũng thấy. Thạch Lam có lần khen một bài thơ của Hồ Dzếnh là giàu chất nhạc: e đấy chính do trong Hồ Dzếnh chất Việt lai láng mà ra. Nhưng tiếng Việt không cần làm thơ nghe mới du dương. Người Tàu cổ, theo sách *Chu Lễ*, dẫn lại trong *Thủy Kinh chú*, nhận xét: "giống Man ở phía Nam xăm da (...) giao ngón chân (...) tiếng nói như chim."(9) Giống "Nam Man" trong sách Tàu xưa chính là nòi Bách Việt. Người Tàu "trung cổ", chẳng hạn sứ giả Trần Cương Trung của nhà Nguyên, sang ta rồi về ghi lại cảm tưởng: "(người Việt) tiếng nói líu lo, nói nhanh mà bổng, rất giống tiếng chim."(10) Gần đây hơn, nhiều du khách Tây phương phát biểu nghe chúng ta nói mà cảm tưởng như đang nghe hát. Rõ ràng xưa giờ ta vẫn "nói như chim", tức như hót, như hát, như ca! Rõ ràng tiếng Việt "ngôn trung hữu nhạc".

Ngôn ngữ dân tộc nghe như nhạc (thứ nhạc "dễ nghe"), mà ngắm nghía, lại thấy cũng đặc biệt uyển chuyển, "dễ nhìn". Theo Cao Xuân Hạo, câu trong tiếng Việt được cấu tạo chủ yếu theo công thức Đề (tài) – Thuyết (minh). Đấy là lối cấu trúc cực kỳ linh động. Trong *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Trần Ngọc Thêm nhấn mạnh nghệ thuật ngôn từ dân tộc "có đặc điểm ĐỘNG và LINH HOẠT." Theo ông, đặc điểm này "trước hết bộc lộ ở hệ thống ngữ pháp."(11)

Đã mềm về âm điệu, lại mềm về ngữ pháp. Thảo nào bài thơ "dịch" của Vũ Hoàng Chương chỉ cần đổi qua tiếng ta, vẫn giữ luật

người, là lập tức mang dáng dấp khác, "gợi cảm" hơn thấy rõ. Như thể cái mềm mại nằm sẵn ngay trong chính bản thân tiếng Việt có khả năng tức khắc Việt hóa mọi khuôn phép ngoại lai.

Hoàng Hạc lâu còn một bản dịch khác rất nổi tiếng. Tản Đà chỉ giữ ý mà chuyển thể thành thơ lục bát:

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ
Hạc vàng đi mất từ xưa
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay
Hán Dương sông tạnh cây bày
Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non
Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai (12)

Đến đây, thì cái hồn của bài thơ đã thay đổi hoàn toàn. Bản Tản Đà vừa nhẹ, mềm, trôi chảy, vừa mộc mạc cách tinh tế.

Vũ Hoàng Chương dùng tiếng Việt, Tản Đà cũng dùng tiếng Việt. Chỗ khác nhau về phong cách giữa hai bản dịch hiển nhiên là ở thể thơ.

Nguyễn Hưng Quốc trong *Nghĩ về thơ* có chú ý đến phong cách của thể lục bát.(13) Ông ghi nhận "thơ lục bát (...) có thể đem vào thơ vô số những từ có chức năng phi ngữ pháp để câu thơ hóa ra mềm mại và ngân nga". Ông cho nó "sở trường trong việc diễn tả những tình cảm nhẹ nhàng". Ngay trong *Kiều*, có thể dễ dàng tìm thấy một số chỗ mà câu thơ 6/8 êm ái quen thuộc được Nguyễn Du dùng để... chém, để... văng, để... mày tao: "Chém cha cái số hoa đào", "Chẳng văng vào mặt mà mày lại nghe". Tuy vậy, nhìn chung, tinh thần của lục bát quả có như lời. Vẫn Nguyễn Hưng Quốc về thể thơ dân tộc: "thơ lục bát (...) câu lục thường đóng vai trò (...) gợi mở (...) câu bát (...) có chức năng chuyên chở nội dung thông báo." Thế là cấu trúc Đề – Thuyết chứ còn gì nữa! Vậy người Việt chẳng những Đề – Thuyết khi sắp xếp một cụm từ: *ngựa trắng*, khi đặt một câu nói: *Tôi tên Nam*, mà còn cả khi tổ chức một bài thơ: *Trăm năm trong cõi người ta / Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau* !

Ngôn ngữ mềm, thi ca mềm. Kết hợp hai cái mềm, tức dùng tiếng Việt mà làm thơ lục bát dẫn đến kết quả "Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu" biến thành "Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ". Câu thơ Hán luật Đường cứng cỏi cô đọng hóa thân thành câu lục bát nôm mềm mại, "ngân nga". Bản dịch Tản Đà xác thơ tuy vẫn là câu chuyện hạc

vàng nhưng hồn thơ đã "vút bóng", lìa xa, rất xa, cái văn hóa vốn sinh ra Thôi Hiệu.

Người Việt đọc thơ lục bát nôm, người nghe dễ nhầm bài thơ với bản nhạc. Thứ thơ nhạc ấy của ta, có bài chỉ tám câu, có bài đến 3254 câu. Xuân Diệu bảo: "*Truyện Kiều* còn là một bản nhạc dài."(14)

Nghiên cứu các truyền thống tạo hình, Thái Bá Vân có nhiều ý kiến độc đáo.(15) Ông nhận thấy "hình học Đông Sơn bám sát tự nhiên", "hình thái Lý (...) sự nổi dậy kín đáo của một ý chí nghệ thuật cương quyết nhưng mềm mại (...) một nét thuộc bản sắc dân tộc", trong mỹ thuật Việt Nam nói chung "nhịp nhàng, cân xứng (...) là hai chỉ tiêu nền tảng". Về đặc trưng mỹ thuật Trung Quốc, ông nêu thứ "hình học phi lý, khúc mắc như thách đố (...) của đồ đồng Thương, Chu", ông nhấc "thái độ triết lý tuyệt đối và kỳ dị của người Tàu xưa", ông dẫn "tính tuyệt đối của tinh thần Trung Hoa". Có điều gì rắc rối ở đây. Ai cũng biết người Tàu lấy trung dung làm lý tưởng, chọn điều độ làm tôn chỉ cho mọi sinh hoạt, kể cả sinh hoạt nghệ thuật. Theo Nguyễn Hiến Lê, "Xét chung về mỹ thuật (...) Trung Hoa có đặc điểm này: tiết chế, điều hòa, hàm súc."(16) Mỹ thuật điều hòa lẽ nào do tinh thần tuyệt đối mà ra? Phải chăng văn hóa Trung Quốc như được phổ biến rộng rãi thực ra chính là kết quả của một quá trình tiếp xúc rất lâu dài giữa Hoa tộc và các dân tộc ở Hoa Nam?

Nhân ý kiến của Thái Bá Vân về đồ đồng Thương, Chu, thử soát qua khuynh hướng nghệ thuật ở Lạc Việt vào cùng thời kỳ. Nhờ lượng tư liệu khảo cổ học lớn lao thu hoạch được trong vài chục năm qua, chúng ta đã biết rằng văn hóa Đông Sơn quả thực thuộc về người Việt thời Hùng Vương. Hơn nữa, nó chính xuất phát từ văn hóa Phùng Nguyên, vốn thuộc giai đoạn hậu kỳ đồ đá mới - sơ kỳ đồ đồng, bắt đầu cách đây khoảng 4000 năm.(17) Vào thiên kỷ thứ hai trước Tây lịch, người Tàu đời Thương đã chế được đồ đồng khá tinh xảo, trong khi tổ tiên của các vua Hùng còn loay hoay đục, đẽo, mài đồ đá. Kỹ thuật ta lạc hậu, thua sút rõ ràng, nhưng mỹ thuật ta đã phát triển theo hướng nhất định. Ở ta, bấy giờ, phương tiện căn bản để thể hiện quan niệm mỹ thuật là gốm. Ngắm nghía những sản phẩm gốm thu thập được tại các di chỉ Phùng Nguyên, Hà Văn Tấn nhận xét: "(người Việt cổ) ưa thích họa tiết tạo nên bằng những đường cong. Tất cả đều uyển chuyển, thanh thoát, dứt khoát mà vẫn mềm mại, nhịp nhàng mà không đơn điệu."(18) Trong *Nguồn gốc Mã Lai...*, Bình Nguyên Lộc so sánh: "Đồ gốm (...) ở Cổ Việt Nam (...) khéo không kém đồ gốm cổ của Tàu, nhưng (...) khác

hẳn."(19)

Khoảng ba nghìn năm sau khi những món đồ đất nung ngộ nghĩnh nói trên đi vào lòng đất, quốc gia độc lập Đại Việt ra đời. Điêu khắc Đại Việt, theo Chu Quang Trứ (20), "biểu hiện sức sống (...) mãnh liệt" với những "đường nét hết sức mềm mại và uyển chuyển, bố cục cân xứng nhưng không đơn điệu". Ô hay, nhà nghiên cứu mỹ thuật Phật giáo phát biểu về tượng Phật thời Lý, sao gần như lặp lại ý kiến của sử gia về đồ gốm Phùng Nguyên!

Ba nghìn năm đằng đẵng, từ xã hội nguyên thủy hậu kỳ đồ đá mới sang xã hội tương đối văn minh thời Đông Sơn sang nền văn hiến rực rỡ thời Lý, xuyên qua tiến bộ to lớn về kỹ thuật (biết dùng kim loại), bất chấp áp lực đồng hóa nặng nề từ phương Bắc, khuynh hướng chủ đạo trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam không hề thay đổi. Khuynh hướng ấy dường như độc đáo. Vẫn theo Chu Quang Trứ, "Nét dân tộc bật ra rất rõ, quán xuyến trong toàn bộ nghệ thuật của thời đại (Lý), khác hẳn các hình tượng cùng đề tài của những dân tộc láng giềng."

Tượng mà đẹp thì linh động, gợi sự sống. Người sống thì đứng ngồi, đi lại, múa may. Thời đồ đá, đồ đồng, đồ sắt, thời Lý, thời Trần thế nào không biết, đến thời chèo cổ cực thịnh cách nay khoảng vài trăm năm (21), người Việt Nam múa nom tài tình quá đỗi! Có ai xem *Lưu Bình – Dương Lễ* mà lại không nhớ lúc Châu Long và Lưu Bình "đụng độ" ở quán "đề thơ": đôi trai tài gái sắc trước kẻ xôn xao người e ấp như bướm vờn hoa, sau cả hai cùng quấn quít dập dìu như chim liền cánh (tuy thực ra tay vẫn chưa chạm tay, dĩ nhiên). Múa mà dẻo dang, mềm mại, bay bướm, nhẹ nhàng như thế thì tưởng chẳng ngại gì nếu phải đem ra so sánh với cách uốn éo của những dân tộc khác. Thậm chí chẳng cần chuyển động mấy tí, chỉ một cổ tay xoay tròn cũng đủ diễn tả bao nhiêu ý tình. Sực hồi tưởng câu chuyện nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ năm xưa dẫn đoàn múa nón qua Đông Kinh lưu diễn suốt mấy tháng trời, được dân địa phương tán thưởng nhiệt liệt. Thành công ấy chẳng phải ngẫu nhiên, đột khởi đâu, mà cái phong cách múa may của dân tộc lúc nào cũng thế: nhuyễn, mềm như nước như mây. Tất nhiên chèo không chỉ là múa. Trên sân khấu truyền thống, Trần Ngọc Thêm "thấy rõ tính linh hoạt"(22) qua sự việc diễn viên không nhất thiết theo sát bài bản của tích diễn và qua đặc điểm có thể có sự tham gia của người xem. Nghệ thuật sân khấu của ta, như thế, giống nghệ thuật ngôn từ ở chỗ không chỉ đặc biệt mềm mại ở phần hình ảnh / âm thanh mà còn ở chủ trương cố tình lỏng lẻo cả trong cấu trúc.

Nhân nhắc chuyện đem nón đi múa xứ người mấy mươi năm trước,

lại nhớ mới cách đây chưa lâu chiếc áo dài Việt Nam đã đăng quang trong một cuộc thi trang phục dân tộc tổ chức ở Nhật. Dân xứ Phù Tang đối với nghệ thuật ta quả là tri kỷ! Đặc biệt quý ở chỗ giữa bao ứng phẩm họ chọn áo của ta, vốn hoàn toàn đối nghịch với áo của họ. Thực vậy, quan sát một phụ nữ Nhật đi như chạy lúp xúp trong chiếc *kimono* mấy lớp, tai ta như nghe được tiếng sột soạt của vải của hồ, của gò bó, cứng nhắc. Trái lại, ngắm một cô gái Việt Nam đi đứng khoan thai trong chiếc áo dài, nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm trông thấy ngay được... gió!(23) Ông Nguyễn chú ý đến cái phấp phới thơ mộng của tà áo và ông tả nó cách độc đáo. Một nghệ sĩ tạo hình khác, họa sĩ Thái Tuấn, dường như lại thưởng thức vẻ đẹp của chiếc áo dài chủ yếu ở trạng thái "tĩnh". Sống bên Pháp rất nhiều năm, xa quê hương, nhưng gần như suốt đời Thái Tuấn chỉ vẽ người nữ mặc áo dài. Mới đây, ông tâm sự: "Tôi nhận ra chiếc áo dài Việt Nam đã tạo ra được những đường cong nét thẳng mà không có y phục nào có được." Hẳn họa sĩ muốn nhấn mạnh đặc tính đa dạng của kiểu áo ta vì ngay sau đấy ông bình phẩm như sau về trang phục Pháp: "Tôi vẫn gọi áo đầm là cái hộp. Chui vào đó dù đứng hay ngồi cũng không tạo được đường nét nào khác."(24)

Một kiểu trang phục mà ngay cả khi người mặc chỉ đứng, ngồi cũng tạo được đường nét độc đáo thay đổi, mà khiến sự xê dịch bình thường trở nên "linh động phơi phới", trở nên "thanh thoát"(25), khiến một cô gái nhan sắc trung bình có thể tự tin nũng nịu đòi "để em làm gió"(26) cho cánh chim may mắn anh, kiểu trang phục như thế e độc nhất vô nhị trên quả địa cầu. Đỉnh cao sáng tạo ăn mặc của ta có đặc trưng biến hóa, mềm mại, chuyện ngẫu nhiên chăng?

Trở lại với *Hoàng Hạc lâu*. Cùng một ý, một nội dung, là câu chuyện hạc vàng, tác phẩm của Thôi Hiệu, Vũ Hoàng Chương, Tản Đà gây ba ấn tượng khác nhau. Nếu ví bài thơ như một sinh vật, một con người, ý là xương mà lời là da là thịt, thì văn hóa Trung Quốc, thể hiện qua ngôn ngữ thi ca, đã đắp quanh bộ xương chuyện hạc da thịt một người Hoa Bắc lầm lì, khô khan (27), một ông quan nghiêm nghị trong phẩm phục thiên triều đầy đủ cân đai hia mũ. Đến bản quốc âm luật Đường của Vũ Hoàng Chương, người Hoa Bắc biến ra một người Việt với nét mặt mềm mỏng, ôn hòa, như chính bản thân thi sĩ chẳng hạn, tuy vẫn trong trang phục trịnh trọng cầu kỳ của Hán triều (Vũ Hoàng Chương, một ông quan!). Trong bản lục bát quốc ngữ của Tản Đà, ấn tượng thơ lần này cũng có thể cụ thể hóa rất tiện lợi bằng chính ngay

tác giả *Thề non nước*, trong bộ áo dài khăn đóng dân tộc. Với Tản Đà, nàng thơ trở nên Việt đặc, Việt từ chi tiết mặt mũi đến dáng áo dáng quần. Ngoại hình biến đổi đến mức này thì tưởng bên trong là xương hạc hay xương gà cũng chẳng còn quan hệ. Nghệ phẩm nào cũng khởi từ ý, nhưng đến khi xây dựng hoàn chỉnh, thì ý chỉ còn giữ vai trò thứ yếu, vai trò của cái giá áo.

Dân tộc Việt Nam chẳng những hay mượn giá treo áo, thậm chí ta còn thường mượn luôn cả vải, kim, chỉ của người. Bất kể có vay mượn ít nhiều vật liệu của thiên hạ hay chỉ huy động vốn riêng, những nghệ phẩm xuất sắc của ta như cái "tiếng nước tôi"(28), cái áo tứ thân, áo dài, *Truyện Kiều*, điệu múa chèo cổ v.v., chúng đẹp đẽ, hay ho, giá trị chẳng kém bất cứ món gì của bất cứ ai. Hơn nữa, nghệ thuật truyền thống của ta, dù biểu hiện dưới hình thức nào, dường như trước sau chỉ toát ra đúng một phong cách: "ngân nga", mềm mại.

Nhớ đàn bầu. Cái nhạc cụ dân tộc độc đáo ấy, chẳng phải hồn của nó là sự ngân nga sao? Có người thích bảo mỗi "tiếng" đàn bầu là một "giọt". Giọt thì rưng rưng...

Nhớ Trần Văn Khê. Nhà nhạc học "thân cư tại ngoại, tâm tại quê hương" trăm lần thuyết minh chẳng lần nào dẫn được cảm xúc khi mô tả chỗ kỳ diệu của nhạc cụ truyền thống. Trần Văn Khê (29) cho biết đàn tranh của ta và đàn *koto* của Nhật đều phỏng theo mẫu Trung Quốc, nhưng phát triển theo hai hướng khác nhau. Thủ pháp đàn *koto* chú trọng bàn tay phải, bàn tay sinh ra âm thanh; thủ pháp đàn tranh đặc biệt phong phú và tinh vi nơi bàn tay trái, bàn tay "nuôi dưỡng và làm đẹp âm thanh". Theo Trần Văn Khê, trong cách đàn của người Việt Nam "tay mặt sanh ra cái xác, tay trái tạo ra cái hồn." "... về bàn tay trái, chúng tôi có rung, nhấn, mổ (...) có rung lơi, rung nhặt (...) nhấn nửa bậc, một bậc, một bậc rưỡi, hai bậc, hai bậc rưỡi, lại có nhấn vuốt, nhấn rung, nhấn mổ, nhấn khảy, nhấn mượn hơi (...) mổ đơn, mổ kép, mổ kềm dây." Âm thanh mà được "nuôi dưỡng" cầu kỳ như vừa tả thì cái hồn của nó dĩ nhiên lại là sự... ngân nga.

Bầu là Việt, bầu là mềm, Việt là mềm. Tranh có lẽ vốn không mềm, nhưng tranh về với Việt rồi tranh cũng hóa mềm. Việt hóa là làm mềm đi...

Cái đặc điểm "mềm như nước" rất dễ thấy ở tính nết con người Việt Nam, hóa ra, cũng lồ lộ trong văn chương nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Một phong cách văn nghệ độc đáo mà hiển hiện, nhất quán suốt lịch sử lâu dài như thế, e chẳng phải dễ tìm thấy.

Nước mềm, ngoan ngoãn vào chai vào lọ. Nhưng "nước" cũng làm mềm dấy. Không tin, cứ thử nghìn năm.

Thu Tứ

(1) Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, nxb. TPHCM, Việt Nam, 1992, tr. 24.

(2) Cao Xuân Huy, *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu*, nxb. Văn Học, Việt Nam, 1995, tr. 363 - 364.

(3) Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt văn Việt người Việt*, nxb. Trẻ, Việt Nam, 2001, tr. 86.

(4) Tản Đà, *Thơ Đường*, nxb. Trẻ, Việt Nam, 1989, tr. 42.

(5) Võ Phiến, *Đối thoại*, nxb. Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1993, tr. 85.

(6) Trần Trọng Kim, *Đường thi*, bản in lần hai, nxb. Đại Nam tái bản ở Hoa Kỳ, tr. 380.

(7) Hải Đà sưu tập, *Saigon Times*, Úc, số Xuân Quý Mùi, 2003.

(8) Phạm Duy, *Đặc khảo về dân nhạc ở Việt Nam*, nxb. Xuân Thu tái bản ở Hoa Kỳ, tr. 49.

(9) Bùi Thiết, *Việt Nam thời cổ xưa*, nxb. Thanh Niên, Việt Nam, 2000, tr. 135.

(10) Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục* (tập II trong *Toàn tập*), nxb. Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1977, tr. 68.

(11) Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, in lần ba, nxb. TPHCM, Việt Nam, 2001, tr. 295.

(12) TĐ, sđd., tr. 43.

(13) Nguyễn Hưng Quốc, *Nghĩ về thơ*, nxb. Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1989, tr. 165 - 168.

(14) Xuân Diệu, *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, tập I, nxb. Văn Học, Việt Nam, 1987, tr. 147.

(15) Thái Bá Vân, *Tiếp xúc với nghệ thuật*, Viện Mỹ thuật Việt Nam, Việt Nam, 1997, tr. 22, 295, 297.

(16) Nguyễn Hiến Lê, *Lịch sử thế giới*, nxb. Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1994, tr. 171.

(17) Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, nxb. Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, Việt Nam, 1983, tr. 64-65.

(18) PHL, TQV, HVT, LN, sđd., tr. 63.

(19) Bình Nguyên Lộc, *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, nxb. Xuân Thu tái bản ở Hoa Kỳ, tr. 366.

(20) Chu Quang Trứ, *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, nxb. Mỹ Thuật, Việt Nam, 2002, tr. 272.

(21) Vũ Khắc Khoan, *Tìm hiểu sân khấu chèo*, nxb. Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1974, tr. 127.

Thiện căn

PHƯƠNGMỸHOA

Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài
(Kiều)

đọc xong rồi phá lên cười
chữ tài liền với chữ toi ấy mà!
thiện căn phú thác trời già
sinh ra phần số oan gia chất chồng
chữ tâm có cũng như không
vô tâm mà đặng chữ đồng mới yêu
thiện căn đón gió theo chiều
chiều mưa chiều nắng thiếu điều hụt hơi
chữ tài bèo dạt huê trôi
chữ tâm lẽo đẽo đi đời mồ ma
đoạn trường trước mặt đâu xa
mà nhân gian cứ tà tà quay đi
thiện căn ở tại cái gì?

(22) TNT, sđd., tr. 310.

(23) Võ Phiến thuật lại trong *Tùy bút I*, nxb. Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1986, tr. 23-24.

(24) Thái Tuấn, 'Thư và tranh mới', nhật báo *Người Việt*, Hoa Kỳ, số ra ngày 11 tháng 5 - 2003.

(25) Chữ của VP trong *Tùy bút I*, nxb. Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1986, tr. 23-24.

(26) Tên một tập thơ của Trần Mộng Tú, nxb. Thế Kỷ, Hoa Kỳ, 1996.

(27) BNL, sđd., tr. 121.

(28) Phạm Duy, lời bài 'Tình ca', trong *Ngàn lời ca*, PDC Musical Productions, Hoa Kỳ, 1987, tr. 52.

(29) Trần Văn Khê, *Tiểu phẩm*, nxb. Trẻ, Việt Nam, 1997, tr. 172 - 174.

André Malraux và Việt Nam

Vĩnh Đào

Khi André Malraux bước lên chiếc tàu *Angkor* tại hải cảng Marseille một ngày tháng 10 năm 1923 để thực hiện một chuyến du hành dài sang Đông Dương, ông chưa được 22 tuổi tròn. Sau này, có ngày ông nói với Julien Green: *«Từ 18 đến 20 tuổi, cuộc đời như một thị trường chứng khoán; người ta mua chứng khoán không phải với tiền mà với hành động. Một số lớn người ta không mua gì hết...»* [1] Tự áp dụng cho mình phương châm đó, Malraux lúc còn đang tuổi thanh niên quyết định lao mình vào một cuộc phiêu lưu tại một miền đất xa xôi, trong rừng sâu Đông Dương, với mục đích đi tìm vết tích của đền Bantei Srey.

André Malraux sau này trở thành một trong những nhà văn lớn nhất và có ảnh hưởng nhất của nền văn học Pháp thế kỷ 20. Ông không những là một nhà văn, ông còn là một nhà hoạt động, một kẻ phiêu lưu, một nhà tư tưởng, một chuyên gia về nghệ thuật cổ của Trung Đông, châu Phi, châu Á... Những tiểu thuyết đầu tiên của ông khiến ông nổi danh trên văn đàn Pháp lấy bối cảnh là những cuộc đấu tranh cách mạng tại Trung quốc khiến cho André Malraux có tiếng là một người am hiểu về khung cảnh chính trị, văn hóa của châu Á. Nhiều bài nghiên cứu, nhiều công trình đại học đã bàn đến ảnh hưởng của Trung quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... trên tư tưởng và tác phẩm của Malraux. Ít ai nhắc đến Việt Nam, có lẽ vì cho đến thập niên 1940, Việt Nam vẫn còn là một thuộc địa của Pháp; đất nước Việt Nam nhỏ, không sánh được với những nền văn minh lâu đời và đồ sộ trên lục địa châu Á như Trung quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... Nhưng thật ra, khi Malraux khám phá châu Á lúc ông còn là một thanh niên hơn 20 tuổi, mảnh đất đầu tiên ông đặt chân tới là Việt Nam, và những kinh nghiệm sống và hoạt động của ông

trong thời gian tại Việt Nam đã ảnh hưởng một cách quyết định trên tư tưởng chính trị của Malraux và định hướng cho con đường hoạt động cách mạng và chính trị của ông sau này.

Cuộc mạo hiểm đi tìm vết tích đền Bantei Srey

Lý do của cuộc mạo hiểm trong rừng sâu ở Đông Dương có thể trước hết là vấn đề tài chánh. Năm 1921, Malraux vừa làm quen với một thiếu nữ con một gia đình giàu có gốc Đức Do Thái tên là Clara Goldschmidt, mà ông cưới làm vợ vài tháng sau đó. Hai vợ chồng thực hiện nhiều chuyến du lịch tại châu Âu, trong khi Malraux tiếp tục công việc cộng tác với các nhà xuất bản tại Paris. Ông đem tiền của vợ đầu tư tại thị trường chứng khoán, không may bị thua lỗ và tài sản của hai vợ chồng tan biến theo mây khói. Vào lúc đó, một số cổ vật Đông phương xuất phát từ các di tích lịch sử tại Đông Dương đã xuất hiện khá nhiều tại các cửa hàng đồ cổ và các phòng bán đấu giá tại châu Âu. Các đồ vật cổ này càng lúc càng được giá.

Trong những năm sau này, khi làm việc để mưu sinh tại một số nhà sách và nhà xuất bản tại Paris, Malraux chú trọng rất nhiều đến nghệ thuật châu Á. Một bài khảo cứu đăng trong tập san của Trường Viễn Đông Bác Cổ (E.F.E.O.) [2] chắc chắn đã được ông đọc rất kỹ. Tác giả bài viết tên Henri Parmentier khẳng định rằng giữa nghệ thuật các đền khmer cổ nhất của thế kỷ thứ VII và thứ VIII, và nghệ thuật «cổ điển» của các đền tháp tại Đế Thiên Đế Thích 5 thế kỷ sau đó, có một giai đoạn chuyển tiếp gọi là «nghệ thuật Indravarman». Henri Parmentier nghiên cứu 12 di tích qui tụ các đặc điểm của giai đoạn chuyển tiếp đó, trong đó có di tích Banteai Srey.

Di tích Banteai Srey đã được tình cờ khám phá năm 1914 do một viên trung úy của Sở Địa chất. Henri Parmentier viếng di tích này năm 1916. Di tích không rộng nhưng phẩm chất các tượng trang trí rất cao về mặt nghệ thuật. Nhưng đền bị đổ nát qua thời gian, rễ các cây cổ thụ quấn chặt công trình xây cất. Malraux đoán biết được giá trị các pho tượng tại di tích này và ông quyết định thực hiện một cuộc thám hiểm khảo cổ. Theo ông, đền Banteai Srey là một di tích bỏ hoang, không thuộc về ai cả, nhưng cần phải ra tay gấp, trước khi nhà cầm quyền thuộc địa ban hành các biện pháp kiểm soát và bảo vệ gắt gao hơn các di tích lịch sử tại Đông Dương. Ông đem dự án ra bàn với một người bạn thuở niên thiếu tên Louis Chevasson và hai người đồng ý hùn hạp trong công tác này.

Trước khi thực hiện dự án, Malraux phải xin một giấy phép ở bộ Thuộc địa. Giấy phép được cấp khá dễ dàng, với điều kiện khi đến nơi phải thông báo chi tiết dự án cho nhà cầm quyền thuộc địa và cho E.F.E.O. tại Hà Hội. Dự án của André Malraux là tìm lại vết tích một con đường nối thủ đô Angkor với các tỉnh phía bắc vương quốc Khmer, thực hiện một công trình nghiên cứu nghệ thuật các đền dọc theo con đường đó.

Mùa thu 1923, André Malraux xuống tàu tại Marseille, cùng đi với vợ là Clara. Louis Chevasson lên đường hai tuần sau đó. Sau cuộc hành trình hơn ba tuần, tàu cập bến Sài Gòn. Sau vài ngày ghé bến, tàu tiếp tục đi đến Hải Phòng. Từ đó Malraux đi đường bộ đến Hà Nội và trình diện tại Trường Viễn Đông Bác Cổ. Nơi đây ông được tiếp đón một cách nghi kỵ và lạnh nhạt. Cơ quan này qui tụ những nhà sử học, địa chất học, khảo cổ học với đầy đủ tước vị và bằng cấp. André Malraux là một thanh niên tự học, chỉ đến trường hết bậc trung học, không có một mảnh bằng nào trong người. Vị quyền giám đốc E.F.E.O. nhắc lại thể lệ mới : mọi vật khám phá phải được để lại tại chỗ. André Malraux phải ký giấy cam kết để E.F.E.O. chia sẻ các khám phá và thành tựu của công tác khảo cổ mà ông sẽ tiến hành với phương tiện riêng của mình.

Rời Hà Nội, André Malraux vào Sài Gòn bằng đường bộ. Tại đó ông gặp lại Louis Chevasson, khởi hành từ Marseille hai tuần sau André và Clara. Cả ba lên đường đi Nam Vang, rồi Siem Reap và Angkor. Sau khi thuê công nhân khuân vác, Malraux cùng một đoàn khoảng 20 người lên đường hướng về phía Bắc và tìm ra địa điểm Bateai Srey như dự tính. Sau khi khai quật trong vòng một tuần, đoàn người trở về Siem Reap. André Malraux thuê tàu trở về Nam Vang theo đường thủy, mang theo một tấn hàng hóa, nhưng tàu bị chận lại và khám xét tại Nam Vang.

Vụ án Malraux

André Malraux và Louis Chevasson bị truy tố về tội tháo gỡ và lấy trộm di tích cổ. Hai người không bị tống giam nhưng được lệnh túc trực để trình diện luật pháp. Một dự thẩm được bổ nhiệm để điều tra nội vụ. Tòa án yêu cầu cảnh sát Paris điều tra về quá khứ của các bị can. Phúc trình cảnh sát cho biết Malraux là tác giả của một tập sách lập dị, khó hiểu, mang tựa đề «Mặt trăng giấy» *(Lunes en papier)*, qua lại với giới nghệ sĩ lãng tử ở thủ đô, cộng tác với một số tạp chí tiền phong chuyên

về các trường phái nghệ thuật lập thể, dada... Tất cả hoạt động này dưới mắt cảnh sát gần như đồng nghĩa với những hoạt động đáng nghi ngờ, phá rối trị an. Kết quả điều tra cảnh sát được chuyển cho Bộ Thuộc địa và cho tòa án Nam Vang.

Sau 6 tháng điều tra, phiên xử xảy ra tại Nam Vang trong hai ngày 16 và 17/07/1924. Clara vắng mặt tại phiên tòa vì vài ngày trước đó bà đã đi Sài Gòn để trở về Paris, chuẩn bị vận động cho chồng trong trường hợp André Malraux bị kết án. Sau hai ngày nghị án, bản án được tuyên bố : André Malraux bị xử 3 năm tù ở và 5 năm cấm lưu trú trên lãnh thổ Đông Dương. Louis Chevasson 18 tháng tù. Các pho tượng được tháo gỡ được lệnh trao trả lại cho chính quyền thuộc địa. Bản án rất nặng so với tội trạng, tòa không kể đến những trường hợp giảm khinh như tuổi trẻ của các bị can, tội trạng không có gì nghiêm trọng, và nhất là qui chế pháp lý mù mờ của địa điểm Banteai Srey vì di tích này chưa hề được chính quyền thuộc địa tuyên bố là một di tích lịch sử được bảo vệ. Sau khi bản án được tuyên bố, hai bị can quyết định kháng cáo. Phiên xử trước tòa Thượng thẩm tại Sài Gòn được quyết định sẽ xảy ra vào ngày 23/09. André Malraux và Louis Chevasson rời Nam Vang về Sài Gòn để chuẩn bị ra trước tòa Thượng thẩm.

Clara Malraux về tới Paris, vận động sự ủng hộ cho Malraux trong giới văn nghệ sĩ thủ đô. Một bản kiến nghị với hơn 50 chữ ký của những nhà văn, nghệ sĩ có tiếng tăm nhất tại Paris thời đó kêu gọi khoan hồng cho Malraux, được xem là một nhà văn trẻ đầy triển vọng của văn học Pháp, mặc dù vào lúc đó, Malraux chỉ mới xuất bản một tập sách mỏng và vài bài báo trên các tạp chí. Bản kiến nghị được đăng trên tập san *Les Nouvelles littéraires* ngày 6-9-1924.

Trong khi đó tại Sài Gòn, các báo chí Pháp ngữ, phần lớn đứng vào phe thân cận với chính quyền thuộc địa cực kỳ bảo thủ, dựng lên một chiến dịch ồn ào lên án nặng nề André Malraux. Ông được xem như là một kẻ phiêu lưu nguy hiểm, một tên trộm vô lương tâm tàn phá và hủy hoại di tích lịch sử và tác phẩm nghệ thuật cổ tại Đông Dương. Báo chí tay sai chính quyền thuộc địa đòi hỏi một bản án rất nặng để làm gương. Không khí nặng nề và bất lợi cho các bị can đến nỗi toà quyết định dời phiên xử lại vào ngày 8/10.

Lần này, trước tòa Thượng thẩm, André Malraux chỉ bị kết án một năm tù treo, và Louis Chevasson 8 tháng tù treo. Tòa xác nhận lại lệnh hoàn trả các pho tượng cho nhà nước thuộc địa Pháp.

Hoạt động chính trị tại Sài Gòn

Bốn ngày sau bản án của tòa Thượng thẩm, André Malraux lên tàu trở về Pháp, với ý định sẽ trở lại Đông Dương hoạt động chính trị. Là một công dân Pháp, nhưng không thuộc thành phần bảo thủ, có thế lực, mà bị đối xử bất công, gắt gao, thì theo ông nghĩ, số phận những người dân bị trị, còn bị đàn áp, đối xử tàn tệ đến mức nào? Trong thời gian 7 tuần ở lại Paris, André Malraux chuẩn bị cho việc xuất bản một tờ báo đối lập tại Sài Gòn.

Giữa tháng 1-1925, André Malraux và vợ lên tàu trở lại Đông Dương.

Vào những năm 1924-25, chế độ thuộc địa áp dụng tại Việt Nam là một chế độ hết sức khắc nghiệt đối với người dân bản xứ bị trị. Quyền lực trong tay một tập đoàn tư bản tài phiệt, nắm trong tay một chính quyền thực dân cực kỳ bảo thủ, khư khư quyết bảo vệ cho những quyền lợi của mình. Thái độ này gây căm phẫn trong các tầng lớp nhân dân; các sĩ phu yêu nước lên tiếng đòi hỏi công bằng đối xử cho người Việt Nam. Các đảng phái chính trị liên tiếp ra đời trong một bầu không khí sôi sục.

André Malraux tiếp xúc với các nhân vật đấu tranh Việt Nam, tham gia thành lập đảng Jeune Annam (Việt Nam Thanh Niên Đảng), một trong những đảng phái nhỏ mọc ra như nấm trong những năm 1924-1925. Cùng lúc, André Malraux hợp tác với luật sư Paul Monin để chuẩn bị ra mắt tờ báo *Indochine* (Đông Dương). Người đứng tên tờ báo với chức vụ quản lý là Maurice Dejean de la Batie, một người Pháp lai, cha đã từng là công chức cao cấp trong chính quyền thuộc địa, mẹ người Việt Nam. André Malraux và Paul Monin giữ chức đồng chủ nhiệm tờ báo. Báo ra số đầu tiên ngày 17-6-1925, và ra đều đặn trong hai tháng, cho đến ngày 14-8 năm đó, tức là ra được 49 số. Chủ trương của tờ báo thật ra không có gì là cách mạng, chỉ kêu gọi một chế độ công bằng hơn, nhân đạo hơn, cho phép người dân Việt Nam được bảo vệ bởi những luật lệ y như người Pháp, được hưởng những quyền tự do cá nhân như người Pháp. Ngay những sĩ phu Việt Nam lúc đó, như Nguyễn An Ninh cũng đòi hỏi cải cách hơn là hô hào một cuộc cách mạng đánh đổ chế độ thực dân Pháp. [3]

Phan Chu Trinh trong một bức thư gởi nhà cầm quyền Pháp đã viết :*»Chính phủ nên chọn hiền tài trao cho quyền bính, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, nới rộng quyền ăn nói cho các thân sĩ (...) sửa đổi luật pháp, giảm bớt sưu thuế, khuếch trương công nghệ thì sĩ dân vui lòng giúp chính phủ, chứ còn ai lo toan chống cự nữa».* [4]

Tờ báo *Indochine* đề nghị nuôi dưỡng một tầng lớp trí thức ưu tú

người Việt, tạo cơ hội cho thanh niên Việt Nam ưu tú có thể sang Pháp du học, cho những người này có thể nhập quốc tịch Pháp dễ dàng, và lần lần giao thêm quyền hành cho tầng lớp trí thức này. Chỉ với điều kiện này, Pháp mới có thể bảo vệ sự hiện diện lâu dài tại Đông Dương, tránh việc thanh niên Việt Nam bất mãn vì bị bạc đãi, quay sang đấu tranh cách mạng triệt để và lật đổ chế độ thực dân. Lập trường đấu tranh của nhóm tờ báo *Indochine*, cũng như của André Malraux, chỉ là một lập trường đòi hỏi cải cách xã hội, có thể nói là ôn hòa, không có gì có thể gọi là cách mạng. Nhưng chỉ với bao nhiêu đó, André Malraux đã bị liệt kê vào thành phần phá rối trị an, một phần tử xách động nguy hiểm thuộc loại cực tả, đồng hóa với các phần tử bolchevik.

Chính quyền thuộc địa tìm mọi cách gây khó khăn để ngăn cản tờ báo Indochine phát hành. Biện pháp sau cùng là sở mật thám Pháp đe dọa các công nhân Việt Nam làm cho nhà in phụ trách in tờ báo. Cuối cùng, nhóm biên tập tờ *Indochine* không tìm ra được một nhà in nào khác nhận in báo. Ban chủ trương chỉ còn một cách cuối cùng là in lấy tờ báo bằng những phương tiện riêng. Malraux và Monin sau khi kêu gọi sự giúp đỡ của những người quen biết, các công nhân các nhà in Saigon, ráp được một máy in thủ công. Nhưng không có các bộ chữ để có thể in báo. Vì vậy Malraux phải quyết định sang Hương Cảng vào mùa thu 1925 để mua chữ cho máy in.

Với những phương tiện chắp vá đó, Malraux và Monin cho tái bản tờ báo vào tháng 11-1925, với tên mới là *L'Indochine enchainée* («Đông Dương bị xiềng»). Tờ báo từ đó ra được mỗi tuần hai lần, nhưng vì thiếu thốn phương tiện và các khó khăn trong việc phát hành, nên xuất bản được cho đến ngày 24-2-1926 thì đình bản vĩnh viễn. Trước đó, vào ngày cuối năm 1925, Malraux đã lên tàu trở về Pháp.

André Malraux đã trở lại Việt Nam hồi đầu năm 1925, với ý định đấu tranh chống lại bộ máy chính quyền thực dân, đến nay chưa đầy một năm. Trong thời gian ngắn ngủi đó, Malraux đã lao vào một cuộc chiến đấu bền bỉ và gay gắt, nhưng ông nhận thấy là bộ máy chính quyền thuộc địa quá đè nén và mạnh bạo, cuộc đấu tranh bằng báo chí của ông chỉ làm gai mắt chính quyền, không hy vọng buộc nhà nước thuộc địa cải tổ và thay đổi cách cai trị. Ông quyết định trở về Pháp, với lời hứa sẽ tiếp tục cuộc đấu tranh ngay tại đất Pháp. Ông có ý định chuyển hướng hành động và sẽ tập trung nỗ lực để báo động dư luận Pháp về những áp bức và lạm dụng của chính quyền thuộc địa tại Đông Dương. Dư luận Pháp không biết rõ những gì xảy ra tại các thuộc địa xa xôi. Tố cáo các hành động của tập đoàn cầm quyền tại các thuộc địa

để dư luận gây áp lực đòi hỏi thay đổi có thể là một phương thức đấu tranh hiệu quả hơn.

Các tác phẩm tiểu thuyết đầu tiên

Khi Malraux trở về Pháp, tại châu Âu đã xuất hiện một hiểm hoạ lớn đe dọa cả tương lai của loài người, là sự manh nha bành trướng của chủ nghĩa phát-xít quốc xã tại Đức với những thủ đoạn đàn áp, cầm tù, thủ tiêu cực kỳ thô bạo. Ông lao vào một cuộc chiến đấu mới. Từ đây, André Malraux tiến hành song song cuộc đời viết văn và những hoạt động đấu tranh chính trị chống độc tài và những lực lượng hủy hoại và áp bức con người.

Quyển tiểu thuyết đầu tiên của ông được xuất bản năm 1928 với tựa đề *Les Conquérants* («Những kẻ chinh phục»). Quyển tiểu thuyết lấy bối cảnh cuộc nổi dậy tại thành phố Quảng Đông vào năm 1925, khi một cuộc tổng đình công vừa được ban hành để đánh vào các hoạt động thương mãi với Hương Cảng, biểu tượng của sức mạnh kinh tế của đế quốc Anh tại châu Á. Cuộc tổng đình công được đặt dưới sự tổ chức và lãnh đạo của đệ tứ quốc tế, mà nhân vật điển hình là Borodine, lãnh tụ người Nga của quốc tế cộng sản tại Quảng Đông, đại diện cho nhóm người mà tác giả gọi là những «người cách mạng chuyên nghiệp». Trong số những người ngoại quốc đủ quốc tịch đến tham gia hoạt động cách mạng tại Quảng Đông, có những người mà tác giả gọi là những «kẻ phiêu lưu», những người làm cách mạng với tâm trạng những kẻ đi chinh phục, điển hình là Garine, nhân vật chính của quyển tiểu thuyết. Garine làm cách mạng không phải vì một mục tiêu đấu tranh chính trị nào, cũng không phải vì tham vọng cá nhân, mà chỉ vì cách mạng là một môi trường cho phép ông lăn xả hết mình vào hành động, để chứng tỏ sức mạnh và quyền lực của con người không chịu khuất phục.

Theo quan điểm của André Malraux, xã hội Tây phương từ xưa sống dưới ảnh hưởng của thiên chúa giáo. Bắt đầu từ thế kỷ 18, niềm tin vào thiên chúa giáo bắt đầu lung lay. Con người phương Tây từ đây đặt niềm tin vào lý trí và tiến bộ khoa học để dem lại hạnh phúc cho con người. Nhưng cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất cho thấy là lý trí và khoa học không những không đem lại hạnh phúc mà còn có thể đưa đến những tai họa thảm khốc. Thanh niên châu Âu lớn lên sau thế chiến I, đứng trước những hoang tàn và đổ vỡ, niềm tin vào tôn giáo đã mất nên không còn những dấu mốc để nhận diện đâu là lẽ phải, đâu là ý nghĩa của cuộc sống. Thế giới trở thành càng ngày càng xa lạ, vô ý

nghĩa và phi lý. Hành động là liều thuốc duy nhất giúp con người chống lại mối kinh hãi khi đứng trước một cõi đời xa lạ.

Để chống lại nỗi kinh sợ siêu hình, nhân vật của Malraux chọn lao mình vào hành động để chứng tỏ sức mạnh của một con người nổi loạn trước một thế giới phi lý, và đó là ý nghĩa tiềm ẩn của quyển tiểu thuyết *«Những kẻ chinh phục»*. Trong truyện, nhân vật Garine đối chọi với Borodine, điển hình cho một đảng viên cộng sản : cứng nhắc và máy móc. Garine là một mẫu người anh hùng cá nhân, tham gia cách mạng một cách tài tử, không màng đến mục tiêu chính trị và hiệu quả đấu tranh cách mạng, và chỉ nhằm thỏa mãn những mục đích cá nhân. Tất nhiên là quan niệm này là một quan niệm xa lạ và nguy hiểm dưới mắt của những người chủ trương một nền văn nghệ «hiện thực xã hội chủ nghĩa». Vì vậy, không lạ gì khi quyển *«Những kẻ chinh phục»* bị cấm tại Liên Xô.

Năm 1930, Malraux xuất bản quyển tiểu thuyết thứ hai tên *La Voie Royale* («Đường hoàng cung»). Quyển này được rút trực tiếp từ những kinh nghiệm của tác giả trong rừng sâu Kampuchea, trong chuyến thám hiểm đi tìm đền Banteai Srey. Hai nhân vật chính trong truyện, Claude Vannec và Perken, thực hiện một chuyến mạo hiểm trong rừng già với mục đích tìm vết tích con đường hoàng cung cũ của vương quốc khmer, và họ hy vọng tìm thấy nhiều di tích kiến trúc cổ dọc theo con đường đó. Hai người cũng muốn tìm ra một nhân vật hảo hớn khác, tên Grabot, một kẻ phiêu lưu đã mất tích trong rừng sâu trong một tình huống bí hiểm.

Nhưng mục đích của Malraux không phải là viết một tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm trong rừng. Một lần nữa, ông dùng tiểu thuyết để trình bày những ý tưởng của ông về con người, về thái độ con người trước vũ trụ và ý nghĩa cuộc sống. Claude và Perken là những kẻ phiêu lưu giống như Garine trong *«Những kẻ chinh phục»*. Họ lấy hành động để giải quyết những thắc mắc và trăn trở siêu hình, dùng hành động để chống lại sự phi lý của cuộc đời, chứng tỏ sức mạnh không chịu khuất phục của con người trong một cuộc chiến đấu tay đôi với định mệnh. Định mệnh theo quan điểm của André Malraux có một ý nghĩa đặc biệt, đó là «những lực nhằm đè nén con người dưới sự thống trị của mình, bắt buộc cho con người nhận thức được đâu là thân phận con người, và ép con người phải cam chịu thân phận mình». Thân phận con người, theo Malraux, là sống với niềm cô đơn giữa một cõi đời xa lạ, là sự bất lực trước một thế giới phi lý, là sự mất nhân cách và phẩm giá trước những áp bức của xã hội, vì nghèo đói, vì bệnh tật, vì sự đau đớn

của thể xác... Để chiếm lại phẩm giá con người, nhân vật anh hùng của Malraux là một con người nổi loạn trước sự phi lý của cuộc đời đã trở thành vô nghĩa, và chứng tỏ sức mạnh của mình bằng một hành động phi thường.

Trong *«Đường hoàng cung»*, nhân vật của Malraux không tham gia vào một cuộc đấu tranh cách mạng, mà tự đặt ra một hành động mạo hiểm, và dấn thân vào một cuộc phiêu lưu đơn độc, lấy đó làm chiến trường cho một cuộc chạm trán tay đôi với định mệnh. Định mệnh ở đây được thể hiện qua một môi trường thiên nhiên hết sức hiểm độc, bệnh tật trong rừng sâu, qua sự đau đớn thể xác, những vết thương quật ngã con người... Trong cả hai tác phẩm tiểu thuyết đầu tiên của Malraux, kết quả của cuộc chiến đấu tay đôi giữa anh hùng phiêu lưu của Malraux và định mệnh là cuối cùng, nhân vật của Malraux vì bệnh hoạn, vì thương tích, phải ngưng cuộc chiến đấu. Một kết cục bi quan nói lên nỗi vô vọng của một cuộc chiến không cân bằng.

Năm 1933 quyển *La Condition humaine* («Thân phận con người») ra đời. Quyển tiểu thuyết thứ ba của Malraux lấy lại bối cảnh là cuộc đấu tranh cách mạng tại Trung quốc, vào thời kỳ xảy ra cuộc tranh chấp giữa quân đội Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch và những lực lượng cộng sản trong thời kỳ manh nha. Quyển tiểu thuyết chấm dứt vào thời điểm xảy ra cuộc tàn sát các đảng viên cộng sản do quân đội Tưởng Giới Thạch tiến hành, trước khi Mao Trạch Đông quyết định cuộc trường chinh về phía Bắc để bảo toàn lực lượng.

Một lần nữa, tiểu thuyết của Malraux không phải là một tài liệu lịch sử, kể lại cuộc xung đột giữa các lực lượng Quốc Dân Đảng và cộng sản năm 1927. *«Thân phận con người»*, sau quyển *«Những kẻ chinh phục»*, lại dùng bối cảnh lịch sử để trình bày quan điểm của tác giả về con người và ý nghĩa cuộc sống. Thay vì có một, hai nhân vật chính chi phối toàn bộ tác phẩm, quyển «Thân phận con người» dựng lên hàng chục nhân vật có tầm quan trọng ngang nhau : những chiến sĩ cách mạng, vài tên khủng bố quá khích, một nhà hiền triết Nhật, một nhân vật lập dị sống trong ảo tưởng và thêu dệt những câu chuyện hoang đường, một nhà tư bản Âu châu v.v. Một số nhân vật này vẫn bị dằn vặt bởi những lo âu siêu hình : niềm đơn độc lẻ loi, nhận thức về sự phi lý của cuộc đời... và mỗi người tìm một phương cách giải thoát riêng cho mình. Nhưng điều mới là sự xuất hiện của những nhân vật anh hùng cách mạng. Những nhân vật này không còn bị ám ảnh vì những thắc mắc siêu hình, mà họ tìm thấy lẽ sống trong việc đấu tranh để đem lại hạnh phúc, danh dự và phẩm giá cho đồng loại của mình.

Hành động có một mục đích lịch sử, trở thành một phương tiện để thay đổi trật tự xã hội, hoàn trả lại danh dự làm người, không phải cho một anh hùng đơn độc, mà cho toàn thể những người sống trong một cộng đồng. Với quyển *«Thân phận con người»*, trong tác phẩm của Malraux xuất hiện một triết lý nhân bản cách mạng. Từ tình trạng suy đồi do thương tích, bệnh tật, gây ra khiến cho con người phải chịu khuất phục trước định mệnh, đến một tình trạng suy đồi do cực khổ khốn cùng, khiến con người mất hết nhân cách. Trật tự xã hội của người giàu khiến cho nhân phẩm bị chà đạp. Danh dự của người hùng cách mạng của Malraux là đứng lên chống lại một trật tự xã hội chối bỏ nhân phẩm và tìm thấy ý nghĩa cuộc sống trong cuộc chiến đấu này.

Quyển *«Thân phận con người»* được giải thưởng Goncourt cuối năm 1933, và sau này được công nhận là một trong những tác phẩm lớn nhất của nền văn học thế giới thế kỷ 20. Nhà văn 32 tuổi bỗng nhiên nổi danh, với một hào quang là kẻ trở về từ châu Á sôi sục, xa xôi và bí hiểm. Đối với xã hội Pháp vào những thập niên 1920-30, châu Á còn là một một lục địa xa vời, huyền bí, chìm trong màn sương mù của huyền thoại, tượng trưng cho phiêu lưu mạo hiểm... Những người có óc phiêu lưu đều bị thu hút, mê hoặc bởi vùng đất còn bí hiểm này. Nhiều huyền thoại được thêu dệt quanh tác giả quyển *«Thân phận con người»* (người đã tham gia vào hoạt động cách mạng tại Trung quốc, là ủy viên chính trị cạnh Borodine trong cuộc cách mạng Trung quốc...). Tác giả im lặng không đính chính, và huyền thoại kéo dài trong mấy thập niên, cho đến khi một học giả Hoa Kỳ, Walter Langlois, nghiên cứu tường tận về thời gian Malraux ở Đông Dương [5] và quyển tiểu sử André Malraux do Jean Lacouture viết, xuất bản năm 1973 [6], cho biết sự thật về thời gian nhà văn ở châu Á trong các năm 1924-1925. Cho đến năm Malraux viết quyển *«Thân phận con người»*, ông chỉ biết có Việt Nam, và thời gian ông đặt chân lên đất Trung quốc là chỉ vỏn vẹn mấy ngày vào mùa thu 1925 khi ông đến Hương Cảng mua bộ chữ in để có thể tiếp tục in tờ báo đối lập *Indochine*. Kinh nghiệm kể lại trong *«Thân phận con người»* về những người dân đen sống trong cảnh bần cùng, bị áp bức và chà đạp, là những kinh nghiệm sống tại Việt Nam, khi André Malraux chứng kiến những bất công và cách đối xử đàn áp mà chính quyền thực dân dành cho người dân bị trị.

Quyển *«Thân phận con người»* chấm dứt một bộ ba tác phẩm được gọi là thuộc «thời kỳ châu Á» trong văn nghiệp của Malraux. Một năm hoạt động báo chí tại Sài Gòn chưa đủ để cho André Malraux một danh hiệu là chiến sĩ cách mạng, nhưng đã chuyển hướng ý nghĩ và

hành động của ông khiến cho từ nay, André Malraux sẽ dành phần lớn cuộc đời và tác phẩm của mình cho cuộc chiến đấu cho công bằng xã hội, chống lại sự áp bức, chà đạp phẩm giá con người.

Sau cuộc đấu tranh chống chính quyền thực dân tại Đông Dương, trước hiểm họa bành trướng của chủ nghĩa phát-xít, Malraux tập trung nỗ lực đấu tranh chống lại nền độc tài phát-xít đang bắt đầu hoành hành tại châu Âu. Năm 1934 ông sang Bá Linh và Liên Xô, can thiệp đòi trả tự do cho những người bị chế độ phát-xít Đức cầm tù. Năm 1935 ông cho xuất bản một quyển sách ngắn *Le Temps du mépris* («Thời khinh bạc»), tố cáo sự khinh bạc con người của chế độ phát-xít. Nhân vật chính là một đảng viên cộng sản bị phát-xít Đức giam giữ. Đây là thời kỳ mà André Malraux đi gần với chủ nghĩa cộng sản nhất.

André Malraux và chủ nghĩa cộng sản

Malraux chưa bao giờ là một đảng viên cộng sản, tuy nhiên đối với chính quyền thực dân tại Đông Dương, một chính quyền bảo thủ, khư khư ôm lấy đặc quyền, những ai bảo vệ người dân bản xứ đều được gọi chung là «bolchevik». André Malraux có tiếng, trong thời gian ông đấu tranh tại Việt Nam, là một ký giả «đỏ» bị cộng sản mua chuộc. Nhưng trong tác phẩm của mình, trước quyển *«Thời khinh bạc»* Malraux luôn luôn giữ một thái độ chỉ trích nghiêm khắc tính cuồng tín của những đảng viên cộng sản. Trong *«Những kẻ chinh phục»*, André Malraux đã dựng lên hai mẫu người đối lập : Garine là một loại anh hùng cá nhân, có một ý thức cao về phẩm giá con người, và con người cộng sản lạnh lùng và máy móc mà Borodine là nhân vật điển hình. Tác giả chỉ trích gay gắt thái độ giáo điều của những đảng viên cộng sản và chủ nghĩa cộng sản chỉ sản xuất những con người mù quáng.

Trở về châu Âu, dấn thân vào cuộc chiến đấu chống phát-xít, có lẽ ông thấy đảng cộng sản có một tổ chức hữu hiệu nhất để chống lại phát-xít Đức vào thời điểm này. Quyển *«Thời khinh bạc»* ca ngợi cuộc chiến đấu và hy sinh của một đảng viên cộng sản bị bắt vào nhà tù phát-xít. Lần đầu tiên, nhân vật chính của Malraux là một đảng viên cộng sản, hoàn toàn tuân phục và chiến đấu theo đường lối của đảng. Không lạ gì khi các nhà phê bình văn học cộng sản đón tiếp một cách nồng hậu và ca ngợi tác phẩm này : «So với quyển *«Thân phận con người»*, thì *«Thời khinh bạc»* đánh dấu một bước tiến lớn trong việc thấu hiểu các vấn đề của cuộc cách mạng vô sản và chủ thuyết cộng sản». [7]

Năm 1936, nội chiến Tây Ban Nha bùng nổ. Quân đội phát-xít của tướng Franco làm đảo chánh lật đổ chính phủ cộng hòa dân cử. André Malraux không do dự, dấn thân vào cuộc chiến đấu bảo vệ nền cộng hòa Tây Ban Nha, cầm đầu một lữ đoàn quốc tế gồm những chí nguyện quân thuộc mọi quốc tịch dùng phi cơ để yểm trợ cho quân đội cộng hòa và du kích quân Tây Ban Nha trong các trận đánh chống quân của Franco. Trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, lần đầu tiên André Malraux có dịp gần gũi và chạm trán với các đảng viên cộng sản. Khi va chạm với thực tế, Malraux có dịp nhận thấy là người cộng sản không bao giờ tin tưởng những người không phải là đảng viên. Trong thời gian André Malraux chỉ huy Lữ đoàn quốc tế, ông thường xuyên bị theo dõi, kiểm soát trong mọi hành động.

Năm 1937, trong khi cuộc nội chiến Tây Ban Nha còn đang tiếp diễn, Malraux đã viết xong và xuất bản quyển tiểu thuyết *L'Espoir* («Niềm hy vọng»). Quyển sách được viết với mục đích tuyên truyền cho cuộc chiến đấu cho dân chủ của phe cộng hòa tại Tây Ban Nha, nhưng tác giả cho thấy, trong hàng ngũ phe chống phát-xít, sự khác biệt trong tư tưởng của những chiến sĩ chiến đấu cho dân chủ, công bằng và tự do, và những người đảng viên cộng sản sẵn sàng hy sinh tất cả cho mục đích chiến thắng của họ, nghĩa là cũng không ngần ngại dùng những biện pháp độc tài, bất công, miễn là đạt được mục đích cuối cùng. Malraux tỏ ý hoài nghi về tương lai của cách mạng và nêu lên câu hỏi : cuộc chiến đấu cho tự do và phẩm giá con người còn ý nghĩa không, nếu trong cuộc chiến đấu đó phải phản bội lại chính những lý tưởng làm mục tiêu cho cuộc chiến đấu ?

Trong thực tế, tại Liên Xô, chế độ Staline càng ngày càng phơi bày bộ mặt thật là một chế độ độc tài, tàn ác và áp bức không khác gì chế độ quốc xã. Một số trí thức thiên tả như André Gide thức tỉnh và quay lại chỉ trích gay gắt chế độ độc tài phi nhân tại Liên Xô. Biến cố làm cho André Malraux hoàn toàn xa rời với đảng cộng sản là Hiệp ước bất tương xâm ký kết giữa chế độ quốc xã của Hitler và chính quyền cộng sản Liên Xô của Staline năm 1939.

Đông Dương trong hồi tưởng

Năm 1965, trong khi làm Tổng trưởng Văn hóa cho Tổng thống De Gaulle, André Malraux thực hiện một cuộc viễn du sang châu Á bằng đường biển, mà chặng cuối là Bắc Kinh và cuộc hội kiến với Mao Trạch Đông. Trong cuộc du hành, ông ghi lại cảm tưởng và ký ức của

mình. Những ghi chép trong hành trình sẽ là chất liệu để Malraux viết tập *Antimémoires* («Phản hồi ký»), xuất bản năm 1967. Chiếc tàu *Cambodge* đến vùng châu Á và bỏ neo tại hải cảng Singapore. Đây là dịp để Malraux nhớ lại những kỷ niệm dấn thân đấu tranh tại Việt Nam.

Câu chuyện người công nhân nhà in tại Sài Gòn trở về trong ký ức của ông : do những áp lực và đe dọa của nhà nước thuộc địa, không còn nhà in nào dám nhận in tờ báo *Indochine* của cặp André Malraux và Paul Monin; hai người tìm cách ráp được một máy in thủ công, nhưng thiếu các bộ chữ để in báo. Malraux phải sang Hương Cảng vào mùa thu năm 1925 để tìm mua các bộ chữ in. Các bộ chữ được giao, nhưng lại thiếu hết các dấu sắc, huyền, mũ... cần thiết để in tiếng Pháp, vì bộ chữ mua tại Hương Cảng làm cho sách, báo tiếng Anh, không cần dấu. Nhóm chủ trương báo *Indochine* bối rối trước tình huống bất ngờ này, nhưng một buổi tối, một công nhân người Việt gõ cửa tìm đến nhà báo. Anh mở ra một gói để trên bàn, toàn là những dấu sắc, huyền... mà anh đã lấy cắp nơi nhà in anh ta làm việc để giúp Malraux có thể tiếp tục ra báo. Malraux cảm động nhìn người công nhân nhà in : nếu anh ta bị bắt gặp khi lấy cắp, anh sẽ phải ra tòa bị xét xử, không phải với tư cách một chiến sĩ cách mạng, mà như là một tên trộm tầm thường. Câu chuyện này, ông đã kể một lần đầu khi viết lời tựa cho quyển sách *Indochine S.O.S.* của Andrée Viollis, xuất bản năm 1935. Ba mươi năm sau, trong chuyến viễn du trở về chốn cũ, câu chuyện lại trở về đậm nét trong ký ức ông để nhà văn ghi lại trong quyển *Antimémoires*. Một lần nữa sau này, vào cuối năm 1972, khi ông bệnh nặng được đưa vào điều trị tại nhà thương Salpêtrière ở Paris, trong cơn mê sản giữa sự sống và cõi chết, những hình ảnh mạnh mẽ nhất đánh dấu cuộc đời ông nối tiếp nhau hiện ra rộn rã trong ký ức. Và câu chuyện người thợ in Sài Gòn lại trở về cùng với những kỷ niệm hào hùng trong cuộc đời hoạt động và chiến đấu của nhà văn, từ cuộc cách mạng Tây Ban Nha đến cuộc kháng chiến chống Đức Quốc xã. Những hình ảnh này cùng với câu chuyện người thợ in được Maraux gợi lại trong quyển *Lazare*, viết sau khi ông thoát chết sau cơn bạo bệnh, và sau này in lại trong tập tự thuật *La Corde et les souris*, xuất bản năm 1976.

Nếu câu chuyện người công nhân nhà in Sài Gòn, thật ra không có gì ly kỳ mà còn rất tầm thường nhưng lại để một dấu ấn mạnh mẽ đến như vậy trong tiềm thức của Malraux, đó là vì nó có tính cách biểu trưng cho tình huynh đệ, tình đồng chí, hay cao cả hơn là tình người. Một tình người mà những nhân vật của Malraux xem như là một khí

giới để chống lại những gì là phi nhân mà trật tự xã hội hay định mệnh áp đặt để khống chế con người.

Trong lúc Malraux trở lại vùng Viễn Đông trên chiếc tàu *Cambodge*, chính sách của Tổng thống De Gaulle về một kế hoạch trung lập hóa miền Nam Việt Nam đã khiến cho bang giao giữa chính phủ miền Nam và Pháp căng thẳng. Khi tàu ghé bến Singapore, đại sứ Pháp tại Việt Nam lúc đó gởi điện tín đến André Malraux khuyên ông không nên ghé Sài Gòn. Tại Singapore, ông đáp một chuyến phi cơ bay thẳng từ Singapore sang Hương Cảng. Phi cơ băng ngang khu rừng rậm và vượt qua dãy Trường Sơn; từ cửa kính phi cơ ông nhìn thấy hải cảng Đà Nẵng và các chiến hạm Mỹ bỏ neo nằm im lìm dưới nắng.

Trong lần trở lại miền đất Đông Dương sau đúng 40 năm, André Malraux đã không có dịp đặt chân lần nữa lên thành phố Sài Gòn, nơi chứng kiến một quãng đời sôi nổi của một nhà văn trẻ, tuổi ngoài 20, nay đã trở thành Tổng trưởng Văn hóa Pháp.

Thời gian ngắn ngủi Malraux lưu lại Việt Nam đã có một ảnh hưởng quyết định trên tư tưởng và hành động của nhà văn. Từ những kinh nghiệm chứng kiến tại Việt Nam về một chính sác thực dân hà khắc đàn áp con người và cuộc đấu tranh của ông để bênh vực cho người dân bị trị tại Đông Dương, ông đã xây dựng trong tác phẩm một hệ thống tư tưởng triết lý nhân bản đề cao danh dự và phẩm giá con người, chống lại mọi thế lực tàn phá và hủy hoại niềm kiêu hãnh làm người. Trong cuộc đời hoạt động của Malraux, từ đó ông đã chọn con đường đấu tranh giải phóng con người thoát khỏi sự bất công, đàn áp, chiến đấu cho gì mà ông gọi là «công bằng xã hội». Malraux không bao giờ chối bỏ tầm quan trọng của thời gian ông ở Đông Dương trong cuộc chiến đấu sau này trong cuộc đời ông. Trong một cuộc phỏng vấn dành cho nhà văn Guy Suarès năm 1973, ông nói : *«Tôi nghĩ là trong đời tôi, Đông Dương có một vai trò thiết yếu. Khi những người bản xứ đã đứng ra bảo vệ tôi, có một cái gì đó đã chuyển hướng. Trước đó, không phải là tôi đứng phía bên kia. Phía bên kia, là sự thờ ơ. Nhưng sự gắn bó của tôi đối với - nói giản dị cho dễ hiểu - đối với sự công bằng xã hội đã phát sinh vào lúc đó».* [8]

Ông cũng nhắc lại điều này trong các tác phẩm tự thuật viết vào những năm cuối đời : *«Tôi đã được đưa đẩy tới Cách Mạng, theo quan niệm người ta nghĩ vào khoảng năm 1925, vì sự ghê tởm chế độ thực dân mà tôi đã biết tại Đông Dương».* [9]

André Malraux là một trong những nhà văn nhân bản lớn nhất của

thế kỷ 20, có một cuộc đời hoạt động dài dấn thân bền bỉ chiến đấu cho sự cao cả của con người trước những thử thách của định mệnh. Chúng ta không nên quên ảnh hưởng quyết định của thời gian ngắn ngủi tại Việt Nam trong hành động, tư tưởng và trong tác phẩm của ông.

Vĩnh Đào

1 Julien Green, *Journal I*, Plon, 1938, tr.23.

2 Trường Viễn Đông Bác Cổ (Ecole Francaise d'Extrême-Orient) được thành lập năm 1898 với mục đích «nghiên cứu khảo cổ và ngữ học trên bán đảo Đông Dương», trụ sở đặt tại Hà Nội.

3 Tập san *Europe*, xuất bản tại Paris, số 31, ngày 15-7-1925.

4 Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư*, Saigon, nxb Đại Nam, 1960, tr. 700. Cụ Phan Chu Trinh cũng nhắc lại những ý kiến này trong tờ *Indochine* ngày 29-6-1925.

5 Walter G. Langlois, *André Malraux, L'aventure indochinoise*, Mercure de France, 1967.

6 Jean Lacouture, *André Malraux, Une vie dans le siècle*, Seuil, 1973.

7 Tạp chí *Văn học quốc tế* của Liên Xô, số 8, 1935.

8 Guy Suarès, *Malraux, celui qui vient*, Stock + Plus, 1974, tr. 38.

9 *La Corde et les souris*, 1976, Folio, tr. 13.

Sách mới của nhà xuất bản tạp chí *Văn Học*

triết lý củ khoai

truyện ngắn và phiếm
của nhà văn **Tràm Cà Mau**

tác giả được bạn đọc Văn Học đón nhận nồng nhiệt qua những bài phiếm luận và tùy bút suốt hai năm qua.

Sách dày 262 trang. Giá 10 Mỹ kim.
Thư từ liên lạc: Trần Đức Hợp
6009 Rancho Mission Road # 202
San Diego CA 92108
Phone: 619-640-0016

Ải Bắc

KHOA HỮU

Biên cương rừng giới bạt ngàn phủ
trùng trùng núi đứng giáp đầu mây
đường lên ải-bắc dọc ngang lộ
muôn dấu chân qua bạt lối này.

Ta nghe tiếng vọng triền miên lũng
đỉnh đá khua hay vực gió dồn
bụi cát mù mù vó ngựa động
lòng ta, mốc cắm vết suy vong.

Ta lên ải-bắc hỏi tin nhạn
hỏi thời gian tìm nhạn môn mây
thủa loạn ngôn trời đất cũng loạn
đất cắt, trời chia, loạn cỏ cây.

Ngọn suối nước khe dòng lịch sử
nghe đâu đây gọi tiếng mơ hồ
cung kiếm mấy thời đi giữ đất
chiến bào, da ngựa bọc biên khu.

Nhúng bàn tay xuống trường-giang lớn
năm ngón như chạm mũi cọc chôn
nhớ theo sóng lớp Bạch Đằng lộng
bóng chinh phu đoạt đáo trên thuyền.

Ta đi tìm lại đoạn đường tận
xưa, Nguyễn Trãi ngồi ngun ngút thù
người đi chân xích vai gông nặng
kẻ quay về mài bút bình-ngô.

Có con nhạn trắng tung trời hót
bay liệng giữa vòng nhớ ải-quan
có gã dân-giã già cô độc
ngoái lại trăm năm đã mỏi mòn.

Ba cái chết một nỗi buồn

KHOA HỮU

Ngày cuối năm, buồn trải thảm, nhớ
gọi ba mươi năm về ngồi cùng
bạn bè ta sao như khói tụ
như sương trời chưa động đã tan.

Bạn ta, xưa có thằng về núi
ha hả cười rung tiếng đá rền
thằng đó, nay đã thành cát bụi
trốn đời xin một cõi tịnh yên.

Có thằng chẻ thơ đau làm củi
nấu cơm tù khét đủ mười năm
râu rậm tóc dài giống giặc núi
nỗi nhớ quên đời mãi thành câm.

Cũng có thằng cùng văn chương hủy
vào áo quan hỏa táng thành than
lửa ơi lửa sao tàn nhẫn thế
kêu tiếng giòn như tiếng cười khan.

Một thằng chết (1) có ba đứa tiễn (2)
hai đứa hồ đồ một đứa ngu
mong mãi nương dâu xanh hóa biển
bước đi về cỏ bãi thiên thu.

Ba thằng chết còn ba đứa sống
đứa mặt xanh đứa xám đứa vàng
Xuyên ơi Uyển ơi Tường ơi mộng
bằng hữu ta chưa tụ lại tan...

(1) Lý Hoàng Phong
(2) Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Khoa Hữu.

MILAN KUNDERA

Nguyễn Văn Trung

Kundera, Ông là Cộng Sản? Không, tôi là người viết truyện.
Ông là người bất đồng chính kiến? Không, tôi là người viết truyện.
Ông theo phe tả hay phe hữu? Không, tôi không theo phe nào cả,
tôi chỉ là người viết tiểu thuyết.
(Les testaments trahis, p. 190)

Tôi vẫn gắng theo dõi sách báo, đặc biệt các tạp chí tư tưởng văn hóa Pháp, thấy ít nói đến Kundera. Tôi cũng theo dõi sinh hoạt văn học Việt Nam ở hải ngoại cũng không thấy giới thiệu nhà văn này. Chỉ gần đây gặp lại một đồng nghiệp ở ĐHVK Saigon trước 75, vượt biên, hiện cư ngụ ở Québec, trong lúc nói chuyện tâm tình, hai ông bà cho biết đã đọc một vài truyện của Kundera làm cho hai người thay đổi lối nhìn về thời cuộc. Trường hợp kể trên cho tôi thấy người Việt ở trong nước và ngoài nước có nên đọc Kundera không, vì các truyện của ông nói tới tâm trạng của người sống trong một chế độ toàn trị hay tị nạn định cư ở nước ngoài và sau cùng tâm trạng nhớ cố hương, quay về thăm lại quê nhà. Kundera đã sống ở Tiệp trong chế độ toàn trị và 1975 sang định cư ở Pháp. Hoàn cảnh Tiệp và Việt Nam có những điểm giống và khác nhau. Tiệp Khắc và Việt Nam đều sống dưới chế độ toàn trị kiểu Stalinít, nhưng ở Việt Nam chế độ này do chính người Cộng Sản Việt Nam thiết lập từ đòi hỏi dành lại độc lập dân tộc trong khi ở Tiệp và các nước Đông Âu khác, do áp đặt của Liên Xô sau thế chiến II. Việt Nam và Tiệp đều là những nước nhỏ, nấp bóng những nước lớn, Liên Xô, Trung Quốc, chịu áp lực về chính trị văn hóa của hai nước đàn anh, nhưng vẫn cố giữ bản sắc dân tộc văn hóa riêng của mình; hai thắc mắc nẩy ra trong đầu tôi: Tại sao các tạp chí văn hóa tư tưởng nổi tiếng

của Pháp ít nói tới Kundera? Tại sao người Việt từ miền Nam qua hay từ miền Bắc sang Đông Âu cũng ít nói đến Kundera. Tôi liên lạc được với ông Trịnh Y Thư ở Hoa Kỳ đã dịch từ ấn bản Anh ngữ cuốn *The Unbearable Lightness of Being*, xuất bản lần thứ I năm 2002; theo dịch giả, tuyện đã được giới thiệu nhiều chương trong các tạp chí Văn Học, Hợp Lưu, Nhân Văn từ những năm 1980, trước trong nước và ông là người đầu tiên duy nhất dịch Kundera ở Hoa Kỳ. Tôi cũng đã liên lạc với ông Cao Viết Dũng ở Paris dịch cuốn *La Vie est ailleurs*, gửi về Hà Nội xuất bản. Còn ở Việt Nam ba cuốn: *Sự bất tử* (L'immortalité), *Chậm Rãi* (La Lenteur), *Bản Nguyên* (l'identité) do Ngân Xuyên dịch xuất bản chung một tập có lời bạt của Nguyên Ngọc. Nguyên Ngọc dịch hai cuốn: *Art du roman* và *Les testaments trahis* xuất bản năm 2001. Theo Nguyên Ngọc, cuốn của Trịnh Y Thư cũng được phổ biến ở Việt Nam theo dạng sao chụp. Tôi có hỏi Nguyên Ngọc về tình hình xuất bản, dư luận người đọc trong nước. Tôi cũng hỏi hai người tôi quen biết làm phê bình và nghiên cứu văn học ở Hanoi, Saigon về Kundera. Một thắc mắc thứ ba: Tại sao trong nước có thể xuất bản phổ biến tác phẩm Kundera? Theo Nguyên Ngọc, những cuốn được dịch trong nước chưa gặp khó khăn bị ngăn cản gì, vì nói chung còn là "hiền", không trực tiếp đụng chạm đến những chuyện như Nga xâm chiếm Tiệp hay chế độ cửa quyền. Theo tôi nghĩ những đoạn đụng đến chính trị chỉ có vẻ hiền về ngôn từ thôi, không phải về nội dung vì thế thiết tưởng phải tìm hiểu những lý do sâu xa hơn, tại sao Kundera được dịch giới thiệu ở Việt Nam mà ít được dịch giới thiệu ở hải ngoại?

Tôi tìm đọc Kundera mười cuốn truyện từ cuốn đầu *La plaisanterie* đến cuốn mới xuất bản gần đây (l'Ignorance), hai cuốn tiểu luận và mấy cuốn biên khảo về ông. Điều làm tôi thắc mắc đầu tiên khi đọc Kundera, là tất cả các truyện in lại gần đây đều chỉ có một câu ngắn gọn giới thiệu tác giả: "Kundera sinh ra ở Tiệp. Năm 1975 định cư ở Pháp". Tại sao tác giả không muốn giới thiệu tiểu sử của mình?

Chính Kundera đã giải thích đây đó trong các tập tiểu luận của ông? Ông tỏ ra gớm ghét cái bệnh kể lể tâm tình qua thư từ nhật ký v.v... Viết cho người thân đọc thì còn được; nhưng viết cho những người không quen biết, cho độc giả thì đó là biểu lộ áp đặt cái tôi đáng ghét, và bầy tỏ ý chí quyền lực của mình đối với người khác mà thôi; vì thế Ông mong ước các nhà văn giấu tên thật chỉ nên ký bút hiệu. Làm như vậy sẽ xóa bỏ được cái bệnh khoa trương tâm sự cuộc đời của mình, giảm bớt những đố kỵ ghen ghét giữa các người viết văn và sau cùng

gạt đi lối giải thích tác phẩm văn học bằng tiểu sử thời đại của tác giả. Kundura nói: "Nhà văn, theo Flaubert, phải đứng sau tác phẩm – là tác giả thì phải từ chối vai trò một nhân vật trong quần chúng. Giữ vai trò nầy, tác giả biến tác phẩm thành phụ bản những lời tuyên cáo xác định lập trường của mình".

Nhưng đọc truyện của Kundera, một người đương thời với ông sống trong một hoàn cảnh tương tự hoàn cảnh của ông tình hình Tiệp sau thế chiến II, tôi thấy không thể hiểu được Kundera như một tác giả hiện đại. Đành phải tìm đọc trên mạng lưới tin điện có ít nhiều thông tin về tiểu sử Kundera.

Milan Kundera sinh 1-04-1929 tại Brno xứ Bohemia, Tiệp. Cha là Lukvik Kundera, một nhà nhạc học nổi danh, từng là viện trưởng Đại Học Bruo. M.K. học âm nhạc, điện ảnh, văn học ở Đại Học Karlova, Praha. Vào đảng 1948, bị khai trừ 1950 vì những xu hướng cá nhân chủ nghĩa. Được kết nạp lại năm 1955 đến 1970. Trong những năm từ 1950, ông làm thông dịch viên, viết biên khảo và soạn một số vở kịch. Xuất bản truyện *Risibles Amours* trong 3 lần liên tiếp từ 1963-1968. Năm 1967, ông xuất bản cuốn *La Plaisanterie*. Truyện được viết trong khung cảnh cuộc sống dưới chế độ Stalinist. Ông tham gia tích cực như một thành viên của phong trào Mùa Xuân Praha. Ngày 21-8-1968, chiến xa Liên Xô tiến vào Praha. Kundera mất dạy học và tất cả tác phẩm đã xuất bản đều bị tịch thâu ở các tiệm sách và bị cấm lưu hành. 1975, cư ngụ tại Pháp, dạy Đại Học Rennes: 1979 mất quốc tịch Tiệp và năm 1981 mang quốc tịch Pháp. 1986 xuất bản cuốn *L'Art du Roman* viết bằng tiếng Pháp. 1988 xuất bản cuốn *L'Immortalité* ở Pháp. Ông phàn nàn các bản dịch ra tiếng nước ngoài, đặc biệt những bản dịch tiếng Pháp đều không trung thực; nên ông đã bỏ nhiều thì giờ để xem lại, sửa chữa các bản dịch tiếng Pháp để có thể ghi chú nhắc nhở độc giả đọc bản tiếng Pháp: "Những bản dịch này đã được tác giả coi lại nên có giá trị như nguyên bản tiếng Tiệp".

Mặc dầu ông được những thể chế nhà nước trọng đãi, như Hàn lâm viện Pháp trao giải phê bình văn học cho cuốn *L'art du Roman* và chính phủ Pháp tặng huân chương Légion étrangère; và mặc dầu ông tuyên xưng công khai yêu nước Pháp, chọn nước Pháp như quê hương thứ hai và sử dụng tiếng Pháp để viết sách báo, ông vẫn bị một số dư luận Pháp không ưa thích, chỉ trích làm cho ông giận lẫy đến nỗi truyện *L'ignorance* viết bằng tiếng Pháp, ông lại không xuất bản ở Pháp mà để cho các nhà xuất bản Tây Ban Nha, Ý, Anh, Mỹ ra sách từ năm 2000, mãi đến tháng 4-2003 mới xuất bản ở Pháp. Tôi hỏi ông Cao Viết Dũng ở Paris tại sao

có dư luận Pháp chê bai Kundera? Theo ông Dũng, vì họ cho là Kundera chưa sử dụng thành thạo tiếng Pháp như tiếng Tiệp. Tôi nghĩ phải tìm hiểu những lý do sâu xa hơn.

Trong bài "Les mots sous les mots: Le Dictionnaire intime de Milan Kundera", Ilaria Vitali đã cho biết lý do tại sao cuốn *l'Ignorance* không xuất bản trước ở Pháp vì "theo báo Figaro, lý do xuất bản chậm trễ này bắt nguồn từ những phản ứng về cuốn *l'Identité* xuất bản năm 1997. Nhiều nhà phê bình người Pháp chỉ trích Kundera đã để mất cái hồn Tiệp của mình". Kundera đã viết nhiều bài ngắn giải thích những quan điểm, thái độ của ông.

Trong bài "Diabolum" ông giải thích không hề có dứt đoạn nào giữa những gì ông viết ở Boheme (Tiệp) và ở Pháp; cũng không có gì là đoạn tuyệt giữa những truyện viết ở Boheme thời Cộng Sản và cuốn *l'Immortalité* viết ở Pháp.

Nếu ai hiểu như một đoạn tuyệt thì vì hai thiên kiến sau đây:

Thiên kiến thứ nhất do quan niệm coi tiểu thuyết như phản ánh một xã hội, một xứ sở. Chẳng hạn cuốn *La vie est ailleurs* kể chuyện "một nhà thơ trẻ thời Stalinist, tôi không có ý viết về chế độ Stalinist... Chủ đề của truyện này là trữ tình, và trữ tình cách mạng trong chính sách khủng bố của Cộng Sản chỉ soi chiếu một cách đặc biệt vào xu hướng trữ tình muôn thuở của con người". Chủ đề trong *L'Immortalité* cũng không phải xã hội như một quang cảnh, sân khấu xã hội Tây phương ngày nay, vì con người từ thuở nào đến giờ vẫn ưa chuộng nhìn cuộc đời như một trình diễn trên sân khấu.

Thiên kiến thứ hai là xác tín xã hội Cộng Sản và xã hội dân chủ đối nghịch nhau hoàn toàn. Có thể như vậy về phương diện chính trị, kinh tế. Nhưng đối với người viết truyện, khởi điểm là cuộc sống cụ thể của một cá nhân, và nhìn trên bình diện đó, sẽ nhận ra hai xã hội xem ra đối nghịch lại giống nhau một cách lạ thường. Khi còn ở Tiệp, tôi nhìn thấy những cao ốc cho thuê rẻ tiền (HLM) tôi tưởng đây là một biểu lộ cái đáng ghét của chế độ Cộng Sản. Nghe những tiếng loa phát thanh hát rống lên, hô khẩu hiệu, tôi đã cảm nhận ý chí biến đổi các cá nhân thành một tập thể bị những tiếng động vùi dập. Chỉ về sau, tôi mới hiểu chế độ Cộng Sản chẳng qua chỉ sao chép những nét tổng quát của xã hội hiện đại. Cũng cùng một thứ bàn giấy chủ nghĩa ở mọi nơi mọi lúc. Tranh đấu giai cấp được thay thế bằng những thể chế kênh kiệu khinh bạc đối với người tiêu dùng. Tất cả những biểu tượng đó đều có chung một điểm: Không tôn trọng cá nhân và đời sống riêng tư của cá nhân. Ở đây, phía Tây phương, người ta nại quyền được thông

tin. Còn công an Cộng Sản đặt máy nghe lén ở phòng ngủ cũng nhân danh nhu cầu thông tin. Do đó, về phương diện này, đối với tôi kinh nghiệm Cộng Sản là một dẫn nhập thật tốt đưa vào nếp sống hiện đại mà thôi".

Trong một bài khác "Testament trahi de Goethe", Kundera dẫn chứng Goethe vẫn nói nhiều lần: thời kỳ văn học quốc gia đã qua rồi, nay là thời kỳ văn học thế giới. Đó là một di chúc của Goethe . Di chúc này đã bị phản bội vì Âu châu vẫn chưa ra khỏi những biên giới địa lý quốc gia trong sáng tác và phê bình văn học.

Trong bài "La francophobia, ça existe" Kundera viết: "Tôi sinh ra ở Tiệp, nhưng đã định cư với vợ ở Pháp". Đây là một biến cố có tính cách quyết định toàn bộ cuộc đời của tôi. Ở Hoa Kỳ, tôi thấy xuất bản một thư mục các tác phẩm của tôi, không đả động gì hết đến những gì tôi dã viết ở Pháp; từ 18 năm nay, tôi đã sống thật đầy đủ; ở đây tôi có những bạn thân, nhà xuất bản in toàn bộ tác phẩm của tôi. Đi đâu ở Hoa Kỳ, tôi cũng nghe người ta nói: Văn chương Pháp ư, bây giờ còn có gì đáng nói đâu. Tinh thần bài Pháp có thật, bài bác một nền văn hóa vẫn giữ vai trò tuyệt hảo từ nhiều thế kỷ. Tinh thần bài Pháp đó xúc phạm đến chính tôi, tương tự thái độ khinh bạc của nước lớn đối với nước nhỏ như Tiệp. Tôi biết ơn nước Pháp, vì chỉ người Pháp đã nâng đỡ tôi từ ban đầu nên vợ tôi thường nhắc đi nhắc lại: Nước Pháp là quê hương thứ hai của chúng tôi".

Sau cùng, Kundera nêu trường hợp một nhà thơ khác cũng gốc Tiệp, sang định cư ở Pháp hồi 1968, làm thơ tiếng Pháp. Vera Linhartova đã coi lưu vong như một giải thoát bằng cớ là những người lưu vong khác từ Nga, Đông Âu: Miloz, Kolakowski, Kristeva, Zinoviev, Siniavski, Forman, Polanski, sau khi chế độ Cộng Sản sụp đổ, có ai quay về xứ sở cũ của mình đâu. Họ đều chọn nơi họ sống và ngôn ngữ của nơi đã chọn định cư để nói, viết văn. Ý kiến cho rằng một người viết văn không thể tách khỏi ngôn ngữ của đất nước mình, chẳng qua cũng chỉ là một huyền thoại vì nhà văn không phải là tù nhân của một ngôn ngữ cố định. Khi Linhartova viết tiếng Pháp cô có còn là nhà văn Tiệp nữa không? Không, cô cũng không phải là nhà văn Pháp, cô ở nơi khác. Cũng như xưa kia Chopin và sau này Nabokov, Beckett... Trong bài "L'Exil libérateur", Kundera tâm sự: "Tôi quý tự do của tôi hơn gốc gác của tôi. Tiếng Tiệp gọi tôi: quay về đi, đồ mất dịch. Nhưng tôi không nghe, tôi muốn ở lại với ngôn ngữ mà tôi yêu quý". Những lý lẽ Kundera đưa ra kể trên hình như không ăn nhằm gì đến vấn đề căn bản liên quan đến thái độ của người trí thức trước thời cuộc. Tất cả những

người làm thơ văn đều là trí thức vì sáng tác đòi hỏi suy tư, nhưng tất cả trí thức không phải đều là nhà văn nhà thơ. Vấn đề đặt ra cho người trí thức, nhà văn nhà thơ không phải là lựa chọn ở lại trong biên giới một quốc gia hay vượt khỏi biên giới đó; cũng không phải lựa chọn ở lại trong một chế độ toàn trị làm người bất đồng chính kiến (dissident) hay đi lưu vong vì đó là quyền tự do của mỗi người phải được tôn trọng mà là dù lựa chọn nào thì trước một biến cố lớn xảy ra trên đất nước mình hay trên thế giới, có lên tiếng theo lương tâm nhân loại của mình hay không? Vaclav Haven ở lại Tiệp tham gia sinh hoạt hiến chương 77 bị trên 4 năm tù, còn Kundera đi lưu vong chỉ để tiếp tục sáng tác. T. Todorov gốc Bungari cũng lưu vong ở Pháp đã lên tiếng phản đối Otan can thiệp vào Kosovo, phê phán Hoa Kỳ đang sa vào "chướt cám dỗ làm điều thiện" cho cả thế giới. Lên tiếng đúng hay sai không quan trọng. Điều quan trọng là có lên tiếng.

Truyền thống trí thức nhà văn ở Pháp chính gốc hay di dân trước thời cuộc là một nét đặc biệt của văn hóa Pháp. Trước một biến cố trọng đại, dư luận thắc mắc tự hỏi hay hỏi nhau: chẳng hạn Sartre nghĩ gì. Nhà văn người trí thức được kính nể đến nỗi tổng thống Pháp gửi thư cho Sartre gọi Ông Cher Maitre. Sartre xuống đường gây rối cảnh sát không dám bắt như thể nhà văn người trí thức ở trên cả pháp luật. Althussier nhà triết học nổi tiếng, đảng viên đảng Cộng Sản trong một cơn mất trí giết vợ mà không bị truy tố đưa ra tòa. Dư luận Pháp quý trọng người trí thức dấn thân vào thời cuộc đến nỗi thiên vị: Thà sai với Sartre còn hơn có lý với R. Aron; mặc dầu Aron cũng dấn thân nhưng dựa vào sự kiện, còn Sartre thì bốc đồng.

Thế kỷ XX, Pháp có những khuôn mặt nhà văn sáng giá: Sartre, Camus, Malraux, không phải chỉ ở phe tả mà cả ở phe hữu như François Mauriac. Để thể hiện vai trò dấn thân vào thời cuộc, họ thường ra một tạp chí, tuần báo hay cộng tác với một tạp chí tuần báo. Sartre thành lập tạp chí "Les temps modernes", François Mauriac viết mục bloc-notes hàng tuần cho tờ Express. Trí thức nhà văn Thế kỷ XX tiếp nối truyền thống lên tiếng của Thế Kỷ XIX. Tiêu biểu là thái độ "tôi tố cáo" (J'accuse) của Emile Zola về vụ án Dreyfus. Lamartine nhà thơ đã khơi động cách mạng 1848: "Tôi sinh ra để lo những việc quốc gia đại sự hơn là bận tâm những vụ tự ái cá nhân nhỏ mọn hay những háo danh mà xã hội dành cho những thành công về văn học". Malraux cũng bày tỏ một ý tưởng tương tự: "để được lòng dư luận, nên có những gì nặng ký hơn tác phẩm cống hiến cho dư luận, chẳng hạn một tiểu sử kinh ngạc, một uy tín đáng kể". Chính những ưu thế đó lại làm cho

Kundera dè dặt né tránh. Thái độ của Kundera cũng dựa trên những nhận xét rất đáng lưu ý. Những nhà biên khảo về Kundera như Kavetoslav Chvatik trong *Le Monde Romanesque de Milan Kundera,* bản dịch tiếng Đức nhà xuất bản Gallimard 1994 ghi nhận "Quan niệm viết tiểu thuyết của Kundera thật khác xa quan niệm dấn thân của Sartre. Theo Kundera, Sartre không dùng từ người viết tiểu thuyết mà chỉ phân biệt người viết văn xuôi và người làm thơ. Văn xuôi có vai trò thông tin, minh chứng, chất vấn, yêu cầu, thuyết phục ca tụng hay kết án. Sartre, Camus, Malraux là những nhà văn, tuy viết tiểu thuyết, nhưng lại để cho những luận điểm triết học hướng dẫn từ bên trong tiểu thuyết, một điều mà họ làm có khả năng thuyết phục hơn trong các biên khảo triết học của họ" (trang 199) như vậy tiểu thuyết của Kundera không nhằm mô tả một biến cố thời sự, phản ánh một hoàn cảnh lịch sử hay trình bày một chủ đề triết học, vì tiểu thuyết là một tác phẩm văn học tự lập gần gũi với những thể loại văn nghệ khác như âm nhạc. Cấu trúc của âm nhạc là đa âm (polyphonic) đa tấu, thực ra là hòa âm, hòa tấu, hay khi cấu trúc của Tiểu thuyết theo Kundera cũng đa âm, đa tấu nhưng không phải hòa âm, hợp tấu và vì tiếng nói của các nhân vật là ông nói gà bà nói vịt trong một thế giới bị "tàn phá, đổ vỡ" theo lời kể của nhân vật chính trong *La plaisanterie.*

Truyện *La Plaisanterie* xuất bản lần đầu tiên ở Tiệp năm 1967. Cốt truyện xoay quanh vai Ludvik, một thanh niên có chân trong đảng nhưng lại muốn sống như một người bình thường, mong chiếm được tình yêu của một cô bạn gái khờ khạo. Trong việc chiếm đoạt cô gái, anh gửi cho cô một câu nói đùa ghi trên bưu thiếp, trong khi cô này đang dự một khóa huấn luyện để trở thành đảng viên Cộng Sản: "chủ nghĩa lạc quan là thuốc phiện của nhân dân. Một tâm hồn lành mạnh là tâm hồn nặng mùi ngu xuẩn. Trôstkit muôn năm". Câu nói đùa đã làm biến đổi cuộc đời người thanh niên. Ludvik bị khai trừ khỏi đảng, bị đuổi ra khỏi đại học. Hình ảnh những bàn tay các bạn anh, những bàn tay đồng chí từng người từng người giơ lên để biểu quyết đuổi anh khỏi đảng, khỏi đại học là một ám ảnh mà Ludvik không sao quên được. Anh cố bào chữa trước các buổi họp luận tội anh: dó chẳng qua chỉ là một chuyện đùa, một chuyện đùa được biểu diễn công khai giữa hội trường trở thành một trò đùa, trò hề... Một vai khác trong tuyện, Zemanek, chồng của Helena, người đàn bà mà Ludvik dụ dỗ, phụ trách đoàn thành niên của đảng, người đã đứng ra điều động đoàn viên đuổi Ludvik trở thành kẻ thù của Ludvik; về sau Ludvik trả thù Zemanek

bằng cách dụ dỗ được vợ Zemanek, nhưng chính lúc đó Ludvik lại khám phá ra Zemanek không còn yêu Helena, đồng thời anh cũng thấy Zemanek không phải người quá tệ. Sự trả thù là một thất bại.

Kundera nói về cuốn truyện đầu tay này ra đời thế nào trong một "chú thích của tác giả" in trong bản Pháp văn truyện *Plaisanterie* tái bản năm 1985. "Năm 1961, tôi đi thăm bạn bè ở vùng mỏ. Họ kể cho tôi nghe câu chuyện một nữ công nhân bị tống giam vì bị bắt quả tang ngắt mấy bông hoa ở nghĩa trang để gửi tặng người yêu. Không bao giờ tôi quên được, hình ảnh một số phận phụ nữ biết tách biệt tình yêu với tình dục. Một hình ảnh khác kèm theo hình ảnh kể trên về một mối tình dai dẳng thực ra chỉ là một hành động thù ghét. Hai hình ảnh ấy đã làm nảy sinh cuốn truyện đầu tiên của tôi hoàn thành vào năm 1965, được đặt tên "trò đùa". Những người phụ trách nhà xuất bản của Hội nhà văn đều ưa thích cuốn truyện, nhưng phải đưa bản thảo đi duyệt. Trong một năm tôi bị yêu cầu gởi đi "làm việc" không biết bao nhiêu lần để nghị sửa chỗ này, bỏ chỗ kia. Lần nào tôi cũng từ chối những đề nghị sửa chữa hay cắt bỏ. Nhưng lạ lùng thay, những yêu cầu kể trên được giảm đi mỗi lần làm việc. Từ những năm 1960, câu chuyện khó tin do bầu khí tự do lan rộng đã làm rạn nứt guồng máy đảng, gây mặc cảm tội lỗi nơi những người cầm quyền, đến nỗi những người phụ trách duyệt sách không còn duyệt như trước và điều làm cho mọi người ngạc nhiên là cuối cùng bản thảo được gửi cho nhà in nguyên vẹn không bị xóa bỏ chỗ nào. Khi sách ra mắt hồi mùa xuân 1967, cuốn truyện được hầu như toàn thể hội viên hội nhà văn chào đón và trao tặng giải thưởng của Hội cho năm 1968. Là một tác giả ít được biết đến trong một thời gian ngắn, cuốn truyện của tôi được tái bản ba lần đưa tổng số sách phát hành lên đến 120.000 cuốn.

Nhưng chỉ một năm sau, quân đội Nga xâm chiếm Tiệp đã làm đảo lộn tất cả. Cuốn truyện bị một chiến dịch báo chí đả kích, nguyền rủa, bị cấm cùng với các cuốn truyện khác, bị thu hồi khỏi các thư viện công. Vào năm 1966, trong lúc số phận bản thảo còn bị ngâm ở sở kiểm duyệt, Antonin Liehm đã mang lén một bản thảo sang Pháp trao cho Aragon. Tôi phải nhắc đến một điều ít ai biết: Aragon thường giúp các văn nghệ sĩ bên kia bức màn sắt bằng cách đăng những bài khen tụng những nhà văn đang bị đe dọa, bị làm khó dễ. Tuần báo "Les Lettres Françaises" là tờ báo phương Tây duy nhất có thể mua được ở các nước Cộng Sản... Aragon gặp Liehm, mặc dầu chưa đọc bản dịch, đã giới thiệu nó với Claude Gallimard với tất cả uy tín của nhà thơ, ông hứa sẽ viết lời giới thiệu đúng vào tháng 8 Tiệp bị Nga xâm lăng. Bài giới

thiệu của Aragon đăng trong lần in thứ nhất ở Pháp, không nói gì nhiều đến nội dung văn học cuốn truyện, nhưng Ionesco viết một bài về cuốn tiểu thuyết đăng trên Figaro đã là những lời thật đáng kể được nói lên ở Pháp trước thảm kịch Tiệp. Tháng 8-1968, Claude Gallimard mời tôi sang Paris để chứng kiến buổi ra mắt sách. Đây là lần đầu tiên tôi gặp Aragon. Ở nhà Aragon, có hai vợ chồng một nhà khoa học Nga đang trò chuyện với Aragon. Những trí thức, nhà văn sống ở các nước Đông Âu đều nhìn Aragon như một người yêu Cộng Sản cởi mở, nhiệt tình có thể bênh vực che chở họ. Hai vợ chồng người Nga nói với Aragon: "Ông không nên đoạn tuyệt với nước Nga. Phải phân biệt nhân dân Nga với chính phủ của họ, nên ông vẫn cần đi Nga". Aragon giận dữ về vụ Nga xâm lăng Tiệp, đi lại trong phòng, trịnh trọng tuyên bố: "Dù tôi có muốn đi Nga, nhưng chân tôi không chịu bước đi". Tôi cảm phục nhà thơ. Nhưng vài năm sau, chân ông đưa ông đến Mạc Tư Khoa để được Brejnev gắn mề đay và vài năm sau nữa, chân ông còn đưa ông đến diễn đàn đại hội đảng để vỗ tay hoan hô một cuộc xâm lăng khác: xâm lăng A Phú Hãn. Nhưng nếu không có Aragon, cuốn *La Plaisanterie* không bao giờ được ra mắt ở Pháp và số phận của tôi có lẽ cũng đã rẽ sang một ngã khác. Lúc ở Tiệp tên tôi bị bôi đen, cuốn *La Plaisanterie* được nhà xuất bản Gallimard tung ra khắp thế giới, làm cho tên tôi có được những độc giả mới thay thế độc giả Tiệp".

Sau đó Kundera đã để gần 2 trang kể lại những bản dịch đã bị thêm bớt thế nào, buộc ông bỏ ra nhiều năm tháng để điều chỉnh tất cả cho đúng ý của ông. Phần cuối chú thích, Kundera cho biết năm 1967 trong không khí tự do cởi mở trước Mùa Xuân Praha, truyện của ông không gây một cảm nghĩ nào có tính cách chính trị.

"Để hiểu cuốn truyện được đón nhận thế nào ở Tiệp, tôi dẫn một vài tựa đề giới thiệu *La Plaisanterie* trên các tạp chí Tiệp: "Mỉa mai và luyến tiếc", "lối viết chống Sartre về tiểu thuyết hiện sinh", "Bài học có thể tiếp thu về cái nghịch lý", "Hiện tượng luận và tiểu thuyết", "Kỹ hà học cuốn La Plaisanterie" v.v...

Năm sau, Paris đón nhận truyện của tôi vừa làm cho tôi vui, vừa làm cho tôi buồn. Cuốn truyện được ca tụng, nhưng chỉ được đọc theo một chiều về chính trị. Lỗi tại hoàn cảnh lịch sử lúc đó. Cuốn truyện ra mắt sau 2 tháng Nga xâm lăng Tiệp; Lời nói đầu giới thiệu của Aragon chỉ chú ý tới khía cạnh chính trị và sau cùng lỗi tại phê bình văn học ở Tây phương biến dần thành bình luận mang tính cách báo chí một cách vội vã, bị cái nạn độc tài của thời sự chi phối. Còn ngày nay, những âm vang mang tính thời sự đã qua rồi: Mùa Xuân Praha cũng như cuộc Nga

xâm lăng Tiệp... Chính nhờ sự quên lãng đó, mà một cách nghịch lý, truyện *La Plaisanterie* bây giờ, cuối cùng có thể trở lại điều thực sự mà nó chỉ là tiểu thuyết và ngoài tiểu thuyết, không còn gì khác nữa" (tháng 5/1985).

Chú thích kể trên đã bị tác giả bỏ đi, kể cả lời giới thiệu của Aragon trong những lần tái bản sau. Lời bài giới thiệu của Aragon trong ấn bản tiếng Pháp đầu tiên năm 1968.

"Tiểu thuyết mà tôi coi là một tác phẩm lớn" (*Le roman que je treres pour une oeurvre majeure*", đúng như Kundera đã nhận định, Aragon đã chỉ chú trọng tới khía cạnh chính trị của cuốn truyện: "Tôi nói tiểu thuyết của Kundera, vượt tất cả các tài liệu chính trị có thể tưởng tượng được và không thể tưởng tượng được, soi chiếu hoàn cảnh đã được tạo ra từ 20 năm nay đưa đến thảm kịch mà chúng ta đang chứng kiến ngày nay... Tôi nghĩ đến những người ở lại Tiệp đang chịu tra tấn, tù đày... tôi cũng nghĩ đến những người bỏ ra đi và chỉ mơ ước trở về, vì không thể tin được ở đó sẽ xảy ra một thảm cảnh Biafra về tinh thần".

Ở Sài Gòn miền Nam Việt Nam thời đó, chúng tôi chưa được đọc Kundera nhưng theo dõi những biến cố chính trị xảy ra ở Tiệp, Mùa Xuân Praha và cuộc Nga xâm lăng Tiệp. Tạp Chí *Hành Trình, Đất Nước* đưa ra chủ trương xã hội chủ nghĩa không Cộng Sản nghĩa là không phải Stalinist, nên làm sao chúng tôi không đón mừng xã hội chủ nghĩa có khuôn mặt người do Alexandre Dubcek đưa ra. *Đất Nước* số 7 tháng 11-1968 dịch đăng: (Tuyên ngôn của người Tiệp dân chủ) do 70 nhân vật Tiệp đủ mọi thành phần lên tiếng ngày 27-6-68 gọi là tuyên ngôn hai ngàn chữ... "Đảng Cộng Sản từ sau thế chiến được dân chúng tín nhiệm đã dần dần đem lòng tín nhiệm này đổi lấy địa vị, cho đến khi chỉ còn địa vị, chứ không còn gì khác nữa... Chúng tôi phải nói thế và những người Cộng Sản trong đó có cả chúng tôi đều biết thế. Nỗi thất vọng của họ trước những hậu quả cũng lớn lao như niềm thất vọng của những người khác... Chúng ta tất cả đều phải chịu trách nhiệm về tình trạng này nhất là những người Cộng Sản trong đó có cả chúng tôi... Từ đầu năm nay, chúng ta bước vào tiến trình dân chủ hóa. Việc này bắt đầu ngay từ trong đảng Cộng Sản. Chúng tôi phải nói thế, để những người không ở trong đảng trong số chúng tôi, những người không mong đợi gì ở chúng tôi từ trước đến nay biết vậy... Sự mở đầu và những cố gắng của người Cộng Sản dân chủ chỉ là sự đền bù món nợ của đảng đối với những người ngoài đảng. Chính vì thế mà chúng ta

chẳng phải chịu ân huệ gì của đảng Cộng Sản cho đến khi đảng được nhìn nhận là đã cố gắng sử dụng một cách thành thật cơ hội cuối cùng này để cứu vãn danh dự của đảng và của tổ quốc... Theo những nguồn tin dè dặt, có thể có lực lượng ngoại quốc can thiệp vào những biến đổi nội bộ của nước ta. Đối diện với các lực lượng hùng hậu ngoại bang, điều chúng ta phải làm là giữ gìn hàng ngũ của chúng ta và đừng khơi động.

Chúng ta bảo đảm với chính quyền rằng chúng ta ủng hộ chính quyền dù cả bằng khí giới... Mùa Xuân này, tương tự như sau thế chiến là một cơ hội lớn đã đến với chúng ta. Mùa Xuân này sắp chấm dứt. Nó không bao giờ trở lại nữa; còn mùa đông chúng ta đã biết cả rồi; vì vậy chúng tôi kết thúc bản tuyên ngôn của chúng tôi cùng các công nhân, nông dân, viên chức, nghệ sĩ, học giả, kỹ thuật gia và tất cả mọi người".

Đọc lại tuyên ngôn 2.000 chữ mới hiểu được tại sao truyện *Trò đùa* có thể chào đời và được dư luận Tiệp đón nhận. Nói cách khác, truyện *Trò đùa* đã không thể có được nếu không có Mùa xuân Praha do đảng Cộng Sản đề ra và được hầu như toàn đảng toàn dân hưởng ứng. Những nghi thức thể chế công khai của chế độ đã được người trong đảng ngoài đảng tuân theo mà không còn xác tín chẳng khác nào những vai hề diễn kịch trên sân khấu chính trị là các hội trường hội nghị như những trò đùa trò hề mặc dầu bề ngoài chúng được coi là quan trọng nghiêm chỉnh.

Trong truyện Kundera không mô tả tường thuật Mùa Xuân Praha, những tranh luận phê phán xã hội guồng máy đảng là những điều thời sự mà báo, đài đã nói nhiều, cũng không kể tâm trạng tình cảm được bộc lộ của hàng trăm ngàn người xuống đường trong không khí cởi mở của Mùa Xuân Praha. Tác giả chỉ kể một vài chi tiết gợi ý cho những suy nghĩ sâu xa về con người, nhất là trong mối quan hệ cá nhân và tập thể. Dư luận Tiệp thời đó đã cảm nhận như vậy nên cuốn truyện không mang ý nghĩa chính trị gì đối với họ.

Nhưng khi cuốn truyện được dịch ra nhiều thứ tiếng, phổ biến khắp thế giới, cuốn truyện đã không thể tránh được, vào *thời điểm đó*, ý nghĩa chính trị. Nếu không có vụ Nga xâm lăng, cuốn truyện chắc không được phổ biến rộng rãi và việc phổ biến nếu có ý nghĩa chính trị nào, thì đó là ý nghĩa chính trị tốt, tích cực. Cuốn truyện cho phép hy vọng dù chế độ Cộng Sản thế nào đi nữa nay đang có khả năng thay đổi và do chính người Cộng Sản làm. Nhưng sự kiện Liên Xô, một nước đàn anh đã đem xe tăng xâm chiếm một nước đàn em nhỏ bé, cưỡng bách tổng bí thư, ban lãnh đạo Tiệp sang Mạc Tư Khoa buộc phải nhượng

bộ rồi trở về Tiệp tuyên bố những thỏa hiệp đã làm dư luận thế giới phẫn nộ và nhiều đảng viên đảng Cộng Sản Âu châu ra khỏi đảng.

Ngày nay và mai sau có thể đọc truyện *Trò đùa* và các tác phẩm khác của Kundera mà không cần liên hệ đến tiểu sử tác giả, lịch sử?

Roland Barthes đã nêu vấn đề liên quan giữa tiểu sử và phê bình văn học trước những lạm dụng dùng tiểu sử để giải thích văn học. Nhưng có thể gạt hẳn tiểu sử ra khỏi phê bình văn học không, hay ít ra cần cái tối thiểu? Đối với Kundera, cái tối thiểu đó có phải chỉ là một câu vẻn vẹn được ghi ở các truyện của Kundera tái bản những lần cuối gần đây: "Kundera sinh ra ở Tiệp và định cư ở Pháp 1975". Trả lời phỏng vấn của Christian Sanmon đăng lại trong "L'Art du roman" hỏi Kundera có cần phải biết lịch sử Tiệp để hiểu tác phẩm của ông không? Kundera trả lời: "Không, những gì cần biết chính tiểu thuyết đã nói". Cuốn *Trò đùa* và những cuốn khác chỉ nêu một vài nét gợi ý về chế độ chính trị ở Tiệp và nước Tiệp; chẳng hạn trong truyện *Trò đùa* chỉ nói đến sự kiện Ludvik bị bạn bè đồng chí đồng loạt giơ tay ủng hộ quyết định đuổi khỏi đảng, Đại học, không nói đến vai trò của đảng, các thể chế của đảng vì điều Kundera muốn nói qua sự việc đồng loạt giơ tay là số phận con người bị cái nhìn của người khác, bạn bè quy định ngay cả đưa đến chỗ chết.

Trong vụ Nga xâm chiếm Tiệp, báo chí sách sử đều tường thuật đầy đủ chỉ có một chi tiết mà Kundera cho là có ý nghĩa về nhân loại học lại bị bỏ qua, đó là lệnh sát hại tập thể chó. Sự kiện duy nhất Kundera nhắc đến như một khung cảnh lịch sử trong truyện *La Valse aus adieux*. Hoặc truyện *L'insoutenable légèreté de l'être* nói đến Alenxandre Dubcek, tổng bí thư đảng bị bắt cóc đưa về Mạc Tư Khoa buộc phải điều đình với Brejnev, rồi được đưa về Praha. Tác giả không kể lại những sự kiện đó mà ai cũng biết, chỉ kể một chi tiết bị các bài tường thuật bỏ qua. Dubcek nói trên đài, mệt mỏi, phải ngừng lại nhiều lần để thở một cách khổ sở, những chỗ ngừng lại đó về sau đã bị cắt bỏ hết. Kundera chỉ nhắc lại sự kiện bị bỏ qua đó để nói về cái *thế yếu* của con người: (Người ta luôn luôn ở thế yếu khi phải đối đầu với thế mạnh hơn. "mặc dầu Dubcek có thân hình lực sĩ"). Đồng ý với Kundera, không cần mô tả thời cuộc khi viết cho người đương thời vì bối cảnh chính trị xã hội biến cố người đương thời ít nhiều đều đã biết nên nhà văn chỉ cần nhắc những chi tiết mà báo chí sách sử bỏ qua để gợi ý cho những suy tưởng về con người, cuộc đời. Nhưng những thế hệ mai sau có thể không còn biết gì về mùa xuân Praha, Nga xâm chiếm Tiệp nếu

họ chỉ được đọc một vài chi tiết gợi ý làm sao họ có thể hiểu được? Vậy ít ra *cần* cái tối thiểu về tiểu sử và cái tối thiểu đó chính Kundera đã viết ra như chú thích năm trang dăng trong một lần tái bản, tại sao Kundera lại bỏ đi trong những lần tái bản sau cùng với lời giới thiệu của Aragon mà ông thú nhận đã giữ lại trong 16 năm? Bài giới thiệu của Aragon và bài cảm nghĩ của Ionesco trong Le Figaro ông cho rằng không thể quên mà không nên quên, tại sao ông lại bỏ đi trong những lần tái bản sau? Bài giới thiệu của Aragon, mặc dầu không dính líu gì đến nội dung cuốn truyện nhưng như Kundera thú nhận nó đã làm cho cuốn sách có thể ra đời và được dư luận thế giới biết đến, nghĩa là tuy nó là một yếu tố ngoại tại, nhưng cũng là yếu tố cấu tạo của tác phẩm. Đó là chưa nói đến khía cạnh ân nghĩa, người ta có thể quên thời sự, lịch sử, nhưng có thể quên ân nghĩa được không? Nếu Aragon còn sống, nhà thơ nghĩ sao về thái độ của nhà văn Kundera.

Tôi là người dương thời của Kundera, kém ông 1 tuổi. Tôi có thể đọc ông về nhiều phương diện: Kỹ thuật viết tiểu thuyết, những đề tài tư tưởng mà ông muốn bày tỏ, và tại sao tôi không được đọc Kundera về chính trị hiểu như một khía cạnh thiết yếu của thân phận làm người sống trong những hoàn cảnh của một thời đại. Trong chiều hướng đó tôi muốn tìm hiểu ở Việt Nam ngày nay trên danh nghĩa vẫn là chế độ toàn trị như Tiệp trước đây, tại sao ở đó một số truyện của Kundera được dịch phổ biến chính thức mà không bị kiểm duyệt làm phiền hà gì. Nếu không đọc chú thích 5 trang của Kundera, tôi không thể giải thích được thắc mắc kể trên. Chú thích đó cho thấy truyện của Kundera được xuất bản phổ biến công khai được ca ngợi nữa bao lâu nó chỉ là một hiện tượng văn học thuộc nội bộ của Tiệp. Nó trở thành chính trị và bị cấm đoán khi bên ngoài Tiệp coi truyện của Kundera như một bằng chứng tố cáo Cộng Sản.

Như vậy có thể nêu giả thuyết giải thích phải chăng tác phẩm của Kundera được phổ biến ở Việt Nam vì ở hải ngoại người Việt di tản lưu vong không nói đến Kundera, không sử dụng Kundera để chống Cộng? Nhưng tại sao giới làm văn học hải ngoại không sử dụng Kundera phải chăng vì *không thể* sử dụng được. Không thể sử dụng vì Kundera không phải là một dissident, ông không bày tỏ một thái độ chống cộng nào từ ngày rời Tiệp, hơn nữa ông còn chống cộng không khi ông coi chế độ Cộng Sản chẳng qua chỉ là một hình thức biểu lộ xã hội Tây phương hiện đại mà ông cũng không tán thành.

Dây đó rải rác trong các tác phẩm, Kundera nhắc tới thái độ phê

phán Tây phương kể trên, chỉ xin dẫn chứng một đoạn trong *Les testaments trahis*, Kundera nói đến những vụ án chính trị xảy ra ở Liên Xô, Đông Âu mà ông gọi là những "procès de l'esprit" xúc phạm đến tự do tư tưởng, tôn giáo của cá nhân với tư cách công dân; nhưng những vụ án chống tinh thần bao hàm tinh thần tố cáo, chụp mũ - l'esprit de procès - tinh thần tố cáo, thái độ chụp mũ đã tiêm nhiễm vào tâm trí các nước Tây Âu tạo ra những vụ tố cáo các nhà văn, nhà tư tưởng về tội liên hệ với các chế độ phát xít, quốc xã, cộng sản. Kundera đặc biệt chĩa mũi dùi vào cuốn *1984* của Orwell. Ông nêu lên những tai hại của cuốn truyện này (đã được dịch ra tiếng Việt phổ biến ở hải ngoại) chú thích của NVT:

"Ảnh hưởng xấu của cuốn truyện ở chỗ tất cả thực tại bị giản lược vào khía cạnh thuần túy chính trị và trong giản lược đó lại chỉ để ý đến các mặt tiêu cực của chính trị. Tôi từ chối không tha thứ việc giản lược này viện cớ nó cần thiết để tuyên truyền chống độc tài toàn trị xấu xa. Vì điều xấu xa chính là sự giản lược mọi sự vào chính trị và giản lược chính trị vào nhu cầu tuyên truyền: Giản lược đời sống của một xã hội mà mình oán ghét bằng cách chỉ kê khai các mặt xấu của nó. Vì thế cuốn truyện *1984* dù có ý tốt cũng là thành phần của tinh thần toàn trị. Một hai năm sau khi Cộng Sản sụp đổ, nói chuyện với người Tiệp, tôi đều thấy họ luôn luôn nhắc tới 40 năm khủng khiếp, 40 năm phi phạm, tôi nhìn những người nói như vậy và nhận ra họ là những người không bị đi tù hoặc đi tản, mất công ăn việc làm, ngay cả không bị nhìn với con mắt ngờ vực. Nhưng khi nói sau 40 năm khủng khiếp họ đã giản lược toàn bộ cuộc đời của họ vào chính trị; sở dĩ họ làm như vậy vì họ đã ăn phải bã lý luận của Orwell, tưởng toàn bộ cuộc đời của mình là hư hỏng phí phạm".

Sau đó Kundera giải thích tại sao không thể tố cáo những người đã tin theo ý thức hệ Cộng Sản, về sau mới thấy mình lầm lạc.

"Tất cả mọi người hành động dự đoán tương lai đều không đi giữa ban ngày hay đi trong đêm tối, vì đêm tối thì không thấy gì, còn thấy rõ như ban ngày thì không sai lầm được. Tất cả đi vào cuộc đời như đi trong sương mù có thấy nhưng chỉ lờ mờ không rõ. Chỉ sau khi đi một quãng đời nhìn lại không còn sương mù nữa mới thấy những ảo tưởng sai lầm của mình. Tất cả các người nổi tiếng như Heidegger, Maiakowski, Aragon, Gorki... đều đi trong sương mù. Vì thế có thể tự hỏi: ai là kẻ mù. Maiakowski làm thơ ca tụng Lénin không hề biết chủ nghĩa Lénin dẫn đưa đi đâu hay chúng ta bây giờ phê phán Maia sau hàng chục năm không bị sương mù bao quanh; vì thế cái mù quáng của Maiakowski

thuộc về thân phận muôn đời của con người. Không nhìn thấy sương mù trên dường đi của Maiakowski là quên thân phận làm người, quên thân phận của chính chúng ta", (trang 205.)

Một người đã trải qua kinh nghiệm chế độ toàn trị, một chế độ mà ông coi chẳng qua chỉ tiêu biểu cho nếp sống xã hội của những nước Tây phương không thể không cảm thấy chán ngán, ê chề tất cả những hoan hô đả đảo từ bất cứ đâu, vì như Kundera đã thú nhận, ông đã được chích ngừa mọi biểu lộ nhiệt tình cách mạng hay chống cách mạng "à jamais, j'ai été vacciné contre toutes les tentations lyriques" (Testaments trahis trang 189) cho nên ông chỉ ước ao một điều thôi là có cái nhìn tỉnh táo và chán chường; cái nhìn đó, ông chỉ thấy trong nghệ thuật viết truyện. Ông viết truyện không phải chỉ để thực hiện một thể loại văn học, mà còn để bày tỏ một thái độ loại bỏ tất cả những đồng hóa với chính trị, tôn giáo, ý thức hệ, đạo lý, tập thể (trang 189).

Với một tâm trạng, lối nhìn đời "chán chường" như vậy, làm sao có thể còn đòi hỏi Kundera dấn thân vào đối tượng tranh đấu này, đối tượng tranh dấu kia? Những gào hét, những múa may quay cuồng ở bên này hay bên kia đều là những trò dùa, trò hề; những trò đùa trò hề rút cục tạo ra cái trò đời của một xã hội tan rã, một thế giới bị tàn phá. Trong truyện "Trò đùa", Ludvik nói: chúng tôi, Lucie và tôi đều sống trong một thế giới đổ vỡ, bị tàn phá (Nous vivons, Lucie et moi, dans un monde dévasté". Xã hội tan rã, thế giới đổ vỡ bị tàn phá vì những hành động của cá nhân đều do cái nhìn của người khác qui định hoặc người khác chỉ được nhận diện trong nhãn quan của cá nhân. Cứ tưởng thế này về mình, về người khác, rút cục lại không phải thế. Tình trạng kể trên được diễn tả bằng chính cấu trúc truyện kể: "Truyện *La Plaisanterie* được dàn dựng không theo lối viết truyện cổ truyền: thay vì dựng một nhân vật chính kể lại toàn bộ cuộc đời, Kundera dùng bốn nhân vật thực hiện những độc thoại, mỗi người nhìn sự việc, người khác theo nhãn quan của mình. Câu chuyện do bốn nhân vật kể lại, chỗ phù hợp, bổ túc cho nhau, chỗ đối nghịch nhau. Đó là kỹ thuật dùng nhiều người kể chuyện, multiple narrators, tạo thành không phải một hòa âm, một hợp tấu – theo cấu trúc âm nhạc mà tác giả rất am hiểu với tư cách người dạy âm nhạc ở đại học – mà chỉ là một đa âm (poly-phonic) đa tấu. Câu truyện kể như một đa âm, đa tấu cho thấy thật khó tìm ra đâu là sự thật, lẽ phải; cuối cùng Ludvik cảm nhận một cách tổng quát phải chăng chính lịch sử cũng như đùa (Et si l'histoire plaisantait!).

Trong khung cảnh đó, có thể nói Kundera đã muốn ra khỏi thời

hiện đại (modernisme) dựa trên niềm tin lạc quan vào lý tính, lẽ phải, đi vào thời gọi là hậu hiện đại (postmodernisme) được biểu lộ qua thái độ hoài nghi, luôn luôn đặt lại vấn đề những gì vẫn được coi là hiển nhiên – đã hẳn là thế - mà không đưa ra một chủ trương, một thứ isme nào, nhất là không lên mặt dạy đời...

Vì thế, một người đọc Kundera, bất cứ đứng ở vị trí nào, trên lãnh vực nào, đều không thể không xét lại những niềm tin, những xác tín của mình. Truyện của Kundera bày tỏ một thế giới bị "tàn phá". Nhưng người đọc không thấy cái gì đổ vỡ, bị tàn phá vì mọi sự, mọi người đều vẫn nguyên vẹn. Tính cách khuynh đảo của truyện, sự đổ vỡ, tàn phá chỉ xảy ra trong tâm trí người đọc, không phải ở trong truyện.

Tôi có một vài thắc mắc, sau khi đọc Kundera, vì không theo dõi thường xuyên sinh hoạt văn hóa Pháp và thế giới nên có thể nhận xét thiếu sót sai lệch. Trong trường hợp đó, xin được giải thích và xin lỗi tác giả.

1. Về quan hệ giữa Kundera và Sartre: Kundera và nhiều nhà bình luận ông đều nói đến sự khác biệt giữa Sartre và Kundera về quan điểm viết tiểu thuyết. Hình như bản văn duy nhất của Sartre được nhắc tới nói về sự phân biệt giữa văn xuôi và thơ mà theo Sartre viết văn xuôi không thể không đụng đến thời cuộc chính trị. Kundera cũng nói đến những tác giả ông đã đọc như Husserl, Heidegger (cuốn *Être et le temps*) nhưng không nhắc đến cuốn nào của Sartre, đặc biệt cuốn *l'Être et le Néant*. Nếu ai đọc *l'Être et le Néant*, một cuốn thuần tuý triết học phân tách cấu trúc ý thức con người đều biết một vài khái niệm nổi tiếng như Esprit du sérieux, La mauvaise foi, Le Regard d'Autrui không thể không nghĩ đến những chủ đề trong tiểu thuyết của Kundera.

Ví dụ thái độ đóng một vai: (Người hầu bàn đóng vai người hầu bàn) (Le garçon du café joue à être garçon du café). Người đóng vai nọ vai kia giả vờ tin là quan trọng rồi thực sự tin do đó đã tự lừa dối và lừa dối người khác. Con người hai mặt, mặt sống cho mình và mặt sống theo cái nhìn của người khác trong vai mình đóng trước xã hội. Trong đời sống hàng ngày mọi người đều ít nhiều là con người hai mặt; nhưng trong chế độ toàn trị, nó trở thành thể chế buộc ai cũng phải đóng để có thể xuất hiện an toàn trước cái nhìn của người khác. Đó là thái độ ngụy tín (mauvaise foi). Thái độ ngụy tín do đó liên hệ mật thiết với cái nhìn của người khác. Sartre đã phân tích sâu sắc cái nhìn của tha nhân quy định bản sắc phong cách của một người trong chương Le Regard d'Autrui (*l' Être et le Néant*) và viết hai tác phẩm nổi tiếng

trình bày đề tài đó trong cuốn *Saint Genet* nói về một thằng bé là thằng ăn cắp vì tất cả mọi người đều coi nó là thằng ăn cắp và trong *Quelques réflexions sur la question juive*, người Do Thái phải che giấu bản sắc dân tộc của mình, tự phủ nhận để được sống yên ổn theo cái nhìn của những người chống Do Thái.

2. Trong *Les testaments trahis*, Kundera nói đến tác quyền như một thành quả tích cực của thời kỳ hiện đại Âu châu. Trong bài *La francophobie, ça existe* đăng trong Le Monde 24-9-1993 trích lại trong phụ lục: "Le Monde romanesque de M. Kundera" của Kvetoslav Chvatik, Kundera bày tỏ sự phẫn nộ khi biết nhiều xứ Á châu đã dịch tiểu thuyết của ông mà không xin phép lại còn dịch theo bản tiếng Anh. Ông tức giận vì người ta không xin phép ông nên không trả tác quyền cho ông và nhà xuất bản. Ở Á Châu, Nhật có lẽ đàng hoàng, chỉ có Đài Loan, Trung Quốc nổi tiếng dịch và xuất bản vô tội vạ. Còn ở Việt Nam, nhà xuất bản chính thức không xin phép còn hai người dịch ở Pháp và Mỹ đều cho biết họ ái ngại xin phép các nhà xuất bản. Nếu Kundera biết được rằng Việt Nam có hơn bảy mươi triệu dân, sách in 1.000 cuốn bán nhiều năm mới hết, còn ở Mỹ in có 500 cuốn vẫn còn để lây lất. Cao Viết Dũng cho biết tiền nhuận bút ở Việt Nam trả cho ông quãng trên hai trăm Euros. Tình hình dịch xuất bản thê thảm như vậy nỡ nào đòi tác quyền. Kundera đề nghị các nhà văn nên giấu tên thật và ký bút hiệu tránh được những điều tiêu cực như đã nói ở trên. Ký bút hiệu thì chỉ có một số người đương thời gần gũi tác giả biết tên thật còn đối với người ở xa bây giờ và mai sau không biết tên thật thì bút hiệu kể như vô danh và đã vô danh làm sao còn nói đến tác quyền. Kundera đưa ra đề nghị ký bút hiệu dường như chỉ để khuyến cáo người khác thực hiện còn chính ông vẫn ký tên thật và đòi được tôn trọng tác quyền.

Nghĩ đến thái độ của Sartre lại thấy khác hẳn. Bernard Henry Lévi trong bài trả lời phỏng vấn về cuốn sách của ông *Le Siècle de Sartre* (xuất bản sau 20 năm Sartre qua đời (1980-2000) đã viết một đoạn về thái độ hào hiệp của Sartre: La générosité de Sartre. "Sartre est la générosité même. Bạn bè đều biết cả... Những người lạ mà ông tiếp, bảo trợ khuyến khích dĩ nhiên bằng cả tiền nữa... Tiền bỏ ra như nước, đến với bất cứ ai muốn có: bạn bè, các phong trào cách mạng, ủy ban này, nhóm kia v.v..." George Michel trong bài "Regards sur l'Evennement", số 56-2000 cũng viết: "Đừng quên điều cốt yếu: lòng quảng đại của Sartre. Về tiền bạc đó là trường hợp độc nhất. Bất cứ ai gõ cửa à xin tiền ông đều cho. Ở tiệm ăn, bao giờ ông cũng để lại thật

nhiều tiền pourboires. Ông chết đi thực ra chẳng còn tiền gì cả".

Kundera phê phán nhiều mặt xã hội Tây phương, trừ pháp lý về tôn trọng tác quyền. Tác phẩm của ông từ mấy chục năm nay xuất bản ở nhiều nước, tái bản nhiều lần trong khi những người cầm bút viết văn ở Việt Nam không ai sống được chỉ bằng nghề cầm bút. Nếu bây giờ tôi gõ cửa nhà ông đề nghị ông chia sẻ một chút tiền tác quyền của ông để những ai muốn dịch giới thiệu toàn bộ tác phẩm của ông, liệu ông có sẵn sàng không?

3. Đọc *La Plaisanterie* về phương diện dàn dựng truyện kể, không thể không nghĩ đến cách dàn dựng phim *Rashomon* mà tôi đã xem và bây giờ bất cứ cuốn tự điển nào về phim ảnh đều nhắc đến, vì thế tôi nghĩ Kundera cũng biết phim *Rashomon* vì ông đã học về điện ảnh ở Đại học Charles University, Praha, dạy môn văn học quốc tế tại phân khoa phim ảnh ở Praha Academy.

Truyện phim Rashomon dựa theo hai truyện ngắn trong cuốn *Rashomon and Other Unusual Stories* của tác giả người Nhật Ryunosuke. Akuta (1892-1927).

Akira Kurosawa, người viết truyện phim đã đưa kỹ thuật phim ảnh Nhật Bản lên hàng quốc tế từ những năm 1950. Phim *Rashomon* đoạt giải "Lion d'or ở Venise 1951 và giải phim nước ngoài hay nhất năm 1951. Bergman thú nhận đã lấy cảm hứng khi quay phim *La Source* từ tuyệt tác của Kurosawa.

Ba người, một nhà sư, một tiều phu, một gia nhân trú mưa ở cổng một ngôi chùa bỏ hoang. Chứng kiến một vụ xô xát giết người. Sau bị đưa ra toà, một hiệp sĩ và vợ đi qua khu rừng, bị một tên cướp tấn công, hãm hiếp vợ. Tên cướp kể: đang ngồi ở gốc cây thấy một người đẹp đi qua, động lòng muốn chiếm đoạt và chế ngự được người chồng. Đáng lẽ sự việc chỉ đến đó, nhưng người vợ đã xúi bẫy tên cướp đấu kiếm với chồng mình...

Người vợ kể, sau khi bị hãm hiếp, bị chồng khinh bỉ nên đã tìm cách giết chồng rồi sau đó sẽ tự tử, nhưng chỉ ngất đi.

Còn người chồng kể: Sau khi vợ bị hãm hiếp, chính vợ đã đẩy tên cướp đấu kiếm với mình, nhưng tên này ngần ngại không làm bỏ trốn và người chồng nhục nhã chỉ còn nghĩ đến tự sát.

Người tiều phu chứng kiến khẳng định cả ba đều nói láo. Vụ đấu kiếm đã xảy ra và tên cướp đã thắng rồi hoảng sợ bỏ chạy, sau bị bắt. Mưa tạnh dần, tiều phu tìm thấy một trẻ nhỏ bị bỏ rơi, đem về nhận làm con nuôi. Gia nhân chỉ biết phàn nàn chê trách, còn nhà sư chỉ bày tỏ thái độ kinh hãi trước những tàn bạo của người đời. Tóm lại, sự việc

xảy ra được thuật lại khác nhau, khán giả không thể biết được đâu là sự thật: người đàn bà bị hiếp hay đồng lõa với tên cướp? người chồng có định tự sát hay hèn nhát chạy trốn. Một chủ đề của phim *Rashomon* là cái nhìn chủ quan của con người, ý nghĩa mọi sự việc tùy thuộc vào người nhìn sự việc. Đó cũng là một chủ đề của truyện *La Plaisanterie*.

Một ông bạn làm phê bình văn học ở Hà nội cho tôi biết: Trong nước nhiều người đọc Kundera nhưng chẳng ai định học gì theo Kundera. Tôi không rõ ý của ông muốn nói gì, chỉ biết ông là người tham gia vào việc xuất bản cuốn biên khảo về Kim Dung trong đó đăng lại toàn văn cuốn *Võ Kỵ giữa chúng ta* của Đỗ Long Vân, một nhà phê bình văn học trong nhóm *Đất Nước* được coi là sâu sắc độc đáo. Đỗ Long Vân viết giới thiệu tiểu thuyết Kim Dung đăng trong những số đầu tạp chí *Đất Nước* cuối 67 đầu 68, thời điểm miền Nam đưa lên sân khấu chính trị những tướng tá nhân danh cách mạng lật đổ cách mạng Ngô Đình Diệm rồi lật đổ nhau, xuất hiện trước dân chúng như những vai hề trong tuồng chèo cổ điển Việt Nam, đặc biệt một ông đại tướng lật đổ ông đại tướng khác bị sinh viên xuống đường tập trung trước dinh thủ tướng hô đả đảo độc tài, ông đại tướng chịu chơi ra gặp sinh viên và cũng hô đả đảo độc tài. Dư luận thời đó cho rằng ông đại tướng này không phải chỉ làm trò đùa trò hề mà còn làm trò khỉ. Truyện của Kim Dung tràn ngập không chế sinh hoạt trí thức báo chí miền Nam sau 63. Nhiều báo hàng ngày đua nhau đăng truyện Kim Dung, nhiều cây bút bình luận thời cuộc nổi tiếng đều lấy bút hiệu các nhân vật trong truyện Kim Dung. Đỗ Long Vân ghi chú những ai để ý tới tương quan giữa văn học và xã hội không thể không coi sự kiện mê đọc Kim Dung như một hiện tượng của thời đại.

Vậy hiện tượng Kim Dung như thế nào? Nó có nghĩa gì giữa cảnh tai biến của chúng ta và tại sao lại có thể xảy ra? Lòng người thời đó nghi ngờ về chính trị xã hội không còn biết ai phải ai trái, không thể phân biệt được chánh tà, không còn những tiêu chuẩn khách quan của một cái hay muôn thuở. Võ Học trong truyện Kiếm Hiệp trước Kim Dung không đặt ra nghi vấn nào. Chánh phái hay tà phái đều dùng một thứ võ. Nhưng Võ Học trong truyện Kim Dung không còn thể thống nhất; ngần ấy võ công là ngần ấy ngôn ngữ; và võ công nào trong giới hạn của nó đều có thể gọi là vô địch. Làm thế nào thu gom cái thế giới nát vụn ấy vào một mối. Ai cũng muốn làm bá chủ Võ lâm. Người ta giết nhau như ngóe để độc chiếm những võ công kỳ bí cho phép có thể khuất phục thiên hạ. Câu truyện nghĩa hiệp đã nhường chỗ cho những

cuộc tranh hùng đẫm máu. Ẩn tàng trong cảnh tương tàn ấy tuy nhiên cái gì người ta thấy là sự huy hoàng của một giấc mơ thống nhất "

(Võ Kỵ giữa chúng ta. Đất Nước số 1, tháng 11-67.)

Sau 1975, miền Bắc "giải phóng miền Nam" lúc đầu Kim Dung chỉ được đọc lén sau thì được in công khai phổ biến rộng rãi ở khắp nơi. Vậy phải chăng vì người Việt Nam đã đọc Kim Dung, trình bày một thế giới đổ vỡ nên nhà phê bình văn học ở Hà nội mới nói chẳng còn gì học ở Kundera. Nhưng nhà phê bình văn học đó cũng thú nhận ít người hiểu Kundera. Lý do thiết tưởng vì những người thuộc thế hệ Nguyên Ngọc trên dưới 70 được học tiếng Pháp thời thực dân không còn bao nhiêu. Làm sao những thế hệ sau hiểu được tiểu thuyết Âu châu như của Kundera đầy rẫy những tên người tên đất thuộc lịch sử văn học Âu châu nói riêng và lịch sử Âu châu nói chung? Do đó rất cần chú thích để hiểu Kundera và nên đọc Kundera vì tiểu thuyết của Kundera gợi ý về những vấn đề thời đại, mà không tìm thấy ở Kim Dung. Chẳng hạn vấn đề di tản lưu vong, lòng nhớ cố hương của những người xa xứ, có người trở về thăm quê nhà, mà tôi sẽ giới thiệu trong cuốn truyện vừa xuất bản của Kundera, Cuốn *L'Ignorance* và theo tinh thần đọc liên bản (intertexte) tìm hiểu mối liên hệ giữa tiểu thuyết của Kundera và văn học truyền thống Việt Nam; sau cùng tìm hiểu Nhật Bản, Ấn Độ cảm nhận Kundera thế nào.

Nguyễn Văn Trung
Cuối tháng 3/2004

Nhà xuất bản Đại Nam vừa phát hành:

YẾU TÍNH PHÁ SẢN TRONG
TỔ QUỐC ĂN NĂN CỦA NGUYỄN GIA KIỂNG
của Nguyễn Thị Sông Hương

Sách dày 200 trang. Giá 12 Mỹ kim.

Liên lạc tác giả: Trần Nhã Nguyên
Hiệu sách Trung Việt:
6520 Darlington Montreal, Quebec - Canada H3S-2J3
hoặc nhà xuất bản Đại Nam:
PO Box 4279 Glendale, CA 91202 USA. Phone 818-244-0135

Nữ văn sĩ

Hoàng Nga

Hồi mới lớn, bị phụ tình tôi đau khổ. Tưởng có thể mua chai thuốc chuột uống cho rồi đời. Nhưng gan thỏ, tôi đành ngậm đắng nuốt cay. Vết thương lòng, thời gian trôi qua, lở đi loét lại nhiều lần. Mãi cho tới lúc gặp một anh đẹp trai hơn, ngon lành hơn người xưa; hồng huyết cầu tôi mới chịu tràn đầy lại trong tim, nỗi đau tôi mới chịu dịu xuống. Tôi sáng rạng bình minh yêu đương. Ngày đi lấy chồng, mừng đến nỗi quên cả mời bạn thân đi ăn cưới.

Lấy chồng, định luật trời cho, có con. Nhưng thêm miệng ăn, đầu tắt mặt tối, nhiều năm liền tôi chẳng biết văn chương nghệ thuật là gì. Mười mùa lá rụng hoa rơi trôi qua, tình tàn tạ theo tháng ngày; vác chiếu ra tòa ly dị, dẫu không muốn, khi không tôi cũng thành bà mẹ ba đảm đương. Nợ nần cơm áo như nhiều người.

Về sau, dũng cảm hơn, tôi đảm đương thêm được vài ba mối tình. Nhưng tính hoài, chẳng biết tình nào, tình cuối, tình đầu. Bởi tình nào cũng lỡ.

Và vì tình lỡ nên tình buồn. Tôi tập tành viết văn. Khởi đầu bằng sầu cô phụ. Rồi đến người cũ người mới, tôi mang ra, lôi vào chữ nghĩa.

Hôm in được cuốn sách, ỳ xèo tôi gửi đi khoe. Thời gian sau tôi nhận được đôi lá thư, dăm lời điện thoại. Của người xưa, người nay, người mới, người cũ. Phát biểu cảm tưởng, nhận xét về truyện tôi. Ý mỗi người mỗi khác. Nhưng chẳng hiểu sao, lời từ nhiều người, mà nội dung cả thư lẫn điện thoại, đều na ná giống nhau. Đại khái ai cũng bảo tôi, "nhờ anh, mà em được nên người".

Nobel Văn Chương

Chú là bà con xa của ba tôi. Trước bảy lăm, không biết chú làm nghề gì, chỉ nghe bảo chú rất bận. Và cái bận rộn nhiều nhất, chú nói là dành cho văn chương.

Nhưng tôi nhận ra mỗi lúc có người được giải thưởng văn chương, văn học gì đó, mới là lúc chú bận hơn cả. Chú bận tìm người để thông báo, để bàn tán, và cuối cùng, để nghe chú chê. Ai, chú cũng thấy không xứng đáng lãnh giải. "Giải khăn sô cho Huế" của Nhã Ca, chú nói nhờ thời cuộc nóng bỏng, "Đường đi không đến" của Xuân Vũ, chú nói nhờ tác giả chiêu hồi. Kể cả sau này, García Márquez được Nobel, chú cũng nói tại văn chương huyễn hoặc, lạ thôi chứ không có gì!

Sau bảy lăm, chú xin được một chân trong hội văn nghệ thành phố. Lần đầu tiên tôi thấy chú đi làm, có công chuyện rõ ràng, nhiệm vụ bảo vệ cơ quan. Trước bảy lăm, người ta gọi đó là nghề gác dan. Chú kể chú quen nhiều tay văn nghệ sĩ nổi tiếng của miền Bắc lúc bấy giờ. Chú khoe, ai đến thành phố, cũng đều vào gặp chú. Ba tôi nói hẳn nhiên rồi, vì không gặp chú, không trình giấy tờ, hoặc nói lý do thì không được bước chân vào ngưỡng cửa cơ quan của chú làm.

Bẵng đi thời gian rất lâu, cuộc đời bảy nổi ba chìm, tôi lênh đênh ra hải ngoại, không biết tin tức gì về chú. Tình cờ năm ngoái đi Mỹ, chú cháu gặp lại nhau ở nhà một người bà con khác. Nói chuyện một hồi, nghe tôi viết văn, chú nói chú cũng làm văn chương. Tôi hỏi chú cộng tác với tờ báo nào. Chú đáp "tụi nó phe đảng lắm, chú không thèm cộng tác với tờ nào hết". Tôi hỏi vậy làm sao chú công bố tác phẩm của mình. Chú bảo cần gì phải gửi đăng báo.

Lúc tôi và chú cùng về, ra đến cổng, chú nghiêm mặt, nói nhỏ "chú vừa gửi tác phẩm của chú đi". Đi đâu, tôi hỏi. Chú nói đi dự văn chương Nobel thế giới.

Sứ mạng

Tôi viết văn, như Vũ Trọng Phụng kéo xe. Không, như tù cải tạo bụng đói kéo xe cải tiến chở gạch đất. Ỳ ạch và khổ sở. Gian nan nhiều năm, tôi mới in được một hai cuốn truyện ngắn không gây tiếng vang.

Nhưng đã viết, thì có người trao đổi chuyện văn chương. Và khi trao đổi nhiều lần, tôi bỗng cảm thấy mình phải có sứ mạng để lại cho hậu thế cái gì.

Thế là tôi mang sứ mạng lên vai. Tôi viết, rồi tôi nhìn quanh. Mãi, chẳng thấy ai thay đổi. Hậu thế cũng có vẻ không đọc tôi. Lâu sau, nặng quá, tôi mỏi mệt chịu không nổi, nên chuyển sứ mạng xuống

lưng.

Cách dây vài tháng, tôi về nhà thăm mẹ. Mới gặp nhau ngoài phi trường, mẹ tôi đã hoảng hốt, "dạo này con bị bịnh gì, hay làm việc nhiều lắm sao mà lưng con lại còn còng hơn cả mẹ thế kia".

Nợ nần

Người xưa nói, cái văn chương là cái nợ nần. Tôi quen với anh ta vì có dính dáng tới văn chương.

Anh ta ở Đông Âu, sang Tây Âu chơi. Bạn tôi biết anh ta ngày còn là sinh viên ở bên đó, anh ta viết văn, làm thơ. Và vì cũng mê văn thơ, nên khi anh ta sang, bạn tôi vời về nhà. Chuyện nhảm, bạn tôi khoe rằng thân với tôi. Anh ta bảo anh ta có đọc tôi. Và mượn điện thoại gọi nhờ để trò chuyện cùng tôi.

Chuyện văn chương, nghe vui, rôm rả như đi dự hội. Bạn tôi thích quá, bèn sai vợ con cơm nước, mời tôi đến nhà dùng bữa để tán dóc.

Để tán dóc, anh ta quả biết rất nhiều chuyện. Nhất là những chuyện vặt. Bên lề sân khấu, mà bình thường, độc giả cũng hay muốn biết cho vui. Anh ta kể nhiều. Về thân thế, chuyện riêng, chuyện tư của hầu hết những người nổi tiếng. Nhưng kể để vui thôi, không hại ai. Nên bạn tôi quí anh ta.

Ở nhà bạn tôi được hai tuần, một hôm, anh ta gọi điện thoại cho tôi xin gặp riêng. Khi đến, mặt mày anh ta tang thương, thảm não không chịu được. Anh ta kể bị mất cái bóp có nhiều giấy tờ quan trọng. Nhưng quan trọng nhất là mất tiền và thẻ tín dụng. Anh ta than, bạn tôi tiếp đãi anh ta quá tử tế, cơm bưng nước rót tận miệng. Rồi lại còn cho gọi nhờ điện thoại đi nhiều nơi; nhưng giờ mất hết tiền, không biết làm sao thanh toán lại cho bạn tôi, anh ta ngượng quá. Tôi bảo chắc thế nào bạn tôi cũng thông cảm. Anh ta đáp, chỉ sợ cô vợ của bạn tôi không vừa ý mà thôi.

Cuối cùng nói tới nói lui, tôi cho anh ta mượn một số tiền.

Lâu thật lâu sau, không nghe tăm hơi của anh ta, tôi dọ hỏi bạn. Mới biết, anh ta đã gạt nhiều người như thế. Tiền điện thoại viễn liên, anh ta gọi ở nhà bạn tôi, làm vợ chồng bạn tôi giận nhau đến hàng tháng trời. Bạn tôi nói, cũng vì văn chương chữ nghĩa, không dám kể cho tôi nghe, sợ tôi buồn.

Hoàng Nga

Đêm qua anh mơ thấy biển

ĐỨC PHỔ

Đêm qua anh mơ thấy biển
Sóng êm dềm liếm gót chân em
Gió lao xao rụng nhành dương liễu
Em cúi nhặt vội vàng xõa mớ tóc xanh
Giá như mặt trời đứng yên trên biển
Chắc kịp buổi anh về.

Đêm qua anh mơ thấy biển
Là điều có thật khi nói với em
Giữa những chuyện đời dối trá
Những chiếc mặt nạ quen nhìn
Cũng tưởng như mặt người thân thiện
Mà anh mánh lới không từng.

Đêm qua anh mơ thấy biển
Giọng thùy dương em hát lời buồn
Ngọt thời mía mọc tóc non
Bên triền sóng nói thì thầm
Cho anh ân sủng mang theo
Suốt những chặng đường vắng bóng em.

Đêm qua anh mơ thấy biển
Chiều về tình nhảy tung tăng
Niềm riêng giấu trong vạt nắng
Thương ơi bờ ngực hạnh đào
Xanh xưa nỗi chờ mọc cánh
Hứa với nhau như dặn chính mình.

Đêm qua anh mơ thấy biển
Một mình em trước cõi mông mênh
Nhỏ nhoi trái tim ngục lạnh
Giam miết mối tình chung thân
Mốt mai anh về qua biển
Liễu còn xõa tóc chấm vai em(?)...

Thương tích

Hồ Đình Nghiêm

1.

Vết chém khá sâu, xẻ rách một đường dài sau bả vai. Thịt lòi, máu đổ. Những bước chân quờ quạng thôi chạy, chậm lại rồi lảo đảo nương tựa vào một thân cây. Kẻ hạ thủ ném con dao vào bụi cỏ bờ mương. Hắn và nạn nhân thảy đều có chung một nhịp thở gấp. Hổn hển, bấn loạn. Mồ hôi chảy đầy trên mặt. Mặt hắn đỏ trong khi kẻ kia thì mướt xanh. Ấy là do bởi đau đớn hành hạ. Ấy là vì máu thất thoát đã khá bộn bề. Phải chăng?

- Lần này nương tay. Nếu tái điễn e vận sự chẳng được êm ả như bây giờ. Mẹ mày! Sống bình lặng chẳng ưa, sao cứ muốn tự mình tạo ra sóng gió? Dảo điên làm những chuyện khác với đời thường!

Hắn muốn nhổ một bãi nước bọt vào mặt nạn nhân, nhưng miệng khô khốc. Khạc ra được một câu như vậy thiết tưởng cũng đã đủ. Việc đáng làm đã làm xong, chớ nên trì hoãn lân la chốn hiện trường. Hắn ngó quanh, tìm lối gai góc rậm rạp mà giỏi chân đi; vất lại bên đường một hình người nhăn nhó nhợt nhạt, loay hoay trong thế ngồi cốt tìm cho ra sự thoải mái. Thoải mái rên rỉ, thoải mái nguyền rủa và thoải mái chờ đợi. Không mấy lâu, trong đôi tai mãi dỏng lên hứng đọng được thứ âm thanh tuyệt diệu. Âm nhạc tuyệt đối không cứu sống được ai, nhưng tiếng nổ của thứ động cơ 50 phân khối ấy sẽ mang người ta đến được bến bờ của sự hồi sinh. Gạch thẳng một đường tựa hình học không gian, nối liền hai điểm: Chết, Sống.

- Địt mẹ, nó ra tay khá tàn độc!

Máy xe tắt đi nhường cho lời bình phẩm đó thốt ra. Thấy có vẻ vô thưởng vô phạt, kẻ ấy tiếp:

- Bọn này đã đến trễ một bước. Xin chớ để tâm buồn lòng.

Khuôn mặt nhăn nhó trở nên méo mó khi mở miệng:

- Đừng nói thế. Suốt đời, Long này tâm niệm chẳng hề oán trách một ai!

- Nhất định bọn này sẽ tìm ra đứa nọ, để lại trên da thịt nó một vết chém y hệt như thế này. Đời bao giờ cũng nên lấy câu có vay có trả mà sống cho được đường hoàng.

- Không nên, không nên. Ở đời thì nên xem câu sống vị tha làm trọng. Oán thù chớ cột vướng dây dưa.

- Trả thù cũng có năm bảy đường, chẳng nhất thiết phải dao trả đao kiếm trả kiếm. Nếu muốn, bọn này có cách khiến cho lòng dạ nó đau khổ, ám ảnh mãi về một sự phân lìa.

- Thôi, đó là việc mai hậu. Nói chi nhiều cho xa nhau. Trước mắt để bọn này cõng tới nhà thương cho yên chuyện.

Hai xe gắn máy đồng loạt gào rú, khói phun hối hả mang bốn nhân mạng tìm ra đường nhựa mà chạy xé gió về phố thị. Gió chẳng có nhiều. Mặt trời chưa đi khuất, nóng hâm hấp thứ khí hậu rít róng thường hằng của thời tiết tháng Tám. Thứ khí hậu dường như luôn tràn vào lòng người những nhiệt lượng, xúi dục và làm kích hỏa nỗi phẫn hận trào ra. Có thể mang hình ảnh mùa Đông làm thứ phản diện để đối chứng? Mưa gió tơi bời, giá rét lạnh căm. Tái tê ướt át sẽ [illegible] người dịu đi, sống có vẻ nhu mì hơn, ít nổi loạn; co ro hòa bình. Phải thế chăng?

Trời nóng như biết bôi xóa, nấu chảy tiêu tán chữ "Lương y như từ mẫu". Thằng bác sĩ ngó con bệnh như ông thú y ngó con chó ghẻ lở. Hắn mập mạp, hắn trắng trẻo. Hắn đứng ở một bậc thang cao ngút ngàn, gửi xuống câu hỏi khinh mạn:

- Có tiền không mà vác thân tới đây?

- Bao nhiêu ạ?

- Thuốc tê, kim chỉ khâu vá, băng bông thuốc khử trùng, trụ sinh linh tinh khoảng tám triệu.

- Không thành vấn đề. Cứ xắn tay áo bắt việc ngay cho. Hai chiếc xe này tạm thời làm vật thế chân, bảo chứng.

- Chớ rườm lời. Chưa bao giờ tôi vượt ra khỏi ngoại lệ. Tiền chồng đủ, cất vào tủ hẳn hòi mới có hứng thú. Đã đọc truyện chưởng Kim Dung? Đời này thiếu khối gì đứa "thấy chết không cứu" như nhân vật cổ quái kia!

Ba đứa khoẻ mạnh ngó xuống đứa lâm nạn nhăn nhàu thần sắc. Lại trông lên vị bác sĩ đứng khoanh tay đang nhìn đời hiu quạnh. Một

dứa khí khái:

- Thật chẳng nên rườm lời. Tôi đi chạy tiền đây. Những đồng tiền bất nhân bất nghĩa.

Mặt hắn đen đúa, nuôi chùm râu dưới cằm. Râu dài, đã có lẫn lộn sợi bạc. Để cho gọn gàng, râu được cột tém bằng một sợi dây thun. Trông vừa buồn cười vừa đáng gờm, dễ nể. Khi hắn dắt xe, lóng cóng làm sao lại vấp ngã bậc thềm làm con dao dài dấu dưới yên xe văng ra. Tiếng kim loại chạm vào nền xi-măng nghe dòn dã hơn dụng cụ y khoa bày trên khay sắt. Bác sĩ ngó thấy vật phát tiếng tự nghĩ bụng, ta hành nghề phẫu thuật đã lâu chưa chắc có kinh nghiệm chuyện cắt xẻ lạnh lùng bằng tay này. Hắn mà động thủ e ta vô phương cứu chữa. Thôi, nhìn mặt mà chẩn đoán bệnh. Ta nên đằng hắng sửa giọng mới gọi là kẻ thức thời:

- Này, thấy ông anh kia mặt mày nhợt nhạt, nghĩ tình cảnh ngặt nghèo tôi chỉ lấy giá bốn triệu thôi. Hãy chóng kiếm tiền về, bởi cứu người còn hơn cả chữa cháy. Về muộn khắc nào máu vơi đi khắc ấy thì thậm nguy!

Bác sĩ dóng tiếng, từ tốn lấy thuốc lá bật lửa ém khói. Thuốc có cán, dĩ nhiên, thơm ngát mùi đế quốc. Bác sĩ thì trí óc phải hơn chúng sinh lầm than, hút thuốc nội địa có mà ho sặc máu! Vả lại bao năm gian khổ trường kỳ nhịn đói nhịn khát, nay đất nước phồn vinh không trả thù đời hưởng thụ thì phí cả một kiếp người. Những đứa chẳng có địa vị công trạng gì mà cũng ăn nhậu say khướt cùng gái gọi cao cấp. Bốc cái này hốt cái kia buông cái chèo cầm cái chày loay hoay bù khú suốt đêm dài. Lẽ nào ta lại thua sút phường ăn hại đái nát kia? Ra giá bốn triệu, trung bình để đồng một ngày có khoảng ba vụ chém nát người như thế này thì đời ta tự khắc phải lên hương. Mẹ kiếp, chẳng hiểu chúng ăn cái giải gì mà giờ đây gây gỗ nhau không bằng mồm miệng mà toàn bằng đao kiếm? Mẹ dành dụm được hai triệu cất trong tủ đeo chìa khoá ở ngực. Con muốn chơi gái về khảo tiền không được nổi sung chém mẹ hiền ba nhát chí tử. Bố mang tiền từ quê lên phố lo việc đám cưới cho dứa con đầu, nửa đêm thằng con út bịt mồm cứa một đường gươm ân tình ngang cổ, cột năm triệu sau đít chạy mất đất đoạn tình đoạn nghĩa phụ tử. Rõ là xem (công cha như) núi thái sơn nhẹ tựa lông hồng! Một xã hội mà con người quen ứng xử vụ việc như thế, ta sống trong đó không biết động não làm giàu thì ngu khác gì loài lợn? Bác sĩ gật gù:

- Tạm thời dưa anh này vào nằm bên trong. Kéo màn lại để tránh kẻ rãnh việc để mất dòm ngó. Tôi không phải hạng đa sự, nhưng có thể

tò mò đưa ra câu hỏi?

- Xin bác sĩ cứ hỏi. Xét thấy trả lời được, bọn này chẳng ngại từ nan để bộc bạch.

- Cớ gì mà bạn anh ra nông nổi kia? Kẻ thù là ai? Đã báo công an chưa?

- Chuyện lẻ tẻ. Chúng tôi không có kẻ thù. Và hà cớ gì lại đi báo công an cho rách việc?

- Thôi được. Vậy thì có vài thứ gọi là thủ tục nhập viện. Chẳng hạn tên tuổi, nghề nghiệp, gia cảnh, địa chỉ thường trú, thẻ chứng minh nhân dân...

- Nguyễn thanh Long tự là Long ngắn. Tuổi rồng vị chi đã 32. Nghề nghiệp không nhất định, gần nhất chuyên viết mướn, hiện thất nghiệp. Gia cảnh: Vợ bỏ hiện sống độc thân...

- Xưa nay nghe đời gọi là thương vay khóc mướn, mướn người đi dánh ghen, chém mướn, mướn người đi ở đợ bên Đài-loan... Bản thân tôi chưa hề nghe qua chữ viết mướn.

- Thưa bác sĩ, ấy là bởi ông xa cách với thế giới lao lung ở bên ngoài. Chúng ta có cả ngàn lẻ một nghề liên hệ tới chữ mướn. Xã hội ta rất lắm dân ngu khu đen suốt đời chẳng cầm được cây bút. Vậy thì nay viết dùm họ lá đơn xin lại căn nhà bị chiếm đoạt, mốt viết dùm họ tờ đơn xin được đoàn tụ gia đình... Thú thật nghề ấy rất trong sạch, liên hệ ít nhiều tới chữ nhân đạo; đem sở học mà giúp kẻ mù chữ. Truyền đạt nguyện vọng chính đáng lên thượng tầng kiến trúc...

- Thôi, chớ rườm lời. Phật bổ tát có dạy: Mở miệng là đã sai. Lầm lạc ngay tự cơ bản!

Long nằm nghiêng trên giường, thấy lạnh. Nghe lí lịch đơn giản của mình đang tuần tự trôi đi ngoài tấm màn che. Long khép mắt, có giọt nước nóng ứa ra bên khóe. Câu thơ xưa chợt chạy ngang tiềm thức: "Cha mẹ sinh tôi thằng con bất hiếu, thề thốt thương người hơn cả song thân!"

2.

- Em sống có vất vả không?

- Vất vả là sao? Dạo này trông anh gầy đi rất nhiều. Chúng ta ai nấy đều hư hao!

- Em làm anh cảm động, có biết không?

- Về chuyện gì?

- Chiếc áo em đang mặc. Nó nói cùng anh biết bao điều. Nhắc

anh nhớ tới những kỷ niệm đằm thắm ngày cũ. Trời ơi, màu tím than!

- Cũng nhờ chị Sáu...

- Tại sao lại bả? Người đàn bà bán cơm bụi ấy đâu liên quan tới chúng mình?

- Áo này em cất gửi ở quán cơm đó. Khi ra khỏi nhà em mặc trên người một bộ đồ rách nát thảm thương cho lòng người khỏi nảy sinh dị nghị. Anh hiểu không? Tới quán cơm chị Sáu mới thay hình đổi dạng chút đỉnh để gặp gỡ anh. Ngó em có già đi nhiều không? Áo màu tím buồn, ray rức, trông như hình ảnh một goá phụ!

- Anh mới nhờ tay họa sĩ phóng lớn tấm ảnh em cười ngày xưa. Treo lên vách nhìn cho đỡ nhớ. Có đứa không biết chuyện, ngứa miệng hỏi: Mày thờ phượng ai đây?

Khi nói, người đàn ông tìm lấy đôi bàn tay mãi bức rức kia để ấp ủ, nâng niu. Tay chẳng còn suông thon, mềm dịu. Những ngón dã biến dạng này gieo tới sự cảm nhận: Nó làm lụng không hở tay. Lao động chết bỏ chứ chẳng phải hạng ăn không ngồi rồi. Bàn tay rịn dổ mồ hôi, rụt rè rút về đặt yên trên đùi, thu cất dưới mặt bàn. Bàn bằng gỗ, thô lậu, chông chênh. Người ta đang chùi nó bằng chiếc khăn ướt nước rồi dặt xuống đó hai ly cà phê. Cái nồi móp méo ngồi trên cái cốc mẻ miệng. Nước đen chảy xuống rỉ rả bên trong lớp thủy tinh đục, trầy trụa. Bước chân thời gian khi dẫm đạp ngang qua đã không từ chối, bỏ sót một vật thể. Già tuổi trong tàn phai. Người đàn bà ngó quanh:

- Có lẽ bận sau mình không nên ngồi đây.

- Quán vắng tẻ, em lo ngại điều gì?

- Em không biết, tự dưng cảm thấy ngột ngạt.

- Nếu chẳng thoải mái thì uống xong cái này rồi hẳn đi.

Họ uống cùng một thứ dung dịch giống nhau. Có khác chăng, người đàn ông đã nhường phần đường của mình cho đối tượng. Người đàn bà khuấy, nhấp miệng, liếm môi vẫn còn thấy đắng.

- Chẳng phải hoàn toàn là cà phê đâu em ạ. Đắng chát bởi lẽ họ cố tình pha trộn một thứ gì vào đó. Anh nghe đồn đãi, họ thêm thắt gia vị nào là bột ngọt vị tinh nào là ít giọt nước mắm. Bán cà phê mà chẳng khác nào đang bỏ công ninh hầm một nồi phở.

- Anh nói nhỏ tiếng lại có được không? Anh đang thèm phở chứ gì? Bận sau mình hẹn nhau ở Hiền vương.

- Anh thèm em. Gần bên em thì anh chẳng còn tơ tưởng điều gì khác.

- Mấy giờ rồi anh? Tự dưng em thích được nằm xuống trên đồi cỏ mượt. Mây, gió, nỗi lặng yên, sự thoáng đãng. Có bao giờ anh ngủ trên

đồi hoang chưa?

- Chưa, anh xôn xao bởi hình ảnh em vừa vẽ ra. Anh sẽ cất công truy tìm một nơi chốn tựa thế. Một nghĩa địa, một cánh đồng bỏ hoang. Mơ hồ trong anh đã nhận diện được nó rồi. Lần sau nhé! Anh sẽ mượn một chiếc xe gắn máy.

Họ lại nắm tay nhau. Người đàn bà đứng lên trả tiền cà phê và nói vội lời từ giã. Người đàn ông ngồi yên vị, con mắt dán cứng sau tà áo tím, ray rức chìm khuất ở một ngã tư. Đó là buổi chiều sau cùng. Mộng tưởng về một giấc ngủ bên nhau trên đồi cỏ sẽ mãi không thành hiện thực. Người đàn ông rời quán nước, hắn chẳng lường tai ương đang đón đầu. Hắn chạy, sau lưng loang loáng ánh thép lạnh căm và những lời thoá mạ tục tằn rượt đuổi. Không một ai can thiệp, người ta dứng vòng tay chia đều hai hàng dõi trông cảnh tượng, tựa như đó là sản phẩm của một nhà đạo diễn chuyên về đề tài xã hội đen. Một nhát chém vào bả vai. Nạn nhân chạy thêm khoảng năm mươi thước thì quỵ xuống. Hắn cố giữ sự điềm tĩnh trước mặt kẻ hạ thủ. Hắn như không thấy đớn đau. Phút chốc, hắn nghĩ tới người đàn bà. Lo toan cho số phận người tình khiến hắn tái xanh mặt máu. Ở xa, vọng về tiếng máy nổ gấp gáp.

3.

- Nếu xem nhau là bằng hữu, liệu ông có nghe tôi khuyên một câu?

- Bạn không hiểu là tôi đang bấn loạn cỡ nào đâu!

- Bọn tôi sẽ thay phiên đi dọ hỏi tin tức giúp ông. Khi xuất viện thằng bác sĩ nói gì ông nghe không? Mươi ngày nửa tháng tuyệt không nên gần đàn bà.

- Vết thương đã hết nhức nhối. Nhưng trái tim, các bạn hiểu cho. Hãy để tôi đến gặp người ấy.

- Long, tự là Long ngắn. Hơn ai hết ông phải hiểu ý nghĩa của chữ ngắn kia. Cuộc đời không dài huống hồ một mối tình vụng trộm!

- Phải, tất cả đều ngắn. Ngay cả con đường từ đây dẫn tới căn nhà kia. Tôi đi bộ một mình, tôi sẽ gặp được người tôi muốn gặp.

- Bọn này thật không hiểu ông. Và đó là cả một sự thất vọng lớn! Lụy vì tình? Đàn bà? Nói bỏ lỗi, tầm thường, bỏ đi tám.

- Tôi chẳng có gì để biện bạch. Mấy bạn có quyền để khinh khi. Cái quan trọng đối với tôi giờ này chính là sự an nguy của người ấy. Tôi sẽ trở về, không lâu đâu.

- Giả như bạn bị thêm một nhát chém?

- Điều đó có nghĩa là đời này chẳng còn hiện hữu một thằng Long ngắn.

- Điên rồ! Bọn này lấy làm tiếc cho số tiền bốn triệu kia. Thật chẳng đáng khi vỗ béo cho thằng bác sĩ nọ.

Hai xe gắn máy luân phiên góp tiếng. Chúng rầm rộ sắp hàng trước sau lần lượt rời khỏi công viên. Trên ghế đá, Long ngồi với bóng mát luôn lay động. Nắng đâm thủng lá cây, gửi xuống thân thể Long từng đốm sáng nhỏ to, thì thầm. Đường phố ngoài kia có lắm xe cộ di chuyển, Long chóng mặt khi dõi trông. Thực ra hắn còn rất yếu, nói theo ngôn ngữ của bọn y tá: Một tới mười. Năm là xơi cơm được mà mười thì dã khoẻ hẳn ra. Vậy thì bạn đang ở ngấc nào? Số bốn. Cơm nuốt không xuống. Lưng tê cứng, thỉnh thoảng cơn đau vụt chạy ngang khiến cơ thể phải giật bắn lên, hoặc oằn người xuống chịu đựng. Nhưng mà người ấy, cô ta có bị hoạn nạn không? Giờ này muốn kiếm một lọ cường toan a-xít chẳng phải là điều khó. Báo đài vẫn loan tin rậm rật đó là thứ hoá chất mà người ta quen dùng để tạt vào mặt nhau. Mặt hoa da phấn thì gia tăng thêm chút nồng độ mà xấu như quỉ dạ xoa thì hà tiện chút đỉnh đặng phòng hờ lần sau có đó mà dùng.

Long đứng lên, vẫy tay với đám trẻ con bán vé số, giã từ bọn con trẻ hành nghề đánh giày, cố vững bước rời khỏi công viên bắt đầu có lắm tiếng người. Hắn đi chậm rãi, thỉnh thoảng dừng lại để hít thở từng hơi sâu. Một vài kẻ hiếu kỳ chăm mắt ngó. Một vài đứa giạt vội ra xa như sợ nhiễm bệnh xi-đa. Đường đi nhiều màu sắc chập choạng nhập nhằng và sau cùng căn nhà vàng vọt kia bít lối. Hắn gõ vào cánh cửa đóng kín. Tín hiệu không được đáp trả. Hắn hỏi người đàn bà ngồi bên hộc tủ đựng những bao thuốc lá đủ mọi quốc tịch.

- Hổng biết. Đã hai ba hôm cửa vẫn đóng kín tựa thế. Làm một điếu ba số nhé?

Làm thì làm. Luật giang hồ đã quy định, không ai trao miễn phí một nguồn thông tin. Có hỏi, có đáp thì phải có bán, có mua. Hắn ém sâu hơi thuốc. Thằng bác sĩ cũng hút hiệu này. Vậy thì chúng ta bình đẳng. Có điều mày chơi không đẹp, mày khâu vết thương cho tao bằng tất cả sự vụng về mà mày có.

Thuốc lá làm trí não Long sáng suốt hẳn. Hắn gọi một chiếc xe ôm, chẳng dài dòng văn tự vì địa chỉ ấy khá nổi tiếng. Những đứa hành nghề chạy xe thồ, có đứa nào lại chẳng từng ăn qua chén cơm bụi của chị Sáu mặn mà? Ba mươi giây, con ngựa sắt quái đản ấy đã hí lên tiếng cuối, vất Long xuống trước hàng quán đầy bụi, cả nghĩa bóng lẫn

nghĩa đen. Giờ này còn sớm, chưa tới cao điểm tan tầm làm ùn tắc giao thông. Quán không ai, chỉ có con cẩy ốm o nằm vẫy đuôi dưới nền đất chẳng có xương vãi cơm rơi. Và phía trên, từng đàn ruồi bay rối loạn lo tranh thủ sớm bám trụ kiên cường.

- Mèn ơi. Lâu ngày dữ à nghen. Làm gì mà mặt xanh tựa bẹ lá chuối vậy cưng?

- Chị Sáu...

- Ừa, ngồi xuống đi. Coi, như vậy là hơi bị thiếu chất thịt chất thà chất rau chất rác. Cưng làm gì mà thoạt trông tợ kẻ mới thoát được trại phục hồi nhân phẩm!

- Có làm gì đâu. Tại Hồng nên ra nông nổi.

- Cái gì? Con Hồng. Nó ra sao rồi?

- Tính tới hỏi thăm chị Sáu đây.

- Ba hôm trước nó phóc lên tàu Thống nhất. Nước mắt nước mũi đầm đìa hỏi đi đâu không hé miệng. Quê ngoại quê nội nó có phải ở ngoài miền Trung không?

Chén cơm đưa tới, gọi là bồi dưỡng xua đuổi chút hao gầy. Long đưa lên miệng, cố và cố nuốt những hạt ngọc của trời. Nhạc ở đâu xa tiếng được tiếng mất gửi về nỉ non giọng điệu tức tưởi: "Quê em nghèo lắm ai ơi, mùa đông thiếu áo mùa hè thiếu ăn..."

4.

Ở Huế, những ngày cuối năm trời đất nhăn nhàu một màu phiền muộn. Tết năm nay mưa triền miên, gió chẳng hề mỏi mệt luôn vật vã trên những hàng cây nặng trĩu nước. Huế tắm gội, ngâm thân trong một lượng phong vũ thừa mứa chưa hề có. Sông Hương đổi màu lưu thủy, nước chảy xiết, nhận chìm ở đó một giọng hò Nam ai não nuột. Trên cầu Trường tiền thưa thớt bóng người, những chiếc xe chạy vụt ngang, nhoè đi như cảnh sắc được ngắm nhìn qua màn lệ mỏng. Vậy đó, vậy mà có bóng bộ hành đi chậm rãi không nề hà chuyện mưa sa gió táp. Hắn đi, tựa kẻ lên cơn đồng thiếp, hoặc một môn sinh chăm chỉ của bang phái Tai-chi. Bước liêu xiêu, hơn hẳn bóng hình một thi sĩ đi nhặt tứ thơ. Hắn mặc trên thân chiếc áo màu tím, mưa ngấm vào, làm tím ngắt, màu run rẩy chuyển đổi qua đen. Lạ lùng thay, đó là chiếc áo dành cho đàn bà, và chủ nhân ắt hẳn là người có bộ ngực khá lớn. Điều này vô tình làm ngực hắn méo mó như thể ai đã mạnh tay xẻo cắt đi, làm lõm khuyết một phần thân thể. Mặt hắn nhăn, hoàn toàn hắn không phải là đứa bình thường, hiểu ở nghĩa hắn đang ôm giữ sự nghiệt ngã

của một cơn đau chẳng thể phục hồi.

Tôi đi thăm mộ về. Cành mai gầy mua giá cao đang mất dần nét đẹp trên tay cầm, khi gặp hắn.

- Anh cho tôi hỏi nhà Hồng ở đâu? Nam giao Bến ngự Kim long hay nội thành? Tôi tên Long tự là Long ngắn. Đời vô thường, dài ngắn đều do lòng người đặt ra kích thước, tiêu chuẩn, sum vầy, chia ly, đoạn trường làm phiền hà nhau. Tôi ra chốn Thần kinh đã hai ngày. Hồng ơi em đang ở nơi mô?

Tôi mua cho hắn ổ bánh mì dưới chân cầu, mong hắn có sức để dọ hỏi tìm ra tông tích người hắn muốn tìm. Người yêu tôi mất khi tôi đang ở một đất nước xa xăm, trước đây không lâu tôi đã nhỏ lệ khi tìm được nấm mồ của người tình bạc phước. Thú thật tôi rất buồn đau. Cố quận tiêu điều, mưa gió nặng nhọc, nấm mồ sỏi trụt trên vùng đất hoang vắng. Hắn hơn tôi, ở chỗ hắn còn ít nhiều hy vọng. Tôi thua hắn, ở chỗ tôi quá sáng suốt khi nhìn ngắm sự tình. Dầu sao thì có một cái gì đó, tựa như thứ đồng bệnh tương lân, tôi đã yếu mềm đúi vào tay Long một tờ hai mươi đô la. Người hắn run lên, xông vào mũi tôi một thứ mùi kì dị. Sau lưng hắn, vết chém đang lở loét mưng mủ.

Tôi bỏ Huế mà đi, đã lần thứ mấy trong đời? Phi trường Phú bài xám ngoét trong mưa, câm nín lời tiễn đưa quặn thắt. Đầu óc bần thần, tôi mang tiếng nói thảm thiết của Long vượt trùng khơi: Hồng, Hồng ơi, em đang ở nơi mô?!

Montreal General Hospital, tháng 3/ 04

hộp thư

Thư từ chi phiếu liên quan việc gia hạn, đổi địa chỉ...:

Đoàn Khoách (San Diego CA), Lê Lộc (Seattle WA), Nguyễn Dăng Liên (Garland TX) , Medex Co. (San Jose CA), Trần Ngọc Chất (El Monte CA), Trần Thị Giang (Toronto Canada), Nguyen Thuy Hoan (Lawndale CA), Phan Ngọc Minh (Frankfurt Germany), Lê văn Dàn (Houston TX, đổi địa chỉ từ Sugarland về Houston), Phan Minh Lượng (San Jos CA), Hoàng Đỗ (Spokane CA), Nguyễn văn Hai (Louisville KY, đổi địa chỉ), Nguyễn văn Thiệu (Sydney Australia), Phuong Nguyen (Garden Grove CA), Nguyễn Minh Thiện (Norway)

Vẫn chưa quên những trang cổ tích

NGÔ NGUYÊN DŨNG

chuyện đã cũ
tôi không muốn giữ
nhưng ký ức vẫn chưa quên
những loanh quanh - bồn chồn - phiền toái
của kẻ còn nuối tiếc đã bỏ dở lộ trình
qua những đèo núi tư tưởng xa mù - gián đoạn
chỉ vì một nẻo sông lúc dong ruổi về hướng thấp thoáng tinh cầu
đợi hoàng hôn chín muồi tâm thức
ngày kiệt lực sóng soải lưng trời hoang vu vệt tím
những vết tích phù phiếm chưa lành
lần hạnh ngộ tình cờ
như thời tiết trái mùa gọi sấm sét
tôi một thời tránh gió trong rừng rậm chữ nghĩa mình
thuở sách vở mở đầu bằng hai chữ ỏngày xưa...õõ
tôi lắng nghe lá tắm gội suốt mùa mưa
lũ côn trùng biếng ngủ đêm thầm những vì sao
và đêm hồn nhiên ca múa quanh chu kỳ phiến loạn
chưa một lần thắc mắc
về khoảng cách nghìn năm ánh sáng
tôi trầm ngâm mơ mộng về một phương tĩnh lặng
chỗ không gian và thời gian giao tiếp
chỗ không có những nếp gấp tai ương
chỗ không có những oan khiên bạc sóng
chỗ tôi đã một lần cất giấu nhiều báu vật ấu thời
và bài thơ mặc khải đầu tiên
tê dại đầu ngón tay giao cảm

cuộc đời vẫn lặng lẽ những vòng quay lãnh đạm
tôi đánh cuộc với chiêm tinh vận mệnh mình
đối thoại cùng tâm linh
khi ra đi chỉ mang theo hai bờ vai du mục
và một thuở quê nhà xanh nắng
của kẻ đã từng dửng dưng trước ngôn từ cách mạng
đã hồ như thấy ra tất cả chỉ là hư tưởng
điều còn lại - sau cùng - là hiu quạnh
của bầu trời ẩn mình trong hạt cát
tắt dần những ưu tư quanh mình
đêm mặc niệm cùng giấc mơ loã thể
giữa lòng tay lấp lánh hạt nắng
một mùa hè rớt lại đáy gương soi
nụ cười ai mỏng lời tự thú đã bao lần khất hứa
nhiều lần dối lừa
nhiều lần từ chối
dôi lần giấu lệ
vô tình với nỗi đau hai bàn chân mỏi
trong chuyến hành hương muộn màng
tôi lạc lối xuôi ngược mê cung khuất dấu tìm về
chỗ trang sách dậy thì thứ nhất
dê mê trắng toát
chưa biết khao khát giao hoan cùng bút mực
như trường thiên cổ tích
thuật chuyện thiếu nữ ngồi nhặt những tinh tú mong manh tia sáng
trước bình minh
lời chim báo thức trong tâm tưởng còn nguyên vẹn
vạt áo đắm đuối hương nắng vườn chanh
trên da ngực in dấu tình đầu
những bàn tay vỗ về và hứa hẹn
một kết thúc êm xuôi
có người mê tín đã tin lời rêu rao như thế
như tin có thứ tình yêu
sẽ dọng thành ngọc
trong tim
sau khi chết

(tháng 4.2004)

"Sao các anh thù dai thế?"

Không chỉ là chuyện thời sự hay cá nhân

Tạ Chí Đại Trường

Người hải ngoại – ít ra là ở Mĩ – thì biết ai nói câu này. Người trong nước chắc là không, vì nếu có chú ý đến thời sự, đọc tin tức chỉ thấy các phái đoàn ta đi công cán ở nước ngoài đều gây được thành tích rực rỡ, đến đâu cũng được kiều bào – những người tốt – đón tiếp niềm nở, thân thương. Chỉ có người chứng kiến tại chỗ, không ghi lại trong báo cáo, mới nhận ra có bọn người xấu phất cờ la ó, xua đuổi, để ngạc nhiên thấy mình không được quỳ luỵ như ở trong nước, nên nhẹ nhàng – vì không thể giận dữ quát mắng – trách: "Sao các anh thù dai thế?" Đó là lời của ông Thứ trưởng Nguyễn Đình Bin nói ở Washington D.C. năm 2003. Lời nói chỉ nhắc đến "anh" mà không có "chị", lộ ra một ý thức quyền đàn ông truyền thống bao trùm, nhưng thôi, chớ nên bắt bẻ thái quá.

Nhưng có thù có hận thì cũng phải sống trong thực tế, có lúc cũng quên đi, hay tưởng người ta quên đi. Và người người đi về Việt Nam *(đi* hay *về?)* Trong đó có tôi. Nhân cơn bệnh hoạn, hết xí quách, không làm việc nổi nữa, ráng đủ sức cầm tấm vé máy bay *on sale*, tiền nào của nấy, ê ẩm mình mẩy với với chuyến du hành vòng lên Alaska, trở xuống Kamtchatka (hèn chi có lúc bị Liên Xô anh hùng vô địch bắn tan xác!) ghé Inchon (Nhân Xuyên) với mấy chú Củ sâm đánh lộn trong phi cơ trên bãi đậu, trễ đến 6 tiếng đồng hồ mới tới Tân Sơn Nhứt. Phi trường khuya về sáng, lưa thưa người, như một sân bay tỉnh lẻ.

Những ngày lang thang trên đất quen mà lạ. Bởi vì đã là khách, lạ mà quen. Tờ mờ sáng, bận quần xà lỏn, bắc cái ghế ngồi nhâm nhi cà

phê, đọc hết mấy tờ báo hàng ngày thì đường đã đông. Ngay trước mặt, chỉ cách vài thước, chắc là *tám thước* như của ông Tố Hữu, là cổng Bộ Công An, có lúc tự hỏi không biết vào lúc nào thì mình phải bước qua. Không. Tuy chẳng phải ăn cắp ăn trộm bẻ bí bất gà nhưng thói quen áy náy vẫn cứ buộc mình thanh thản ở thế trông chờ. Không. Làm người dân của thời đại văn minh, không phạm luật – cả đến luật của nước người, khỏi vào Công an không phải là chịu một ơn huệ, tuy nhiên vì phép lịch sự vẫn thấy nên nói lời cảm ơn.

Nhưng vẫn phải hỏi
"Sao các anh thù dai thế?"

Một buổi sáng mở tờ *Thanh niên*, thấy có chuyện về cái DVD hải ngoại "Tuyển lựa..." gì đấy mang hình các cô ca sĩ, mô-đờ trong nước bị công kích dữ dội nhiều kì báo, với thời mới có cả thư độc giả bốn phương imeo, imiếc nữa. À thì ra bọn xấu hải ngoại lúc nào cũng tìm cách bôi đen chế độ ta! Bọn xấu đó không nằm trong các thùng hàng gởi về tiếp sức lúc chế độ diêu đứng không phải vì bọn đế quốc thả bom. Chúng không in hình trên gần ba tỉ đôla trong năm vừa qua, như của trên trời rơi xuống mà thực ra có ý nghĩa như tiền chuộc tội cho hàng chục triệu con tin nguỵ không kịp thoát chạy, bị nhà nước mới cầm giữ. Chúng không cố bám trong các tia dầu vọt lên từ biển Đông, tia dầu không có ở miền Bắc, nơi chỉ có nước lũ sông Hồng đi theo nền thống nhất tràn ngập miền Nam vì người ta phá rừng bừa bãi, lúc đầu là theo chủ trương khai hoang vỡ hoá của ý thức nông dân thời vua Hùng dựng nước, tiếp theo và dài dài đến nay là chủ trương di dân chiếm đất củng cố chế độ, theo sức mạnh công phá của những người "ăn theo" chiến thắng, những người quen sống bất hợp pháp trong một chế độ kềm thúc gắt gao (chui lọt thỏm giữa rừng sâu phá ra!), phải sống như thế mới tồn tại được. "Vào miền Nam, đẻ sướng!", không quen với capote/condom để khỏi lo sợ có con, không sợ bị người khác dòm ngó phê bình, *chuyện trên giường* còn như thế kia mà!

Mà hãy nhìn lại hình các cô được trưng dẫn. Tuy có nghèo, có thiếu vải, vì nhởn nhơ trên bãi tắm, nhưng không phải là *không vải* như chắc chắn là ở hình của hai cô cậu 21, 22 tuổi đóng phim X 16 phút cho người trong nước thưởng thức. Chắc chắn không nhiều vải hơn cô giáo đi thi thạc sĩ hở rún, hi vọng giám khảo nhìn nơi khác mà không chú ý đến bàn tay quay phim của cô. Thế thì căn cớ gì cứ chỉ vào mặt bọn hải ngoại? – "bọn" này, nói cho cùng, nếu quen thuộc với sinh hoạt thị

trường, thì thấy họ chỉ có mục đích kiếm tiền, mấy cô hải ngoại nhẵn mặt rồi, và cao giá (đôla) làm tăng thêm sở hụi, đem mấy cô trong nước vào phim thêm chất hương xa của chùm khế ngọt, bán tất chạy hơn một chút, có thế thôi, chính trị chính trọt gì đâu! *"Sao các anh thù dai thế?"*

Nhưng cũng như nhiều vấn đề khác, thực tế thúc đẩy một "chiến dịch" dù nhỏ như trường hợp này, cũng bắt nguồn từ những nguyên nhân phức tạp hơn nhiều. Người ta đã quên "truyền thống" với câu: "Nói người phải nghĩ đến ta, Thử sờ lên gáy xem xa hay gần." Trong bao nhiêu năm đào tạo được đám văn công, văn thần, sử thần ca tụng một đất nước anh hùng, trong sáng tuyệt vời, người ta đã biến ảo tưởng thành sự thật, thành chân lí không thể nào tranh cãi, thành tâm tình thiết tha không thể nào cởi bỏ được. Sự dối trá được thể chế hoá lâu dần trở thành đương nhiên, tự nhiên, do đó với những dao động gần đây, bây giờ người ta phải cứu vãn nó bằng cách che chắn, tìm nơi trút bỏ xấu xa. Ông Nguyễn Hồi Thủ dịch quyển *Người Trung Quốc xấu xí*, cho nó chu du hải ngoại Pháp Mĩ rồi mới được tờ *Nhân dân* trích đăng vài chương như một sự điều tiết tin tức tuyệt vời về mặt chính trị, không gợi được một xao động nào như dịch giả mong muốn, như khi nó là cuốn sách nguyên vẹn nằm trên quầy. Có đổi thay phải là do Đảng và Nhà nước làm chứ không để người ngoài ra tay. Đổi thay phải là "tự giác", nghĩa là theo lệnh, chứ không thể là "tự phát". Các cô gái trong băng hình kia là người của chế độ mới, nguỵ không được đụng tới (sướng nhé!) Gần gần giống như đảng viên có phạm tội thì phải chờ khai trừ đã rồi Nhà nước mới được xử! Những lời nói trong băng hình thật ra cũng chỉ là chuyện tào lao của các cô gái khảo chuyện riêng tư, thế mà chỉ vì được đặt trong thể giá của một đất nước dưới sự lãnh đạo tuyệt vời của Đảng (cái ảo tưởng trở thành chân lí như đã nói, nay vẫn bám giữ trong sâu kín) lại đặt trong phạm trù chính/nguỵ nên mang vẻ cao kì, trở thành vấn đề đạo đức to đùng! tội nghiệp trước nhất cho các cô bé kia. Trong một bài báo bên cạnh, không biết có sự cố ý sắp xếp hay không, cũng có lời phát biểu mang chút riêng tư của một cô ca sĩ (?), và bị kết tội về mặt đạo đức. Sao mà đạo đức tràn đầy, hèn chi có người chết đi nhất quyết đòi xuống âm phủ rộng rãi thênh thang, tránh cảnh chật chội chen lấn trên thiên đường!

Với thời mới không thể tụng mãi câu (tàm tạm chuyển đổi): "Tốt đẹp là cơ bản, xấu (không thêm chữ "xa") chỉ là tạm thời", nên người ta cũng có thông tin về những chuyện là lạ. Với bọn "phản động" thì lạ lắm! Như chuyện người Đài Loan đi "coi mắt" con gái Việt. Ngày

trước, văn công của các ngài đặt ra câu vè muốn mang tính chất khêu gợi tình yêu nước, yêu dân tộc mà rẽ ra tinh thần kì thị chủng tộc và ngầm ý miệt thị người phụ nữ Việt: *"Rớt Tú tài anh đi trung sĩ, Em ở nhà lấy Mĩ nuôi con. Đến khi yên nước yên non, Anh về anh có Mĩ con anh bồng."* Cậu bé quân dịch Mĩ vốn được nuôi dưỡng trong thực tế sex, đã nổi xung, phản bác: "Nói Mĩ lấy hết đàn bà con gái Việt Nam, nhưng có được ai còn trinh đâu!" Mà ngày trước Mĩ có lột truồng đàn bà con gái Việt thì chỉ trong bóng tối, tiền trao cháo múc chứ có đâu săm soi giữa thanh thiên bạch nhật dưới con mắt của bàng dân thiên hạ, để cân nhắc trinh tiết, cò kè bớt một thêm hai như mấy ông già Đài Loan bây giờ? Hay đó không phải là phụ nữ Việt? Chỉ là Việt của nguỵ? Nhìn kĩ vùng xuất khẩu cô dâu Việt về cơ cấu thành phần xã hội thì thấy đa số đó là của những người đầu-gà-đít-vịt, Miên lai Tàu, lẽ tất nhiên chính bản thân họ cũng không nhận ra điều đó mà đôi khi còn tự phụ là người Việt chính tông, phân biệt với những người "Bắc" từ xa tới nữa. Nhà nước ta thông thái hơn, cứ để mặc cho họ qua Nam Vang bán thân hay về lại Tàu (chỉ có MỘT nước Trung Hoa) trống chỗ cho người Kinh đến ở theo chính sách dịnh cư có kế hoạch, mặc dù phải lo lắng bảo vệ những kibbutz mới, tránh bọn con nít địa phương ném đá vào nhà, đêm đêm phá hoại hoa màu, vì chưa đủ sức ôm bom tự sát! Nhưng tính già hoá non, những cuộc hôn nhân có điều tiết ngầm đó lại khiến cho riêng tỉnh Vĩnh Long thừa ba ngàn đứa bé có mẹ mà không Tàu không Việt, mai sau chúng đi về đâu?

Chưa nghe ai giải thích XHCN là Xấu Hơn Cả Nguỵ ư? Sao phải cần là nguỵ mới xấu? Vậy thì "thù dai" chỉ là cái cớ che đỡ, một mặc cảm của sự chiến thắng không toàn vẹn, càng lúc qua sàng lọc của thời gian càng bộc lộ những che giấu xưa, vì sợ hở hay vì đầy tự tín nghênh ngang, để xem "ai làm gì ai nào!" Kỉ niệm Điện Biên Phủ oai hùng "chấn động toàn cầu" ghi dấu cho tương lai bằng việc tách ra lập tỉnh Điện Biên, với khí thế hào hùng ngút trời, văn chương tuyệt đỉnh, chỉ có ông già gần chết Trần Văn Giàu là nhắc tới ngoại viện (hay một chữ gì tương tự, quên mất) chung chung, chứ sử gia tò mò quen thói phản động mới thấy thung lũng Điện Biên trở thành hầm sụp chiến tranh chỉ vì Việt Minh có súng lớn từ Trung Quốc đưa sang, và nay lại biết thêm rằng có cả cố vấn điều khiển bắn nữa – nghĩa là suy thêm, còn là chuyện cố vấn "hò kéo pháo", tuy thân chèn pháo là của người khác! a. Và sau này có "chuyên gia nước bạn" vào tận chiến trường Miền Nam tính toán, điều hành tiếp liệu... Đến lúc nào thì ta biết thêm được điều gì khác nữa?

Cứ muốn phải là toàn vẹn, cao vời nên chỉ một biến cố thiệt thòi nhỏ cũng thấy không đáng bỏ qua, mà coi là dịp để lên gân yêu nước, xỉ mạ kẻ thất thế. Có mấy cô cậu ca sĩ hái chùm khế ngọt chua lè ở Việt Nam, mơ mộng về một chân trời mới, nhảy qua Mĩ làm ăn trong cái thế tính toán qua kinh nghiệm (kiểu cũng như các ông bà ca sĩ hải ngoại "danh tiếng lẫy lừng", nhẫn mặt ở đây không địch nổi với các cô cậu hơn hớn lớn lên nên "tìm về quê hương yêu dấu", chuyện bình thường của đời sống không lên gân) thế mà cũng lôi ra "những khuôn mặt một thời chống cộng sừng sỏ nhất trong thiểu số phản động đang định cư ở hải ngoại": "ông tướng râu kẽm Nguyễn Cao Kì, từng là Phó tổng thống của chế độ Sài Gòn, trong lĩnh vực âm nhạc không ai có thể sánh bằng nhạc sĩ Phạm Duy, từng được gọi là 'bố già' trong cộng đồng người Việt, cũng như trong lĩnh vực văn học, nhà thơ Du Tử Lê là một trong những nhân vật tiêu biểu...Những con người tưởng chừng như một khi đã bỏ quê nhà ra đi bằng ý thức mù quáng đó sẽ không bao giờ trở lại, ấy vậy mà họ đã quay về, có người đã khóc rưng rức vì xúc động giữa lòng quê hương đang từng ngày đổi mới." *Sao các anh thù dai thế?* Mà nhỏ mọn nữa. Không thấy đâu tư cách của người chiến thắng mà chỉ có sự kiêu ngạo triền miên chỉ đợi có dịp là bung ra.

Tôi không quen biết ông Kì (không dám đâu!), có trao đổi vài câu với ông Phạm Duy lúc ở Việt Nam, và mới đây, nhưng nếu nhận là người biết hát ông ổng bài Bên cầu biên giới thì thích hơn. Còn với ông Du Tử Lê thì xin kính nhi viễn chi vì lúc trẻ lỡ dại đã làm vài bài thơ con cóc. Vậy mà cũng bạo gan qua mặt, đại diện họ chỉ cho người quen tật "lảm nhảm nói một mình, nói không cho ai cãi" (cả với ông Việt kiều Canada tác giả kia – nghi lắm!) cho biết một chút về tính nhân bản, để nhắc nhở một ít về cuộc sống văn minh.

Thật ra, nói chung, gọi "Việt kiều" là sai. Chỉ là Việt kiều những người, ví dụ ở Pháp mấy mươi năm mà không chịu nhập Pháp tịch để chờ mong ngày về. Những người đó sau 1975 không còn là Việt kiều nữa vì đã lật đật xin vào quốc tịch của nơi trú ngụ. Ai đã làm cho những con người kiên trì hướng về Tổ quốc đó đánh mất lòng hoài vọng cố hương? *Nói trúng thưởng một xu.* Không thể bảo những người lên thuyền trốn chạy, chưa kịp đến công an xin từ bỏ quốc tịch mà nói họ còn là người Việt Nam trên mặt pháp lí! Vậy thì những người cầm tấm visa của toà Đại sứ, Lãnh sự cấp về Việt Nam là những ngoại kiều có quốc tịch Pháp, Mĩ, Canada.., muốn dài dòng hơn ở đây thì thêm "gốc Việt".

Ngôn ngữ của nơi nào thì cũng phải mang tính văn hoá gốc của nơi đó. Nhưng nó phải đổi đi cho kịp với thời đại, và người sử dụng cũng

phải hiểu theo sự thay đổi đó, nếu cần, phải đổi chữ mới. Khi người bây giờ xưng "tôi" thì không nghĩ người đối diện là bậc quân vương trên chín bệ cao vút, có thể trong một cơn nóng giận lôi cả dòng họ mình ra tru di như từng làm với bậc (bầy) tôi/thần (tử) xưa kia. Với chữ thank, merci, ngày nay người ta dùng chữ Việt tương đương: cảm ơn. Không phải là "đội ơn", cái đầu người xưa dùng để thờ cha thờ mẹ nên đội cái ơn của người không phải cha mẹ trên đó là cả một sự quỵ luỵ nhục nhã thành thói mà người ta phải chấp nhận chỉ vì ở thế phải cúi đầu. Không thể tưởng còn có cái rơi rớt bất bình đẳng ấy trong thời đại mới, ngay cả ở giới gọi là trí thức cao cấp khi người ta dùng chữ "tôi đội ơn..." để dịch ý từ bài văn của học giả ngoại quốc! Đó là cho rằng họ vô tình, còn nói rằng họ cố ý để cho các học giả tăm tiếng thế giới phải đội ơn những thạc sĩ, tiến sĩ của ta có người không có cả một tủ sách, thì khỏi bàn. "Tây" nó không đọc những bài dịch thì cứ để ta hãnh diện với nhau, như chuyện Trạng Quỳnh đánh Tàu ngày xưa ấy mà! Phải nói dài dòng vì có chữ "xin" trong vụ xin visa. Có thể hiểu chữ xin này trong tình thế riêng tư, như khi vào nhà người khác phải xin phép, không phải cứ xồng xộc xông vào như anh công an khu vực một thời. Còn trong tương quan quốc gia thì muốn vào một nước, người ta xin phép chủ nhân ông nước đó. Xin phép vào không phải là van xin. Cho phép vào không phải là ban ơn. Chuyện thấy rõ trong vụ các đại lí bán vé máy bay lãnh luôn việc xin visa! Người *về* Việt Nam chỉ là một cách nói quen thuộc chứ đúng ra phải nói là người *đi* Việt Nam. Vì một chút tình lưu luyến cũ để phải dùng chữ về mà tưởng rằng đã ban ơn nên hạnh họe "Này, cho tiền uống cà phê đi chứ!" hay mỉa mai dằn xóc tưởng như nắm bắt được chứng cớ tình nguyện đầu hàng lần thứ hai, là lầm lạc một cách bất nhân.

Còn tiếng khóc? Ngày xưa ông Đỗ Phủ, không phải là nguỵ, nhưng về đến xóm làng cũ đã viết nên những lời thơ đầy nỗi ngậm ngùi rưng rưng. Chàng trai Từ Thức về trần, lầm mở cái hộp tích chứa thời gian, thấy tóc từng loạt đổi màu trắng xoá, đã không còn đủ sức tàn để bật ra tiếng khóc. Ấy là những người đó chỉ có sự nuối tiếc của những ngày tươi dẹp nhởn nhơ hoa bướm, hay miệt mài lặng lờ đèn sách. Họ không hề có quá khứ cay đắng trên quê hương cũ, không có những ngày khốn khổ tù đày. Họ chưa từng được nghe những câu chửi bới nhục nhã hay những lời ngọt ngào "truyền thống" mà như con dao xoáy vào da thịt: "Đảng không những dã cho các anh mạng sống mà còn ban cho lẽ sống nữa"! Tiếng khóc nào đâu phải là sự hối hận ăn năn. Họ tưởng họ chỉ *đi* nhưng lại phải *về*. Họ tưởng họ dã muốn *đi* vì một chút tò mò, vì sự lảng

quên thông thường của đời sống, quên cho đời sống có thể sống được. Không ngờ đến nơi mới biết rằng họ đã *về* với cả những khổ nhục xưa kia. Quá khứ tưởng đã biền biệt trong thời gian lại dồn dập hiện về trước mắt. Lỗi tại ai? Chính họ. Và khóc. Không phải vì xót xa cho những hành động trong quá khứ mà vì hối hận cho lỗi lầm trong hiện tại. Chất nhân bản đó không phải là riêng của họ, ai cũng hiểu, trừ những người co rút trong cái vỏ huênh hoang của chính mình.

Có lạc loài vì những thay đổi. Nhưng không có sự thán phục "đổi mới" như những đầu óc hợm hĩnh bắt nguồn kiểu người guide giới thiệu "the best of the best" về những dền chùa của mình. Đã thấy sự đông đúc trật tự ở các thành phố lớn trên thế giới thì không thể không thấy quay cuồng chóng mặt với những dòng xoáy người xô đẩy thấp cao trên hè phố hay chen lấn vượt đèn đỏ trên lòng đường. Đã thấy những xây cất trật tự ngay cả ở Inchon thì không thể thán phục những ngôi nhà cao tầng cầu kì loè loẹt màu sắc, khoe sang, nằm trơ vơ giữa đồng, hay ngạo nghễ giữa những túp nhà xập xệ của những người cam chịu vì không biết làm ăn trong các dịch vụ kế hoạch phát triển hay xây dựng công trình, dịch vụ đã thu gom tiền bạc cất giấu từng cuộn đôla trong các thùng đạn đại liên, thoát được rủi ro phác giác, đã tạo nên những khu vực kín cổng cao tường có người gác, cổng ngăn, trên đất phía nam. Những dịch vụ thơm tho đó được bao che rồi bôi xoá bằng các vụ án điển hình cho hai miền: Lã Thị Kim Oanh, trong tính chất hối lộ truyền thống trở thành "hối lộ công" (phong bao) của thời XHCN mà được chính quan toà, qua truyền hình trực tiếp, công nhận để giảm bớt số tiền tỉ thất thoát; và vụ án Năm Cam, nực cười thay lại là như sự trả thù của vùng thất thế, dưới hình thức một kẻ đào ngũ của đội quân bại trận, nghĩa là dưới cả đất đen, lại "ngóc đầu dậy" với tới được cả những nhân vật nằm trong Bộ Chính trị của đảng cầm quyền thắng thế! Người về nếu có một vài lời khen mua chuộc lấy lòng nào đó thì cũng như cậu ca sĩ vụng về ở bên này chê bên kia, ở bên kia đập bên này, rốt lại bị "quần chúng" nhà nước chửi ("Họ đã bán đi cái cao quý nhất: lòng tự trọng"), bị cộng đồng biểu tình phản đối ("nằm vùng", "văn công kiểu vận"), trở thành người không quê hương trong một lúc.

Không thể hối hận vì đã ra đi khi nhìn những người ở lại. Đành rằng sự kế tục thế hệ có thể làm cho một lớp người phải lùi vào bóng tối nhưng ở đây không chỉ là sự huỷ hoại của thời gian. Người trở về còn thấy quá khứ của mình nơi người ở lại, đã rủi ro ở lại với một sự nhẫn nhục cam chịu trong cuộc sống lầm lũi, trong những nỗi bực dọc không lời. Và có cả nỗi ân hận xót xa vì sự hiện diện của mình đã gợi

lại sự thất thế tủi nhục mà người ở lại dằn nén từ lâu, đã tưởng quên đi trong tê diếng của cuộc đời lỡ bước với những thăng trầm không tuỳ thuộc bản thân. Ân hận với cả những lớp người mới mà hiện thực không đủ sức ghìm giữ ước mơ. Có thể coi đây là chuyện cá nhân, nhưng đời sống không phải chỉ là lí tưởng cao vời tự đặt để để rồi ép buộc người theo. Giữa cảnh rộn ràng tiễn đưa, tôi chỉ loáng thoáng nghe cô cháu gái ngày thường nhí nhảnh, nói giọng trầm trầm: "Con muốn ông mang cái vali thật lớn bỏ con vô, qua Mĩ..." Sau này mới nhớ là đã hai lần lặp lại. Và giật mình. Trong những ngày rộn ràng gặp gỡ, huyên thuyên kể chuyện xứ người, không ngờ đã làm khuấy động một cuộc sống đang bình yên. Chắc thời điểm chia tay đã làm cảm xúc thành lời. Nhưng ước mơ vừa thốt ra là đã thấy ngay tuyệt vọng. Sao tôi lại phải là người gây nên nông nỗi ấy? Với tuổi trẻ, và với thực tế, cô cháu rồi sẽ trở về với cuộc sống thường nhật nhưng tôi có nên lại gây nên xáo trộn lần nữa không? Đi/Về đâu có phải là giản dị như những đầu óc khô cứng tưởng nhìn ra cái cớ cho sự kiêu căng không dời đổi về sự chiến thắng của mình, để trút trên đầu lũ người thất thế rồi cứ nghênh ngang dửng dưng lên tiếng giả vờ ngạc nhiên *"Sao các anh thù dai thế?"*

Những người quen với cuộc sống hoà hoãn, văn minh có thể không bằng lòng với cảnh tuột quần, chổng mông, chửi tục... nhưng nếu đừng quên chuyện cũ được nhắc nhở bằng sự chịu đựng những tấn công trước mắt, liên tục của quyền lực ở bên kia, từ thực tế đổi thay dẫn đến gần như là tuyệt vọng, những người đó có thấy cả một thương cảm, với cả chính mình không? Lưu dân nào thì cũng không thể là một khối đồng nhất huống chi là lưu dân tan tác vì chính trị của thời hiện đại. Hãy nhìn xem từ phong trào Thiên An Môn mà Nguỵ Kinh Sinh và Vương Đan chống đối nhau. Dân Trung Hoa còn có hai thực thể địa vực Lục địa và Đảo quốc để ai có phe người nấy, chứ còn lưu dân Việt thì chỉ có đất người mà cứ tự an ủi là xứ tạm dung, với cuộc sống mất dần về phía đất khách và sự tấn công từ quê hương cũ. Họ phản đối người gởi tiền về, họ chống đối người trở lại, rốt cục chính họ cũng phải gởi cho người thân và lò mò im lặng về. Giao tiếp quốc tế khiến có các phái đoàn hay cá nhân từ Việt Nam sang, họ chỉ có thể biểu tình la ó. Kiện tụng trên luật pháp xứ người thua dài dài mà cứ theo đuổi với lí lẽ tuyệt vọng thảm thương: "Ít ra thì cũng để tỏ ra là vì chính nghĩa!" Hung hăng, dữ dằn vì cũng có gương người cộng sản phát triển truyền thống phương Đông, hiểu vô sản là bần cố nông để hãnh diện với cung cách Chí Phèo, Thị Nở thấm nhuần trong các luận thuyết văn sử trước kia và rơi rớt đến tận bây giờ, lấy một ví dụ, trong phê bình của Nguyễn Huy

Thiệp rồi phản bác của Trần Mạnh Hảo mới đây. Và cuối cùng [illegible] nay, người di tản tự an ủi quấn mình trong tấm cờ vàng ba sọc đỏ vốn chỉ còn có giá trị như chữ H trên chiếc xe Honda mà cũng không yên thân. Các chính sách "kiều vận" và vừa qua, Nghị quyết của Bộ Chính trị về sự nâng đỡ người Việt Nam ở nước ngoài với những hi[illegible]biết kém cỏi về tương quan quốc tế, với những rơi rớt của tinh thần tiến công liên tục, trông chúng như một mặt trận đuổi tận giết tuyệt trong hồi chót đến những người đã trốn chạy xa, thật xa nhưng vẫn không có cách nào rời bỏ trái đất, đồng loại. Có cần hỏi vì "sao các anh thù dai thế" không?

Ý thức lấn lướt, không nhường bước không chỉ dừng lại ở người sống. Nó cần đến cả các xác chết, cần giết người đã chết nếu đó là dịp để vinh danh chính nghĩa cao vời của phe mình. Kỉ niệm Điện Biên Phủ, người ta lôi ra người đội trưởng công binh thời ấy, là con của Thủ Tướng / Tổng thống Trần Văn Hương của "chế độ cũ". Lại có dịp cho người ta nói đến "sự ăn năn muộn màng của người cha" và "sự ưu việt của chế độ 'đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại'". Tuy nhiên người ta vẫn ghi lại những lời "sám hối" (chữ của báo *Công an TP. HCM*) của ông, nghe như phát xuất từ các trại cải tạo khoan dung của "Cách mạng" lập ra cho "những người chạy lại". Không thấy nhắc tới chuyện ông già nghe nói bị ung thư, đã từ chối không nhận quyền công dân của chính quyền mới, cho đến khi người lính cuối cùng của ông trong trại giam trở về nhà. Chỉ nghe nói chính quyền cho phép người con "về ở cùng cha mình để chăm sóc cha lúc tuổi già cho đúng đạo lí làm con của người Việt Nam" mà không thấy nói đến nỗi điêu đứng của người con trên đất Bắc nếu, hình như, Bộ trưởng Ung Văn Khiêm không che giấu giùm ông. Không chỉ ra chuyện con gái Thủ tướng Huỳnh Tấn Phát vẫn học trường Gia Long, ngôi trường nội hoá sang nhất thủ đô Miền Nam. Không nói đến con trai ông ta vẫn đậu tú tài để đi vào Thủ Đức như mọi công dân khác, để so sánh với tình cảnh điêu đứng ở Miền Bắc của vợ con ông Ba Quốc / Đặng Trần Đức, người điệp viên tài ba tuyệt vời làm việc ở Phủ Đặc uỷ tình báo, không cần chút công lao đánh phá Cách mạng mà vẫn được tín nhiệm, xúi người này người nọ đảo chính, nắm được các tài liệu bí mật nhất để sao chép chậm chạp theo lối bán thủ công mà kẻ địch không hay biết! Về mặt nghiệp vụ thì sự đàn áp kia là để che giấu công tác của người chồng, người cha, nhưng về mặt chính sách thì đó là sự kì thị đối với gia đình của người đang làm ở cơ quan địch – lối nghĩ suy bụng ta ra bụng người, là sự kì thị có thể đoán được đã xảy ra với các trường hợp

bình thường khác. Một nửa sự thật không phải là sự thật nhưng người ta có thể sử dụng nửa sự thật chế tạo để sơn phết mình trước người đương đại, từ "chân lí" đó vinh danh mình trong lịch sử, để vùi dập kẻ thù thất thế đến tận đất đen.

Nói làm gì đến kẻ thù, có thể mà không chịu buông tha. Có khi không phải chỉ vì hận thù – thắng thì cũng hả rồi, chỉ còn chút áy náy là không đày đoạ tiếp được "chúng nó" nữa, là không bằng "chúng nó". Không buông tha vì thói quen phải có đối tượng để bày tỏ quyền uy. Ở đây không có chuyện phe phía như một chức quyền đã trả lời anh bạn "Việt kiều" trẻ "Sao thắng đã lâu, quyền bính đã vững mà vẫn cứ nguỵ này nguỵ nọ mãi": "Thì họ vẫn gọi chúng tôi là Việt cộng đó sao?" Ông quan mới này vẫn không thấy mình cầm quyền ở một nước mà cứ khăng khăng là chỉ của một phe, phe cộng sản, phe thắng. Người phỏng vấn ông Tô Hoài thì hẳn không coi ông ta là nguỵ, mà đích danh là của "phe ta". Hỏi như thế nào? Đại khái, sao trước 1945 được nổi danh là nhưng người ngang tàng mà sao sau đó lại co đầu rút cổ. Ơ kìa, ai làm cho ông ta trở nên hèn nhát? Chẳng phải là bởi chính chế độ của người phỏng vấn đang phục vụ đấy sao? Không thấy ra cái nhục của mình khi đặt câu hỏi mà cũng không chỉ thấy cái nhục của người bị hỏi. Trong tận cùng chỉ là nỗi hả hê của kẻ cầm quyền được bày tỏ quyền uy, được có dịp làm nhục kẻ dưới quyền mình. Thế thì kẻ nguỵ cũng không nên thù dai nữa, để ông Nguyễn Đình Bin được bằng lòng sống với đám dân đang thù mà không được phép, không có dịp nói ra cho ông rõ. Có ai như anh thanh niên ở Bình Định dẫn đạp lên "lá cờ Tổ quốc" thì bắt bỏ tù nó là xong!

Này cháu gái bé, nếu để dành được tiền vé máy bay, ông lại sẽ về, không phải để cháu thoả mãn ước mơ mà là để cho cháu quen thuộc với khổ tâm rồi đủ sức đương đầu với cuộc sống chắc chắn sẽ còn nhiều gian truân lâu dài của cháu.

Tạp Chí Đại Trường
4-4-2004

THÔNG BÁO QUAN TRỌNG
Kể từ đầu tháng Tư 2004, địa chỉ e-mail
của Văn Học là:
vanhoc@verizon.net
Xin quí văn hữu và bạn đọc chú ý thông báo này.

Gió Bụi

Trúc Chi

Tôi vừa xem xong một cuộc triển lãm đặc biệt ở viện Los Angeles County Museum of Art (LACMA). Sau khi qua lại hơn một tiếng rưỡi trong mấy gian phòng mênh mông dùng vào việc chưng tranh, tôi thấy mỏi chân.Tôi kéo một cái ghế bên ngoài hiệu cà phê nằm ngay ở cái sân thượng trước phòng triển lãm. Cái sân thượng này, thường thì thoáng và mát, hôm nay lại hơi lạnh vì trời âm u từ sáng. Giờ này, lại thêm mấy đợt gió chiều chở theo chúng ít sương và nhẹ khua mấy cái vỏ đậu phụng, dăm chiếc khăn giấy màu hồng lác đác bên mấy cái bàn trống mà người ta chưa kịp quét dọn. Một lớp bụi mỏng nhẹ bay theo chiều gió, mang theo nó cả cái héo úa của một chút nắng cuối ngày.

Tôi chọn một cái bàn trong góc, khuất gió. Gọi một tách cà phê, mà nhân thể cũng là kiếm một chỗ ngồi để ghi ngay một đôi điều suy nghĩ về cuộc triển lãm hiếm có mà tôi vừa xem xong. Sợ để lâu rồi lại quên mất. Tôi buộc lòng phải gọi một tách cà-phê vì cửa hàng không bán rượu. Gọi để mà thuê cái chỗ ngồi thôi, để mà nhìn hương cà phê tan hết, nguội dần. Chứ thường tôi không sờ đến cà phê vào buổi chiều. Đã ngang bụng mà lại còn không đã khát, nếu khát. Gọi nó cũng vì các thức uống khác, kê khai trong thực đơn, toàn là loại nước ngọt đủ vị, kể cả Coca và Pepsi. Bao tử tôi hay bị dị ứng với loại nước ngọt ấy. Uống vào thường vẫn xót ruột. Xin nói rõ, xót ruột chứ không phải "xót lòng" khi nuốt phải - hay phải nuốt - hai sản phẩm văn hóa kia của nền văn minh Mỹ, vốn được yêu chuộng khắp nơi trên thế giới, kể cả những nước đã từng lấy mối căm thù đế quốc tư bản làm lẽ sống. Giờ này mà có được một chén trà Việt Nam hay trà Tàu, đậm, ngọt và hơi chan chát thì đời lên hương biết mấy! Nhưng mà... biết tìm đâu.Thôi.

Tôi chưa bao giờ muốn làm người quân tử cả, bởi vì nếu tôi không

lắm thì để đạt tới cao điểm ấy trong mức đức độ của một lớp người từng được kính trọng ở mấy nước ăn cơm bằng đũa - Trung quốc, Hàn quốc, Nhựt bổn và Việt Nam - tôi phải bỏ rất nhiều những thói quen, tật xấu nó từng làm nền tảng cho xúc cảm, cho kinh nghiệm sống của tôi. Loại kinh nghiệm không lấy gì làm đạo đức lắm, nhưng cũng thú! Dù vậy có một câu, hình như trong Mạnh Tử, mà thỉnh thoảng tôi cũng có rút ra để tự chế ít nhiều, những lúc bực bội, hậm hực với ngoại giới và ngoại cảnh xung quanh tôi. Theo Thầy Mạnh thì người quân tử tùy theo cảnh ngộ mà an vui (quân tử tùy ngộ nhi an). Thôi thì hãy tạm an vui với tách cà phê bất dắc dĩ. Ấy vậy mà lòng vẫn nhớ ấm chén ở nhà. Cái nỗi "nhớ" này nó buộc tôi phải kết luận rằng... cũng còn lâu tôi mới ngoi lên đến chỗ đứng của người quân tử.

Vậy là tôi rút quyển sổ tay và cây bút ra, ngồi nhìn tách cà phê đang nguội dần. Không, tôi không có ý định viết về cái thần tình trong đường nét, màu sắc của hơn mấy chục bức danh họa, vì tự xét không đủ kiến thức chuyên môn về hội họa. Tôi cũng không có cái nhạy cảm phi thường của thi sĩ Rilke, khi ông xem tranh của Paul Cézanne rồi hạ bút mà phóng ra những nhận xét cực kỳ khám phá và sâu sắc mà theo tôi biết, mãi cho đến ngày nay, hơn 100 năm sau, vẫn chưa có ai thêm được điều gì mới hơn.

Đoạn tiểu dẫn ở đầu quyển sách nhỏ giới thiệu cuộc triển lãm cho biết toàn thể bộ tranh chưng bày trong mấy gian phòng mênh mông đàng kia, cách chỗ tôi ngồi không quá 50 mét, mượn của Viện Bảo Tàng Pushkin bên Moscow, trước là tư hữu của một số các gia đình quí tộc hoặc tư sản bên Nga gửi mua từ Pháp, Ý và nhiều nước khác ở châu Âu. Sau cuộc cách mạng năm 1917, Nhà Nước Liên Xô tịch thu mà đưa vào Viện Pushkin. Dài dòng như vậy vì tôi vừa sực nghĩ rằng hình như không phải mọi thứ thuộc về quí tộc phong kiến và tư sản mại bản đều nên vứt đi hoặc phá hủy hết, như một số người ngu xuẩn vẫn hằng tưởng. Tôi đang nghĩ đến những bảo vật văn hóa bị phá nát trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa bên Trung Quốc, đến những đống tro của sách vở bị cho là "đồi trụy" bị đem ra đốt hết sau tháng Tư 75.

Đối với tôi, đi xem triển lãm tranh là một cái thú nhiều hơn là một nhu cầu thiết yếu. Gặp dịp, có khi trong một tháng, tôi mò đến hai ba cuộc triển lãm. Có năm không xem thêm được một bức mới nào cả. Nhưng mà lần này tôi lập tâm đến xem cho kỳ được vì tôi không muốn bỏ lỡ một dịp may hiếm có. Mà quả là không bõ công. Thường, đến với một tác phẩm, bất luận hội họa, văn chương hay điện ảnh, tôi luôn lắng lòng để cố giữ lại trong trí nhớ hoặc trong quyển sổ tay mọi ấn tượng

thị giác, thính giác, cảm xúc mà tác phẩm đó đã để lại trong tôi. Dĩ nhiên, tôi muốn nói đến loại tác phẩm đã khiến tôi rung động, vì có rung động mới có dư ba. Và chính cái trùng diệp của dư ba là điều tạo nên những gì thường vẫn dai dẳng sống trong sau phút nhìn ngắm thưởng thức buổi đầu. Cuối cùng, điều làm cho tôi mê một tác phẩm nào đó, chính là cái sức gợi của tác phẩm. Tóm lại, cả cái lối thưởng thức của tôi, thu gọn lại trong một chữ "cảm." Cảm mà không cần vội biết đến trường phái, thời đại của tác phẩm. Nhức đầu lắm. Lãng mạn, cổ điển, hiện đại, tiền hiện đại hay hậu hiện đại vân vân... tôi nghĩ là chuyện của các học giả uyên bác đứng ra sắp xếp, phân loại nhưng mà nhiều khi, riêng đối với tôi, lại không khỏi không tạo ra định kiến đối với tác giả và tác phẩm. Phong trào, trường phái là điều cần phải có trong một quyển lịch sử hội họa, văn chương hay âm nhạc. Việc phân loại như vậy giúp cho người đời sau có được một cái nhìn tổng quát về sinh hoạt nghệ thuật ở một thời kỳ nào đó. Nhưng mà tôi nghĩ cuối cùng rồi thì việc thưởng giám và thưởng thức từng tác phẩm nghệ thuật đàng nào cũng không thể nằm ở bên ngoài hai chữ "tình" và "cảm."

Mà chiều nay, có một bức tranh đã gợi rất nhiều điều trong tôi, gợi nhớ, bất suy nghĩ lan man. Đó là bức sơn dầu của Jules Bastien- Lepage, họa sĩ người Pháp hồi cuối thế kỷ thứ XIX. Không thấy ghi tên tiếng Pháp của bức tranh, nhưng tên tiếng Anh là "The Village Lovers": một cánh đồng, xa xa là tháp chuông nhà thờ, một đôi trai gái đang tựa vào một cái hàng rào gỗ xiêu vẹo mà trò chuyện. Trên tay người con gái là một đóa hồng. Thôi thì cứ nghĩ rằng đó là một đóa hồng mà người trai trẻ trong tranh vừa mới ngắt đâu đó để tặng người yêu. Tôi muốn đặt cho bức tranh cái tên Việt là "Thôn Nữ Và Trai Làng." Dễ thương lạ!

Vừa nhìn bức tranh, tôi sực nghĩ đến mấy câu cũng dễ thương không kém, không nhớ của ai:

Ở sao không nhớ người trai trẻ
Trò chuyện cùng tôi đưới ánh trăng
Đêm qua tan hội bên làng cuối
Đứng lại bên cầu buộc giải khăn...

Nhìn đôi trai gái, trai đứng bên này và gái đứng bên kia hàng rào gỗ, tôi chợt cảm thấy một chút gì đó... rất Nguyễn Bính, trong phong cảnh mộc mạc, trong tư thế thân mật mà e dè của đôi nam nữ. Có một chút gì đó, mát mẻ lắm, trong lành lắm đang thấm nhẹ vào lòng tôi. Có lẽ là ánh sáng nhàn nhạt của chân trời nhiều mây trắng đàng sau gác chuông nhà thờ trong tranh. Nhưng mà cái cảm giác thư thới này không hẳn chỉ bắt nguồn từ những màu xanh nhạt, xám và trắng của chân trời.

Rồi tôi chợt nghiệm ra rằng, hằng ngày, ở đây - California, Mỹ - tôi vẫn luôn thấy trên mặt báo, trong phim ciné, trong ti-vi, và ngay cả bên đường góc phố rất nhiều những xen tình dục, không hẳn là trắng trợn hoặc thô, nhưng mà là những xen rất bạo. Nhiều tình dục mà ít tình tự, tôi muốn nói đến loại tình tự không lời, nhưng lại gợi nhớ, gợi nghĩ. Tôi thấy phải nói ngay rằng tôi không phải là đạo đức nghiêm túc gì mà không thích những xen như vậy, vốn đã có chỗ đứng vững vàng trong sinh hoạt ở nước Mỹ - và nhiều nước khác nữa - ở thế kỷ XXI. Trong những xen như vậy, cái phần "không nói ra" không còn lại là bao, thành thử riêng đối với tôi, thường chúng không để lại gì, mà cũng không gợi được gì, ngoài một chút ê chề, chút chán chường... nó là cái "rượu hả hơi rồi hết vị men" của Lan Sơn, nếu tôi không lầm khi phân tích tâm trạng của chính mình.

Thành thử, đột nhiên mà gặp được một buổi hẹn hò nơi thôn dã, hồn nhiên, ngây thơ nữa là khác - sau nhiều năm tháng dằng dẵng hụp lặn trong gió bụi của một đô thị lớn, dương đầu với cái nghiệt ngã của cơn lốc văn minh vật chất - tôi nghe một nỗi vui mừng xôn xao nhẹ nhàng trỗi dậy trong tôi, như nỗi hân hoan của người tìm lại được một kỷ vật tưởng đã mất hẳn. Niềm vui này có như một toa xe lửa chở đầy những hình ảnh mà tôi nghĩ, ngoại trừ những số phận hẩm hiu lắm, phần lớn chúng ta đều có sẵn trong ký ức. Đó là những đoạn đường trong đời sống của mỗi người, vui buồn lẫn lộn, mà chúng ta vẫn nhắc đến với khá nhiều rung động phức tạp, để rồi chép miệng với một chút tiếc nuối mà thốt ra mấy tiếng: "Cả một thời!"

Phải rồi, bức tranh kia không hẳn đã nhắc đến một buổi hẹn hò nào trong những lần ngược xuôi trên những quãng đường nhiều kỷ niệm trong tôi - tôi rất không may là chưa từng có được một cái hẹn với một cô thôn nữ nào cả, dù là hẹn ở nơi thành thị - nhưng mà đóa hoa hồng nho nhỏ trên tay người con gái, khóm hoa dại trong vườn, chân trời sang sáng đàng kia, màu sắc trong tranh, tất cả những thứ đó giống như một luồng ánh sáng gửi về cho tôi chút ấm áp bất ngờ giữa một buổi chiều lành lạnh, có tách cà phê đã hết hương, có cái tẩu thuốc tắt ngấm, có chút ngổn ngang của lòng sầu xứ, có chút gió, chút bụi.... gió và bụi muôn thủa ở nơi gió bụi này!

8/2003

Còn những tấm lòng

Tràm Cà Mau

Ngày đầu tiên trình diện sở làm, Mai được dẫn đến gặp ông Dan. Ông nầy mới trên năm mươi tuổi mà Mai tưởng ông đã già lắm, vì thấy tóc ông màu bạch kim trắng xóa, và khi nói, thì ông run run cái cằm nhiều lần mới phát ra được những tiếng lấp bấp. Ông bị cà lăm mà Mai không biết. Buổi chiều về nhà Mai nói với chồng:

" Ông chỉ huy của em trông tội nghiệp lắm."

" Sao vậy?"

" Ông ta đã quá già, già lắm rồi mà còn phải đi làm việc. Tóc ông trắng phau, già đến nỗi nói không ra hơi"

Gần một năm sau, Mai mới biết tuổi tác của ông, và biết ông bị bệnh cà lăm, chứ không phải là già đến nỗi nói lập bập không ra hơi. Ông Dan là kỹ sư trưởng công trình, chỉ huy năm người khác, trong đó có Mai.

Mai đã ba mươi tuổi, vừa học xong đại học, may mắn được tuyển dụng sau ba tháng tung đơn tìm việc đi khắp nơi. Đây là công việc đầu tiên của Mai trên nước Mỹ. Khi còn ở Việt Nam, Mai cũng đã đi từng làm rồi, nhưng vì lương bổng trong thời xã hội chủ nghĩa không đủ ăn sáng, sửa xe đạp, mà còn phải ngữa tay xin thêm tiền cha mẹ để chi tiêu, cho nên liều mạng bỏ ngang. Mai khai bệnh đau bao tử, để xin nghỉ việc mà khỏi bị rắc rối về mặt chính trị. Nhờ nghỉ việc, nên có nhiều thì giờ chạy theo các tổ chức vượt biên đào thoát ra khỏi xứ. Đến Mỹ, Mai theo lời khuyên của bạn bè đi học lại, vì theo họ, học hành là một lối đầu tư dễ dàng nhất, và chắc chắn nhất cho tương lai.

Ông Dan bụng phệ, căng tròn, to như đàn bà có bầu sắp sinh con. Cái thắt lưng chạy vòng xệ xuống, nâng đỡ cái quần nhăn nhúm đằng sau, bao lấy một vùng mông teo rí, trớt lợt. Nụ cười của ông thường mở

rộng toe toét. Ông hay nói chuyện khôi hài cho mọi người cười vui. Được một cấp chỉ huy như cởi mở như ông Dan, Mai cũng khá yên lòng. Trong nhóm đồng nghiệp nầy, chỉ có ông Bill là đáng ngại. Ông nầy cao lớn, đầu trọc lóc, cằm bạnh ra, và đôi môi mỏng dính, miệng như một cái khe nứt, quặp xuống. Ánh mắt của ông lạnh lùng, ông có vẻ kỳ thị ra mặt. Lần đầu ông Dan giới thiệu Mai với mọi người trong nhóm, các ông khác đều cười vui, nói lời chúc mừng, mà ông Bill thì chỉ hự một tiếng trong cổ họng thôi.

Mới vào làm việc, Mai e dè, nhút nhát, nói nhẹ như hơi thở, và khi nào cũng sợ mất lòng mọi người chung quanh, tưởng như ai cũng có quyền đuổi Mai ra khỏi sở nầy. Là dân tị nạn, ăn nói còn lọng cọng, ngọng nghịu, việc làm chưa quen. Mai cố gắng làm sao cho khỏi mất lòng mọi người chung quanh. Mai là người phái nữ duy nhất trong nhóm nầy. Thấy thái độ nhút nhát, sợ sệt của Mai, ông Dan cười mà nói:

" Cô Mai, cứ yên tâm. Công việc chưa quen thì học, học thì biết và làm được. Làm xong một vài dự án, thì về sau không có chi khó khăn cả. Hồi tôi mới ra trường, cũng chưa biết gì cả. Nhờ các đồng nghiệp khác, dẫn dắt, như nắm tay dắt đi. Mọi người trong nhóm nầy đều tốt cả."

Nói câu đó xong, ông Dan liếc mau về phía ông Bill, mà ông Bill thì nhìn lơ, không nói năng gì cả. Nhờ câu nói của ông Dan mà Mai yên lòng. Lần đầu tiên đi làm, nghe câu nói tử tế của ông chỉ huy, mà Mai nhớ suốt một đời, và không quên ơn ông. Về sau, khi nào gặp một đồng nghiệp mới, Mai cũng đem lời ông Dan ra mà trấn an, làm họ bớt lo lắng, bớt bỡ ngỡ trong thời gian đầu.

Một hôm ông Bill lục lọi trong đám hồ sơ cá nhân của ông, tìm ra một thông cáo tuyển dụng kỹ sư vào cuối thập niên 1950 và đưa cho Mai đọc. Bên dưới hàng chữ thông cáo tuyển dụng kỹ sư, có ghi thêm một giòng đậm "*Không chấp nhận đàn bà*". À, thì ra nước Mỹ vào thời đó, còn kỳ thị nam nữ đến thế. Mai chuyển tờ thông cáo qua cho ông Dan đọc. Ông Dan nhìn ông Bill với ánh mắt trách móc và nói:

" Chuyện nầy xưa lắm rồi. Ông đem ra làm chi, đừng để cho người khác hiểu lầm, tội nghiệp. Bây giờ mà kỳ thị nam nữ là mệt lắm đó."

Ông Dan biết tiếng Anh Mai còn kém, chưa nghe và nói thông thạo, nên mỗi khi nói chuyện, hay đưa chỉ thị, ông thường gắng nói rất chậm rãi, rõ ràng, và vì mang tật nói lặp, nên ông càng nói lặp nhiều hơn nữa. Khi Mai nói chuyện, thì các ông khác đều hiểu, không biết có hiểu hết hay không, nhưng ông Bill thì luôn luôn lắc đầu bảo rằng, ông

không hiểu Mai nói gì. Ông Dan cố tránh, không để Mai làm những công việc chung với ông Bill.

Vì nhỏ con, không mua được áo quần cho vừa, nên Mai phải mua loại dành con nít mà mặc. Tóc Mai cắt ngắn, khuôn mặt lại đầy đặn mà không son phấn, nên trông có dáng dấp của một em bé Mỹ mười chín mười tuổi. Một hôm gần lễ Tạ Ơn, nhiều người đem con cái đến sở chơi, một ông cụ nhân viên cũ cũng ghé lại thăm. Ông tưởng Mai là con gái của một đồng nghiệp nào đó vào chơi, ông chạy đến xốc nách Mai đưa lên cao và hỏi:

"Cháu là con của ai đây? Trông dễ thương quá !"

Ông Dan hốt hoảng la ơi ơi, bảo: "Đừng, đừng", và cho biết cô nầy là kỹ sư mới vào làm mấy tháng nay. Ông cụ bỏ Mai xuống, và xin lỗi rối rít. Mai cũng đỏ bừng mặt, và nói cho ông cụ bớt ngượng:

"Không có chi. Tuổi bố tôi cũng gần bằng tuổi ông. Tôi xem ông như bố tôi vậy"

Cả nhóm cười vang. Ông khách nói chuyện thêm vài câu, rồi vội vàng chạy qua nơi khác. Mấy hôm sau, một bà đồng nghiệp người Trung Hoa ghé lại văn phòng nói chuyện tào lao chơi, bà cho Mai địa chỉ mấy tiệm bán áo quần đàn bà tại phố Tàu San Francisco, cho những người nhỏ con và thấp. Sau nầy Mai mới biết, đó là hảo ý của ông Dan, ông nhờ bà Trung Hoa nầy chỉ dẫn cho Mai nơi bán áo quần mặc cho vừa tác người.

Một hôm trong giờ giải lao, có người đến thu góp tiền cứu trợ, để mua nước và thức ăn đặt rải rác dọc theo các vùng sa mạc gần biên giới Mỹ và Mễ. Cho những người nhập cư bất hợp pháp khỏi bị chết đói, chết khát khi băng qua biên giới. Ông Dan móc tiền ra hăng hái đóng, Mai cũng bắt chước đóng theo. Ông Bill phản đối, bảo đừng tiếp tay giúp bọn nhập cư bất hợp pháp vào phá rối và làm hỗn loạn nước Mỹ. Ông Dan nói với ông Bill:

"Tổ tiên ông cũng từ đâu đó bên châu Âu đi tìm đất sống mà vào đây lập nghiệp. Nếu ngày xưa, họ không cho tổ tiên ông vào Mỹ, thì ông nghĩ sao?"

"Không nghĩ sao cả. Việc nhập cư đã có chính sách của chính quyền. Có luật pháp quy định. Đóng tiền mua thức ăn và nước uống cho những kẻ nhập cư bất hợp pháp, là vô tình phạm vào luật."

Ông Bill quay qua Mai, hỏi với giọng xoi mói:

"Thế thì trường hợp của cô ra sao? Sao không ở bên xứ cô, mà lại vào đây? Cô vào đây bằng cách nào?"

"Tôi đi tị nạn chính trị. Được chính quyền Mỹ chấp thuận cho vào

đây sinh sống"

"Tị nạn chính trị? Như cô, thì làm được cái gì mà phải đi tị nạn?"

"Không sống nổi với chế độ độc tài, tôi ra đi. Chín chết một sống, đi tìm tự do."

"Không có tự do thì không sống được sao?"

Mai giận, không cần giữ lịch sự nữa, nói gằn lại, mà nước mắt rưng rưng:

"Đúng. Không có tự do thì có sống cũng tệ hơn chết. Nè ông Bill, nếu chính quyền tịch thu nhà ông, lấy hết tài sản ông, lấy sạch tiền trong chương mục trong ngân hàng của ông, rồi đuổi ông lên rừng ở, hoặc bắt ông đi tù khổ sai, vì ông có một chút của cải. Không cho ông đi từ thành phố nầy qua thành phố khác. Công an luôn luôn dòm ngó, báo cáo và hạch hỏi từng hành động, từng lời nói của ông, sống trong lo âu sợ hãi, thì ông có muốn đi tìm tự do không?"

Ông Bill trề cái môi dưới ra, nói mai mỉa:

"Cô tưởng tôi là trẻ con năm sáu tuổi hay sao mà nói những chuyện hoang dường ngô nghê vô lý như thế được?"

Một ông trong nhóm cũng cười khành khạch, và hóm hỉnh nhìn Mai, có lẽ ông ta cũng đồng tình với ông Bill, mà cho rằng Mai đặt điều một cách ngô nghê ấu trĩ. Mai rưng rưng nước mắt, biết là không thể nói cho ai tin được. Phải có sống mới biết. Nói theo giọng ông Hồ Chí Minh, là phải "kinh qua" mới biết rõ. Mai nói, giọng đầy cả nước mắt:

"Tôi đi tìm tự do. Tôi xác định. Các ông không tin thì tôi cũng không cần. Nước Mỹ cho tôi đến đây để được tự do sinh sống, tránh độc tài, áp bức. Nếu không có độc tài áp bức, thì tôi không bao giờ bỏ quê hương mà ra đi, đón nhận trăm ngàn hiểm nguy, chín phần chết, một phần sống. Các ông có biết gần nửa triệu người Việt Nam chúng tôi đã bỏ mạng trên biển không? Anh trai tôi, và em gái tôi cũng đã chết trên đường đi tìm tự do."

Nói đến đây, Mai không cầm được cảm động, và òa khóc. Tiếng khóc của Mai làm cho mọi người trong phòng tái mặt, sợ hãi. Ông Bill bỏ đi ra khỏi phòng.

Chiều hôm đó, sau khi mọi người về hết, chỉ còn Mai và ông Dan trong phòng làm việc. Ông Dan ôn tồn nói:

"Tôi hiểu hoàn cảnh của cô. Không ai muốn lìa bỏ quê hương mà ra đi cả. Khi đã quyết định ra đi, dù cho vì bất cứ lý do nào, thì cũng là chính đáng. Bố mẹ tôi đã lìa bỏ Ái Nhĩ Lan, đem tôi qua đây khi còn bé, cũng vì không sống nổi nơi quê nhà. Cô có nghe cuộc khủng hoảng

kinh tế thế giới vào năm 1929 không? Có lẽ cô còn nhỏ tuổi, không biết đâu. Khủng hoảng kinh tế thế giới, người người không có công ăn việc làm. Ở Ái Nhĩ Lan không dủ ăn. Lúc đó tôi mới vài ba tuổi gì đó thôi. Bố tôi bán sạch hết nhà cửa, đồ đạc, vay mượn thêm tiền, mua vé tàu thủy đem mẹ con tôi qua Mỹ để kiếm ăn, có ông cậu tôi đi theo. Nghe đâu đi cả mấy chục ngày rề rề trên biển mới thấu Mỹ, đến hải cảng New York. Dạo nầy, ngay cả dân Mỹ cũng thất nghiệp tràn đìa. Hàng ngày, thiên hạ xếp đuôi dài, chờ hàng ba bốn tiếng đồng hồ để được bố thí một bữa ăn. Dân địa phương còn chưa kiếm ra việc làm, thì bố mẹ tôi mới đến, lạ nước lạ cái, làm sao tìm ra việc để sinh sống. Thế nhưng dân Âu châu vẫn cứ ùn ùn kéo đến Mỹ, vì bên Âu châu cuộc sống vô cùng khó khăn. Tôi không biết bố mẹ tôi làm sao mà sống còn qua thời gian đó. Dạo nầy, chưa có một chương trình trợ cấp xã hội nào cả. Gia đình chúng tôi, bữa no, bữa đói thường trực. Tôi không biết sau đó bao lâu, thì vì tuyệt vọng quá, bố tôi một mình, tách qua Úc châu, hy vọng kiếm được việc làm, và dành dụm tiền, đưa gia đình qua sau. Chắc khi chia tay, bố mẹ tôi buồn khổ lắm. Nhưng không còn đường nào hơn. Bố tôi đi, mẹ tôi gánh hết trách nhiệm nuôi hai con và ông cậu tôi. Không biết làm sao mà mẹ tôi đã vượt qua những ngày tháng khốn khó đó được. Dạo nầy, tôi còn nhỏ quá, không biết, và không nhớ chi tiết về tin tức của bố tôi. Nhưng hình như một thời gian sau, chúng tôi bặt tin của ông. Không biết ông bệnh chết gặp tai nạn ở một nơi nào đó rồi. Cũng có thể ông gặp khó khăn quá, khốn khó quá, và biết không thể làm gì hơn để giúp đỡ vợ con, nên vắng luôn tin tức. Mẹ tôi khổ nhọc quá, và không kiếm ra việc làm, đành nhắm mắt đưa chân, đem con và em theo đoàn người xuyên lục địa đi về miền Tây nước Mỹ. Nghe nói miền Tây đất đai mầu mỡ, thưa người, công ăn việc làm dễ kiếm hơn. Mẹ tôi dừng chân phiêu bạt lại thành phố San Francisco. Ở đây, bà kiếm ra được những việc lao động tay chân tại các tiệm giặt, tiệm ăn và tiệm bán rau cải để nuôi con và nuôi em. Bà làm lụng cực nhọc đến phát bệnh lao phổi mà chết. Để chúng tôi lại cho ông cậu, khi đó ông mới mười sáu tuổi, đưa lưng ra gánh lấy trách nhiệm nuôi nấng hai đứa cháu thơ dại. Ông cậu thay bố mẹ nuôi chúng tôi, chắt chiu có nhau trong tình thương. Ông đã hy sinh cả tuổi trẻ để nuôi nấng các cháu. Ông làm lụng đầu tắt mặt tối để nuôi chúng tôi ăn học, gây dựng tương lai cho chúng tôi. Ông cậu thường khuyên rằng, nếu không có một tài ba nào đặc biệt, thì phải lo học để tương lai khá hơn, đó là con đường dễ dàng nhất cho mọi người thoát cảnh đói, nghèo. Ông không có một thú vui riêng nào, cũng không có bạn bè, trai gái, chăm sóc

chúng tôi như con ruột. Hai anh em tôi cứ nhởn nhơ trong bảo bọc cực nhọc của ông cậu, và buồn bã không nguôi vì nhớ mẹ, thương cha . Khi chúng tôi đã khôn lớn, đã lập gia đình, và có con cái, thì mới biết thấm thía công ơn khó nhọc của ông. Và ông vẫn ở mãi trong tình trạng độc thân cho đến già. Tôi cũng chưa làm được gì để báo đáp ơn ông, thế mà thỉnh thoảng còn vay mượn tiền của ông nữa. Ông khi nào cũng hào phóng, hết lòng hết dạ với các cháu."

Ông Dan thấy Mai liếc nhìn đồng hồ trên tường, ông ngưng nói, cất giấy tờ vào cặp, chuẩn bị ra về. Trước khi ra cửa, ông nói thêm:

"Thế hệ di dân thứ nhất, thường phải chịu trăm ngàn khó khăn, đôi khi tưởng như không qua được, và ai cũng phải nỗ lực, cố gắng để vươn lên. Nước Mỹ nầy, có nhiều cơ hội tốt cho bất cứ ai, nếu họ quyết tâm. Tôi nghĩ, những người di dân ngày nay, có nhiều thuận lợi và được giúp đở nhiều hơn chúng tôi ngày xưa. Đó là những chương trình phúc lợi xã hội, những trợ cấp tài chánh mà ngày trước không hề có."

Mai không ngờ ông Dan cũng thuộc thế hệ di cư thứ nhất. Ông cũng đã từng đói, khổ, gặp khó khăn trên đất mới, có lẽ nhờ vậy nên ông đối xử đầy tròn với những người đồng cảnh ngộ đi sau. Trên vùng đất mới nầy, Mai chưa hề một lần đói, lạnh. Dù khó khăn ban đầu thì tràn ngập, nhưng lại được no ấm, đầy đủ. Được trợ cấp một thời gian khi mới đến, và công việc làm ăn lúc ban đầu, thì cũng có khó khăn, nặng nhọc, nhưng cũng không phải khó khăn trăm bề như những người di cư thuở trước. Bây giờ, còn có thể vay tiền đi học, làm việc bán thời gian tại trường đại học, đủ cho cuộc sống của sinh viên nghèo.

Có lần vui, ông Dan đưa hình vợ con cho Mai xem. Ông có một người con trai và ba cô con gái. Mấy cô con gái mặt mày thanh tú, thân hình đẹp dẽ, có hai cô được chọn vào ban múa để reo hò, tán trợ tinh thần các đội thể thao thành phố nhà. Tấm hình vợ ông hồi trẻ sắc sảo và đẹp như mình tinh màn ảnh thuở xưa. Mai hỏi:

"Làm sao mà ông làm quen được với một người đẹp như thế nầy? Tôi nghĩ, sắc nước hương trời như bà, thì có biết bao nhiêu người theo đuổi, ông làm sao mà chinh phục được trái tim bà, giỏi thế?"

Ông cười, nụ cười vui vẻ, thỏa mãn:

"Vợ tôi là bạn học của cô em tôi. Bà nầy gốc người Nicaragua, Nam Mỹ. Hai cô chơi thân nhau lắm."

"À, thì ra thế. Cô em của ông chắc cũng đẹp lắm? Bây giờ bà ấy ở đâu?"

Ông Dan lặng người đi một chốc, rồi đưa ngón tay chỉ lên trời, run run nói:

"Tôi tin, bây giờ, em tôi ở trên đó, nước Chúa. Bình yên và vui thú hơn khi còn sống ở trần gian."

Rồi ông kể cho Mai nghe cuộc đời của cô em ông. Chồng của bà chết vì tai nạn xe. Bà buồn và quẩn trí mất một thời gian dài. Mỗi tuần hai lần, ông vào bệnh viện tâm trí thăm, và an ủi bà. Khi xuất v[illegible] đau óc bà không còn được bình thường nữa. Cứ bị mất việc hoài, mỗ[illegible]ọc, bà làm được năm sáu tháng thì bị đuổi. Rồi cách đây hai năm, bà chết vì bị uống lạm thuốc. Người ta nghi bà tự vẫn, nhưng ông không tin như vậy, vì bà có đạo, và ngoan đạo, mà luật đạo thì cấm hủy hoại thân thể. Khi kể đến đây, hai con mắt ông đỏ hoe, tiếng nói lấp bấp nhi[illegible] Ông lắc đầu, hạ giọng buồn bả:

"Không có gì mệt hơn chăm sóc một người bệnh tâm thần. Thà bệnh gì khác, người bệnh còn nghe, còn biết. Người bị tâm thần họ suy nghĩ cách khác, và không chịu nghe ai cả."

Suốt trong hai năm liên tiếp, trưa nào ông Dan cũng vội vã cầm miếng bánh mì, rời sở sớm chừng mười phút trước giờ nghỉ ăn trưa. Không biết ông đi đâu, không ai dám hỏi, mà cũng không ai muốn xen vào dời tư của người khác. Đúng giờ làm việc, ông Dan trở lại với mồ hôi lấm tấm. Cả những ngày mùa đông ướt át, lạnh lẽo, ông cũng hấp tấp ra đi. Mai nghĩ, không chừng ông nầy có một bà tình nhân, che giấu ở đâu đó. Mấy ông có vẻ hiền lành bên ngoài, thường hay lén lút làm chuyện động trời. Sau nầy, ông khai ra là mỗi ngày đi thăm ông cậu tại viện phục hồi. Cậu của ông bị bệnh teo bắp thịt, và không còn đi lại được, phải nằm trên giường. Mỗi ngày, ông đón xe buýt đến thăm, và an ủi ông cậu, để ông nầy bớt thấy cô đơn. Ông cậu đã già, không vợ không con. Thật ra, những năm sau nầy, ông có một bà bạn. Hai người muốn kết hôn mà không được, vì bà nầy li dị, mà chồng cũ thì còn sống. Họ đều là những người theo đạo Chúa thuần thành, luật đạo không cho phép tái giá nếu khi người chồng, hay người vợ cũ còn sống.

Một ngày thứ hai trong tuần, ông Dan vui vẻ rộn ràng, cứ cười cười hoài. Mai hỏi ông có chuyện gì vui không. Ông Dan cười tươi và nói:

"Tuyệt vời. Một cái đám cưới tuyệt đẹp, hiếm hoi."

"Đám cưới của ai?"

"Đám cưới ông cậu của tôi. Ông rể nằm trên giường, cô dâu mặc áo dài thụng đứng một bên. Cả cô dâu và chú rể đều trên bảy mươi tuổi. Tội nghiệp cho hai người, thương nhau gần cả chục năm trời, mới được phép kết hôn. Họ lo làm gấp, sợ không kịp nữa, vì ông cậu tôi đã yếu lắm rồi."

"Thế thì... ông chồng cũ của bà ấy vẫn còn chứ? Họ vượt qua cái

luật khắt khe của đạo là đúng" Mai bàn luận.

"Không. Ông chồng cũ bà ấy mất cách đây chừng mươi ngày"

Mấy tuần sau, cậu của ông Dan chết. Có lẽ được lấy vợ trước khi chết, cũng là một an ủi lớn cho ông già nầy. Mai có đi đưa đám. Ông nằm thanh thản trong quan tài, mặt xương và tái, miệng hơi cười. Bà vợ già của cậu ông Dan khô đét như con mắm, mặt nhăn nheo như một tờ giấy vò nát. Nghĩ đến tấm lòng nhân hậu của cậu ông Dan mà Mai cảm phục, và nghĩ đến các ông thánh . Đời có những vị thánh sống không ai biết, không ai xưng tụng, ca ngợi, có lẽ họ cũng không cần các thứ đó. Trong tang lễ, Mai gặp bà vợ ông Dan. Bà nầy bị bệnh run rẩy tay chân. Run bần bật không ngừng. Bà không còn một nét đẹp nào trong những tấm hình mà ông Dan đã cho Mai xem. Thỉnh thoảng bà gắt gỏng than phiền những chuyện không đâu. Ông Dan cứ thì thầm với bà: " Xong, xong rồi, mọi việc xong cả rồi. Bà đừng nói nữa."

Nhà ông Dan ở phía Bắc của cầu Golden Gate, một thành phố nhỏ hiền hòa. Ông Dan cùng một nhóm đồng nghiệp đi xe chung. Mỗi khi có họp ra trễ, không kịp cùng về xe chung, thì ông phải dùng phương tiện chuyên chở công cọng. Từ sở về nhà, phải thay bốn tuyến xe, chưa kể đi bộ và chờ đợi. Về đến nhà thì đã gần mười giờ đêm. Thế mà có khi ông phải nấu ăn vào giờ đó, vì bà vợ bị bệnh run rẩy tay chân, không làm được, sợ tai nạn. Không hề nghe ông than van khổ nhọc, khó khăn.

Nhiều lúc Mai thấy ông Dan vất vả quá, khuyên ông nên lái xe đi làm vào những ngày có họp, hoặc những khi biết không về kịp với chuyến xe đi chung. Ông Dan lắc đầu cho biết, từ mấy năm qua, ông không có xe. Không thể mua xe, vì có xe thì bà vợ giành lấy mà lái. Bà run tay chân, và tâm trí không còn bình tĩnh, bà đã gây nhiều tai nạn. Các hãng bảo hiểm khước từ, không bán bảo hiểm tai nạn cho ông. Dù bà đã bị rút bằng lái, nhưng bà vẫn cứ lái xe. Bà không sợ ai cả. Ông không muốn bà bị tù, và nếu bà có ở tù, thì ông còn khổ hơn bà nữa. Không có xe là giải pháp tốt nhất. Mai rùng mình, không thể tưởng tượng được một người sống trên đất Mỹ mà không có chiếc xe để đi làm ăn.

"Thế thì làm sao mà ông đi chợ, đi mua hàng hóa?"

Ông cười nói:

"Đi chợ? Cứ dẩy chiếc xe có bốn bánh từ chợ về nhà như mấy ông vô gia cư, rồi đem xe trả lại. Khi nào thuận tiện, gặp lúc ông bà hàng xóm đi chợ, thì xin đi theo."

"Bất tiện quá nhỉ!"

"Thì cũng phải chịu, chứ làm sao bây giờ?"

Nhiều buổi sáng ông Dan vào sở với hai con mắt đỏ ngầu, dáng điệu mệt mỏi, tay che miệng ngáp lia lịa. Ai cũng đoán biết là đêm qua ông bị bà vợ quấy phá, không cho ngủ. Bà ngủ gà ngủ gật suốt ngày, nên ban đêm không ngủ được, quấy quả, làm ông mất ngủ theo. Bạn bè khuyên ông nên ngủ riêng, vì ông cần ngủ đủ, để có sức khỏe mà đi làm. Ông thường nói:

"Vợ chồng, những khi đau yếu cần có nhau, an ủi nhau. Khi khỏe mạnh thì ngủ chung, khi đau yếu thì ngủ riêng sao được?"

Không ai dám bàn thêm gì cả. Có người thì chê ông vụng tính, nếu không lo giữ gìn sức khỏe, khi gục xuống, lấy ai lo cho cả hai ông bà? Có người thì khen ông là người nhân hậu, tình nghĩa.

Có lần ông Dan lái xe sở đi công tác ở một thành phố cách xa hơn một trăm dặm, hai ba ngày sau vẫn chưa thấy về, cũng không nghe ai nhắn gì cả. Toàn sở nhốn nháo kêu điện thoại tìm ông. Kêu điện thoại về nhà ông, không có ai trả lời. Sở phái người đến nhà gõ cửa, cũng không ai mở. Cuối cùng, người ta tìm ra ông nằm trong bệnh viện ở thành phố mà ông đi công tác. Ông ngất xỉu, được đem vào phòng cấp cứu, bác sĩ quyết định giải phẫu ngay. Mai hỏi đồng nghiệp trong sở xem ông bị bệnh gì. Một ông cười cười, đưa bàn tay chặt ngang phía dưới một nhát, và bảo : " Đi đong, không còn gì nữa. Chẳng còn là đàn ông, mà cũng chẳng là đàn bà". Mai không dám hỏi thêm nữa. Ba tuần sau, ông Dan trở lại làm việc,, trông ông hồng hào hơn cũ. Mai không dám đả động đến cái bệnh của ông Dan, sợ ông xấu hổ. Mai chỉ biết chúc mừng ông trở lại, và nói vài lời an ủi. Về sau, Mai biết ông bị xuất huyết bao tử vì quá lo lắng, và phải giải phẫu gấp.

Mấy người con của ông Dan cũng gây cho ông không biết bao nhiêu rắc rối, mà ông phải gánh chịu. Anh con trai đi lính, bị đuổi khỏi quân trường, về nhà ở với ông hơn cả năm, không làm ăn gì cả. Ông phải vay mượn tiền của ngân hàng, để cho anh nầy hoàn trả quân đội. Cô con gái lớn, lấy chồng được mấy năm, có một đứa con, thì li dị. Cô nầy cũng dọn về ở với ông bà, và gây cho ông nhiều rắc rối nhất. Ông nói với Mai : "Khi có con, thì trách nhiệm và tình thương còn đeo đuổi mãi, có nhắm mắt nằm xuống, may ra mới hết được. Con cái, dù nó có tội lỗi, có tù đày, mình cũng cứ thương."

Có lần, ông Dan xin nghỉ phép một tuần, để đi vào miền núi xa, hoang vắng. Thuê một căn phòng nhỏ trong một tu viện để tĩnh tâm, để được ngủ yên, và không còn suy tư, không còn lo lắng, bận rộn gì nữa.

Ngày hai bữa xuống phòng ăn của tu viện dùng bữa, được các bà phước dọn sẵn. Tạm quên đi cuộc đời nhiều rắc rối bất hạnh của ông. Thì ra, ông không hề đọc sách thiền, mà ông cũng biết chuyện thiền, để rũ bỏ phần nào khổ đau đang gánh nặng. Mai có đưa quảng cáo các lớp học thiền, do các vị tăng sư tổ chức, ông chỉ cám ơn, mà không tham dự.

Rồi ông Dan dột ngột tuyên bố về hưu, làm Mai choáng váng, buồn, như sắp mất đi một cái gì quý báu. Mười mấy năm làm chung với ông Dan, Mai chưa hề nghe ông thúc hối, to tiếng la rầy, hoặc tỏ thái độ bực mình với ai. Vì cách đối xử nhã nhặn, lịch sự, dịu dàng của ông, nên ai cũng cố gắng làm việc, làm hết lòng, không chờ ông nhắc nhở. Hoàn cảnh gia đình ông như vậy, khó khăn và rắc rối triền miên, mà khi nào ông cũng giữ được phong thái bình tĩnh, nhẹ nhàng, không đem cái cáu bẳn từ nhà vào sở. Khi nào cũng nói lời tử tế, như : *"Anh, chị có vui lòng làm giúp tôi việc nầy không?"* Hoặc *"Việc nầy họ thúc hối quá, không biết mình làm có kịp hay không, thôi thì rán làm đến đâu hay đến đó, đừng quá lo lắng, không kịp cũng chẳng chết ai"*. Với cách nói tử tế đó, không ai nỡ phụ lòng tốt của ông. Để đáp lại, gặp những lúc công việc khẩn cấp, Mai bỏ cả giờ ăn trưa, bỏ cả giờ nghỉ xả hơi, gắng làm cho xong việc, kịp hạn định. Ông không thúc hối, không làm áp lực. Mười mấy năm làm việc cho ông, Mai cảm thấy thong dong, nhẹ nhàng, và trong cái văn phòng nầy, có sự ấm áp, có yên ổn, an bình. Bây giờ, ông Dan tuyên bố về hưu, không biết người chỉ huy mới có được cái không khí thoải mái, dễ dàng nữa không. Bởi vậy, nên Mai buồn.

Ông Dan cho biết, mấy năm sau nầy bệnh vợ ông trở nặng, ông phải đem vào nơi chăm sóc đặc biệt, cho bà ở hẳn trong bệnh viện. Chi phí mỗi năm tốn trên trăm ngàn đồng. Ông không đủ tiền để trang trải chi phí, nên phải xin nghỉ hưu sớ nầy, và đi làm việc cho nơi khác. Nếu cả tiền hưu sớ nầy, cọng với tiền lương sở mới, may ra mới đủ chi phí chăm sóc bà vợ. Ông ra làm kỹ sư cho hãng thầu xây cất, đứng giữa trời gió bụi, nắng mưa và xe cộ nguy hiểm. Thời khắc làm việc lại bất thường, không kể ngày đêm, mà tuổi già thì bệnh hoạn, mệt mỏi. Những công tác xây cất xa lộ, thường làm đêm khuya khoắt để tránh kẹt xe. Ông Dan vẫn không ngại ngần, thức trắng đêm trong khói bụi công trường.

Có lần Mai hỏi ông Dan rằng, trong đời, có khi nào ông được thong dong, thanh thản hay không? Ông Dan cười trả lời:

"Mình phải tự tạo lấy cái thong dong, thanh thản. Chứ cuộc đời là một chuỗi dài khó khăn, trắc trở, đau buồn. Nhưng mình cũng có những khoảng trống xen lẫn, để mà tự tạo lấy niềm vui, nắm lấy vài phút giây

hạnh phúc. Nếu không, thì gục ngã ngay."

Nhìn vào cuộc đời ông Dan, Mai tự thấy mình quá hạnh phúc, quá sung sướng, được trời dành cho vô vàn ân sủng, nên thường không dám đòi hỏi gì hơn, chỉ mong được yên bình khỏe mạnh là đủ.

Tràm Cà Mau

Du khách nào mới tới vùng Orange County cũng đều ghé lại

Nhà sách Văn Khoa

9200 Bolsa Ave, Ste. # 123, Westminster CA 92683
(trong khu thương xá Phúc Lộc Thọ)
TEL: (714) 892 - 0801
Số điện thoại miễn phí: 866 - 869 - 6384
Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD, DVD, Tự điển,
Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

Sách chọn lọc năm 2003:

Canh Dưỡng Sinh (170 p.) đã gây phong trào khắp nơi,
Lập Thạch Hòa, T.A. Kiệt dịch, giá $6.00
Anh Văn Cho Người VN, bộ 1 (3 videos) và bộ 2 (3 videos)
dễ học dễ nhớ, mỗi bộ giá $18.00
Đất Nước Tôi (588p, 2003) hồi ký của Thủ tướng VNCH cuối cùng
Nguyễn Bá Cẩn $20.00
Tôi Phải Sống (649p, 2003), Hồi ký gây sôi nổi khắp các cộng đồng
người Việt của LM Nguyễn Hữu Lễ giá $36.00
Nhớ Lại Những Ngày Ở Cạnh T.T. Ngô Đình Diệm (269p,)
của Nguyễn Hữu Duệ, LDPVTTP, giá $15.00
Những Cột Trụ Chống Giữ Quê Hương (268p) của ngòi bút
có lửa Phan Nhật Nam giá $15.00
Nhà Sư Vương Lụy (273p) truyện của Tô Mạn Thù
do thi tài Bùi Giáng dịch giá $14.00
Gia Phả (279p, 2003) tập truyện dí dỏm xuất sắc
của nhà giáo Trần Trị Chi giá $15.00
Đời Sống Hai Lần (250p, 2003), gói ghém nhiều tâm sự
của nhà văn Tâm Triều giá $12.00
Bạch Cốt Lâm (3 vol., 910p) truyện kiếm hiệp mới
xuất bản của Cổ Long giá $29.00
Việt Nam Đi Về Đâu, Huyền Thoại Và Sự Thật 1930-2002
(2vol., 1068p) của Lê Trọng Quát giá $32.00
Trở Về Từ Xứ Tuyết (303p, 2002) sách mới nhất về
Phật giáo Tây tạng, của Nguyên Phong, giá $15.00
Ở xa mua sách: Xin gửi chi phiếu đề cho **Văn Khoa**,
giá tiền bằng giá liệt kê, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ

Mái Tóc

Ấu Tím

Có nhiều quyết định tưởng dễ nhưng khó vô cùng . Cắt hay không cắt tóc .

Mái tóc tôi có từ ngày còn con gái, đến mãi bây giờ . Người ta thi vị hóa mái tóc trong nhạc, trong thơ . Với tôi tóc là bạn, là một phần thân thể cha mẹ cho tôi và tôi quý nó .

Tôi còn giữ tấm hình thẻ học sinh năm học lớp nhất . Tóc tôi dài hơn vai một chút , đường ngôi chẻ giữa . Tấm hình năm học xong trung học, đi thi tú tài, mái tóc dài hơn thắt lưng vẫn đường ngôi chẻ giữa .

Nhớ ngày còn học tiểu học , một lần tôi bị lây chấy (chí), cảm giác ngứa ngáy sau khi chơi nhảy dây, chân tóc ướt mồ hôi đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ và ghê ghê sống lưng . Lần ấy khi mẹ tôi biết tóc tôi bị chấy, bà dùng lược dầy , bắt tôi cúi đầu xuống tờ giấy trắng, để bà chải cho tôi . Mấy con chấy đực màu đen, mập máu, bị bà dùng móng tay cái, dí xẹp giết chết, trên tờ giấy, chấy cái nhỏ hơn màu xám, có mấy con chí mén mới nở nhỏ như đầu tăm màu trắng , mẹ tôi bảo : "nó nhỏ nhưng cắn đau phải biết"

Vừa chải đầu bằng lược dầy, vừa phải tước những cái trứng "chấc" chưa nở bám trên tóc mỗi ngày cho tôi chưa đủ , bà còn phải nướng trái bồ kết, nấu nước và gội đầu cho tôi nữa . Mẹ tôi còn vắt vào thau nước sau cùng vài giọt chanh, bà bảo :"chanh làm cho mướt tóc". Kể từ ngày ấy, mái tóc tôi được gội bằng bồ kết. Đến năm mười hai tuổi , tôi đã tự nấu bồ kết, và gội tóc lấy một mình .

Trái bồ kết, có người gọi là chùm kết, hình dạng như trái diệp tây, dài khoảng gang tay . Khi trái khô trở thành màu đen, đem nướng vừa

đủ để tươm nhựa bóng , lấy hột ra bẻ nhỏ, thả vào nước đem nấu . Sau khi sôi khoảng mươi phút, màu nước trong chuyển thành màu nâu sóng sánh. Mùi thơm của bồ kết sau khi nướng, quyện bốc theo hơi nước thanh thanh. Lọc nước sang chậu, pha thêm nước lạnh để nước ấm lại , là gội tóc được . Có lần bận học quên gội đầu,tôi để nước bồ kết qua một đêm , bị me tôi mắng : "để nước thiu mới gội còn gì là hương bồ kết"

Tôi nhớ cái thau đồng dùng riêng để gội đầu, vành chậu có chạm hình kỷ hà . Mỗi khi cúi xuống cho mái tóc chảy dài vào chậu , tôi thấy lấp lánh chính khuôn mặt tôi .

Mua bồ kết dễ lắm , trong tiệm chạp phô nào cũng có bán .Ngày còn dùng than nấu cơm, thường thì sau khi làm cơm trưa xong, tôi đặt nồi bồ kết lên cái bếp còn than dư, cứ để đấy . Than vừa tàn là bồ kết đủ cho hết tinh túy của nó hòa vào nước. Cơm nước dọn dẹp xong, cả nhà đi nghỉ là giờ tôi gội đầu . Giờ ấy nắng rất hanh, gió rất vừa, để hong khô mái tóc dầy của tôi . Tôi không biết vì gội đầu bằng bồ kết mà tóc tôi dày hay vì tôi giống bên nội . Bà nội, bác, bố, chú, cô tôi , ai cũng có mái tóc dầy, nhất là bác gái của tôi, tóc đã dầy còn chảy dài xuống tận gót chân . Gội đầu xong bác phải đứng lên cái ghế đẩu cao để chải tóc . Bố tôi hay xin tóc rối của bác để đánh gió . Tôi nhớ có lần tôi than đau đầu, bố tôi lấy gừng giã nhỏ trong cái chén sành, vắt vào ít chanh, đổ vào tị rượu trắng, xong xuôi ông lấy nùi tóc rối vo tròn khoảng qủa chanh , nhúng vào dung dịch ấy , day vào hai bên thái dương và xoa dọc hai bên sống lưng cho tôi . Bác thích nghịch tóc của tôi lắm . Mỗi khi bác đến chơi, thế nào tôi cũng tìm dịp mon men lại gần bác , để bác vừa nói chuyện với mẹ, vừa chải đầu kết bính tóc cho tôi . Bác kết được bính năm, thay vì bính ba như tôi thường kết lấy một mình . Bác vấn tóc trần khéo khéo là , mỗi khi bác vấn tóc, tôi chống cằm ngắm bác mải mê . Bác nghiêng đầu sang phải, dùng lược chải hết tóc sang một bên vai .Bác có một đoạn dây vải màu đen dùng để cột bó tóc lại, trên vành tai ,sau đó bác xoắn đều tóc và vấn tròn lên đầu . Vòng thứ nhất tròn trĩnh quanh đầu, vòng thứ hai mỏng hơn nằm bên trong được gài khéo léo bằng vài cái kim gút , đoạn đuôi tóc dư bác khéo léo nhấc vòng tóc lên để nó thò ra khỏi vành , như cái đuôi gà.

Bà tôi không vấn tóc trần, mà vấn bằng khăn nhung . Cùng một điệu bộ như thế, nhưng sau khi bó tóc bằng dây vải, bà dùng một miếng nhung đen ngang bằng một gang tay, dài non một thước, bọc tóc lại, dùng kim gút gài mối khăn vào tóc , sau đó khéo léo gói hết tóc vào khăn , bà cần khoảng bốn cái kim để gài cách khoảng tóc vào khăn, sau

dó quấn tròn lên đầu. Bà ngoại tóc ít nên bà phải dùng thêm một cái độn tóc, may bằng vải đường kính khoảng 3 cm , dồn vải vụn vào, sau đó dùng dây vải quấn tóc chung cái độn, và sau cùng vấn khăn . Bác tôi hay bảo : "cháu nuôi tóc cho dài rồi bác bảo cho vấn tóc, tóc cháu mà vấn đẹp lắm , mày có những hai cái đuôi rùa con ạ " .

Đuôi rùa bác bảo là những ngọn tóc măng mọc ngay dằng sau ót , người ta hay nhìn tóc con nít có đuôi rùa sau ót hay không mà đoán nó có nhiều anh chị hay không . Nghe bác nói tôi có hai cái đuôi rùa, tôi hỏi : "ở đâu cái nữa hả bác?"

Bác chỉ ngay giữa trán của tôi, nếu vuốt hết tóc ra sau sẽ thấy chân tóc vẽ thành cái góc của hình trái tim . Tôi thích lắm, vì các cô đào cải lương hay vẽ thêm thật đậm cái đuôi rùa ấy .

Nỗi ham muốn được vấn tóc khiến tôi chiều chuộng mái tóc của tôi hết mực . Ai chỉ cách gì để tóc dài nhanh như : mỗi đêm phải chải tóc nhẹ nhàng , mỗi tháng phải dùng kéo nhấp đầu ngọn tóc, tôi đều làm theo cả .

Đến mùa Hè nóng nực, nghe mẹ bảo phải cắt bớt tóc là tôi sợ lắm , luôn đi trốn .Mẹ bảo: "Không cắt phải buộc tóc cho cao"

Hứa với mẹ ,nhưng mẹ vừa xoay đi là tôi lại tháo sợi thun vứt đi , tôi thích cảm giác tóc vướng vào mặt khi chơi nhảy dây , nhảy lò cò .

Đi học lớp hè với cô giáo Trinh người Nam, dưới căn nhà mái tôn, cả thầy lẫn trò đều thấy nóng, cô bảo tôi cột tóc lên cao, tôi nghe lời cô giáo nhưng không vui . Đằng sau lưng tôi có mấy tên con trai , tụi nó hay lén bứt tóc tôi để đá dế , tụi nó rình cô giáo đang giảng bài bứt đại,tôi giật mình la lên. Cô giáo bắt tên giựt tóc tôi qùi trên vỏ mít. Nó giận tôi không cho tôi xem tóan đố nữa . Sau này khi nó xin là tôi tự bứt một sợi tóc cho nó ngay và giao hẹn nó phải cho tôi xem đáp số của những tóan đố .

Tôi ghét trò dá dế mà tôi phải cho nó tóc của tôi vì tôi nghĩ đến những bài tóan khó .

Tôi tội nghiệp con dế lửa có cái cánh màu vàng, bị cột vào sợi tóc , xoay vù vù cho chóng mặt trước khi thả vào đấu trường "đá lộn".

Đấu trường là cái hộp nhỏ bằng giấy bồi, hay sang hơn là cái hộp thiếc dùng dựng bánh quy hay bánh trung thu, bỏ một lớp cát mỏng , vài nhánh cỏ. Hai con dế cụng đầu vào nhau, con nào chạy vòng vòng sát thành hộp , không cụng dầu vào con kia nữa là thua . Thằng có con dế thua, nắm râu con dế lên thổi phù phù, hay dùng tóc của tôi đụng

vào râu của con dế để con dế chịu nhào vào đá lại . Chỉ có thế mà có khi mấy đứa con trai đánh nhau inh ỏi .

Lớn lên tí nữa, khi được mặc áo dài đi học, nhiều hôm nóng qúa mồ hôi đẫm ướt cả lưng áo, tôi vẫn lì không chịu cột tóc cao lên.

Khi biết điệu, tôi hái hoa ngọc lan cột vào trong tóc . Đường Tú Xương có nhiều hoa ngọc lan , đi học về ngang , tôi không ngại cột hai tà áo, leo lên rào hái hoa . Có lần chó sủa , chủ nhà chạy ra, tôi thong thả ôm cặp đi, mấy tên con trai về chung đường với tôi, lãnh đủ lời chưởi rủa . Ai lại nghĩ con bé tóc dài nhỏ nhắn ấy dám leo rào hái hoa?

Về sau tôi có nguồn cung cấp hoa ngọc lan, mấy năm dài ròng rã , mỗi lần cả bụm hoa hàm tiếu từ một người bạn học chung trường , biết tôi thích hoa ngọc lan , nhà người ấy lại có một gốc ngọc lan cổ thụ . Tên của anh chàng ấy mà ghép vào với tên tôi, sẽ thành tên của một quốc gia hùng tráng nhất thế giới . Các bạn học hay chơi ghép tên đứa này vào đứa khác để chọc ghẹo , tôi không thích như thế , nói thẳng và đi mách với thầy giám thị . Từ chuyện này tôi và anh chàng thành bạn . Có lần tôi xúi anh ta leo lên cành phượng hái cả chùm thật to, để tôi cùng các bạn dùng nhụy của hoa chơi đá gà, cánh hoa thì ép thành hình con bươm bướm . Anh ta đang ở tít trên cành cao , thấy hiệu trưởng đi đến . Thấy kêu anh ấy xuống và bắt qùy ngay dưới gốc cây . Tôi tự động đến qùy xuống bên cạnh , thầy hỏi tại sao ? Tôi trả lời vì chính tôi là người có lỗi , tôi muốn hái hoa , không phải anh ấy . Thầy hiệu trưởng cười xòa tha cho cả hai , chỉ dặn không được leo nữa kẻo ngã .

Từ ngày có nhiều hoa ,tôi ngậm hoa vào miệng, cột hai ba đóa vào trong tóc, đi đến đâu mùi thơm vương theo đến đấy . Bố mẹ tôi mắng yêu: "khiếp con gái điệu rơi điệu rụng" . Và tôi cũng hay ngâm nga bài hát: "Ngọc lan dòng suối tơ vương, mắt thu hồ dịu ánh vàng . . ." của Dương Thiệu Tước

Khoảng thời gian ấy, các cô tóc dài có cái kẹp ba lá để kẹp tóc . Kẹp ba lá làm bằng nhôm mỏng , có đúng ba miếng , dễ bị tuột, không đẹp , tôi dùng khăn voan mỏng của mẹ cột tóc . Khăn voan có thể thắt lại thành hình hoa và phần dư ra của khăn bay theo tóc,đẹp lắm.

Và tôi được vấn khăn một lần . Vấn để bà tôi và bác tôi được dịp kể lại thời con gái của bà và bác . Tôi nhìn ngắm bà và bác tôi vấn khăn mãi, nên đến khi tôi vấn tóc mình dễ dàng như tôi từng làm mỗi sáng .

Mái tóc thành vòng, như vương miện đội đầu , bà tôi bảo bác: "Nó đẹp y như chị ngày xưa"

Bác tôi thì: "Nó giống y như hình của me hồi trẻ"

Bà tôi có một bức chân dung xinh lắm chụp ở Hà Nội , tôi giống bố, nên giống bà , giống luôn cả bác . Tiếc ghê, không ai chụp cho tôi tấm hình với mái tóc vấn xinh xắn ấy .

Tôi nhớ có lần tôi đánh rối , chải đường ngôi tóc sang một bên làm điệu . Thầy giáo dậy văn vừa vào lớp đã nói ngay với tôi: "Con gái phải giữ đường ngôi tóc giữa, thờ mẹ kính cha, trung trinh chung thủy, sao em lại chải tóc ngôi bên"

Từ đó tôi không dám thay đổi đường ngôi tóc . Các bạn cùng lớp với tôi sau này kể lại: "Thầy mê mái tóc của mày, lấy ngay bà vợ tóc như rễ tre , chả thấy đường ngôi ở đâu."

Tôi biết có vài sợi tóc tôi vãi vương đâu đó thời: "Trời mưa không lớn lắm

Cũng đủ ướt đôi đầu
Tình yêu không đáng lắm
Cũng đủ làm tiêu nhau
Đường đời đau có chặng
Em tính còn ham chơi
Lưng ngoan dòng tóc xõa
Môi trinh thơm thích cười . . .
(NTN)

Những tiếng chân gõ nhịp sau lưng trên đường về học và những câu thơ học trò có lời đề tặng ân cần trên báo thật vu vơ

Chiêm bao người tóc thả
Ngậm trên môi tình đầu . . .
(Tặng người tóc thả, đoạn đường . . .cùng về)

chỉ có thế , mà đâu chỉ riêng tôi có mái tóc, bao người thiếu nữ thời tôi, có mái tóc như thế. Để thơ văn mang bao sợi tơ giăng .

Anh họ tôi còn kể tôi nghe , một lần những sợi tóc ai đó đi bên cạnh , theo gió quấn vào cánh tay trần của anh, khiến anh chết điếng

cả người , như bị điện giật .

Anh bảo tôi phải coi chừng, đừng để tóc bay lung tung mà có người chết không kịp ngáp . Anh đùa thế mà tôi tin , chưa kể anh còn dọa: "Đứa nào nhặt được tóc của mi, đem về bỏ vào túi áo nằm ngủ đúng trăm ngày là mi mê nó như điếu đổ "

Tôi sợ lắm giữ tóc như vật bất ly thân , sợi nào rụng cũng nhặt lại cất kỹ .Thế mà có người đã giữ được sợi tóc tôi làm bằng chứng là họ có nghĩ đến tôi . Người ấy là con trai của bác chủ sạp báo ở góc đường Minh Mạng - Hòa Hảo. Mỗi tuần tôi đều ghé để mua báo Tuổi Ngọc . Tôi hay nói chuyện với bác . Bác chỉ có mỗi sạp báo mà nuôi bốn anh con trai ăn học, bác không có con gái nên bác thích hỏi han tôi lắm . Bác người Bắc, răng nhánh đen, nhưng bác bới tóc không vấn khăn như bà và bác gái của tôi . Bác cho tôi đọc thêm báo khác không cần mua, tôi cứ đứng tựa lưng vào sạp đọc thỏa thích , nào văn, nào thơ , có hôm bác còn cho tôi hình bìa của báo Pháp để trang trí vở học . Tôi nhớ hoài những quyển vở bao bằng tờ ny-lông trong suốt , ép bằng bàn ủi than . Tìm được những tấm hình lạ ,lồng vào bên trong đẹp đẹp là . Anh con út của bác , trạc tuổi tôi, lâu lâu ra bán hàng phụ mẹ. Lần ấy tôi đến không gặp bác chỉ có anh , tờ báo bên trong kèm tờ giấy ca rô viết vài hàng nắn nót

Giữ sợi tóc của người
Treo tình ta vào đấy
Gió lay tình đong đưa
Lạy trời người ngó thấy

tôi đọc mà run , chỉ sợ anh ấy biết cái bùa của ông anh họ tôi nói "Đứa nào nhặt được tóc của mi, đem về bỏ vào túi áo nằm ngủ đúng trăm ngày là mi mê nó như điếu đổ "

Từ đó tôi mắc cỡ không dám vào mua báo khi chỉ có anh .

Tôi vừa lớn là me tôi vừa mất . Trước khi mất, me tôi cắt tóc . Mái tóc còn lại của me tôi dài hơn nửa thước . Tôi gói và cất vào một chiếc hộp gỗ . Lần bác gái tôi đến làm trăm ngày cho mẹ, đưa bác xem , bác bảo "Điếm gở con thấy không , đang tự dưng sao lại cắt tóc đi " .

Bác còn bảo cho tôi biết , tóc của người đã khuất không làm tóc mượn được, vì nó sẽ rối, không mượt mà . Có rất nhiều người mua tóc thời ấy không biết để làm gì . Me tôi mất , tôi xõa tóc và cái khăn tang như cái băng đô đội đầu . Sau ba tuần bố tôi bảo: "Thôi các con đừng

chít khăn ngang đầu nữa , trông buồn lắm . Mẹ biết các con yêu mẹ, cần gì mảnh khăn trắng ấy ."

Ngày cưới, đất nước bão bùng, chị làm tóc cứ mân mê mái tóc tôi, bới tỉa trầm trồ: "Tóc em đẹp qúa"

Chị bới hết tóc tôi lên cao , chiếc khăn vành dây xinh xắn bao bọc mái tóc , nhìn vào gương đằng sau, những lọn tóc quấn qúit cùng nhau . Sanh cháu đầu lòng , me chồng tôi không cho gội đầu, bà bảo phải cữ không cho nước vào tóc một tháng, sợ dễ bị nhức đầu rụng tóc về sau . Tôi tết bính mái tóc, chịu được một tuần tóc nhơm nhớp khó chịu qúa, tôi lén mẹ nấu nước xả gội đầu .

Có lần , tôi dự định bỏ nước ra đi . Lần ấy tóc tôi búi đầy một búi như các bà ở miền Tây , mặc áo bà ba lụa màu đà, chỉ khác là không bôi dầu dừa lên tóc. Các chị, các bà ở miền Tây, dùng dầu dừa bôi lên tóc, giữ cho tóc mượt, và khi búi không bị tóc con chỉa ra ngòai . Lần ấy nhóm tôi bị du kích xã bắt , vì chia vàng bến bãi không đều . Ngồi trong gian nhà tranh, ủy ban xã , tóc tôi xổ tung . Chú du kích xã được thể ra oai, lớn tiếng kêu: "chị kia đến đây"

Hắn chỉ vào tôi, sau đó là một tràng dài lời dậy dỗ, đại khái nước nhà giàu đẹp, sao lại trốn đi theo ngụy tặc v.v , và tiện tay có con dao, hay vật gì đó tôi không rõ, hắn nắm một mớ tóc của tôi mà cứa . Ông chủ tàu kịp chạy chọt cho chúng tôi được thả ra, về lại SaiGòn ngay sau đó . Dĩ nhiên tôi có mái tóc kiểu con trai, ngắn hơn vành tai . Con tôi lúc ấy còn bé, không thấy thay đổi của mẹ , nhưng chồng tôi, và các bạn khi gặp ai cũng tủm tỉm cười .

Sau chuyện này chúng tôi không dám nghĩ đến chuyện vượt biên nữa , chồng tôi bảo: "thôi kệ em ạ , cột đèn ở lại, mình cũng ở lại"

Đến khi sửa soạn ra đi chính thức, điều chồng tôi hay lo lắng thứ nhất là cây ngọc lan không ai chăm sóc , thứ hai là: "Sang đó chừng hai ba năm tóc em xoăn tít như cọng mì khô"

Bây giờ đã hơn mười hai năm "sang đó", mái tóc tôi vẫn thế, không xoăn, không cuốn , dĩ nhiên màu thì có nhạt như nắng chiều gần tắt, vài sợi nhạt hẳn thành sương muối . Các con mua thuốc nhuộm cho mẹ , màu hạt dẻ, màu lá thu . Tôi vẫn ngại ngần chưa muốn thay đổi . Không biết có phải vì gội đầu sớm sau khi sanh con so không , mà tóc tôi rụng nhiều ghê, tóc ngắn rụng chắc không thấy nhiều bằng tóc dài. Thế mà me chồng tôi vẫn bảo: "tóc con tốt thật , đến giờ vẫn dầy và mượt"

Một lần thôi một lần

HUỲNH LIỄU NGẠN

hư vô anh đói một lần
hương em thoảng động vô ngần đêm qua
xin em một chút nắng nhòa
một chút thôi một chút tà dương thôi
để anh vái với đất trời
quê xa em với nỗi đời truân chuyên
anh về lại với trăng huyền
qua sông đợi bóng thuyền quyên đổ bờ
xin em một dọt trăng lờ
một đọt thôi để dại khờ với anh
tiếng đời rồi cũng qua nhanh
anh mơ mộng anh dỗ dành anh đau
thì thôi trăng cũng dãi dầu
trăm năm bến cũ sơ đầu em ơi!

Tôi không biết có phải tôi đã gội tóc bằng bồ kết hay không ? Bây giờ tôi gội tóc bằng đủ mọi loại dầu , đủ mọi mùi hương, tôi vẫn nhơ nhớ hương bồ kết . Cứ nhắc cứ ước ao, đến nỗi cô bạn học, một lần về thăm nhà, mang sang cho hẳn một bao , với lời nhắn nhủ: "Tại mày mà tao nói xạo với hải quan, nó hỏi cái gì, tao bảo thuốc bắc . Chứ nói thiệt để nấu nước gội đầu, nó giục vô thùng rác là cái chắc " . Cô bạn của tôi người Nam rặc, nó cũng thắc mắc , tại sao tôi thích hương bồ kết đến thế .

Hỏi ông nhà tôi: "Tóc em có dính líu gì vào tình sử của hai đứa không ?"

Anh trả lời: "Nó cột anh cứng ngắt"

Ấu Tím - Mùa Xuân 2004

Loan

Ngô Nguyên Dũng

Chị Tần cời than trong lò đều ra rồi xoay qua, giọng ân cần:

- Lâu lắm mới gặp lại em. Sao, em vẫn khoẻ?

Ngọc cười hiu hắt:

- Cám ơn chị, em khoẻ hơn trước.

- Nghe nói...

Ngọc ngắt lời chị Tần:

- Có lẽ em không còn ở đây lâu, em định về nhà cha mẹ mấy lần rồi, mà chưa dứt khoát.

Chị Tần ngơ ngác:

- Cha mẹ nào?

- Cha mẹ em.

Người chị buông đũa sắt, thở dài. Vườn sau, hè muộn, chỉ còn lại hai chị em. Mấy người đàn ông sau khi no bụng đã rút vào phòng khách xem trận túc cầu trực tiếp truyền hình. Chị Tần và Ngọc ở lại nướng cho xong mấy khúc dồi và lát thịt sườn rồi dọn dẹp. Đồng cảnh ngộ làm dâu gia đình này nên Ngọc và chị dễ dàng tâm sự những chuyện riêng tư. Nhưng Ngọc không biết phải bắt đầu ra sao. Nàng ngước mặt lơ đễnh nhìn vạt nắng sâm sẩm mấy ngọn cây, chợt nhận ra như thể mình chưa từng thấy màu nắng ấy bao giờ. Tháng chín sậm sật, khoẻ khoắn sau những ngày hè ngập nắng. Dường như hương thơm của lá toả hết ra, bàng bạc trong không gian đựng ánh sáng ngày càng ngắn lại. Mùa dâu đã qua cùng mận, táo. Lê chín chậm hơn cả. Hôm qua Ngọc mẩy mẩm hái được hơn hai mươi quả. Năm nay nắng tốt, hoa trái sởn sơ tinh lực. Không cần kề mũi, Ngọc cũng bắt được hương mùa màng thầm kín, rồi nhoẻn cười không đâu.

Đã hơn ba tháng, Ngọc nghỉ bệnh. Triệu chứng khởi sự bằng nhiều

khuya mất ngủ và những cơn nhức đầu tăng dần. Tâm tính Ngọc nắng mưa bất chợt, đôi khi bật khóc vì chuyện chẳng đầu đuôi. Ai cũng khuyên nàng nên tới bác sĩ chẩn bệnh.

- Ngọc, chị lo cho em!

Giọng chị Tần nhỏ nhẻ. Ngọc cảm nhận hơi ấm bàn tay chị đặt lên vai. Ngọc gượng vui, kể:

- Hôm trước tới bác sĩ, ông bảo bệnh của em mới chớm, uống thuốc độ một năm sẽ dứt. Nếu không, ổng sẽ cho vào viện dưỡng bệnh.

- Em dùng thuốc được bao lâu rồi?

- Cũng gần nửa năm.

- Em thấy sao?

- Khá nhiều chị ạ. Đầu tháng tới em đi làm lại.

Chị Tần cầm tay Ngọc, siết nhẹ. Hai người đàn bà đối mặt nhau. Ngọc mường tượng mình đang ghé mắt nhìn vào nội tâm chị. Hành lang sâu hút, trống, lạnh. Móc gỗ bên trái máng chiếc áo khoác mùa hè màu lam. Bốn đôi giày, hai nữ hai nam, sắp ngăn nắp cạnh tủ thấp ba ngăn chứa chìa khoá, túi vải, găng tay, giấy quảng cáo cùng báo cũ chờ vất đi, những đôi dép mang trong nhà và nhiều đồ vật linh tinh khác. Bình hoa oải hương khô trên mặt tủ. Khung ảnh cảnh hoàng hôn treo tường. Tấm gương nhếch nhác những hình bóng hiếm hoi tới lui. Cuối hàng lang, rãnh ánh sáng từ gian bếp hắt ra, và hai khung cửa: một khép hờ dẫn vào phòng khách thiếu nắng, một im lìm đóng chặt phòng ngủ kín rèm. Chợt Ngọc rùng mình thấy ra, đó không phải là nội tâm chị Tần mà là của chính mình, là nơi chốn thường ngày Ngọc mở đóng vào ra, ấm lạnh bên chồng. Tự dưng nàng nghĩ tới cô Loan trong Đoạn Tuyệt của Nhất Linh. Hai phận đời cách nhau chập chùng thế kỷ. Bao nhiêu vật đổi sao dời, vậy mà chuyện làm vợ, làm dâu gần như không thay đổi.

- Em nên nghĩ lại, chuyện gì cũng có cách giải quyết.

Ngọc nghiêng mặt sang bên, nói nhỏ:

- Đúng rồi, ly thân ly dị cũng là một cách giải quyết.

Chị Tần đứng lên, than:

- Bây giờ chị ngồi lâu hay bị mỏi lưng. Thôi, chị em mình dọn dẹp rồi vào trong.

Khi Ngọc xoay lưng theo chị Tần vào trong thì thấy nó. Nàng luống cuống làm rơi chiếc dĩa bếp xuống cỏ. Ngọc cúi nhặt, thấy đầu móng chân có ngón lười xười như bị gián gặm. Cái dáng loắt choắt, cái điệu bộ gần như lấc cấc của thằng bé áo đỏ ấy lại thấp thoáng bên bụi dâu dại trụi lá. Bóng chiều mới đó đã chín nẫu, lập loè sau hàng dậu trường

xuân. Thính giác nàng vọng lại giọng cười trẻ con trong vắt. Mọi thứ lướt qua tầm nhìn Ngọc như một đoạn phim sắc sảo ráp vào những sinh hoạt thường nhật phẳng lặng, nhạt nhẽo, vô âm của đời sống. Nàng ngại ngùng ngó quanh như sợ ai bắt gặp. Có tiếng nhạc bập bùng và giọng gọi Ngọc ơi, Ngọc ơi...

Người mẹ chồng đưa mắt nhìn lo lắng:

- Con sao vậy, Ngọc?

Ngọc nhếch cười lệch lạc, nói dối:

- Tự dưng con thấy chóng mặt, choáng váng.

- Uống thuốc chưa?

- Chưa tới giờ, mẹ à!

- Hay con vào phòng nằm nghỉ, mẹ với mấy đứa khác làm được rồi. Mai là giỗ ông ngoại.

Lúc khác, Ngọc đã mau mắn, không không con làm được mà, nhưng hôm nay nàng cảm thấy bồn chồn, nôn nao kỳ lạ, nghe như có tiếng người, giọng gọi gióng giả trong tâm thức. Ngọc thối thoát:

- Con xin phép mẹ.

Rồi quay lưng bước nhanh vào phòng riêng, có cảm tưởng nhiều tia mắt xét nét bám theo. Cửa phòng khép kín vẫn không ngăn hết tiếng động từ phòng khách. Ngọc chỉ tháo dép, để vậy buông người xuống nệm. Đường ánh sáng xám nhạt cắt ngang phiến tường trước mặt, chông chênh nhoà theo cơn mê trầm buổi chiều. Dải mây màu san hô chở Ngọc bềnh bồng. Bầu trời xanh như một mảng tranh ấn tượng. Có những dáng dấp như tiên đồng, ngọc nữ lập lờ bay lượn. Có đó rồi mất đó. Nhã nhạc réo rắt. Màu trời đổi từ xanh sang lam, từ lam sang tím, ngập ngợn chan hoà bảy sắc cầu vồng. Mây lênh đênh từ đông sang tây. Ngọc thấy mình cũng nổi trôi từ đông sang tây, rồi dừng lại, vất vưởng.

Tiếng động thoạt đầu nhỏ rồi lớn dần, nghe như cành lá cựa mình, không phải, như bàn tay ai vuốt lên giấy nhẩu. Ngọc và chồng trở lại nhà chiều qua. Mưa lào rào một thoáng rồi nắng quái rón rén nhú lên. Ngọc khoác áo ấm ra ngồi ngoài ban-công, quyển sách mở trên đùi. Đọc như cái cớ để soi tìm... cũng không phải, mà như để trốn tránh. Chồng nàng lớn tiếng từ phòng khách, nhắc Ngọc nấu cơm chiều. Ngọc uể oải gấp sách, đứng lên.

Bữa ăn trôi qua lặng lẽ. Ngọc nhẫn nha nhai từng hạt cơm. Người chồng, như thường lệ, ăn uống vội vã rồi xô ghế đứng dậy, bỏ vào phòng khách. Tiếng gõ máy vi tính lại vang lên lách cách. Tối, vào

phòng ngủ, Ngọc bật máy phát thanh báo thức cạnh đầu giường. Âm điệu tươi tắn, sống động. Mỗi sáng Ngọc thức dậy bằng những thanh âm ấy. Thường ngày bắt đầu tấu lên giai điệu vui, nhưng Ngọc luôn luôn cảm thấy chật hẹp, tù túng trong đời sống vợ chồng này. Cảm giác ấy càng rõ rệt từ hôm Ngọc bắt được mảnh giấy con ghi số điện thoại lạ bỏ quên trong túi áo chồng. Giác quan thứ sáu bén nhậy rợn lên. Ngọc cất mảnh giấy vào một nơi kín đáo, một hôm nhân lúc chồng vắng nhà, nàng tần ngần nhấc máy điện thoại. Sau hai hồi chuông ngắn, khô, lạnh, một giọng đàn bà cất lên: "A-lô, Loan đây." Ngọc bối rối, lồng ngực đập vội. Giọng nói bên kia đường dây dồn dập: "A-lô, xin lỗi ai đó? Loan nghe đây." Ngọc thẫn thờ buông máy, tâm trí choáng váng đầy nghi vấn. Cô Loan nào vậy? Cái tên vừa thân thiết vừa xa lạ, chưa hề nghe chồng nhắc nhở. Cái tên gọi phụ nữ thường nghe trong xã hội Việt nam bỗng dưng hôm nay trở nên cách biệt, lạnh lùng như của một người đàn bà ngoại xứ, nhoà nhạt, không chân dung. Vậy mà... lúc Ngọc ngồi canh nồi thịt hầm, tia mắt chếnh mảng rơi xuống quyển sách chưa đọc xong, nằm trên bàn. *Đoạn Tuyệt*. Ngọc với tay cầm quyển sách, hơi người lẩy bẩy truyền sang những trang chữ. Cô Loan nào đây? Có phải đó là hình vong nhân vật tiểu thuyết lãng mạn từ xa xưa trầm uất lung linh hiện về. Vẫn vô diện mạo, nhưng tân thời, sắc sảo trong bối cảnh tối sáng, cải cách âm ỉ, bồn chồn biến động. Vậy mà cô vẫn không thể thoát ly cái riềng mối gia đình truyền thống bụi ám ấy.

Tay Ngọc rờ rẩm chương sách chưa đọc. Chữ nối chữ gợn lên thành dòng, thành nhân dạng, thành đời sống linh hoạt.

Loan ngửng nhìn lên. Một vài cái diều nhỏ bé lơ lửng ở trên dẫy tre lại càng rõ vẻ cao rộng của bầu trời bao la. Trời đất rộng rãi thế kia, can chi mà ràng buộc lấy nhau ở trong cái xó nhỏ hẹp này, không có việc gì làm cho qua thì giờ, nghĩ cách làm khổ người khác để tự làm khổ mình. Loan biết là vô nghĩa lý và lấy làm lạ rằng chính nàng cũng đương ở trong đó mà không thoát ly ra được. (*)

Rồi Ngọc rợn người nhận ra trong hoàng hôn choạng vạng gian bếp tù mù ngọn đèn con, một bóng phụ nữ vạch chữ ra ngồi đối diện, tóc xoã một bên vai áo lụa trắng, gương mặt chỉ điểm trang đôi mắt sáng với cặp chân mày vòng nguyệt và viền chì mỏng rèm mi. Ngọc thấy rõ hai con ngươi hạt nhãn loang loáng tín hiệu cảm thông giữa nhiều thời đại, giữa những số phận đàn bà trong ghềnh thác định mệnh nghiệt ngã. Tay Ngọc bấu lấy đùi, cái đau rành rành thực tế.

Giọng người đàn bà như có âm dội:

- Tôi là Loan, hân hạnh được biết chị.

Ngọc líu lưỡi, không thốt ra lời. Cô Loan thong thả tiếp lời:

- Đôi lúc tôi cũng có cảm tưởng không ai hiểu mình. Những suy nghĩ và nếp sống của tôi, thời ấy, đâu đã được số đông chấp nhận. Dẫu có, cũng khó tìm ra kẻ đồng điệu để tâm tình. Người sáng tạo ra tôi đã không còn, nhưng những thông điệp ngôn ngữ vẫn nguyên vẹn đó, chờ được tiếp nhận. Chị hiểu ý tôi chứ?

Ngọc bối rối gật đầu, nghe tiếng mình hụt hơi lơ lửng:

- Tôi... là... một người tầm thường... vô danh.

- Khôug phải tầm thường mà bình thường, không phải vô danh mà ẩn danh. Tôi chỉ là kẻ đại diện, nói thay, sống giùm; còn chị có chân diện, nói thật, sống thực. Tôi là bóng ma, chị là người.

Sống lưng Ngọc lạnh toát mà đường chân tóc lấm tấm mồ hôi. Nàng lắp bắp:

- Tôi... tôi... sợ...

Gương mặt cô Loan chao nghiêng, nhoè cong. Cô thấp giọng:

- Riêng tôi, hơn nửa thế kỷ sống trong cảnh giới chữ nghĩa hoang mang, hoàn toàn cô độc trong tình huống văn chương không đoạn kết. Tôi quanh quẩn cuồng chân giữa những dòng chữ. Có những hạng đàn ông ích kỷ, không cho phép thứ đàn bà như tôi hưởng đôi chút hạnh phúc, dẫu chỉ là hư cấu: từ Thân tới Dũng, và ngay cả tác giả là người đã gầy dựng ra tôi.

Ngọc lấy lại bình tĩnh, hít một hơi sâu, chậm rãi:

- Tôi cứ nghĩ cô bằng lòng với vai trò như thế, dám đối đầu với nghịch cảnh.

- Tôi? Đối đầu với nghịch cảnh? Không đời nào. Đầu hàng với nghịch cảnh thì có. Tôi vâng lời bố mẹ về làm vợ một gã dốt nát, quan liêu thô lậu thì có gì đáng hãnh diện? Lẽ ra tôi phải trốn nhà theo Dũng, dấn thân làm cách mạng, trước tiên vì tổ quốc, sau để phá đổ thành trì phong kiến của những cuộc hôn phối không tình yêu... Không, tôi mãi mãi là một phụ nữ nhát nhúa, sống cho và vì người khác.

Rồi cô Loan cười gằn, hai con mắt đại hẳn. Ngọc thấy rõ màu chiều sau lưng cô run rẩy như mặt nước có ai nhúng tay. Ánh sáng loang lở, trải rộng từng lớp trên vách. Bấy giờ thính giác Ngọc mới nhận được những tiếng động khác. Nồi thịt hầm âm ỉ. Động cơ ngoài đại lộ len qua khung kính hé, thoáng qua, tan mất. Điều gì không rõ dâm chồi trong tâm tưởng Ngọc, dường như thứ phúc lộc của những hảo vọng dồn nén lâu nay. Nàng nhìn thẳng mặt hồn ma cô Loan, không chớp mắt, mạnh dạn cất lời:

- Tôi vẫn tưởng cô có một đời sống tươi đẹp sau đoạn kết. Được

trắng án, hết vướng bận với gia đình Thân, tự do gần như hoàn toàn.

Cô Loan cúi mặt. Thoáng giây nín lặng. Khi cô ngẩng mặt, hai ngấn mắt long lanh như hoen lệ. Đôi môi tái mấp máy:

- Cái dời sống giấu sau những trang tiểu thuyết ấy vô vị, nhạt nhẽo lắm, mấy ai đoái hoài. Tôi đi tìm những thứ mình muốn mà chẳng được, cũng không thể vì khi độc giả gấp sách lại, tôi không còn là cô Loan của trăm trang chữ nữa mà trở nên một con đàn bà, một thứ giống cái đồng loại những con đàn bà, những thứ giống cái khác. Tôi khuyết danh, ẩn dật, chui rút như mối mọt gặm mòn văn tự không chút đắn đo. Kẻ lạc quan cho tôi và Dũng tái hợp, con đàn cháu đống, hạnh phúc với những lo toan mắm muối. Kẻ khác lại tưởng tượng, kể từ cái đêm Dũng gập lưng trong mạn thuyền trên sông Đà, thảo tờ thư gửi vợ chồng giáo Thảo, chàng lại biệt tăm. Ngày dất nước chia đôi, tôi theo sách cùng tác giả vào Nam, nhưng hồn phách vẫn chờn vờn lưu lại tâm tư những người còn nặng nợ văn chương. Tôi khốn đốn, bị bức bách, trù dập bởi thứ chủ nghĩa duy vật phủ trùm phương Bắc. Dũng, nếu sống còn, chắc gì đã đỡ dần tôi. Tôi sợ, dám chừng chàng trở giọng a dua theo ngôn ngữ cách mạng. Cô Ngọc, tin tôi đi, tôi trong và ngoài những trang sách đều thiếu may mắn như nhau.

Ngọc phân vân cùng cực, tay vân vê gấu áo. Cô Loan thở dài. Làn hơi lành lạnh trườn quanh cổ Ngọc như vòng ôm loài trăn tuyệt, cùng lúc là tiếng chìa khoá lách cách tra vào ổ ngoài hành lang. Những vòng sáng hoang tưởng trên vách tắt ngấm, còn lại bóng nhá nhem căng rộng, trơ trẽn. Ngọc chớp mắt thảng thốt. Thoắt cái, chỉ còn mình nàng ngồi đấy trong căn bếp hắt vàng ngọn đèn con. Vòm trời ngoài kia trở màu xanh thẩm, nhàn nhạt những chấm sao non. Có tiếng mở cửa gian bếp và giọng chồng nàng ngờ vực, lo lắng:

- Em làm gì ngồi trơ như tượng vậy? Uống thuốc chưa?

Ngọc xoay lại, thấy hai con mắt linh diệu của cô Loan tan vào thị giác nàng, ánh lên ngân ngấn giao cảm của thân phận đàn bà trong những xô giạt thời thế. Cơn sốt u trầm mỗi hoàng hôn đã bắt Ngọc rã rời phân hai, giằng co độc thoại. Nàng đứng lên, cố nén xúc động:

- Anh đi thay áo, em dọn cơm chiều.

Khuya nằm bên chồng, Ngọc thờ ơ đáp ứng những đòi hỏi. Xong, vào phòng tắm, nàng bồi hồi thấy lại chiếc áo trắng của chồng treo trên móc. Ngọc nhớ tới mảnh giấy con ghi số điện thoại lạ, nét bút uyển chuyển. Cũng cái tên Loan, cũng giọng nói dịu dàng gần như khắc khoải. Và lạ thay, đã gieo vào lòng Ngọc chung một nỗi giao động, tuy

không cùng thời điểm. Có điều, cô Loan văn chương đã khiến Ngọc có thêm tự tin.

Sáng ra, chờ chồng đi khỏi, nàng nhấc máy điện thoại. Giọng nói hôm trước cất lên:

- A-lô, Loan đây.

Phải mất vài giây dằn lòng, Ngọc mới thốt ra lời:

- Tôi là Ngọc.

Giọng nói hoang mang:

- Ngọc? Xin lỗi, Ngọc nào?

Ngọc nói nhanh:

- Ngọc, vợ anh Thuần.

Đường dây nối hai người đàn bà trống lặng, rồi một tiếng thở dài vang lên. Ngọc không thích chuyện vãn với người không quen mặt. Nỗi gì e ngại như thể nàng đang đứng trước hồ nước không rõ cạn sâu. Ngọc không khỏi nghĩ tới cơn sốt hoàng hôn hôm qua. Mẩu đối thoại không đoạn kết với cô Loan của nhiều thập niên trước. Tâm trạng bứt rứt của kẻ bắt đầu chuyến phiêu lưu không mục đích.

- Từ đâu chị có số điện thoại này?

Giọng người đàn bà không chút bối rối. Ngọc đáp trống không:

- Tình cờ vậy thôi.

- Có khi nào anh Thuần kể chị nghe chuyện tình cảm của anh ấy thuở trước, ở quê nhà?

- Ít khi. Tôi cũng không hỏi.

Người đàn bà cười khẽ. Ngọc bất bình nhưng không nói, lắng nghe giọng nói kiểu cách cơ hồ vô tâm bên kia đường dây:

- Vậy tôi xin được phép kể chị nghe. Đầu thập niên một chín sáu mươi tôi và anh Thuần còn là học sinh. Học hành đâu bao nhiêu, chúng tôi đã bị biến động thời cuộc cuốn hút. Hẳn chị còn nhớ, những năm cuối cùng thời đệ nhất cộng hoà, tình hình chính trị cực kỳ hỗn loạn, Sàigòn xuống đường biểu tình phản đối chính phủ hầu như mỗi ngày. Anh Thuần và tôi quen nhau trong một buổi hội thảo tại sân trường đại học văn khoa. Còn trẻ, bầu nhiệt huyết hôi hổi, chúng tôi muốn làm một điều gì để lên tiếng nói, góp sức vào công cuộc gầy dựng một đất nước tốt đẹp hơn. Tuổi hoa niên dạo ấy, chúng tôi lý tưởng một cách viễn vông. Chắc chị chưa quên, có năm trung học chúng ta đã được dạy Đoạn Tuyệt của Nhất Linh?

Ngọc giật nẩy người, cột xương sống tê buốt. Nàng chỉ lấp vấp được đôi ba tiếng:

- Cô... cô Loan.

- Phải, nhân vật nữ chính tên Loan yêu một người tên Dũng. Thời ấy, Bắc kỳ là đất bảo hộ của Pháp, thanh niên nam nữ ai cũng nức lòng trước phong trào đòi quyền tự trị. Dũng, dẫu yêu Loan, vẫn nén tình riêng, lên đường làm cách mạng. Loan là gái tân thời, nhưng vì những ràng buộc gia đình và lề lối xã hội đành ép mình lấy người không yêu làm chồng. Chị Ngọc, thú thật tôi không giống cô Loan Đoạn Tuyệt, anh Thuần không phải là anh chàng Dũng... Sau cái chết tự nguyện của Nhất Linh, tôi liều lĩnh dứt bỏ mọi liên hệ cá nhân, lên đường. Anh Thuần tuyệt nhiên không biết chuyện này. Tôi ra đi đột ngột như Dũng đã đột ngột xa Loan trong tiểu thuyết, không một lời giải thích. Đôi khi tôi trở về, đậm nét nhất là dịp cuối năm Mậu Thân 1968, lén lút như tội phạm. Hẳn chị chưa quên những đêm mưa Sàigòn? Chỗ chúng tôi liên lạc nằm trong một xóm nghèo, cạnh cầu Bông, bên con sông đục lờ, rác rưởi hôi hám. Thỉnh thoảng một ánh hoả châu rơi lạc, soi ánh sáng vàng lườm lên sông nước đặc quánh. Thực tế không có gì ngoạn mục, thơ mộng như đoạn tả cảnh sương trăng trên sông Dà, lúc Dũng cùng người bạn đồng chí phiêu bạt đây đó, mà trâng tráo, phũ phàng như gã lái buôn ả-rập lấy vợ chỉ vì chút hương phấn phù phiếm và mớ gấm vóc hào nhoáng phủ ngoài, không cần tìm biết bộ mặt thật dưới vuông khăn che...

Nghe tới đó, Ngọc chạnh lòng liên tưởng chương sách đẹp: *Về phía tay phải, núi Tản viên đã bắt đầu mờ mờ trong sương. Những bãi cát nổi trên mặt sông lúc nãy nhuộm vàng dưới ánh chiều tà lướt qua, nay đã biến ra sắc trắng dịu. Trong một vài chiếc thuyền, cắm sào đậu bên cạnh bãi, ánh lửa thổi cơm chiều thấp thoáng giải vàng trên mặt nước đen... Bấy giờ trăng đã lên, toả ánh sáng lạnh lẽo xuống bãi cát trắng mờ mờ. Những con thuyền đậu đằng xa đã lẫn vào trong sương. Về phía tay trái, giữa lưng chừng mây có ánh lửa lập loè...(*)*

Rồi, không dưng Ngọc run rẩy xúc động bởi lẽ không đâu. Những người như chị Loan bạn anh Thuần, như Dũng tiểu thuyết đều có một lý tưởng trong cuộc sống. Riêng nàng, mọi thứ dường như không mang một ý nghĩa nào mà rỗng không, bềnh bồng như xác lá trên con nước tâm thần lênh láng.

Tiếng nói bên kia đường dây vẫn đều đặn trầm bổng:

- ...Nói theo kiểu bây giờ, thấy vậy nhưng không phải vậy, chị Ngọc à! Sau ngày quê hương thống nhất, tôi trở lại Sàigòn, để thấy mình chỉ còn vài thân nhân và dăm người bạn sơ giao. Gia đình tôi đã ra đi trước ba mươi tháng tư. Tôi có đến tìm anh Thuần, được biết nhà đã đổi chủ. Thôi thì... đành vậy. Buổi giao thời, lòng người hoang mang,

tôi nhặt nhạnh những niềm vui đơn giản thường ngày để sống còn trong một đất nước đầy thương tích, nhiễu nhương nghi kỵ. Chị Ngọc, dứt chiến tranh, tên lái buôn ả-rập mới có dịp lật tấm khăn che mặt người phối ngẫu. Tôi thấy ra cái thực trạng xảo trá ẩn sau mớ hào quang cách mạng mà tôi đã hiến dâng trọn vẹn tuổi trẻ mình. Tôi thất vọng hoàn toàn. Và tôi dằn lòng đợi, ẩn nhẫn chờ thời cơ. Ba năm trước, nhân cơ hội sang đây dự một cuộc hội thảo về văn học hậu chiến, tôi đào thoát. Dần dà tôi bắt liên lạc với bạn cũ. Có người cho tôi biết tông tích anh Thuần.

Nói tới đó, bất chợt người đàn bà buông giọng ngập ngừng, rồi im bặt. Âm thanh vo ve vô tận trong ống nghe. Tâm tư Ngọc chênh vênh chập chùng giữa hai người đàn bà cùng tên Loan, sóng sánh giữa hai cõi trong ngoài văn chương. Có giây lát, nàng tưởng mình cảm được hơi ấm sinh khí những nhân vật hư cấu, sửng mất thấy bàn tay xé toạt trang chữ, lách ra. Ngọc không nghĩ rằng mình hoang tưởng, vì hiện tượng ấy sống thực đến rợn gai cảm quan. Nó tô sắc thị giác nàng thứ cảnh giới chưa từng chiêm nghiệm. Nó tô bồi nhiều âm vang thảnh thót, đằm dằm hương hoa trái của đất đai nhiệt đới. Nó mềm mại giữa lòng tay vuốt lên đôi cánh ngỗng trời, nhịp nhàng vạch không gian, lướt đi không lưu lại dấu tích. Ngọc như đứa trẻ bị năm tháng bỏ quên trên cánh đồng thanh xuân thuở nào, ngoảnh nhìn ngôi nhà ấu thời từ từ khuất dạng sau chéo rừng bạch dương lất phất bông tuyết.

- Chị Ngọc, xin lỗi chị... Đáng lẽ tôi không nên gặp lại anh Thuần. Một quyển sách đẹp nếu nó được kết thúc đúng thời điểm. Tác giả Đoạn Tuyệt đã dừng bút phải lúc, không tiết lộ gì thêm, sau đó. Có gì đáng quan tâm thứ đời sống gác trọ tồi tàn, thứ mộng mơ vá víu manh chiếu rách của tình yêu bị lũng đoạn? Tái ngộ để nhận biết tâm tính mình không còn như xưa. Nếu không hẹn trước mà tình cờ chạm mặt ngoài phố, chắc gì chúng tôi nhận ra nhau. Để rồi tôi tự giận mình. Tôi đã hy sinh tuổi trẻ cho cái gì vậy? Độc lập, tự do hay ấm no, hạnh phúc? Lừa bịp cả. Và tôi, cũng như nhiều người khác, phải trả giá cho những nông nổi ấy bằng cuộc sống tha hương tẻ nhạt nơi đây. Chị Ngọc, xin chị yên tâm, tôi và anh Thuần sẽ không gặp nhau thêm một lần nào nữa. Chào chị.

Ngô Nguyên Dũng
(tháng 2. 2004)

* Trích Đoạn Tuyệt, Nhất Linh.

Người ôm trái núi

Nguyễn Ý Thuần

Bạn tôi là người mơ mộng. Từ thủa bé, chúng tôi đã khổ sở, bực mình vì những giấc mơ của Thiệt. Luôn luôn nó có hành động tách khỏi bạn bè, cố đặt mình vào chỗ khác. Hoặc, tệ hơn nữa, những cái muốn của Thiệt thường vượt khỏi khả năng, biến thành cái phiền cho mọi người và ngay cả nó. Đá bóng? Thiệt muốn làm huấn luyện viên dù khả năng lừa bóng, bắt bóng chỉ đáng đứng ngoài sân hoặc cố lắm cũng chỉ được mặc áo phòng hờ. Làm đặc san? Nó thích đóng vai chủ nhiệm kiêm chủ bút dù cả viết lẫn vẽ chỉ đủ sức đảm nhận việc đi mua giấy, mực... Bạn tôi luôn luôn ráng gồng người lên để được nổi bật. Nhưng trăm chuyện như một, những cái muốn của nó đều bị gạt bỏ hoặc người có khả năng đảm nhận. Bởi, dù chỉ là đám học sinh đang lớn, chúng tôi cũng không dại đến nỗi giao cho Thiệt những vai trò ngoài tầm tay để chuốc lấy phiền toái.

Thật ra, cũng có việc vừa sức Thiệt. Sinh hoạt trong lớp chẳng hạn. Tất nhiên nó làm trưởng ban vệ sinh vì có ưu điểm trời phú là to con. Kéo thùng rác chỉ cần có sức, không đòi hỏi biết lừa bóng hay làm thơ nên cái vụng về của Thiệt chẳng còn quan trọng. Vả lại, cũng cần phải tìm cho nó một vai trò gì đó để bằng anh, bằng em trong khoảng sân trường Võ Tánh, Nha Trang chứ?

Hãy tưởng tượng đến một lớp học trên dưới năm mươi học sinh lại được chia thành đủ thứ ban, đội thì mỗi đứa có một *chỗ đứng* hay kiêm dăm ba vai là chuyện thường. Này nhé, đội bóng đá xấp xỉ ba mươi đứa vừa chính, vừa phụ, vừa huấn luyện viên, vừa khiêng nước. Đội bóng chuyền cũng không kém với gần hai mươi đứa và đủ các chức vụ. Ban báo chí ngót nghét một chục, chia thành các vai trò chính như chủ bút, chủ nhiệm, tổng thư ký, thư ký tòa soạn v.v... cộng thêm cỡ một chục

biên tập viên, phóng viên. Ban văn nghệ mới kinh khủng và là hình ảnh của nước Tàu đang bị nạn nhân mãn. Hát hay? Ca sĩ. Hát vừa vừa? Bè. Hát không hay nhưng to con? Đóng vai ăn cướp. Không biết hát nhưng nhỏ con? Đóng vai con gái. Mặt trắng? Con nhà lành. Mặt đen vì hay tắm biển? Con nhà nghèo. Hay mắc cỡ, không dám đứng trước đám đông? Ôm quần áo và hóa trang... Đủ loại chỗ để đứa nào cũng có thể tham dự một cách bình đẳng, chẳng buồn ganh ghét lẫn nhau.

Mà, làm sao có thể ganh ghét được khi châm ngôn *cá ăn kiến, kiến ăn cá* sẽ được áp dụng triệt để nếu xảy ra trường hợp lạm quyền. Mày làm xếp tao lúc đá bóng? Coi chừng tao lúc lựa bài cho tờ báo, thơ của mày sẽ được cho chị Cai trường gói xôi. Mày đì tao, không cho đập bóng vì thiếu thước tấc? Coi chừng tao sẽ cho mày đóng vai quân hầu mút chỉ, trọn đời nghệ sĩ của mày sẽ phải bưng nước cho ông trên sân khấu... Cứ thế, chúng tôi hồn nhiên thay phiên nhau làm xếp thật sự như làm long tong cũng thật sự để vui vẻ chia nhau các vai trò có quá nhiều cho một lớp học.

Nhưng ngược với cả lớp, từ chuyện học hành đến chuyện tham dự các ban, luôn luôn Thiệt có những khuyết điểm làm phiền lòng người khác. Chúng tôi và cả các cô, thầy hướng dẫn lớp cùng cố gắng tìm chỗ cho nó nhưng đều thất vọng. Tất cả hành động của Thiệt đều trật lất, gây trở ngại hoặc tệ hơn nữa, làm rối bung, hỏng mọi chuyện. Đô con chưa hẳn là lý tưởng cho các môn thể thao. Cứ nhìn cảnh Thiệt ì ạch chạy theo bóng hay lúng túng chụm hai tay chờ một cú đập là đủ thấy sự vô dụng của thân xác to lớn. Cái đô con lại không cần thiết và thừa thãi trong ban báo chí hoặc văn nghệ khi thiếu khả năng nhưng lại thích làm theo ý mình. Bạn tôi đã hiên ngang sửa bài và lỗi chính tả dù các bài luận văn luôn khiêm tốn, nhận điểm dưới trung bình với cơn ác mộng thường xuyên là hai dấu hỏi ngã. Đến độ thầy Hải – vị giáo sư dạy Việt Văn – đã phải nói vào năm đệ tứ.

- Thiệt à, khi làm luận văn hay viết, nếu em nghĩ đó là dấu hỏi thì hãy bỏ dấu ngã và ngược lại.

Chưa hết. Bạn tôi càng nổi bật hơn khi vào ban văn nghệ. Ngày tổng dợt, sau khi học thuộc bài bản, Thiệt bước ra sân khấu trong vai Nguyễn Trung Trực. Mọi màn đều xuông xẻ cho đến cảnh chót, thay vì tuẫn tiết bạn tôi đã hiên ngang rút gươm đâm chết giặc Pháp.

- Cần gì phải tự tử. Trước sau cũng chết sao không đánh đến chết?

Thiệt lý luận. Bị khiển trách, bạn tôi bất cần, nhún vai rất tỉnh và chê những nhân vật lịch sử đã chưa đủ can đảm để làm theo ý nó.

Cuối cùng, chức trưởng ban vệ sinh được giao cho Thiệt như đã

nói. Nhưng, ngay cả khi nhận làm trưởng ban vệ sinh, nó cũng ráng bày ra đủ trò làm xáo trộn những nề nếp sẵn có. Nhặt rác? Được, nhưng không có tùy ý, bạ đâu nhặt đó. Đội trực gồm mười hai đứa phải xếp hàng, mỗi đứa một dãy bàn để nhặt. Rác đứa nào nhặt phải để theo đứa đó, không được lẫn lộn.

- Để làm gì vậy?

Có lần tôi hỏi lúc nằm trong đội trực. Thiệt nhún vai.

- Để coi.

- Coi cái gì?

- Coi bàn nào xả nhiều. Mình theo dõi, bảo tụi nó xả ít hơn.

Xả ít hơn? Trời ơi, nếu bảo được lũ học trò bớt xả rác thì mỗi tuần đã không dành ra một tiếng để làm vệ sinh. Đó là trong lớp. Đến giờ vệ sinh toàn trường mới thật rầu rĩ. Thiệt bắt cả lớp xếp hàng ngang đi từ đầu đến cuối sân trường để nhặt rác. Hết sân trước sang sân sau. Mỗi đứa một cái bao và không được rời khỏi hàng. Bất kể các lớp khác đang bụm miệng cười.

Cứ thế, Thiệt bày đủ trò trong việc duy nhất được giao phó suốt thời gian trung học đệ nhất cấp. Nhưng chỉ trung học đệ nhất cấp. Lên đệ tam, chức trưởng ban vệ sinh của nó hết *linh*. Chúng tôi bắt đầu lớn, bắt đầu có những cái riêng tư được chọn lựa. Trong cuộc sống và ngay cả trường lớp. Ít nhất, chúng tôi cũng được chọn môn học theo ý thích và khả năng. Tôi chọn ban C không phải vì giỏi hai thứ sinh ngữ Anh, Pháp hay đã có điểm cao trong các bài Kim, Cổ Văn mà tại ham chơi và lười gạo bài. Cùng lý do, Thiệt cũng vào lớp đệ tam C. Và, chúng tôi ngồi gần nhau như khởi đầu thứ định mệnh gắn chặt lấy hai đứa. Dai dẳng và kéo dài một khuôn mặt, một con người trong đời mình.

Khi tình yêu bắt đầu đến với đám học sinh đang trổ mã là lúc chức trưởng ban vệ sinh của Thiệt chỉ còn tên gọi. Chúng tôi dành thời gian cho những bức thư tình đang tập viết nhiều hơn là nghe lời thằng bạn to xác để xếp hàng đi nhặt rác. Mọi sinh hoạt trường lớp đột nhiên thành nhẹ khi những cái tên con gái đã được nhắc trong lớp. Các câu chòng ghẹo không ác ý, chỉ để đùa vui trước giờ học làm bài tập sinh ngữ hay chí làm trai của cụ Nguyễn Công Trứ bớt nhàm chán. Đứa nào cũng có chuyện để kể và có chuyện để nghe. Bốn ngôi trường con gái Thánh Tâm, College Francaise, Nữ Trung Học và Vinh Sơn bao quanh trường Võ Tánh dư học sinh đẹp để chúng tôi khỏi phải giành giựt tình yêu. Mỗi thằng chế ra một mối tình. Mỗi thằng thả mộng theo một tà áo. Chẳng đứa nào buồn nghĩ đến chuyện đem quân xâm chiếm tình yêu

của đứa khác. Tự do chọn lựa. Tự do yêu và chẳng cần quan tâm đến chuyện có được yêu lại hay không.

Nhưng giữa những chuyện tình yêu được chế từ bạn bè, Thiệt chỉ nghe và chẳng bao giờ nói. Ngay cả chuyện chòng ghẹo lẫn nhau cũng không tham dự. Chỉ nghe và cười. Cả lớp, ban đầu, cũng thấy là lạ vì nó chẳng nhắc đến mối tình nào. Riết hồi thành quen và tội nghiệp thằng bạn chưa biết yêu, không biết yêu dù tình yêu đầy tràn bốn ngôi trường nữ

Cuối cùng, tôi thành người đầu tiên hỏi nó, sau khi kể xong một chuyện tình tưởng tượng của mình.

- Sao mày không yêu đứa nào? Kiếm đại một đứa đi mày.

- Chi vậy?

Nó hỏi lại và tôi nín khe. Không lý lại bảo yêu cho vui, cho bằng bạn, bằng bè? Trước sự im lặng của tôi, Thiệt nhún vai.

- Cần gì phải kiếm cho mất công. Yêu kiểu đó nản chết! Lúc nào cũng áo dài, váy đầm che kín gối với cặp sách trên tay. Luẩn quẩn trong sân trường. Sao tụi bay không dám bước ra khỏi lớp học?

Tôi bắt đầu nhìn Thiệt với cái nhìn khác. Bạn tôi làm thêm một cái nhún vai.

- Thiếu gì đàn bà, con gái bên ngoài. Bọn học sinh mặt cứ trắng bệt, suốt đời không biết son phấn là gì. Dòm hoài thấy ớn! Tao không giống tụi bay... Muốn biết không?

Nó hất hàm và nhắc đến bar Đại Hàn. Một cái bar dưới mức trung bình trên đường Yersin, dành cho khách nghèo và lính Đại Hàn. Lính Mỹ đóng tại Nha Trang và khách chơi kha khá chẳng bao giờ dám bén mảng đến đó. Ai cũng sợ bịnh "Củ Sâm', bấy giờ, đang có mòi lan rộng và được nhắc thường xuyên trên báo chí với hình ảnh những người đàn ông từ từ bị teo cái không bao giờ nên teo. Nhưng sao lại là bar Đại Hàn? Tôi nghĩ đến chị, em, bà con của người chủ bar hoặc không chừng bà chủ đã là người yêu của Thiệt.

- Lâu chưa mày?

Tôi hỏi bằng giọng ngưỡng mộ. Thiệt không trả lời, móc trong túi ra một nắm tiền. Những tờ giấy bạc hai chục màu xanh, có in hình cá hóa long được đếm cẩn thận. Xong, nó quay sang tôi.

- Còn có ba trăm. Mày cho tao cho mượn một trăm vì ly nước giá bốn trăm. Tối nay đi gặp cô ấy, đến trước chín giờ được giá rẻ, dễ kiếm chỗ và khỏi phải trả thêm tiền *Sàigon Tea*.

Tôi chợt hiểu và buột miệng chửi thề trong khi Thiệt cứ tỉnh như không có gì. Nét mặt của Thiệt và tiếng chửi thề của tôi tình cờ thành

điều luôn đi kèm với cuộc đời của hai đứa mà, trong tuổi vừa lớn, tôi hoàn toàn không nhận thấy.

Có những điều tình cờ làm nên số mệnh – nếu quả tình có số mệnh – thì cũng có những điều tình cờ đi kèm với số mệnh. Tôi không hiểu tiếng chửi thề của tôi và nét mặt thản nhiên của Thiệt là điều tình cờ làm nên số mệnh hay chỉ là điều tình cờ đi kèm với số mệnh nhưng hầu hết các lần có nhau trong đời đều có cái nhún vai rất tỉnh của nó và tiếng chửi thề của tôi.

Sang đến Mỹ, cũng vẫn tình cờ – hay số mệnh? – chúng tôi gặp lại nhờ tấm ảnh và vài dòng tiểu sử trên cuốn sách đầu tiên của tôi. Bấy giờ, hai đứa đang ở hai tiểu bang cách nhau cả ngàn dặm.

Thiệt mở đầu sau hai tiếng "Hello" từ hai đầu ống nói.

- Tao đây. Thiệt đây.

- Thiệt? Trời ơi! Mày đang ở đâu?

Nó nói tên một tiểu bang tại Bắc Mỹ và tiếp tục như mới từ giã hôm qua, bất cần những lời thăm hỏi cần thiết của hai người vừa tìm thấy nhau tại xứ lạ.

- Mày viết như cứt!

Thiệt buông gọn một câu và tôi cảm thấy những người làm văn nghệ dã cho mình vào xiếc khi viết về cuốn sách mới in. Dù [illegible] nhìn thấy con đường văn chương có vẻ không được phẳng phiu cho lắm mà, đầy những tảng đá mọc lên cản đường. Tảng đá đầu tiên được Thiệt bê đến, đặt trước mặt.

Tôi rụt rè hỏi lại và nhớ đến cái nhún vai năm nào của nó.

- Mày có đọc?

- Chứ sao? Nhờ cuốn sách, tao tìm ra mày. Cái mặt mày cân cân sau bìa... Nhìn phát ghét! Lại viết sai bét... vậy mà cũng viết. Tao mới sang gần ba năm đã đảm nhận hai chức vụ tại đây. Rồi tao sẽ nhận thêm... Mỗi người kiêm năm ba chức là chuyện thường. Mày quên hồi nhỏ tụi mình cũng kiêm tùm lum mà đâu có sao? Lại còn áo giấy với áo giếc... (*) Nói cho mày biết bọn tao đã lên tivi rồi... Mày có tham gia gì không?

Thiệt chợt đổi giọng, quay sang hỏi han. Tôi trả lời.

- Không.

Bên kia giây nói, giọng bạn tôi chợt cao hơn, như vừa tìm thấy điều gì.

- Thảo nào... Tội nghiệp mày chả có khả năng gì để được giao việc. Phải chi ở gần, tao cho mày làm phó trong cái hội sắp thành lập.

- Hội gì?

- Chưa biết! Tao tính lập một hội và sẽ trở thành người sáng lập kiêm hội trưởng.

- Mày đang làm gì?

- Hội phó và ủy viên cho hai hội khác nhau.

- Không, tao muốn hỏi mày đang làm gì để sống. Job đó mà. Mày đang làm job gì?

- Job? Tao chưa tính gì hết.... Đang lãnh trợ cấp. Phải lo chuyện chung trước chuyện riêng.

Tôi bật cười, lái qua chuyện khác sau tiếng chửi thề đầu tiên được lập lại tại Mỹ.

Nhưng giấc mơ hội trưởng kiêm sáng lập viên của bạn tôi không kéo dài. Khoảng một năm sau, Thiệt rời thành phố đầy tuyết – nơi có người đàn bà đang sống chung - để về Orange County. Gần bốn năm tiêu những tờ tiền giấy đóng thành tập đã gây nên đổ vỡ. Người đàn bà không thể chịu nổi anh chồng hờ cứ mỗi cuối tuần lại khoác áo vest đi lăng quăng, nói chuyện phong thần khi hàng ngày phải đi xin chữ ký để xác nhận tình trạng chưa có việc làm. Họ chia tay và Thiệt hẹn ngày giờ để tôi ra đón tại phi trường Los Angeles.

- Đây có gì lạ không mày?

Chưa kịp đóng cửa xe, Thiệt đã hỏi. Tôi lắc đầu.

- Chắc cũng như trên chỗ mày, chỉ khác là không có tuyết và đông người Việt hơn.

- Như sao được, dưới này mạnh hơn nhiều... Sinh hoạt ra sao? Ai đang làm chủ tịch cộng đồng.

Tôi lo lắng quay sang Thiệt. Gì nữa đây? Giấc mơ hội trưởng đã làm nó *mất-có-vợ* thì giấc mơ chủ tịch sẽ làm nó mất cái gì?

- Làm chó gì có chủ tịch với chủ tiếc tại cái xứ này.

- Phải có chứ. Sao không có ai vận động các hội đoàn ngồi lại? Yếu quá! Tao sẽ lên kế hoạch. Rồi mày xem, sẽ đến lúc trong và ngoài nước phải tổ chức chung cuộc tổng tuyển cử.

Tôi ngỡ ngàng trước giấc mơ đại đoàn kết dân tộc của Thiệt. Và có cảm tưởng thằng bạn cũ đang bị mộng du khi nghĩ đến thân phận tị nạn. Tôi nhắc khéo.

- Mày tính làm gì?

- Tao sẽ sinh hoạt với hội nào đó, sau một thời gian sẽ ứng cử làm hội trưởng, rồi vận động các hội đoàn ngồi lại thành một mối... Nên chuẩn bị trước là vừa. Đùng một cái trong nước họ đề nghị thì bấy giờ

sẽ bị rơi vào tình trạng nước đến chân không kịp chạy...

Bạn tôi vẫn chưa rời khỏi giấc mộng. Tôi lập lại.

- Không, mày tính làm gì để sống?

- À... Tao tưởng... Lo gì, từ từ tính. Nếu cần, tao sẽ xin tiền trợ cấp tàn tật và làm thêm tiền mặt để tiêu vặt. Giả bịnh dễ ợt à! Nhưng yên tâm, bước đầu, tao sẽ ở chung với mày. Tội nghiệp mày sống bơ vơ một mình. Mày đừng lo, tao dễ lắm, có rau ăn rau, có cháo ăn cháo, không đòi hỏi gì hết.

Thiệt tình bơ nói và tất nhiên mọi việc xuông xẻ ngay từ ngày đầu gặp lại. Bạn tôi đã quen với những điều sắp đặt cho mình và cho cả người khác như ngày xưa làm trưởng ban vệ sinh. Cơm? Gọi thêm một phần cơm tháng nữa. Cà phê, thuốc lá? Mua thêm một gói và một cái lọc. Việc làm? Tôi cứ việc đánh vật với đống dao, kéo, hồ khi trình bày cho một tờ báo thương mại. Xe? Sáng nó chở tôi đến chỗ làm và chiều đón về. Bạn tôi cần xe để chạy cho quen đất, quen người. Mọi sự chẳng có gì thay đổi trong đời sống của tôi trừ việc hơi chật vật thêm một chút. Nhưng bù lại tôi có người bên cạnh để đỡ phải *bơ vơ* nơi xứ lạ.

Hai tháng sau ngày đến Orange County, bạn tôi báo tin đã gia nhập hai hội và đang làm thư ký thường trực tại một hội khác.

- Ba hội một lúc?

- Chứ sao. Mày có muốn vào không?

Tôi ngạc nhiên vì khả năng của Thiệt và nghĩ đến việc đang làm để sống. Chỉ cần đánh vật với đống dao, kéo, hồ tôi cũng đủ mệt. Tám tiếng chứ ít sao? Đó là chưa kể lúc anh chủ báo biểu diễn màn *nghệ thuật design* để đề nghị tháo bài này đưa lên trên, gỡ bài kia đặt xuống dưới. Hoặc chị chủ báo nổi hứng văn học muốn bỏ một bài viết đã dán sẵn để thay bằng dăm tảng thơ mới chế tạo... Tám tiếng kéo dài thành mười, mười hai tiếng là chuyện thường. Tôi lắc đầu.

- Thua. Tao không theo nổi.

- Tao cũng nghĩ vậy. Mày yếu quá... Nhưng nếu muốn, tao giới thiệu giúp. Dễ lắm, có tao, ghi danh gia nhập cái một. Còn họp hành, sinh hoạt nếu rảnh thì làm, không thì thôi.

Tôi phải lắc đầu thêm lần nữa để xác nhận chuyện từ chối lòng hảo tâm của thằng bạn cũ trong việc tiến cử vào hoạn lộ. Tôi không đủ thời gian và cần phải giữ việc làm để cả hai cùng sống. Công việc đang có thật bấp bênh và hoàn toàn tùy thuộc vào những điều nằm ngoài tầm tay của chính tôi và chính cả vợ chồng anh chủ báo. Tất cả đều sống bằng những đồng tiền quảng cáo qua sự *ủng hộ đồng hương* của các cơ sở thương mại. Bề mặt của tờ báo chỉ đánh lừa được người đọc

nhưng không thể tự bịt mắt, đánh lừa mình khi ngửa tay nhận từng chi phiếu. Tôi cố gắng gò từng cái quảng cáo cho đẹp, cho sạch để kéo dài xuất cơm tháng cho hai đứa trong khi bạn tôi bận rộn lui tới các nơi để thực hiện giấc mơ.

Nhưng việc phải đến đã đến. Tờ báo chết như cả ngàn tờ báo đã có, đã chết trong *thương trường chữ nghĩa* hải ngoại. Tôi mất việc như cả trăm ngàn người tị nạn đã mất việc nhưng bạn tôi vẫn không mất một chân hội viên nào cả mà, đang tấp tểnh để ứng cử làm hội trưởng một hội. Con đường công danh của Thiệt nở hoa khi hai đứa chia tay thêm lần nữa để tôi bỏ Orange County – thủ đô văn hóa của người Việt – để về San Jose – thủ đô (lại một thủ đô) chính trị - cũng của người Việt.

Cũng tất nhiên - một lần nữa – cái xe cũ, ọp ẹp của tôi phải để lại vì hai lý do. Không thể chạy quãng đường dài và bạn tôi đang cần xe để đi lại, để hoạt động, để lên kế hoạch cho kịp ngày tổng tuyển cử của toàn dân. Trong và ngoài nước.

Tôi không có giấc mơ được chia một ghế bộ trưởng khi bạn tôi đắc cử làm tổng thống Việt Nam trong giấc mơ tổng tuyển cử của nó mà, chỉ muốn có đời sống ổn định, ngày cơm hai bữa. An lành cho tôi và – nếu có thể – cho cả Thiệt. Nên dù hai đứa ở hai đầu nam bắc của tiểu bang California, tôi vẫn quan tâm đến việc làm của bạn tôi nhiều hơn là các chức hội trưởng, hội phó, ủy viên... nó đã, đang và sẽ đảm nhận.

Mấy trăm dặm đường không xa lắm nhưng công việc quá bận, tôi không về được nên chỉ liên lạc bằng điện thoại. Mỗi lần nói chuyện là một lần Thiệt gây cho tôi tâm trạng bất an khi nghĩ đến đời sống của nó và thời gian đang trôi qua. Nay việc này. Mai việc khác. Lúc ở chỗ này. Lúc ở chỗ kia. Bạn tôi trôi trong giòng sống tại thành phố được gọi là thủ đô văn hoá của người Việt tị nạn như một cánh bèo mất rễ. Lúc nào Thiệt cũng có thêm cái mới. Nhưng hầu hết đều xoay quanh các sinh hoạt và nghe mãi cũng chán, bởi các việc xảy ra đều na ná nhau. Riết hồi phần lớn thời gian của những lúc gọi nhau, tôi thường nghe nó nói. Đời sống của tôi quá phẳng lặng, ngày đi làm, đêm đọc sách, xem truyền hình và viết lách lăng nhăng nên không có gì để kể. Rồi mỗi lúc một thưa và cuối cùng, tôi báo tin về sống với Nguyên – vợ tôi sau này – hai đứa mất liên lạc. Một lần nữa, bạn tôi đổi chỗ ở, và lần này không báo cho tôi biết.

Sáu năm có nhau – dù chỉ có thời gian ngắn sống chung và chỉ qua điện thoại – đột nhiên thằng bạn cũ biến mất khiến tôi hụt hẫng. Tôi đã

ân hận nhìn lại thời gian có nhau tại nước ngoài mà tự trách. Tất cả những điều tìm thấy hình như tôi là người có lỗi. Tôi rầu rĩ gọi điện thoại về Orange County, hỏi thăm những người quen biết, nhưng chẳng một tin gì. Từ cánh bèo mất rễ, trôi nổi giữa thủ đô văn hóa, bạn tôi đã chìm lìm, mất tăm vào giòng sống như một kiểu chìm xuống [illegible]ng thấy trong *nước Việt Nam tị nạn*.

Chưa đầy một giờ bay từ San Jose về Orange County nhưng sao thật khó khăn trong đời sống Mỹ. Tôi bị vây kín vào đủ thứ việc. Bây giờ ngày không còn tám tiếng hay năm ngày một tuần nữa. Những nếp nhăn trên trán đã nhắc tôi thời gian còn lại rất ngắn nếu thật tình muốn tạm ổn định đời sống. Tôi quay vòng tuần bảy ngày, ngày mười hai, mười bốn tiếng để chạy đua với thời gian đang chất dần trên tuổi. Cố gắng và không tìm được một khoảng trống để về tìm bạn cũ. Tôi mệt nhoài sau công việc và biến thành một con ốc trong bộ máy xay thịt vĩ đại của nước Mỹ. Xoay hay bị hất ra khỏi vòng quay? Tôi chọn và đánh mất mình trong thời gian vừa lập gia đình. Orange County – nơi tôi đã sống – từ từ biến thành xa lạ và tưởng như chưa có. Nhưng việc tự trách vì đã lạc mất thằng bạn cũ không bao giờ mất. Tôi tự hẹn sẽ có một ngày trở về.

Nhưng không đợi đến lúc tôi mua vé máy bay về Orange County, Thiệt gọi tôi sau hai năm. Bạn tôi trồi lên giữa giòng sống bất ngờ và thoải mái như đã bất ngờ, thoải mái gọi tôi cách đây tám năm trước.

- Hú hồn! Mày vẫn giữ số điện thoại này. Tao đây. Thiệt đây.

Tôi bực bội chửi thề khi nhận được giọng tỉnh bơ của Thiệt.

- Mẹ kiếp, mày chết bờ chết bụi ở đâu hai năm nay?

Hai năm trách mình và ân hận vì có lỗi với thằng bạn cũ đột nhiên thành khôi hài, lố bịch. Điều khôi hài lại càng khôi hài hơn khi nghe Thiệt kể chuyện. Chẳng có gì đáng lo hay rắc rối với những nguyên nhân ly kỳ, khủng khiếp như tôi đã đặt ra trong lần *mất tích* của Thiệt. Giản dị, ngắn gọn với câu chuyện rổ rá cáp lại của hai người trung niên như trăm ngàn chuyện tình tị nạn. Hai cánh bèo– bạn tôi và một người đàn bà tương đối khá giả – đã gặp nhau, cùng giạt vào thành phố Las Vegas, trong vòng hai năm.

Mang tính tiểu thuyết tị nạn, hai người gặp nhau trong một buổi sinh hoạt có đầy đủ nghi lễ, diễn văn, áo vest, cà vạt, áo dài, váy ngắn, ăn uống và nhảy đầm. Cùng chí hướng lại quá rảnh để thực hiện những điều mình muốn – bạn tôi không có việc làm để sống và người đàn bà cũng sống không cần làm việc - họ táp vào nhau ngay trong ngày đầu tiên để tình yêu đến trong lý tưởng. Nhưng - tại chữ nhưng chó chết này

nên bao nhiêu anh thư, hào kiệt đã đánh mất cơ hội đi vào lịch sử để tên mình được đặt cho những con đường - sau thời gian đầu, tình yêu đã thắng lý tưởng. Chàng to con, dư sinh lực sau sáu năm mồ côi và nàng cũng hây hây đa thịt với đời sống độc thân nên thấy dất nhau về Las Vegas – nơi nàng đang có một nhà hàng – để vui vầy có vẻ hạnh phúc hơn là thỉnh thoảng gặp nhau tại Motel. Họ thực hiện và âm thầm biến mất trên *trái đất tị nạn*.

- Nhưng hết rồi!

- Cái gì hết?

- Chuyện tụi tao.

Tôi chưa kịp ngạc nhiên thì Thiệt đã kể tiếp về thời gian sống chung với người đàn bà. Tình yêu đi kèm với cờ bạc quả là một hiện tượng *tự xâm thực*. Ban đầu chàng một máy đánh bạc, nàng một máy đánh bạc. Chơi cho vui, cho khuây khỏa, cho tiêu thời gian dư thừa sau những lúc quần thảo trên giường. Đâu đáng gì các đồng xu nhét vào khe máy trong thời gian ngắn. Lợi tức của nhà hàng quá dư dù người đàn bà chẳng buồn ghé mắt trông coi. Họ vui vẻ thụ hưởng. Nhưng dần dà, với Thiệt, mặt giường ngày một bớt quyến rũ khi so với mặt bàn black jack hay roulette. Bạn tôi bắt đầu thích mân mê những tấm phỉnh nhiều hơn là mân mê da thịt người đàn bà đang sống chung, đang cung phụng cho mình. Cuối cùng, như tất cả các lần trong quá khứ, Thiệt đã bước ra khỏi vạch sống của người chung quanh.

Để chấm dứt lần nói chuyện, Thiệt báo tin sẽ về San Jose. Lần này, nó không còn lo chuyện tôi mồ côi, bơ vơ mà chỉ muốn sống gần nhau cho tôi bớt buồn nhờ có bạn, có bè.

Ra đón Thiệt tại phi trường San Jose – vẫn tất nhiên – là tôi. Và cũng vẫn tự nhiên như mới gặp nhau ngày hôm qua, bạn tôi hất cái túi xách ra phía sau lưng, đưa tay vỗ bụng.

- Tao đói quá. Đi kiếm cái gì ăn... Từ sáng đến giờ mới có tí đậu phộng với ly nước trên máy bay.

- Lấy hành lý đã.

- Hành lý với đồ đạc cái gì... Tao chỉ có chừng này.

Thiệt vỗ vỗ vào túi xách tay đang đeo trên vai. Bạn tôi trơ trụi hơn tám năm trước tại phi trường Los Angeles. Tôi bùi ngùi tìm thấy những sợi tóc bạc đang bám vào thái dương thằng bạn cũ. Mới đây mà đã mấy chục năm. Thời gian chất lên vai hai đứa với những thăng trầm như một trò đùa của số mệnh. Chúng tôi vẫn có nhau và vẫn nghèo với từng giấc mơ trôi qua một cách lạnh lùng.

Nhưng vừa ngồi vào xe, bạn tôi đã mở lời như ngày vừa bước xuống phi trường Los Angeles.

- Đây có gì lạ không mày?

- Mẹ kiếp!

Tôi buông một tiếng chửi thề. Tại thủ đô văn hóa Orange County, bạn tôi đã ôm mộng tổng tuyển cử thì tại thủ đô chính trị San Jose này sẽ ôm mộng gì? Tôi ngán ngẩm nhớ đến thời gian đã qua của Thiệt. Lê lết từ chỗ này sang chỗ kia đến độ từ hai cái valy chỉ còn mỗi cái túi xách tay du lịch còn chưa ngán hay sao? Sắp hết những năm của tuổi bốn mươi mà bạn tôi vẫn như ngày còn đi học, vẫn hờ hững với những điều cần có chung quanh, vẫn không chịu nhìn thấy mình đang đứng tại đâu. Từ những sợi tóc bạc của hai đứa, tôi chỉ mong Thiệt được an bình trong quãng ngày còn lại. Bước đầu tại đây? Tất nhiên tôi sẽ lo. Dù eo hẹp nhưng chuyện ngày hai bữa cơm tháng và tiền thuê phòng cho Thiệt chẳng phải là điều cần suy nghĩ. Vợ chồng tôi sẽ nhín đi một phần chi tiêu là đủ và việc đó cũng không gây ra những xích mích. Chúng tôi đã bàn và may mắn cho tôi, Nguyên cũng vui vẻ khi tôi có cơ hội được sống gần một người bạn từ ấu thời. Nhưng đời sống của một con người đâu phải thế? Thiệt cần những điều khác để hoàn thành đời sống riêng tư như những người bình thường ngoài các nhu cầu tối thiểu. Dù là người có nhiều giấc mộng, bạn tôi vẫn cần một công việc và một người đàn bà nào đó, nếu có thể.

Thiệt tiếp với giọng đều đều.

- Hỏi thì hỏi vậy thôi chứ tao không còn quan tâm mấy đến vấn đề sinh hoạt nữa. Sáu năm đã bao điều nhìn thấy.

- Chán?

- Chẳng chán gì cả, tự nhiên không còn thấy *hứng*. Phải làm chuyện khác...

Thiệt bỏ lửng câu nói khi vừa đến một trung tâm thương mại Việt Nam. Chúng tôi xuống xe, bước về một quán ăn. Tôi nói đến căn phòng Thiệt sẽ về ở. Nó chỉ hỏi qua loa như không quan tâm lắm. Cho đến lúc người hầu bàn đặt thức ăn trên bàn, bạn tôi vừa lau đũa, vừa nói.

- Cần phải làm chuyện gì lâu dài hơn. Mọi hoạt động cũng chỉ có tính cách giai đoạn. Bọn mình bắt đầu già rồi.

Tôi mừng rỡ khi chợt hiểu không phải chỉ có mình mới nhìn thấy những sợi tóc bạc. Bạn tôi đó. Thiệt đã nhìn thấy bóng đen, phía sau ánh lửa của những mảnh pháo hoa bùng lên trong thoáng chốc, vẫn chỉ là bóng đen.

Hai tuần sau, Thiệt gọi tôi trong giờ làm việc.

- Mày đó hả? Rảnh không?

- Cần đi đâu vậy?

- Cà phê. Chừng hai tiếng thôi.

- Tao đang làm, chiều đi.

- Không, tao muốn đi bây giờ. Đang có hứng và muốn nói với mày một chuyện. Tới đón liền nghe, đừng làm tao mất hứng.

Nó tự nhiên cúp máy và tôi buông một tiếng chửi thề – như đã nhiều lần trong quá khứ – nhưng cũng sắp xếp việc làm và đến đón, dù không có hứng.

Suốt quãng đường, Thiệt im lặng với nét mặt đăm chiêu nhưng ánh mắt như có tia rất lạ. Tôi gạn hỏi nhưng nó chẳng trả lời. Cái hứng gì đây? Tôi tự hỏi và vừa sốt ruột, vừa lo lắng. Sau chức vụ tổng thống Việt Nam sẽ còn chức vụ gì để hơn? Tổng thống Mỹ? Vô lý, bạn tôi dư sức biết một cậu da vàng, mũi tẹt chẳng bao giờ có quyền tranh cử tổng thống Mỹ. Lãnh tụ thế giới? Lại càng vô lý hơn! Chỉ có quẩn trí hay điên Thiệt mới nhìn thấy chuyện tổng tuyển cử cả thế giới lâu dài hơn cuộc tổng tuyển cử trong và ngoài nước. Nhưng dám sau thời gian nghĩ chuyện trên trời, bạn tôi... Tôi ngờ ngợ khi ngồi tại quán cà phê nằm sát đường Senter nhưng không dám nhìn vào mặt Thiệt để tìm một dấu hiệu nào đó của bệnh tâm thần. Giữa một người mơ mộng và một người điên, tự nhiên, tôi mong bạn tôi bé lại như ngày nào đã mượn tôi một trăm để đến bar Đại Hàn. Tôi hỏi khẽ.

- Mấy hôm nay mày thấy gì lạ trong người không? Ngủ được không?

- Dấm dớ! Mày biết Nguyễn Mộng Giác chứ?

Bạn tôi châm điếu thuốc và hỏi lại. Thái độ bình thường, không có triệu chứng điên. Tôi an tâm gật đầu.

- Biết. Tao thích cuốn Ngựa Nản Chân Bon.

- Cuốn đó vất đi, không đáng nhắc đến. Tao muốn nói đến trường thiên kìa.

- Mùa Biển Động?

- Ờ! Cả Sông Côn Mùa Lũ nữa.

- Sao?

- Thằng chả dở ẹc. Cả hai bộ cộng lại có vài ngàn trang. Tao sẽ làm hơn, sẽ viết một bộ chín ngàn trang. Một bộ thôi. Mày nghe rõ không?

Tôi nghi ngờ khi nhớ lại những dấu hỏi ngã tùy nghi của Thiệt trong các bài luận năm nào.

- Mày viết trường thiên?

- Chứ sao? Chín ngàn trang cho một bộ sẽ ăn đứt vài ngàn trang cho hai bộ.

Bạn tôi quả quyết bằng nụ cười tự mãn như đang ngồi trong buổi ra mắt sách với đám độc giả đứng quanh, chờ xin chữ ký. Tôi liên tưởng đến những tiếng sét tình cờ của *thiên lôi* đánh trúng đầu các thiên tài. Không chừng bạn tôi mới được *thiên lôi* chiếu cố sau thời gian long đong.

- Mà viết về cái gì?

Lần này bạn tôi thoáng ngập ngừng. Nó bưng ly cà phê lên miệng uống một ngụm, xong gật gù như vừa tìm được điều gì đắc ý.

- Tao sẽ viết về đời tao.

- Viết về đời mày?

- Văn là người. Mày không thấy Nguyễn Mộng Giác núp dưới bóng nhân vật Ngữ sao? Trong Mùa Biển Động, chuyện trong nước nhiều hơn ở ngoài. Tao sẽ viết về đời tao vừa trong, vừa ngoài mỗi phần cỡ chừng bốn ngàn rưỡi trang. Nói cho mày biết điều này, cuốn Mùa Biển Động được viết lúc Nguyễn Mộng Giác vượt biên một mình, sang Mỹ không có vợ bên cạnh, buồn quá chả ngồi viết được gần hai ngàn trang. Đó là mới xa vợ. Còn tao? Đào đá tới hai lần. Làm sao thua được? Tao sẽ làm hơn.

Cũng có lý đó chứ! Xa vợ *buồn quá* viết gần hai ngàn trang thì đổ vỡ tới hai lần nỗi buồn có thể tăng gấp ba, gấp bốn và chín ngàn trang dâu phải chuyện khó. Lại còn trong và cả ngoài nước nữa chứ. Dám bạn tôi chơi một lèo mười hai ngàn trang không chừng! Nhưng cuộc đời của nó? Chúng tôi gần nhau tưởng như hai đường thẳng song song từ ngày còn bé và tôi chẳng tìm thấy điều gì để chứng minh Thiệt có thể chơi một cú trường thiên vĩ đại nhất thế giới. Nhưng thôi, cứ để nó ôm giấc mơ này còn đỡ hơn phải tốn tiền in truyền đơn, kêu gọi cả thế giới cùng tham gia tổng tuyển cử. Hãy để bạn tôi chơi trò văn học giữa thủ đô chính trị sau khi đã chơi trò chính trị tại thủ đô văn hóa.

Tôi đứng lên, hỏi trước khi đến quày trả tiền.

- Chừng nào mày bắt đầu?

- Tao sẽ làm dàn bài. Xong sẽ bắt đầu ngay. Nhưng...

Tôi ngưng lại nhìn Thiệt. Bạn tôi ngập ngừng một thoáng rồi tiếp.

- Tao cần xe đi lại, quan sát, tham dự vào các nhóm văn nghệ để lấy thêm cảm hứng.

Tôi gật đầu và hai ngày sau, chiếc xe của vợ tôi được sang tên cho Thiệt.

Cho đến lúc chiếc xe bị kéo vào nghĩa địa xe và bị giam bằng lái về tội uống rượu lái xe, Thiệt vẫn chưa hoàn tất cái dàn bài chi tiết cho cuốn trường thiên. Nghĩa là hơn một năm trời, lòng vòng tham dự vào các nhóm văn nghệ địa phương, bạn tôi vẫn chưa đủ cảm hứng. Viết lách quả là một công việc nhọc nhằn. Nhất là lại muốn viết về những điều vượt ngoài tầm tay của mình thì thường bị táo bón hoặc tiêu chảy. Thiệt rơi vào trường hợp thứ nhất. Bạn tôi đã chi dùng hơn năm trời để nói về dự định văn chương của mình và để nghe về dự định văn chương của người khác. Điều nhận được sau khoảng thời gian này chỉ là sự quảng giao của Thiệt trong giới sinh hoạt văn nghệ. Chín ngàn trang của bạn tôi được gói trọn trong bốn trang dàn bài tổng quát muôn đời trơ xương như một con cá bị lóc hết thịt khi những trang dàn bài chi tiết vẫn được giữ nguyên màu giấy trắng.

Quả tình tôi mong Thiệt ôm giấc mơ văn học nhiều hơn ngồi tính chuyện làm lãnh tụ. Biết đâu, một ngày nào đó, nó sẽ *làm thật* một cái gì. Đâu có ai sinh ra để làm nhà văn. Phải! Một lúc nào đó người ta đột nhiên ngồi xuống viết những điều muốn viết nên biết đâu sẽ có lúc nào đó, bạn tôi ngồi xuống viết những điều muốn viết dù hai dấu hỏi ngã vẫn lộn xộn, nhưng ít nhất cũng là viết, cũng chi dùng thời gian vào giấc mơ hiền lành.

Nhưng như đã nói, cái muốn của tôi và giấc mơ của bạn tôi chấm dứt từ lúc tôi nhận thêm công việc thứ nhì - ngoài công việc đang có để kiếm cơm - là làm tài xế cho nó. Ngày Thiệt ra tòa nhận án phạt năm năm không được lái xe là ngày tôi nhận việc phụ trội không lương năm năm. Cũng may, tôi đang làm công việc tự do và chỗ Thiệt ở cũng gần nơi làm việc nên màn đưa đón không gây nhiều trở ngại. Bây giờ, mỗi sáng đi làm, vợ chồng tôi *bới buồn* trong xe vì luôn luôn vòng qua đón và thả Thiệt xuống một nơi nào đó. Nay Lion Plaza. Mai Senter. Mốt Grand Century... Bạn tôi la cà tại các khu thương mại Việt Nam cho đến chán thì chơi một màn đón xe buýt về vì *không muốn làm phiền vợ chồng tôi*. Nguyên văn lời nó nói và chúng tôi đã vui vẻ cảm ơn bằng tấm vé xe buýt dài hạn. Chỉ trừ trường hợp đặc biệt mới nhờ tôi ngoài giờ. Dù sao, tôi cũng cảm ơn Thiệt đã biết điều hơn xưa để mỗi sáng cả ba đều có những câu chuyện vui vẻ.

Hết năm thứ ba ở San Jose, Thiệt thôi nhắc đến tác phẩm chín ngàn trang. Bạn tôi vất cái dàn bài tổng quát có những dòng chữ kẻ hàng đôi mà, mỗi dòng chữ – như lời nó nói – sẽ dài từ hai đến ba trăm trang, sang một bên để gọi tôi trong trường hợp đặc biệt. Bấy giờ vợ chồng tôi vừa ăn cơm tối xong.

- Mày đó hả? Xuống tao gấp!

Tôi hốt hoảng.

- Có chuyện gì vậy?

- Còn quán cà phê nào mở cửa không? Tao muốn nói với mày một chuyện.

Giọng bạn tôi tỉnh bơ. Tôi thở phào. Vậy là không có gì quan trọng.

- Tao không rõ, nhưng chắc còn... Mới hơn tám giờ. Chuyện gì vậy? Nói đi.

- Không, ra quán cà phê nói dài hơn.

- Mai đi. Tao hơi mệt.

- Không ngay bây giờ. Đừng làm tao mất hứng.

Mẹ kiếp! Tôi lại lầm bầm chửi thề vì cái hứng của nó.

Lần này, không đợi đến tận quán cà phê, Thiệt mở lời ngay từ lúc ngồi vào xe.

- Bọn mày mất thời giờ để viết dài dòng. Đâu cần phải gò lưng ngồi viết trường thiên hay truyện dài, truyện ngắn. Tao sẽ làm thơ.

- Còn bộ trường thiên?

- Tao đã nói đâu cần phải gò lưng ngồi viết. Bỏ phứt cho đỡ tốn thời gian. Thơ cô đọng hơn. Viết ít nhưng nói được nhiều.

Tôi mệt mỏi theo Thiệt vào quán cà phê tại góc một ngã tư và ngồi xuống chiếc ghế sát tường. Trước mặt tôi là con đường tấp nập xe qua lại. Nước Mỹ vẫn trôi theo nhịp sống khi bạn tôi đang nổi hứng tại đây. Tôi ngả đầu, dựa vào tường khi Thiệt nói về giấc mơ vừa tìm thấy. Giữa tiếng nhạc ồn ào và các giọng nói đủ loại tôi nghe loáng thoáng tên những nhà thơ, những giải thưởng thế giới, những câu thơ... Tôi nghe nhưng thật tình không có hứng khi Thiệt đang hào hứng nói. Đã quá nhiều giấc mơ của nó khiến tôi chỉ nhìn cũng đủ mỏi mắt và ngộp thở chứ chưa nói đến thực hiện. Điều duy nhất – cho đến bây giờ - tôi vẫn cầu mong Thiệt sẽ cạp vào một chị sồn sồn nào đó để sống vui hơn trong quãng ngày còn lại. Sau mười mấy năm tại xứ người, bạn tôi vẫn lênh đênh, vẫn mang thân bèo trôi từ thủ đô văn hóa sang thủ đô chính trị. Vẫn chập chờn từ giấc mơ lãnh tụ sang giấc mơ thi ca. Thi ca? Đột nhiên, tôi cảm thấy phấn khởi khi nghĩ đến thơ truyền cảm hơn văn. Từ thơ, biết đâu, bạn tôi sẽ tìm thấy *nàng thơ tị nạn* một cách dễ dàng hơn để đỡ lạnh khi nằm ngủ.

Tôi nhổm người lên và hỏi.

- Cũng được. Thơ cũng được, nhưng mày sẽ viết gì?

Bạn tôi nhún vai.

- Sao lại cũng được? Phải được chứ! Tao sẽ viết về đời sống. Những

cái nhỏ nhặt nhất luôn luôn là những cái thật nhất, người nhất. Phải tinh mắt mới tìm thấy những hạt kim cương.

Tôi mường tượng đến một trang sách nào đó đã đọc khi nghe Thiệt nói. Nhưng đồng ý. Ít nhất bạn tôi cũng nói một câu nghe được, dù chẳng phải của nó. Và, hệt như lần bạn tôi ôm giấc mơ viết trường thiên, tôi lại nghĩ, lần này dám *thiên lôi* đã đánh thêm một búa vào đầu nó. Cú đánh *bồi* cho chắc ăn để thiên tài khỏi quên con đường văn học. Bởi sau ba năm, sự đau đớn của một cú đánh – dù bằng búa của *thiên lôi* – cũng có thể hết đau và làm người ta dễ dàng quên lãng sứ mạng được giao.

- Mày định gửi cho báo nào?

- Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Thơ... Thiếu gì? Điều quan trọng đâu phải là đăng mà là sáng tạo. Tao sẽ xóa bỏ các lề lối cũ, đem cái mới vào thi ca. Đã đến lúc cần đổi mới. Dẹp hết, quên hết những thứ bằng trắc, vần luật lộn xộn.

Quên là phải. Bạn tôi chưa sạch nước cản những luật bằng trắc của các thể thơ vỡ lòng, dù dễ nhất như lục bát, từ ngày còn bé. Nhưng, như đã nói, chỉ cần một nhát búa của *thiên lôi* đánh trúng đỉnh đầu là thiên tài có thể nhảy chồm vào văn học mà không cần mệt nhọc leo từng bậc thang kiến thức. Đâu ai cấm một người như Thiệt bào chế ra những *món chơi thi ca* độc đáo? Biết đâu, bạn tôi sẽ sáng lập ra một *môn thơ* nào đó để những người đang chịu trách nhiệm các tờ báo văn học phải hốt hoảng vì cái nghèo nàn, hủ lậu của mình?

Nhưng hệt như những bài thơ – kể cả trường thi - luôn luôn ngắn hơn những bộ trường thiên, giấc mơ thi ca của bạn tôi cũng chấm dứt nhanh hơn giấc mơ trường thiên. Không cần kéo dài đến ba năm để ngấm nghía cái dàn bài xương cá, chỉ cần bốn tháng sau – cũng tại quán cà phê đã có giấc mộng thi ca – Thiệt uất ức nói.

- Tao đếch cần Văn, Văn Học hay Hợp Lưu...

- Sao vậy?

- Tụi nó sợ cái mới!

Tôi chợt hiểu nhát búa thứ hai của *thiên lôi* vẫn không đủ sức hoặc đã đánh lệch sang một mé, không trúng giữa đỉnh đầu. Thiệt tiếp.

- Vả lại mấy tờ đó in trên dưới một ngàn số, không đủ phổ biến đến người đọc. Tao sẽ gửi cho Thằng Mõ. Tờ này in bảy ngàn số và có tới hai ấn bản. Đi đâu cũng thấy, cũng được nhắc. Ai cũng xin về đọc, đến độ các chợ phải dấu đi, chỉ để dành phát cho khách mua trên năm chục đô.

Cô gái hầu bàn đến ghi thức uống. Giọng bạn tôi bỗng lớn hơn,

nhanh hơn khi vừa gọi xong nước. Như sợ cô gái không nghe kịp.

- Thứ bảy này tao sẽ nói chuyện trong buổi ra mắt sách của...

Tôi không nghe rõ tên của người vừa in xong cuốn sách, trong phần cuối câu nói của Thiệt, vì bận trả lời câu hỏi của cô gái hầu bàn.

Vẫn trong giọng cao và nhanh, bạn tôi tiếp.

- Tao sẽ nhắc đến tác phẩm Bác Sĩ Zivago.

- Sao lại mày? Còn thơ thì sao?

Tôi hỏi lại khi cô gái rời khỏi bàn với hai tiếng "cám ơn". Giọng Thiệt trở lại bình thường.

- Tao sẽ chuyển qua làm văn hóa. Thơ vẫn làm, nhưng chỉ là tay trái. Làm văn hóa mạnh hơn nhiều... Thứ bảy, nhớ đón tao đúng giờ, đừng trễ để người khác phải chờ. Bác sĩ Zivago là tác phẩm cần được nhắc lại.

Tôi gật đầu như đã gật đầu nhiều lần trong quá khứ.

Chiều thứ bảy, tôi không còn tin vào tai mình khi Thiệt bước xuống diễn đàn giữa những tràng pháo tay. Mẹ kiếp, không biết nó lôi ra đoạn cuối rất ư có hậu cho cuốn sách của Boris Pasternak. Nó đã thoải mái tả và bàn cảnh Zivago ngồi trong một quán ăn, nhìn ra ngoài cửa sổ. Một đứa bé có khuôn mặt giống như Zivago lúc ấu thời xuất hiện sau khung kính và mỉm cười, vẫy tay với Zivago. Zivago vẫy tay lại và đột nhiên Lara đi đến, dắt đứa bé trai rời khung cửa sổ. Zivago chợt biết đó là con của mình khi nhận ra Lara nên đứng lên, định chạy theo nhưng bị lên cơn nghẹn tim và ngã xuống chết. Chưa hết! Bạn tôi đưa tay lên ra dấu cho mọi người chú ý và tiếp tục với cảnh Lara dắt đứa con trai, thản nhiên đi trên lề đường. Rồi căn nhà hai mẹ con đang ở hiện ra với hình ảnh những người công an đang chờ bắt Lara. Rất bình tĩnh, Lara dối con trong trò đùa cút bắt để đứa bé chạy đi và thản nhiên đi về phía đám công an, chìa tay ra để bị còng. Bạn tôi chấm dứt tác phẩm của Boris Pasternak với lời bàn về số mệnh đã định sẵn cho những con người bình thản nhận số mệnh.

Giữa tiếng ồn ào của đám đông đang vỗ tay, tôi giật mình và đâm ra nghi ngờ những điều đã đọc. Thiệt đến cạnh.

- Bài nói của tao được không mày?

- Mày lôi đâu ra cái đoạn kết vậy?

- Sao?

- Mày đọc kỹ chưa?

- Cần gì đọc. Coi phim là đủ mà lại gợi hình hơn, dễ nói hơn như mày thấy. Thứ hai vừa rồi tao đã được xem phim Bác Sĩ Zivago trên đài PBS. Phim dài gần bốn tiếng đó mày!

Bây giờ là đầu năm. Vợ chồng tôi vừa cúng giao thừa xong. Ngày mai, như thường lệ, chúng tôi sẽ đón Thiệt sang ăn cơm. Nguyên bày đĩa trái cây lên bàn. Dưới ánh đèn từ trên trần hắt xuống, tôi nhìn thấy vài sợi tóc trắng lẫn trong mái tóc vợ tôi. Tôi thở dài nghĩ đến thời gian. Mới ngày nào gặp nhau mà bây giờ đã cùng bước vào những năm của tuổi năm mươi. Nhưng dù sao cũng có nhau. Năm mươi... Tôi bùi ngùi nhớ đến Thiệt.

Bạn tôi vẫn mồ côi. Nhưng bước sang năm thứ tư làm tài xế cho Thiệt, tạm thời, vợ chồng tôi được *bình yên*. Mọi sự chẳng có gì thay đổi. Cảm ơn cuộc đời đã đẻ ra cái tên *nhà văn hoá* để Thiệt vẫn thoải mái lòng vòng tại các khu thương mại Việt Nam, các buổi sinh hoạt văn nghệ. Và tôi cũng được thoải mái ngồi nghe nó nói vào những buổi cà phê cuối tuần. Dù đúng hay hay sai. Dù trên trời hay dưới đất. Bạn tôi vẫn chưa có giấc mơ nào thay vào giấc mơ làm văn hóa. Thiệt có vẻ chịu *ngồi yên* và tôi đã mừng thầm vì tất cả bắt đầu quay theo vòng quay bình thường. Sáng đến đón. Thứ bảy uống cà phê rồi về nhà tôi ăn tối. Chủ nhật đưa nó đến các nơi cần đến, vào cũng được mà không vào cũng được, Thiệt cho tôi được *tự do*. Còn muốn gì nữa mà thắc mắc? Tôi tự an ủi và dần dà quên béng chuyện kiếm hộ Thiệt một chị đàn bà sồn sồn nào đó cho đỡ lạnh. Để hôm nay, ngày đầu của năm, tôi mới nhớ, dù là nhà văn hóa lớn hay nhỏ, hẳn bạn tôi cũng cần có một người đàn bà để cùng sống. Nhất là vào những phút như hiện tại.

Tôi thu dọn bàn cúng giao thừa từ ngoài sân vào nhà và sửa soạn đi ngủ thì có tiếng chuông điện thoại. Tôi nhấc ống nói lên. Bên kia đầu giây là Thiệt.

- Tao đây. Thiệt đây.

- Chưa ngủ sao?

- Chưa. Xuống đón tao gấp. Tao có chuyện muốn nói.

Tôi nhìn lên mặt đồng hồ treo trên tường. Đã hơn một giờ đêm.

- Mai. Để mai... Đã trễ rồi. Vả lại bây giờ đâu còn chỗ nào mở cửa.

- Không cần quán cà phê. Chỗ nào cũng được. Mày xuống gấp đừng làm tao mất hứng.

Thiệt cúp máy. Gác ống nói lên kệ máy, tôi nhìn sang Nguyên. Vợ tôi đã dọn dẹp xong và đang đứng gần cái truyền hình.

- Anh Thiệt?

Tôi nhún vai thay câu trả lời. Môi Nguyên khẽ động đậy khi tiếng nhạc vang lên từ một hoạt cảnh trên mặt truyền hình. Có tia mất của Nguyên nhìn theo khi tôi bước ra ngoài.

Đêm thật lạnh với những cơn gió mùa đông. Thành phố ngủ yên với các con đường đã thưa xe qua lại. Tôi đạp thắng khi ánh đèn đỏ sáng lên từ góc đường trong sự bực bội. Định mệnh đã trói hai đứa với những tiếng chửi thề của tôi và những cái nhún vai của Thiệt như một trò đùa dai dẳng. Từ tấm bé cho đến hôm nay, cứ mỗi lần bạn tôi chế ra một giấc mơ là tôi biến thành cái bóng đứng cạnh. Bất kể lúc nào và tại đâu. Chúng tôi cứ bám lấy nhau, không cần đến chung quanh như một thứ oan gia. Tôi bật cười quên hẳn bực bội khi nhìn lại mình trong các giấc mơ của Thiệt. Toàn là chuyện trời ơi – tôi biết rõ – nhưng chẳng bao giờ *dám* từ chối, *dám* để nó mất hứng.

- Thật chẳng ra làm sao cả!

Tôi lẩm bẩm khi đèn bật xanh và nhấn ga. Chiếc xe vọt tới khi những giấc mơ của Thiệt lần lượt hiện về trong trí. Bạn tôi đã ôm hết trái núi này đến trái núi khác với vòng tay quá hẹp. Chẳng bao giờ nhấc lên nổi hay, ít nhất, làm nhúc nhích được chân núi. Chỉ loay hoay sờ mó, vẽ vời trong trí gần hết cuộc đời. Từ mối tình tại bar Đại Hàn đến hội trưởng, tổng tuyển cử cả nước, nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa...Và bây giờ sẽ là gì lúc bắt đầu cuối đời? Trí tôi luẩn quẩn về các giấc mơ đã có của Thiệt. Quá nhiều các thứ núi mà chỉ cần một thứ – chỉ một thứ thôi – là người bình thường có thể tiêu dùng hết đời để thực hiện hoặc cả đời cũng chưa thực hiện nổi. Vậy mà nó ôm đủ. Đã ôm. Đang ôm. Và sẽ ôm thêm thứ gì đến độ quá nửa đêm giao thừa lại gọi tôi? Là gì đây? Tôi lắc đầu không đoán nổi một thứ giấc mơ nào đó có thể lớn hơn các giấc mơ Thiệt đã có. Tôi thở dài, hy vọng bạn tôi sẽ không đòi làm Atlas để ghé vai, nhấc cao trái đất.

Tôi đạp thắng gấp khi đèn đường lại bật đỏ. Tiếng thắng xe rít lên trong đêm vắng nghe thật khó chịu. Tay tôi rời khỏi bánh lái, thọc vào túi áo khoác tìm gói thuốc. Trống trơn túi bên phải. Bàn tay mò sang túi trái. Vẫn trống trơn. Chẳng biết gói thuốc đang nằm đâu? Không lý lại bỏ quên? Tôi tự hỏi và cố nhớ lại lúc khoác áo bước ra khỏi nhà. Bấy giờ Nguyên đứng gần cái truyền hình nhìn tôi và hỏi.

- Anh Thiệt?

Tôi đã nhún vai thay câu trả lời. Rồi... Tôi giật thót người khi nhìn thấy tôi lúc đó thật rõ. Tôi đã nhún vai – rất tỉnh – hệt như Thiệt đã làm và hình như vợ tôi nói khẽ điều gì mà tôi nghe không rõ. Bấy giờ, gương mặt Nguyên - cũng không có nét khó chịu nào - hệt như gương mặt tôi mỗi khi nhận điện thoại của Thiệt.

Lạy trời cho những tiếng nói nhỏ của vợ tôi không phải là hai tiếng "Mẹ Kiếp" của tôi vẫn dùng.

Nguyễn Ý Thuần
San Jose, 18 tháng ba năm 2004

(*) Trong truyện ngắn Tật Nguyền của cuốn Tối Tháng Năm Tại Quán Ăn Đường Fifth, tôi đã viết: "*...Năm năm ở Mỹ, vật lộn với đủ thứ nghề và lang thang trên những vùng đất xa lạ tôi đâm ra ngán ngẩm sau khi tiếp xúc với một số cộng đồng tỵ nạn. Hầu hết đều khoác lên người một thứ gì đó - như lớp quần áo giấy - để sống, để khỏi khuất lẫn vào đám đông. Bằng quá khứ cũng có, bằng chức vụ hay bằng bằng cấp... Nhưng tựu chung chỉ nằm trong vòng thỏa mãn tự ái cá nhân hay khỏa lấp mặc cảm. Nói cho cùng, tôi vẫn gặp một số người sống bằng cả tấm lòng. Ở thiểu số này ranh giới giữa suy nghĩ riêng tư và cuộc sống tại đây hoàn toàn cách biệt. Họ âm thầm thực hiện hoài bão. Như những đốm lửa lạc loài trong đêm văn minh quá mức. Với họ - những đốm lửa nhỏ nhoi đó - điểm ra đi chính là nơi trở về. Tôi đã được an ủi rất nhiều khi gặp họ - nhưng chỉ thế - bởi tất cả đều chờ trong hy vọng...*"

Tìm đọc

20 NĂM VIẾT VĂN

tác phẩm thứ tám của nhà văn Đào Văn Bình

mới vừa xuất bản.

* Tác phẩm đề cập tới khoảng 150 khuôn mặt văn nghệ hải ngoại
* Phê bình sách dạy văn học sử trong nước như Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân v.v..
* Phê bình 50 năm Văn Nghệ Đỏ
* Những kỷ niệm vui buồn của đời viết văn, làm báo
* Những kinh nghiệm viết văn
* Kinh nghiệm phê bình văn học và phê bình lịch sử cần nói cho thế hệ trẻ biết.

Giá bán kể cả cước phí:
Hoa Kỳ 15 Dollar, Canada 18 Dollar, Úc và Âu châu 20 Dollar

Chi phiếu xin đề: **Đào văn Bình**
Và gửi về: **P.O. Box 1808 San Jose, CA 95109-1808**

Mưa đêm áo bỏ

Nguyễn-Hòa-Trước

Em vẫn không khác ngày xưa, cái ngày xưa thật dễ, mà cũng thật khó thương! Em, dầu sao, như anh nói, vẫn là đứa con nít. Đứa con nít vẫn liều-lĩnh, và vẫn rất nhút-nhát. Kỳ cục thật! Nhưng em sợ, rất sợ... Em muốn núp sau mặt bên kia của thời-gian, dầu vốn biết thời-gian không là tấm kiếng soi. Nơi đó, có thể em rất thiên-thần, nhưng anh lại không nhận ra em. (lẩm-bẩm) Đời chưa cần chỉ thở bằng khí lành. Với anh, còn thiếu? Đứa con nít, anh biết, gia-sản của nó phỏng được bao nhiêu? Nó như một thứ cây, cần nắng nồng và sương giá để cứng-cáp thêm. (mềm) Chẳng bù với những ngày mới quen, cho bao nhiêu, anh trả hết lại cho em, cộng với phần lời! Đến hay! Nhờ em, anh dạn-dĩ. Hay thật đấy! Nhưng chỉ những lúc có em. Những lúc khác, anh còn thua cả đứa con nít. Gần nhau đủ là hạnh-phúc. Hạnh-phúc giúp em biết mình đang sống. Và nó giúp em biết sợ. Em vẫn sợ. Em sợ ngày mai; sợ ngay phút kế tiếp đây thôi, khi anh đi rồi, còn em trong khoảng trống khủng-khiếp của căn phòng mà anh bảo, lớn không mấy hơn cái hang thỏ này. Em nhất định không đổi ý? Em đang trưng-dụng nửa nào của đứa con nít để ứng-phó với anh? Có gấp-gáp đến mức đó không, anh? Mình có thể hoãn đến hôm khác mà. Chúng mình sẵn vốn. Chẳng cần bôn ba vay mượn (thở) Em chưa chuẩn-bị đầy đủ. (thở) Cuối tuần này, anh nhé? Muộn-màng gì đâu? Đêm nay đã là thứ tư. Sau cuộc, mình còn thời-gian nghỉ-ngơi. (cúi mặt) Vả lại, người ngợm em chưa sạch sẽ lắm đâu. Tình yêu chỉ là hành-động lập lại. Nhưng sự cụ-thể-hóa tình yêu thì không. Lần thứ nhất của lần thứ bao nhiêu, nơi em? Anh không tin, nhưng đành chịu! (nhìn qua cửa chớp) Sắp mưa! (thở) Mùa mưa năm nay như không hề dứt. Mưa đạp lên gót của mùa xuân! (hụt giọng) Anh... bắt đầu sợ mưa,

từ đêm nay! Chẳng lẽ em làm anh đổi xoay cả một quan-niệm, một sở-thích? (ngần-ngừ) Ừ, mưa. Anh cứ ngủ lại. Chúng mình có thể chia giường. Nhưng... Anh không tìm đâu ra lưỡi gươm thật sắc và cuộn chỉ thật chắc để treo nó lủng-lẳng giữa hai đứa. (nằm) Anh không bắt chước được cổ sử và tiểu-thuyết. (úp mặt vào mặt) Anh hết giận em. Cảm ơn anh. Em bù cho anh bằng chút rượu rót thêm vào ly nhé. Mình sẽ cùng kê môi uống chung. Anh cười đi! (ngẩng) Hình như mưa đến gốc mận sân trước nhà mình rồi.

Tôi không thể, và cũng không muốn cười. Tôi không còn là đứa con nít, dầu đôi khi hờn mát, tôi tự nhận với nàng như vậy. Đứa con nít có thể thích, thương, yêu, nhưng không biết đến cái mà tôi cần. Tôi đang cần, cần đến thèm, thèm đến lạnh buốt sống lưng một bông gối thịt để ấp, ôm, và hẩy tuột vào nó. Nàng chưa mặc vào đủ quần áo. (lẽ ra, nàng phải, khi nhất quyết ngăn đường tiến của tôi, nếu không trước thì cũng đồng thời với lúc trao lời với tôi.) Mùi người, mùi da, mùi trên, và mùi dưới; những thứ mùi mà tôi chỉ có thể ngửi, nuốt chính chúng chứ không phải người tiết ra chúng đang buộc tôi moi móc lại đầu óc để nhớ đến việc khác, hòng lờ quên. (mưa đang làm rã thêm thần-kinh tôi, biến chúng thành bọt xà-phòng, thứ bọt bóng đa sắc đa tình nhưng mỏng-mảnh.) Suốt tuần qua, mượn cớ có tháng, nàng từ-chối tất cả những đề-nghị xâm-nhập của tôi. Tôi: mọi lần, chỉ vài ba hôm là ráo hoảnh; lần này sao lại? Nàng: tuổi càng cao (!), mọi thứ sinh-hoạt càng dễ bị xốc-xếch, đình-đốn. Ngay cái chu-kỳ từ thuở con gái đến giờ vẫn rất thuận chèo xuôi mái, bắt đầu dở quẻ. (tôi không hiểu tại sao người sính văn-chương, chọn lọc từng chữ từng âm khi phát ngôn như nàng mà lại thích thứ ngữ bình-dân này.) (phán-quyết đanh gọn) Chúng là chất độc. Cần tống-xuất ngay. Giữ càng lâu trong người càng dễ... cáu bẳn, khó hứng!

Và chiều nay, nàng bới lên lý-do kia để chối-từ tôi. Nàng cho tôi thăm-thú mọi nơi trên nàng, trừ chỗ đó. Nàng có cặp đùi, loe vài sợi lông ngang bắp chân, bình yên thì rất gợi tình, nhưng khi sóng gió thì cũng thật đáng sợ. Chúng là đôi vệ-sĩ mẫn-cán, xuất sắc bảo-vệ thành trì của chủ.

Tôi yêu nàng. Và hơn một lần cũng rất sợ nàng. Nỗi sợ thoảng khi lấn át cả tình yêu, nhưng cũng đôi lúc rót rượu mạnh vào cổ chai ham muốn của tôi. Nhưng, thường thì tôi vẫn khuyên nàng đừng làm cho tôi sợ. Tôi đã sống với nó, nỗi sợ, từ khi còn ấu-thơ. Sợ những cái vô hình, và một vài cái hữu hình. Lớn lên, vẫn sợ, sợ những cái hữu hình, và một

vài cái vô hình. Hiện tại, loại sợ vô hình đã giảm nhiều: nó di-chuyển qua loại hữu hình. Nhìn gì, ngó ai, tôi cũng sợ. Sợ người đó, cái đó biến vào hư-vô. Tôi sống hàng trăm cuộc sống, những cuộc sống không của tôi, ngoài tôi. Nàng là biểu-trưng rộn-rã nhất của cuộc-sống-không-của-tôi. (tôi chỉ yêu, thèm nàng, chứ chưa hề nghĩ đến việc cùng nàng ký khế-ước sống chung. Tôi e-dè trong ý-hướng xây-dựng, chính là vì chưa đủ sức dọn-dẹp mớ ngổn-ngang mà cuộc đời vất giữa lối đi.) Nàng: nếu tôi không muốn nàng làm cho tôi sợ thì tôi cũng cần thực-hiện điều tương-tự với nàng: chớ nên bắt nàng làm những thứ nàng không, hoặc chưa muốn. Nói chung, là không nên cưỡng-bách nàng gì hết. Nàng hoàn toàn tự-do trong hành-động. Nàng thuê phòng sống riêng. Nàng học võ; và chiếc đai màu của nàng đủ sức quất vỡ tôi không những chỉ mộng, mà còn những thứ khác nữa.

Cặp đùi của nàng. Bây giờ thì tôi hiểu thêm. Có lẽ chúng rắn, to hơn từ ngày nàng tung-tăng nhảy-nhót trong sân tập. Những cơn dục bị dội tắt, không phải vì nước mưa, nhưng tôi bắt đầu hết còn yêu mưa, từ đêm nay.

Không yêu mưa, nhưng tôi cần nó. Cơn mưa sẽ khiến tôi đỡ ngượng-ngùng. Tôi nói, phải về đóng cửa sổ phòng lại, nếu không, đêm nay, tôi phải xuống sàn đá mà nằm. Tôi rầu rầu. Nàng nói tôi có thể ngủ lại. Nhưng chuyện kia thì chớ hề tơ tưởng, nhé! Nàng vờ cợt-nhả để làm vui tôi. Tôi lắc đầu, dầu sao cũng phải về. Và tôi hôn nàng. Nàng dụi môi tôi vào ngực nàng, bảo tôi ngoạm tối đa theo vòng mở của miệng. Đó là cách làm tình 'chay tịnh.' Tôi không muốn được vớt-vát kiểu đó nên chỉ đáp-ứng chừng mực, đến độ không còn biết chúng to đến độ nào, và dẻo cứng thơm đến độ nào, và nghĩ chắc chúng cũng là mẫu số chung cho những sinh-vật hữu nhũ biết nói tiếng người sau thời vĩ tượng.

Sắp đụng chân đến bậc thềm, bị làn gió lạnh quệt vào mặt, tôi mới hốt-hoảng nhớ đã quên chiếc áo khoác rất ấm. Định quay lại thì nàng đã tiến ra đưa nó cho tôi. Giọng nàng tỉnh bơ cố giấu vẻ châm chọc, không có chiếc áo này thì anh sẽ không còn là anh nữa. Rồi nàng xin lỗi, tại em làm anh quên. Tôi cảm ơn nàng. Tôi tự thấy như đang ăn vụng bị bắt gặp. Tôi tự trách quá vô tâm đối với người đã tặng nó cho tôi. Tôi không ngờ sóng nhục tình trong tôi mạnh đến nỗi đã đánh giạt tôi khỏi nó, cái áo, cái mà tôi gọi cho dễ nhớ với riêng tôi: 'lớp-da-thứ-hai-của-tôi;' và trong những khi cực cùng lạc-quan lẫn bi-quan: 'chiếc-áo-quan-của-tôi.' Tôi xoay, đối mặt với mặt đường. Giọt mưa nghiêng rơi tọt vào mắt trái. Rát nhám như vảy ớt. Dưới chân tôi chỉ còn nhận

được một thước sáng gãy từ cột đèn bên kia.

Tôi dối nàng, chứ việc phải nằm dưới sàn phòng đâu là cực hình? Tôi đã quen với những thứ còn tệ hại hơn. Chỉ tại tôi không thể ở lại. Tôi đang là đứa con nít đòi quà không được tức khí tuyên-bố nghỉ chơi. Đứng nhìn mưa khoảng hơn năm phút. Cơn mưa như mụ đàn bà trước tình-nhân đang kéo khăn voan che mặt xuống. Tôi ghét nó. (tôi thấy tôi đúng khi tôi đang ghét nó.) Tôi ghét những kiểu cọ vẽ-vời. Nàng, ngoài việc học võ, còn học thêm những món quý-phái nửa mùa mà đang khi cùng tôi leo những nấc đun-đẩy, vẫn còn tỉnh-táo để thi-thố với tôi (như vờ bò lệch khỏi đường mông để bắt tôi hậm-hụi bẻ lại lái). Có lẽ nàng vẫn xem tôi như chú chuột khoái gậm nhấm mà vui thích với việc múa-máy những móng mèo của mình trên tôi. Việc này khiến tôi chán. Và khiến tôi thèm (đang thèm) nàng cứng xương lưng. Cơn mưa chắc chỉ mới: mặt đường chưa đủ ướt để nhận in xuống các hình thù; và tôi cảm-giác nó lạ hơn những lần trước. Nó không mát như tôi nghĩ. Nó cay xè như dầu nóng. Tôi ngửa cổ cho những giọt mưa mỏng như nước bọt bị khạc, rách, từ cao xoa bóp. Đủ phỏng lưỡi. Bây giờ thì rốn riếc của nàng chui vào bụng tôi. Tôi cần cái gì thật lạnh, như đá cục chẳng hạn để trục nó ra: đá cục tỏ ra vô cùng hiệu-nghiệm để đè bẹp cơn sôi, giật, nhức. (hầu như mỗi ngày, nếu không bận lắm, tôi vẫn dùng đá tủ lạnh chườm lên trán, lên vai.) Chiếc xe mui vải chạy ngang, té ướt cả hai ống quần tôi. Tôi hơi loạng-choạng. Bước chân đã thấy nặng.

Mưa khít. Tôi phải cởi áo khoác ngoài trùm sát đầu. Tôi ghét nhất để tóc bị ướt. Chúng sẽ có mùi khai khê mà tôi lại lãnh cảm với việc hong bằng hơi nóng. (tôi mang sự ghét này nói với nàng; và nàng chê tôi bảo-thủ.) Nước tòng-tỏng trước trán, mờ cả tia nhìn. Cuối khu phố này có quán bán rượu và vài thứ thức ăn nguội. Tôi hăm-hở băm về phía đó. Bị hụt mấy gang trên để che tóc cho tôi, phần áo dưới vẫn còn dài, hút bao nhiêu nước tưới dọc theo hai ống chân tôi. Uống thêm những bụm nước của mặt lộ, đôi giày bì-bẹp muốn tuột khỏi hai chân.

Tôi vui vẻ chịu mất vài đồng 25 xu cho mấy tay homeless 'chủ' vệ đường và thong-thả bước vào trong. Bài nhạc đón tôi trước nhất. 'Khách lạ trên thiên-đường.' Tôi suýt chửi thề. (hay hoặc dở cũng khiến tôi chửi thề: cũng là cái món lọc-lõi nửa mùa mà tôi trót ăn phải từ nàng!) Tôi khá quen nơi này để nhớ chắc là có khoảng chục hàng, mỗi hàng 2 bàn 4 ghế. Quán thưa khách. Chỉ một số ít ghế là có người ngồi. Họ yên lặng uống, và nhìn mưa từ hai bên cửa sổ. Chiếc TV trên tường đang truyền đi màn hội-thoại. Cảnh trí hết sức giống như một bức vẽ quảng-

cáo hay trong một cảnh phim, nếu sau tôi không xì-xào tiếng nước bị gió đẩy tung bốn hướng. Tôi tìm một chỗ cuối góc quầy rượu. Sau lớp kính dầy, lại rõ tiếng mưa hơn. Ánh đèn bên hông hắt xuống mờ mờ. Nó nằm dó, giãy-giụa theo từng mỗi giọt mưa rớt trên; và trong động-thái nẩy mình như vậy lại khuếch-đại tiếng nước. Giữa mặt lộ tỏ hơn do thu góp dủ mọi loại ánh sáng của nhà cửa và xe. Hai ôm tai tôi như ướp đá. Chúng đang vi-veo gió. (lại thêm một loại âm mưa trong tôi!) Tôi nghĩ đến những vành tai heo đông lạnh nhậu với rượu (dầu tôi không thích rượu). Tôi đang lạnh; và khoái tê vì cảm-giác lạnh đang xông thẳng vào phổi vào tim. Trong khi cơn thèm thịt người vẫn còn làm phía dưới hai chân tôi như sáp nhão. Vì cái đó là của nàng nên tôi không làm gì được. Nàng là người khơi nó lên. Nàng muốn tắt nó. Nhưng bởi nó là của tôi nên nàng không làm được.

Tôi lộn ngược chiếc áo. Mặt trong lót bằng tơ bóng láng, mới nguyên, màu xám đen. So với lớp vải ngoài, nó mịn và sang hơn. Nhưng bởi màu của nó khô, xỉn, rất tầm thường; và vì chiếc áo không là loại dùng cả hai mặt, nên giá-trị của lớp tơ chỉ để vuốt êm chứ không giúp khoe ra với người đời được chút gì. Cái bắt mắt và làm cho nó khác với những thứ cùng tên gọi là màu đỏ của mặt nhung ngoài. Phải nói nó là độc nhất. Trong hàng trăm nghìn màu đỏ với ánh độ khác nhau, không tìm được màu tương-tự. Dầu trời lạnh, hay mưa, sắc màu sẽ không khác chi một lớp hơi mặt trời sưởi ấm và thổi khô người mặc. Nó là vạt lửa thần trong thời-kỳ mà loài người đã bắt đầu ngán cảnh ăn sống uống sít. Da nhung đã tưa, nhưng màu vẫn tươi; tươi đến độ chính cái màu dỏ ngoài tư-cách định-tính, đã biến-hóa thành một loại chất-liệu mới. Tôi quý nó vì thế, ngoài lý-do chính-yếu mà nếu không có thì cũng sẽ không còn gì để nói: nó là món quà của một người hoàn toàn không giống bất cứ ai; một người được đặt trong cuộc đời này để nhận tất cả bất-hạnh từ nó, và dùng nỗi bất-hạnh của riêng mình làm vòm cầu, làm bệ gánh để đưa người khác sang miền hạnh-phúc. Tôi gập đôi áo, khoác lên ghế, cố cho phần khô nhất là chỗ gù của hai vai bấu vào viền gỗ, còn phần ướt nhất (hai tay áo, dài hơn cả thân áo) thõng thẳng xuống mà không dính vào lớp da ghế cho chóng ráo và cũng tránh cho lớp tơ khỏi bị nhăn. Nước li-ti nhỏ giọt. Sau ly rượu đá mà tôi chờ cô hầu bàn quen đến để gọi, khi về, đầu áo còn ẩm, tôi cũng sẽ khoác vào.

Cô gái hỏi tôi muốn uống gì. Tôi gọi; dặn với, cô cho thêm vài cục đá nhé. Cô nhăn mắt nhìn tôi. Đôi mắt nhỏ, nhưng vồng mắt thì bị kéo dài hai phía. Cô đi mà không cần phải bước. Cơn cuồng-nhiệt trên TV

thổi bay cô. Cô gầy thẳng như dấu chấm than. Nhưng quyến-rũ cồn-cào như một liều thuốc đắng. Tôi nghĩ về Hiên để khỏi chịu thêm một án tiết dục. Hiên thon, và nặng ra gì ở những phần cần nặng. Nàng là người biến tôi thành đàn ông. Nàng thông-minh (bằng mươi đứa như tôi), sắc-sảo và giàu ngón như gái liêu-trai. Nàng vất tôi về lại thuở học trò thất tình, thèm thịt, và tung thăng tôi thành thủ-lĩnh yêu đương trong những bài thơ siêu-thực. Nàng nằm dưới những nhân-vật, giật dây chúng, bảo chúng cưỡi lên tôi, lột ngửa lột xấp tôi, nhét vào tôi thứ dồ mà ăn càng no càng cảm thấy đói dài. Nàng biến tôi thành con bọ với trăm ngàn bao tử lúc nào cũng muốn nhai tươi chiếc đuôi của nó.

Một cặp tình-nhân trẻ bỏ ra. Bàn cuối góc phải bỏ trống. Tôi mang ly rượu đến đó. Nơi này rất mờ, thật tuyệt. Sẽ không ai nhìn thấy tôi nhưng tôi nhìn khá rõ mọi người vào ra. Hơi nóng dưới mông hết sức dễ chịu. Có lẽ tôi ngồi lên chỗ của cô gái, vì bờ ao tròn rất rộng chung quanh tôi còn hôi-hổi. Bản nhạc mềm từ chiếc loa trên đầu khiến tôi mỏi mắt. Máy truyền hình đã câm. Khoảng 9 hay 10 giờ gì đó. Còn sớm. Mọi khi, tạnh trời, giờ này là giờ lý-tưởng vui chơi. Cô hầu bàn với chiếc khay trống đi ngang, mồm bàu-nhàu, nguyền-rủa thời-tiết khiến quán mất khách và cô ta mất món tip thơm. Tôi muốn ngủ và, sẽ ngủ, chắc thế rồi, sau khi uống hết ly nho trắng này. Cơn say vừa phải là liều thuốc lý-tưởng. (Tôi thích sống lại cảm-giác lâng lâng của lần đầu khi không thấy tên trên bảng thí-sinh trúng tuyển với một bụng đói và nửa ly cao cẳng cognac chua lè.) Đầu óc tôi bơi trong mù của vòi sen nàng tắm. Tôi biết thói quen của nàng, sau khi tôi đi (dù chúng tôi đã, hay không, trao tình), nàng sẽ vào đứng đúng 15 phút dưới vòi sen nước nóng đến gần phỏng rộp; khăn quấn bụng, ra; uống hai ngụm vang đỏ; nằm; kéo chăn kín cổ và lõa-thể trong chăn (khăn tắm bị đạp tít dưới chân, vài khi rơi cả xuống đất). Tôi biết, khoảng hai giờ đêm, nàng thức dậy (có, hoặc không, đồng hồ báo thức), uống một ly cối nước lọc mà theo lời nàng, cho dễ bài-tiết buổi sáng sớm. (nàng quá cẩn-thận, vì nàng chưa bao giờ vời đến thuốc trợ.)

Tôi sẽ ngủ. Chỉ có giấc ngủ là không tranh hùng với tôi. Tiềm-thức tôi thuộc loại siêu mẫn-cảm. Tôi sẽ mơ. Trong mơ, tôi sẽ trút ống đến sạch bong vào nàng. (Tôi vẫn tự khích-lệ về khả-năng tự đáp-đổi, giải nợ sòng phẳng này, cái khả-năng mà tai ngược thay, thường, sau khi hất bổng tôi lên bằng đôi chân lực-sĩ, lại dán sát tôi xuống bằng chất keo vắt từ những vòi khoái-lạc.) Hiểu một cách buông xuôi thụ-động nhất, với kẻ không còn, và không mong cách-thức nào khác, thứ khả-năng đó dễ được tôi chấp-nhận.

Tôi nhích xa mông, quay ngược ghế, đặt thắt lưng dưới xuống. Mắt tôi hướng về phần hông sau của quán. Nơi đó rất tối. (tôi không còn cần nhìn ai, nhìn gì nữa.) Tôi rúc đầu vào giữa vai và thành ghế. Chung quanh tôi, ngoài tiếng mưa (có thể do tưởng-tượng nhiều hơn), còn là một yên lặng già cỗi (ít ra thì tôi cần nghĩ như vậy cho dễ ngủ). Đầu ghế gù lên, êm như gối. Khí trống bắt đầu lễnh-bễnh. Bụng tôi không có gì ngoài nó, nên tôi ngửi được mùi nho nấu xông lên từ dưới rốn. Nó như một con giun khói, ngoặt ngoẹo, say vì bị xông trong bể cất của chính nó. Tôi trông thấy nàng bằng một con mắt mở. Nàng đang tết con giun khói khác, ném vào miệng tôi. Tôi rặn ho; nhưng cánh bướm ngủ đến nhanh hơn. Khi tôi biết bắt đầu nhắm con mắt thứ hai thì trên tóc tôi, trong hai lỗ tai tôi, những tiếng thầm như tràng chép miệng của một cô gái thật gầy, với những vùng thật mảnh; và cuối cùng, là hồi thở của bé sơ sinh, dìu-dịu.

Chàng đã đi. Mình không nghĩ là chàng đã đi. Chưa bao giờ chàng não-nề mà quyết-liệt như đêm nay. Chàng bảo, trời sẽ mưa. Mỗi lần mưa là mỗi lần chàng lên cơn hứng. Hứng có thể trong tinh-thần, hoặc nơi thể-xác. Chàng nói, truyện chàng đang viết đã sang tiết mới sau khi một vài khúc-mắc đã tạm thời được chàng và tổ nhân-vật thông qua. Chàng cười, bẹo má mình, không phải lúc nào các phe lâm-chiến cũng chịu nhường-nhịn nhau như vậy. Chàng tạo ra các nhân-vật. Khởi thủy, cuộc sống chung giữa chàng và chúng rất hòa-thuận. Khi bàn chân chúng bám vào đất đã đủ vững là nẩy xung-đột (chàng đương nhiên bị liệt vào phe đối đầu). Ưu thế nghiêng dần về phía đa số. Viết là dùng cành cây gãy khoắng xuống mặt hồ rêu sệt. Viết là từ biệt cội chết yên lành. Viết là để sống-sót rách bươm. Sau mỗi lần viết (chàng hôn mình), chàng thấy 'nhẹ-nhõm' thêm một chút. Mình hôn trả, cứ bắt anh đứng lên bàn cân là rõ. Phần bị nhón đi của trọng-lượng trên bàn cân là phần anh đã mang 'nộp' cho những trang giấy. Anh không dám tự hủy, nên phải tạo ra những lý-do. Chàng úp mặt vào kênh ngực mình, em đúng, nhưng chỉ nửa. Ngoài số cân thịt da phải nộp cho giấy, chữ, anh còn phải nộp cho em. Mình la oái, không ai có lối ăn nói lạ đời như anh.

Chàng gầy. Gầy, không ngăn cấm chàng tham. Cái tham của chàng lớn hơn không biết bao nhiêu lần cái tạng người chỉ nhỉnh hơn con số 100 trên vòng tròn của số và vạch. Chàng, ngay cái nhìn thấy được, cái giải-trí chàng và người khác (ngoài mình, còn những ai?) đã là thứ kỳ lạ. Còn sau và trong chiếc trán đã mờ mờ 3, 4 đường nhăn gãy khúc

kia, nhúm chất trăng trắng mà ta vẫn gọi là bộ óc, bao nhiêu ngàn vạn đường ngang kẻ dọc đâm thốc chồng chéo vào nhau? Chàng là dấu hỏi to tướng, với mình, và với chính chàng. Mình hiểu chàng chỉ qua những nụ chàng hôn, những lần chàng đóng móc mình trên mũi cọc dựng lên bằng bản-năng của con-vật-người của chàng. Chàng hà tiện lời nói, dành khả-năng phóng tinh-lực cho mục-tiêu phía dưới.

Phải thẳng-thắn, chàng vừa rót đầy mình, vừa đổ tháo sự làm đầy kia từ mình. Chàng đến; ngay cảm-giác chàng đến; rồi cảm-giác khi nghe chàng gõ cửa; mở, nhìn thấy chàng: bao nhiêu thứ mà người ta gọi là 'khúc dạo' kia đã bơm quả bóng mình căng hơn nửa. Chàng đi; ngay cảm-giác chàng sẽ đi; rồi da thịt chưa kịp cảm thấy sự lạnh trống thì chàng đã dập cửa lại: bấy nhiêu đã trả tuốt tươi phần vừa hút nhận vào từ chàng cộng thêm phần lời đang bị xén mỏn đi từ chính cái của mình. (Với mình, nghĩ, lẫn thực, không ranh-giới rõ ràng. Mình đã sung-sướng ngay từ khi chưa chính-thức nhận được từ chàng cái gây nên sự sung-sướng.)

Thế sao mình vẫn thích được xói mòn như những viên cuội nằm trên đường chảy của nước?

Nhưng đêm nay, sao mình làm ngược lại, đầu rất muốn? Mưa? Trời sẽ mưa. Buổi chiều từ chợ về, nghe sấm ì-ầm đuổi nhau trên mây, mình đã biết là đêm nay sẽ mưa. Chàng thích mưa. Khi mưa, năng-suất chàng tăng vọt: viết nhiều hơn; và yêu dai hơn. Chàng thích đến thăm mình vào những lần (sẽ, hoặc đang) mưa. Rồi khi chưa kịp lấy hơi sau màn tình vừa tạm khép, chỉ cần quấn hờ tấm chăn từ bụng xuống, chàng ngồi vào máy chữ. Có thể chưa hết một hiệp mưa là chàng đã xong một tiểu-đoạn nào (nếu là văn), hoặc hoàn-chỉnh (nếu là thơ). Mình đã chứng thực hơn một lần; và đã từng quên cả nóng bực lẫn rét cay, ngồi tựa cửa nhìn lên khoảng xanh ngắt, van vái... trời mưa!

Mình hãm lửa chàng lại. Mình đã xối mưa lên nồi hứng của chàng. Không hẳn đợt đau bụng ngầm (hôm qua bà hàng xóm nấu mang sang cho tô gà-ác-hầm-hạt-sen-thuốc-bắc....; ôi, giá mà nó không làm ruột gan mình nhợn-nhạo!) mà mười phần đã thối lui đến chín. Chỉ là do giọt mưa vỡ hạt tóe tung ngoài mặt kính bàn học (ngay bên ngoài có ngọn đèn đường) đến với mắt mình trước chỉ hơn một giây hành-động thoát y mình (sau đó, tự thoát y) của chàng. Tự dưng mình thấy cái gì gần như là lố-bịch. Bức tường trinh-nữ mọc vù từ đất lên. Nằm úp chận nửa đường cuối vuốt xuống của hớt quần lót, mình nói em không thích (không hẳn là sợ) mưa. Với sự có mặt của mưa, mọi hoạt-động bình thường của em đều bị đảo lộn. Chàng, em lạ quá! Những lần khác,

mưa, có nghe em nói gì đâu? Mình dối, em cảm thấy chưa đủ vững để trèo cao cùng anh. Mưa càng khiến cho các bậc thang trơn trợt. Chàng cột dây giày, em khiến anh bắt đầu sợ mưa! (câu thứ mấy? sao nó xoa rợn lông tóc mình?)

Chàng đã đi. Mình hối-hận đã từ-khước chàng. Chàng và mình, đứa nào cũng chỉ là đứa con nít hăm-hở đòi nhập cuộc trong khi chưa gom đủ phần hùn. Mình muốn bàn tính với chàng về một tiệc hàn-gắn, một đêm tái tục, với cả vốn lẫn lời (chàng dư sức để dành, và nhận phần lời). Bây giờ thì quá muộn! Mưa đang mưa. Sao mình không chiều ý chàng? Sao mình không tập làm quen với cảm-giác yêu mưa ngoài ý đồ 'nhờ vả' nó? Thơ-mộng lắm chứ, nếu chịu bỏ qua một vài cản-trở mà nó có thể gây nên cho mình. Ông trời không thương chuộng không ghét bỏ ai. Ôi chao, mưa! Trong cuộc sống, nghĩ xem: bao nhiêu thứ gây chướng-ngại cho mình hơn cả những đám mây mù kia chứ? Chứng mất ngủ; nó đến với mình từ bao giờ? Cần đổ tội cho các cơn mưa (đêm) xói thêm hố trầm-trọng?

Mưa đang mưa. Mình phải kết thân với nó. Cần chạm trán với nó. Ngay bây giờ. Tối nay. Tự dưng thấy thèm chàng ghê gớm! Nhói dưới bụng. Không vì ẩm thực đâu. Ôi, chàng! Nếu anh đang nằm dưới, và tước ngược hai chân em! (Bao nhiêu gân lá trợn ngóc cả lên!) Em đi tìm anh đây. Em biết anh ở đó, chỉ có thể ở đó; cội của anh là ở đó: anh sống và chết ở đó; những phần da thịt gắn vào và móc ra từ cây sinh-mạng của anh. Anh là người xài hoang. Một kiếp đời nhẹ tễnh vẫn cho là quá trì kéo: lóc từng mủm nhỏ chia cho những nhân-vật.

Mưa không to lắm, nhưng vẫn cần chụp ô đen. Tóc búi ngược. Khó giọt nào tạt vào.

Cặp mèo trốn mưa cò kẹt trong ngách. 4 chấm xanh lè quét nhanh dè chừng lúc nàng mở cửa bước ra. Bọn mi khôn khéo và dễ tính hơn người. Hẻm hang nào cũng thành giường thành chiếu. Nàng tinh-nghịch quay tít cán ô và lừ-đừ tiến đến hướng chúng. Chúng thọc vào sâu núp. Lúc nàng quẹo phải thì nghe sau lưng tiếng gừ như khúc thừng đang được bện.

Khu phố thật vắng. Chỉ có mưa, một vài ánh đèn đường. Và nàng. Mưa vừa hạt. Nàng có thể giữ cho tóc hoàn toàn khô nhờ tán dù lụa xòe. Từ hai vai trở xuống được thả lỏng. Nàng biết chàng rất không thích con gái tóc ướt, nhưng lại thè lưỡi nhìn các cơ phận khác đang dán lột vào nhau.

Đèn xe chui lên từ sau hai chân nàng. Hai lườn sáng rẽ chéo gót chân trái. Tiếng két của kim-loại va nhau. Vài ba hồi kèn liên-tục gọi sự chú ý; lên xe đi em, anh đưa về; ....mưa gió thế này đâm phát nực! Hai mái tóc thò thõng. Giọng người đàn ông bên phải khè hơi rượu. Nàng nhích vội lên lề. (Mải suy nghĩ, nàng đã lấn xuống đến gần nửa lòng lề đường.) Nàng kéo áo che kín phần da mặt nơi đang bị mấy con mất châm lỗ. Giọng đàn ông khác, gã lái xe, thôi, về mày! Tao hết phừng rồi.

Mùa Xuân. Nàng thực tình không biết mùa Xuân có mang cho nàng cảm-giác nhẹ tênh như thể buông rời cả hai tay khi đang rơi từ trên đỉnh núi cao xuống hay chăng, nhưng hai chân nàng khuỵu hẳn khi mắt vừa trông thấy chiếc ghế ai đó để ngang lối ra vào. Nàng bám tay lên góc ngoài trên của ghế và hông nàng đụng vào cạnh nhám của tường. Chiếc dù vuột khỏi tay. Phải hơn phút sau, nàng mới gượng ngồi lên được. May nó là chiếc ghế có hai tay vịn, và thành cao, đáy trũng giữ ghịt nàng lại. Trong quán mờ mờ, nhưng nàng vẫn nhắm mắt lại cho đỡ chói. Nàng cố hít vào và thở ra thật lâu. Bớt mệt, nàng quét sơ một vòng mắt trong khi chờ cô hầu bàn đang bước từ hướng kia đến.

Đèn trong quán chừng như được đốt thêm. (Ồ, không. Nàng đã tỉnh; và mắt đã tinh.) Quán nước trông như một rạp chiếu phim bỏ túi. Giữa là lối đi. Đây là nơi duy nhất được soi sáng bằng giàn bóng xanh dịu gắn ẩn trên trần. Bàn ghế đặt hai bên, mỗi bên khoảng hơn mười cái. Phòng nhỏ, phềnh lên vì số khách thưa-thớt. Nàng đếm được khoảng chục. 6 người tụm giữa quán, ngồi theo cặp. Trước mặt bày thức uống. Người này nhìn qua vai người kia và cùng ngắm mưa. 4 người lẻ, chia làm hai: hai nam, và hai nữ. Hai người đàn bà thấp người, không còn trẻ, chiếm góc bên trái: một, nâng ly lên ngang mũi nhưng không uống, mắt ngóng về quầy rượu ngay cửa hình như chờ ai; người kia ngồi chống cằm chăm chăm vào tấm lịch trên tường trước mặt. Hai nam: một ông già ngồi sát lối đi gần nàng nhất đang lấy kiếng khỏi mắt, móc từ túi ra vạt gì đó, lau; cuối góc phải tít bên kia, gần cửa, khuất, một thanh-niên, ngồi quay lưng, tóc xụ; hai hàng ghế hai bên anh ta hình như bị đạp xa thêm để đủ rộng cho anh dựa đầu (anh ta người tầm tầm; nhưng trong dáng mệt-mỏi ngửa-ngớn thì lại như được nhân gấp rưỡi). Nhích về sau, không xa lắm khung kính gần quầy thu ngân, chiếu theo đường cheo chéo so với vị-trí của anh ta, vật gì rất giống một chiếc bao rù rù lên vai ghế, trông xa từa tựa đứa trẻ đang ngủ trên vai mẹ. Khoảng cách giữa chàng ta và nàng dài hơn cả, nhưng dấu năm tháng đóng mộc

lên cái hình-hài mờ-mịt kia hình như cùng nằm trong hạn giới với nàng nên nàng dồn mọi sự chú ý vào đó. Chàng có vẻ đang say: đầu ngửa, chốc chốc lại nhúc-nhích. Nàng cố nhân đôi yếu-tố chủ-quan, tìm cách nhập vào. (thở dài) Một khối nhùn-nhùn lạ-lẫm và lạc-lõng. Nó dắt nàng đến chốn nàng không ngờ mà cũng không dám ngờ. Nó nói với nàng, đó: cái mà cô muốn tìm, tận cùng những bước chân của cô! Nàng đau khổ nén chặt đôi bàn tay lạnh cóng vào bụng. Nàng nghe tiếng sôi của nước, của máu; và sự đồn-dộn vô cớ của cái gì như là một cột chuyển-động. Nàng ớn lạnh; và nóng ran lên. Ồ, sao lúc này nàng mới nghĩ được: sao từ lâu nàng không thoáng ngờ rằng đó không là mụn vật-chất của một sinh-sôi mới mẻ? Những lần bên nhau, cả chàng và nàng đều tính toán rất kỹ. Nhưng có gì bảo-đảm rằng hai đứa không sai sót? Có gì không bảo-đảm rằng sự được thỏa-mãn tuyệt-đối lại không tạo nên kết-quả bất thường, ngoài ý muốn? Ôi, tôi! Ôi, anh! Nàng rút hai tay ra, chà mạnh vào nhau. (cọ-xát với cái-không-là-mình mới thú-vị sao!) Người con trai bỗng vấp cơn mơ. Chàng á á, đứng bật lên, nhìn quanh một vòng. Rồi lại ngồi xuống theo thế cũ. Chàng cử-động như một khối đặc, các động-tác đính chùm vào nhau (y hệt vài lần nàng mắc cỡ bất tắt hết đèn và đóng kín hết cửa). Ánh điện trên trần giữa lối chỉ quét được chút nhúm chổi trắng xám lên tóc. Nhưng trước khi nó đến được tóc thì, chỉ mơ-hồ thôi, nàng nhíu bắt được ánh mắt chàng: hai vệt u-ám tối tăm nhất lại có vẻ gì quen thuộc với mình! Chúng là hai bầu rượu bị đóng nắp, đang sôi, và ấm-ức vì bị bó nghẽn. Mình thấy bất nhẫn cho cái-người-quen-mà-lạ kia. Chàng cũng từng có đôi mắt đó: ngày đầu tiên đi chơi cùng nhau. Anh không nhìn em bằng cách nhìn và cái nhìn nào khác ư? Đây là cái nhìn thật nhất của anh, ít ra là khi anh nói những lời này. Đôi mắt anh khiến em say say và cách nhìn của anh khiến em sợ sợ. Nếu thế thì em đã hiểu. Chưa bao giờ anh biết anh đang sống như hôm nay. Tim anh leng-keng hồi chuông tỏ tình; em nghe chứ? (chàng ấp tay mình lên ngực chàng.) (vỗ trán) Ồ, anh ta giống chàng quá! Tim nàng hình như cũng leng-keng hồi chuông gửi gấm. Anh ta giống chàng lắm trong trạng-thái phật-phờ của tác-động và không-khí ào-ảo chung quanh. Anh ta là bức ảnh chụp, mà vì ánh-sáng không đủ hoặc vì người thợ run tay nên các cạnh nét nhập-nhoàng lem-luốc, lúc chồng vào nhau, lúc tách rời nhau. Nhưng cũng nhờ đó mà anh ta dễ được lầm tưởng với chàng. Trời ơi, xin cứ giữ anh ta trong khúc biển bồng-bềnh như vậy; và chính mình nữa, hãy yên vị trong 4 vòng ôm của huyễn ước. Em; em sẽ dâng-hiến cho anh trong điều-kiện ánh sáng và nhãn-quan phù-phiếm đó! Em đang giàu sụ, cần người

chung hưởng. Trận tình chỉ tuyệt đích khi lúc còn tìm nhau mà cứ như đã gặp. Anh ta phải là chàng. Sao lại có người giống người trong nhoang-nhoáng đến mức? Và chiếc áo khoác mặt trời hừng đông dài thượt theo thân người chàng nữa! Sao nhát cọ ảo-ảnh nơi mình chưa nhúng được vào vại sơn mưa mà hoàn-tất đoạn phù hoa sau rốt?

Mưa là định-mệnh của chàng. Chàng ra đời một đêm mưa, trong một xó nhà thương tỉnh lỵ. Mưa dột từ trên nóc, rỉ vào từ bức tường ngoài tiếp giáp với lưng hẻm trống toang. Nhịp mưa pông-pốc trên mặt nệm nhầu ló ngoài các cọng rơm đen đùi-đũi, nhảy lên những dấu phẩy nhịp tim của đứa hài nhi co-cúm nằm cạnh. Mưa vẽ vụng-về bức tranh giun rết dưới sàn đất trộn cát. Mưa lấn vào phòng. Mưa gom trong nó tất cả tính-chất và đổ chúng trên cuộc đời chàng. Đứa-bé-chàng chưa mở được mắt, vào, trong mưa. Và chàng sẽ nhắm mắt, đi, trong mưa. Biết cảm, chàng đã yêu mưa; dùng nước của nó mà rửa bàn thờ, tôn sùng nó; và sống cũng như chết, cùng ngày, trong nó. Mưa rót lửa cho cuộc sống chàng. Tình yêu chàng lên điểm đỉnh những ngày trời cho mưa. Dưới chàng, mình chảy lênh theo luồng cháy của mưa.

Nhưng đêm nay, chàng không thích mưa. Đó là lời chàng nói với mình. Mình có thể nghe chàng than-thở, anh sẽ chết, chết ngay trên em, chết trong khi sinh-lực đang tháo xổ khỏi anh, chết như một thứ cây héo trong tuyệt cùng tươi tốt chứ không bao giờ dám mơ đến một xác-quyết như vậy. Chết trong ướt-át mưa hoàn toàn khác với chết trong bất cứ cái gì khác. Chết trong mưa là được thăng lên cõi trên, thoát kiếp đời hẩm-hút từng đêm của loài dế bụi. Chàng thật kỳ lạ tối hôm nay. Mọi khi, dầu mình (thường là vờ) không cho, chàng cũng tìm mọi cách để được. Chàng có lối nói lơi mà trói cả tay chân người nghe. Lời chàng tỉnh khô mà làm đẫm ướt hơn cả xối dịch lên người. Ôi chàng! Đã không hiểu, em càng không đánh hơi được anh!

Cô phục-vụ đang thay đĩa nhạc mới. (hình như chỉ mỗi cô vào phiên; mà cũng đúng thôi: mưa, quán vắng hơn chợ chiều.) Mình không là tay sành điệu, nhưng các nốt gõ thánh-thót kia không thể được nghe ra gì khác hơn là những giọt mưa. (bài nhạc khá quen.) Mưa mù trước mắt. Mưa tạt ướt hàng gạch thứ nhất nơi cửa ra vào. Cánh màn bị gió từ các khe thổi dán sát vào tường. Liền ngay sau, tiếng nhạc lẫn vào tiếng mưa. Quán nhỏ lạnh dần lên, lạnh bằng đêm hôm đó, chưa cũ, và hiện giờ, mới tinh. Buổi dạ hội trá hình. Bọn con trai, hầu hết lạ mặt, quần áo dị-hợm và tục-tằn hơn quỷ. Lũ con gái, quen, quen đến biết rõ từng

nốt thăng giảm trên cơ-thể nhau, dâm-đãng sút khỏi chuồng điệu-bộ trung-trinh thường ngày. Con bạn chủ tiệc là đứa lộ đuôi chồn rõ nhất, tuy sau cùng: nó lòn-lẻn đến gần như van nài, mày hãy nhập bọn! Tụi con trai là 'hàng xóm xa' — cái khu thượng-lưu với toàn villa (trắng toát sơn như khu nghĩa-địa!) bên kia đồi mà từ đây vẫn nhìn thấy — của tụi mình. Con nhà giàu, tất nhiên. Ăn chơi giỏi hơn học. Thích tỏ ra galant và mong có người để được galant. Chi trả cho phụ-nữ là một ân-huệ. Tao thèm chiếc robe gấm Thượng-Hải mà chưa đủ tiền mua (ngay công thợ, vét cạn túi cũng chỉ ngót-nghét). Chúng nó chỉ cần được ôm, cọ, lượn vài đường, hôn hít sơ sơ là sẵn sàng trả thù-lao xứng-đáng. Trai thừa, gái thiếu. Mày hãy giúp tao thêm vào một con số bên nữ. Mày là khách quý, tao nhường cho tên xăng-són nhất và cũng hào-phóng

Cực khổ lắm mới thoát khỏi mấy vòng vây. (cái toilette thế mà được việc; nhất là khi nó nằm cuối cửa sau, dẫn tọt ra bãi đậu xe của căn nhà kế bên.) Buồn bực quá, bụng lại đói. Ghé ngay vào chiếc quán gặp đầu tiên. Nghĩ, vào đấy uống một chai nước ngọt, bỏ vài quarters vào lỗ bốc đại một gói chip nào tạm buổi tối. Đêm còn dài. Ngồi nghe nhạc (gì cũng được; chắc vẫn êm-ái chán so với thứ âm động kinh đằng kia), nóng đít rồi gọi taxi về. Tổ ấm cuối tuần sẽ buồn thê-thảm khi con bạn chung phòng đang bám vào góc trời nào đó với thằng bạn của ông anh.

Người chạy bàn bảo không bán nước ngọt. Thì gọi một ly rượu Mễ pha thật loãng. Rượu mềm, rồi hỗn, làm dịu hẳn cơn buồn. Và cơn đói cũng yên (bị hãm nhừ trong nước rượu-và-chanh-và-muối).

Thế mà say. Một ly rượu, nước nhiều hơn rượu, thế mà say. Bấm mãi không được số điện-thoại của hãng taxi. Người hầu định gọi giúp. Cô ở khu nào?... Thôi, không cần nữa. Sorry, wrong number. Chàng trai (từ trời rơi xuống?) trả lời thay trong ống nói. Người chạy bàn mang khay rượu cho khách. Có lẽ cô say rồi. Chút nước nóng là tỉnh thôi. Cô chờ đây. Tôi trở lại ngay. (hai hay ba phút, chàng đi; về; khăn giấy nước bỏng trán. Nhiệt hút hết chất say trong mắt. Mình... nhìn được rồi.) Chàng cười. Màu răng trắng, hất một chút điện quán, hơi ửng cuối môi trên. Cổ áo kéo sát tai. Hai vạt màu đỏ chói đổ dồn xuống giữa xương cổ nơi đó lấp-lánh hạt cải xanh như chiếc kim cài cà-vạt. Chiếc áo thũng-thượt như khói. Màu áo uống ánh đèn rực lên như một đám lửa. Chàng phù-thủy giàu pháp-thuật lả-đà trên nó. Mình bị hóa khói bay theo. Chàng: trẻ lắm, nơi mái tóc chẻ giữa, trên cái màu áo thanh-niên mà không phải ai cũng đẩy tới cùng sở-thích như

chàng; cùng lúc cơn say thứ hai đang làm rất xộc-xệch hai nắp áo vú. Tia mất chàng rây than hồng. Mình như bị nướng chín, vội túm hàng nút lại che. Nhưng cứ khấn thầm, tuột đi, tuột đi tay ơi, cho mắt chàng đậu lên. Tấm áo nhung mà con bạn thèm nhỏ dãi: liệu phủ kín được hai hũm cau nhỏ xíu của nó? (cái của nó sao bì một góc với cái của mình?) Chàng cười, cô thế nào? Tỉnh khá rồi. Nhưng còn xanh quá! Hai tay chăng ngang, chàng cởi áo ngoài, khoác lên vai mình. Nặng; ấm, như được mấy khúc len bọc ngoài. Mình lí nhí cảm ơn, nhưng đồng thời muốn ngăn chàng lại không không không có nó ông sẽ là người khác mất. Tấm áo. Sao bỗng dưng nó là cái gì vượt trên cả chàng? Nó thực đốt cháy chàng như đang đốt cháy mình chưa?

Mưa hay chỉ là màn nước giăng trước mắt? Chiếc áo nhẹ như một đợt sương vừa trụ hình. Một phần rũ trượt qua tóc. Chàng cầm nó giăng cao để che cho mình, nhưng khoảng trống giữa chàng và mình đã đủ cho vài giọt mưa cắn vào được một bên vai. Lạnh! Em ước gì chàng luồn xuyên qua em; chỉ khi nào anh chồng khít lên em thì vạt áo mới ngăn hết được đường xuống của nước mưa. Chàng đậu xe mãi tít bên ranh của cửa hàng cho thuê vidéo. Mưa khá; mặt đường thấp, trũng từng đoạn, và nước ngập từng đoạn. Khi vào xe, hai ống quần mình sũng ướt. Chàng rũ áo, móc sau ghế lái. Máy sưởi mở to nghe như nhơi đá. Xe thể-thao. Ghế lõm, nhìn ra, mặt nhựa dềnh ngang tầm mắt. Mưa tát pháo hoa. Chàng đợi đủ ấm, mở nhạc và lái khỏi lằn đậu.

Tôi nghĩ là cô chưa cần về. Tôi nghĩ là cô muốn hỏi sao tôi không hỏi nhà cô đâu. Bởi câu thứ nhất không cần, nên câu thứ hai hóa thừa. Suốt đêm, ngoài phố, cô và tôi toàn quyền hưởng nhận các cặn đắng lẫn ngọt mà cuộc sống của một ngày tổng-kết xong chưa kịp dọn dẹp. Không ai san bớt của chúng ta. Bấy nhiêu đó đủ khiến mình giàu có, hạnh-phúc. Hạnh-phúc cuối của ngày, cô biết, kết-tủa tinh-hoa của hai mươi bốn giờ sống, dễ đâu ai cũng tìm được?

Mình chưa bao giờ được hưởng trọn cảm-giác của nửa đêm ngoài phố dưới mưa (trong mái xe; tim đang hát thầm bài nhạc cùng tên). Bên cạnh là người chỉ mới biết hơn mười lăm phút trước. Mình chưa quen chàng. Chàng chưa, chỉ đang tìm cách làm quen với mình. Nhưng, có nên tin vào cái gọi là ẩn-cảm: cái cảm-giác bàng-bạc mà đọng lắng, mơ mà thực: cái cảm-giác có thần tính: hai đứa đã quen nhau từ lâu. Mười lăm phút trước là sự nối mối của cả một sợi trình-tự cũ kỹ vì lý-do nào đó bị phạt đứt ngang. Cười, em đang ở, đã về với căn nhà của chúng ta. Rêu phong. Cỏ dại. Các thớ gạch mỏn-mòn. Khí đã mốc. Hơi đã ngà. Nhưng em biết em đã về.

Đêm ấy, mưa suốt. Không đứa nào ngủ. Và không đứa nào buồn hay cần ngủ. Khi gặp lại nhau sau thời-gian lâu xa cách, người ta có cả trăm vạn điều gửi nhau. Những điều chàng kể với mình cũng chính là những điều mình muốn kể với chàng. Đêm không màu. Chỉ một khoảng nhỏ của đêm là có: nó đỏ; và nó phát nóng: chiếc áo khoác của chàng. Trong phòng có ánh-sáng, nó càng hực-hở. Nó dệt bằng hơi. Lớp vải lung-linh như bóng của hỏa pháo. Nó dài quá; khổ người chàng khá cao mà nó liếm sát gót chân. Chàng là cây gậy đang được dí điện hai đầu. Sít hai bên sườn áo lại (bây giờ chàng như một mũi tên), chỉ vào nó, chàng nói, cô có thể tưởng được không: nó là kỷ-vật của một người vô-gia-cư! Ông ta mỗi nửa đêm đến ngủ trước mái hiên nhà chàng. Ông ta đến, vai đeo túi ba-lô lính, trong vỏn-vẹn đụp chăn đắp, vuông bố trải nằm, và chiếc áo gối đầu. Ông không vòi tiền, không hỏi thức ăn thức uống, chỉ xin chàng cho được 'thuê' một góc vừa thân người để đặt chiếc lưng còm xuống nghỉ chờ trời sáng. (sau đó, ông đi đâu, chàng có hỏi, nhưng không được trả lời.) Chàng thức dậy pha cà-phê sữa soạn vào sở thì ông đã dọn sạch nơi nằm, biến dạng. Hết mùa đông. Lúc lũ én bắt đầu líu-ríu lại trên những mô hốc của mái nhà thì vừa mở cửa, chàng đã nhìn thấy ông. Cũng khúc chăn, cuộn vải, và chiếc áo. Ông dẹt, và thật nhẹ, thật thơ-thới. Râu tóc sạch bong. Ông cười, nói, ông sẽ về quê. Quê ông xa lắm, nhưng phương-tiện duy nhất mà ông nhờ cậy vào từ bấy nay vẫn là (ông chỉ xuống) đôi chân 'gà' này. Ông tươi tắn: quê-hương ông sẽ cung-cấp đầy đủ cho ông. Ông sẽ không mang gì theo ngoài lóng thịt da mà cha mẹ đã ban cho ông. Gần thế-kỷ đời, ông 'giàu' thêm. Đi thế nào, ông sẽ về thế ấy. Ông muốn tặng lại chàng chiếc áo. Ông chỉ xuống hàng hiên, nếu cậu ngại thì cứ xem đây như món trả cho việc 'thuê' chỗ ngủ mấy tháng qua. Chiếc áo này (vỗ, âu-yếm), tôi chỉ dùng để gối đầu. Tôi kính trọng nó; do đó tôi chỉ dám tự cho phép đặt chiếc đầu của tôi xuống. Nó còn rất 'sạch.' Cậu có thể mặc, nếu thích. Chỉ cần qua một lần giặt tẩy qua-loa là được.

Áo hai lớp. Lớp nhung trơn đỏ thẫm bên ngoài. Trong, lót tơ xám. Với ông lão, chỉ cần đóng cọc 4 góc là nó biến thành chiếc mùng. Với chàng, nó thay luôn cho chiếc quần dài. (tơ-hơ bên trong cũng chẳng ai biết.) Nó dài hơn cả loại pardessus cổ-kính; không thể xếp loại, nhưng chàng cứ đặt tên nó là blouson. Mùa ấm đã sang. Chiếc áo vẫn được chàng mặc trong mọi sinh-hoạt. Nó theo chàng suốt cả các mùa sau. Bạn bè chế-giễu, phần vì nó ngoại cỡ, phần vì nó 'siêu-thời-gian.' Mọi người gọi, 'chàng-áo-khoác-mùa-đông.'

Màu sắc nói thay cho chàng. Nó không hẩm như kiếp sống của người chủ cũ. Ngay cái màu đỏ kỳ lạ của nó (cứ như thể vừa được vớt khỏi thùng nước nhuộm) đã thuộc chín chàng. Nó thuộc chín cả không-gian chứa đựng chàng. Mình đang nằm trong không-gian đó. Mình bị luộc chín.

Không thể tìm danh từ nào khác. Mình chín rục từ trong ra, từ ngoài vào. Trong hay ngoài, cái mình có không còn là của mình. Nó do chàng, được sơn phết và đổ khuôn vì chàng. Mình không hình-dung được cái gọi là 'đầu tiên' của mình là sự sinh-thành của khoảnh-khắc này dây. Mười lăm phút. Cuộc đời ngắn, mà cũng vô biên từ khoảng thời-gian thoi tơ đó.

Tại sao vừa gặp (chỉ nghe, chứ chưa trả lời) mà mình đã chịu theo chàng? Tại sao chỉ mười lăm phút mà mình đã tống khứ hết tất cả những gì tỉa-tót dành-dụm đánh bóng suốt hai mươi năm? Nó, cái gia-sản con gái kia, còn đáng để mình tự hào? Chàng đến. Và chàng rửa sạch những định-kiến mà gia-đình thu mua như một thứ hồi-môn và trao lại cho mình. Những lần sau, không cần mời, mình vẫn gọi; không cần hỏi, mình vẫn cho. Vừa chưa ráo nguyệt kỳ, lẽ ra phải chờ như chờ nắng hong khô quần áo, mình vẫn liều-lĩnh gần chàng. Một hai lần gì đó, chàng rên, đi tiểu hơi rát. Mình xám mặt, anh cần khám bác sĩ. Chàng cười, bác sĩ nữ, kỳ quá! Phải chi em học y cho anh nhờ.

Mọi sự êm xuôi như hoa và bướm. Trời đất vẫn phô-bày cảnh tình-tự. Mưa nhiều hơn nắng. Với chàng, mưa đáng yêu hơn nắng. Mọi người trong thành-phố cũng thích mưa hơn nắng. Người ta thích mưa vì mưa là cái hiếm quý. Chàng thích mưa vì mưa dính liền với chàng như khúc nhau nối sinh-mệnh bà mẹ và đứa con.

Thế mà hôm nay!

Cô phục-vụ hỏi cô cần gì thêm? (À. Có. Nếu có chỉ là một góc để ngả ngửa.) Thấy mình tần-ngần, cô bỏ đi. Bài nhạc đã dứt. Vẫn còn mưa. Anh chàng trước mặt đang tựa đầu vào vai ghế bỗng đứng chựng lên. Hình như anh ta đang mộng du. Thân hình tuột lên qua kẽ sáng của mắt mình như một khúc cây khô. Mái tóc xẹ một bên tai. Màu xám của khoảng trống nhỏ bé cuộn lấy chàng. Một tí quen quen. Nhưng có lẽ chỉ vì mình đang nhớ chàng. Không ai có thể giống chàng. Ảnh chụp của chàng cũng rất là xa lạ với người mẫu. Ngay chàng, nếu không khoác vào chiếc blouson thì cũng chỉ là một người đàn ông khác. Với nàng, nàng trông thấy chiếc áo trước khi nhận ra chàng. Nó dính chàng như bóng với hình. Chàng bảo, chàng mặc nó 365 ngày đủ. Cần giặt, sáng sớm đã mang ra tiệm, chiều lấy về (giặt gấp, giá gấp đôi). Hơn cả

người-mặc-áo-mùa-đông trong ý-nghĩ châm-chọc của bạn bè, chàng chính là mùa đông trong ý nghĩ và da thịt của mình: một mùa đông tự nhóm lửa củi trong nó.

Chắc chàng không đến đây. Nơi đây là quán rượu. Chàng quá quen với khu phố này. Chàng phải biết nơi đây là quán rượu. Chàng chỉ dụng tới rượu những khi cần tìm 'hứng.' Hôm mình gặp chàng, chàng nói, lần đầu chàng đến, đến để học say và dạy nghề lại cho nhân-vật. Những lần sau, chàng chỉ uống khi ngồi với mình, để 'lấy hứng... và lấy... can-đảm.' Như vậy, chàng đang ở đâu? Cầu mong chàng về với căn phòng của chàng, với hàng phím chữ, trên đó chàng sống những cuộc sống không phải của chàng. (tại sao mình nghĩ chàng phải đến đây? Không phải nhân-vật nào của chàng cũng buộc chàng đến đây! Không phải cứ mỗi lần bị từ-khước là chàng lại đến đây! Người ta vẫn có thể trong ngắn hạn [mong chỉ là thế] thờ-ơ hoặc chia tay với rễ gốc của mình.) Mình nán cho hả bớt hơi rượu rồi sẽ đến tìm chàng. (nếu chàng chưa về, mình sẽ ngồi tựa cửa phòng chàng, ngủ, chờ. Ôi chao, tình-tứ và cảm-động biết mấy!) Theo luật bồi-đắp, sẽ tặng chàng cả vốn lẫn lời.

Anh chàng miên-du duỗi người xuống xếp lại cơn mộng.

Chỗ tôi ngồi không cần bàn, nên tôi không thuộc vào bất cứ ai trong số hơn chục chung quanh. Một chiếc ghế nhỏ đặt ly nước; và tôi thì ngồi trên một khúc gỗ sồi to (do người khác tặng; và tôi tặng lại cho quán). Không góp phần thu nhập cho chủ nên tôi không muốn ai chạm mặt tôi. Tôi đến đây tiêu pha số thời-giờ vô nghĩa. Ly rượu xoàng cả màu lẫn vị mà tay quản-lý (trước làm chung hãng) thân-thiết và thương tình pha 'riêng' cho tôi dầu sao cũng khiến tôi cảm thấy đỡ bị bỏ rơi (ít nhất thì chủ-đích của ông là như vậy). Nhưng, trong xó xỉnh đầy mùi gián và mùi thiu do thức ăn rơi vãi và của sự ẩm thấp này, như một trò giải-trí không mất tiền, tôi quan-sát mọi người. Tôi không muốn gì khác. Càng không định tâm câu một con cá mà trước nó, lưỡi câu tôi đã bị nhụt ngay từ tia nhìn thứ nhất. Tôi la-đà; dầu đa số trường-hợp là do bị xui khiến (vì bạn, vì rượu...), nhưng không đổ tội cho ai và cái gì. Tôi cố làm lại, cố trở lại là tôi ngày đầu tiên tôi đến đây tuy rằng cái tôi đó cũng chẳng hề ngon miệng. Thua trong kỳ phỏng-vấn, đương nhiên chẳng vui. Nhưng tôi không còn gì để mất. Chỉ là chưa được, thế thôi. Cuộc sống tiếp tục; và tôi, còn khá trẻ để không tiếp tục như nó dầu chỉ ngay buổi sáng mai, chưa rời giường, móng vuốt của nó đã nhồn-nhột trên da. Tôi có đủ đức-tính để bất cứ người con gái nào cũng hài lòng:

chân-chất, rất ít phen chè rượu. Món đàn bà càng là món 'ngoài hành-tinh.' Chỉ tội, thất nghiệp dài dài. Nhưng, thật tình thì, một tháng lương cũng đủ cho tôi sống dè-sẻn được 2 tháng. (tạ ơn người bạn đã chiết không cho vạt gác xép.)

Ly rượu bạc thếch (đá nhiều hơn rượu) mà cô chiêu-đãi mang đến với nụ cười thương hại không là cớ để bảo rằng tôi tuột dốc (đạo-đức). Tôi đã bao lần cố trèo lên; và dốc (đời) dù hình như mỗi lúc mỗi cao, vẫn là cái dốc mà tôi đã làm quen. Chỉ cần bỏ thêm vài muỗng cố gắng. (tôi lây thói quen đong lường của chàng pha rượu.)

Thất nghiệp dài dài cũng có cái hay. Tôi ngồi đây mà không cần thắc-mắc giờ về. Có thể chờ quán đóng cửa, phụ tay dọn dẹp dăm ba thứ để tự an-ủi mình đã trả cho ly giải-khát (chàng quản-lý rất nhân-ái, nhưng mình không nỡ dồn anh vào thế bí, nên chỉ xin chút rượu cho khỏi bị gọi là nước lã). Nhờ vậy mà tôi thu gọn vào mắt hoạt-cảnh (đúng hơn là 'tĩnh'-cảnh) không lấy gì nhộn-nhịp trong quán.

Khi tôi vào thì anh ta đã ngồi đó. Chừng đang say, và mong là anh ta đang ngủ (chỉ giấc ngủ mới là cách giã rượu hay nhất), tuy rất thỉnh-thoảng anh ta hơi cựa mình và (có thể) ú-ớ. Chàng trai thật tội! Con người anh ta là một khối không màu. Tự nó vốn đã chìm trong vu-vơ vây tỏa. Những cử-động bâng-quơ của chàng, những cựa quậy vùng-vẫy tai-hại của kẻ chết đuối càng có tác-dụng dìm chàng xuống sâu hơn khối không màu bốn cạnh bốn bên. Chàng không mang gì theo với chàng (mình mong tìm một chiếc áo đi mưa; ôi chao, thời-tiết lao-lung thế này!). Đúng là chàng muốn mang thân còm (không hơn mình đâu) ra chống trời! Có thể anh đang vướng vào hoàn-cảnh bê-bết, như, có thể hơn, mình. Đồng bệnh tương lân. Định bụng, chờ lúc chàng tỉnh, hoặc trước khi mình về, sẽ ghé làm quen.

Cô ta vào quán ngay khi tia chớp vọt lên đầu mái nhà bên kia. Nhờ làn sáng tạt này mà mình nhìn khá rõ: chiếc váy phồng (cổ-điển mà lại hợp người) như nấp lồng không che được cho chính nó, mà còn làm ướt cả hai cánh chân. Cô không mang áo tơi hoặc thứ gì khác cùng công-dụng. Trần. Tóc chải mưa, và hai chân làm hai đuôi chèo (lại thêm một kẻ chống trời!). Nước rũ ròng theo hai tay thả lỏng. Nước đọng thành vũng dưới sàn. Cô ta như cô gái thủy thần bị lụt, trồi lên; và trợt ngã!

Cô ta uống. Rượu một, và nước mười. Cô phục-vụ, tội nghiệp, cô như nữ sinh bỏ nhà bụi đời. Tiếc là không tìm được cho cô lon nước ngọt nào. Đành chọn thứ rượu nhẹ nhất, pha thêm soda và nước lạnh.

Vắt tí chanh cho đỡ nồng, thêm tí muối để làm lạc hướng vị-giác. Loại thức uống cần viết thêm vào menu dành cho những khách hàng như cô. Cô kích, anh thương thì ra tay tế độ. Con nhà, rơi vào bọn du-thử du-thực thật đáng tiếc! Cô say. Cô ta làm vãi nước ra bàn. Cô tiếp-viên phải lau dọn và pha cho ly chanh đường nóng. Cô hỏi nếu cần về thì cô gọi xe cho. Cô nhũn nhừ, lát nữa. Chưa vội. Đêm còn dài mà! Giọng đầy nước bọt, nghe thật đáng đánh đòn. (thứ này chỉ nên dành cho bọn chim mồi.)

Mình lục túi. Còn đúng 5 đồng kẽm. Không đủ trả tiền ly nước của cô. Nếu gọi xe, thua! Mình tự dưng muốn làm điều gì đó thật tốt, thật vô tâm cho cô gái không quen. Hai tháng nay, mình thất nghiệp 50%. Lão phó quản-đốc hứa lần hứa lựa mãi vẫn không nhỏ xuống thêm cho giờ khổ nào trên bảng phân công mỗi cuối tuần. Lão thở dài (cứ như thật): đơn đặt hàng giảm: đương nhiên giờ làm của nhóm cũng phải giật xuống. Mình thừa biết, không luồn lót là khó hy-vọng. Bọn nó móc nối một cây. Chúng vào sau mình cả năm, nhưng nhánh nhóc rễ thân chùm dụp mọi phân xưởng. Tay nghề ngang hơn cua, thoắt cái đã nhảy lên chức trưởng. Nhưng mình còn gì để đút? Đút hai bữa ăn vào mỗi chiếc mồm không lấy chi khó tính như mình cũng đã sờn cả da tay! Mỗi tháng rẻ lắm cũng vài ba cái phiếu nợ. Những con số giết người. Sao chúng nó không dọn nhà lên các tờ lương bổng của mình mà nằm; yên ấm và gây phúc đức bao nhiêu!

Thôi hãy tự lo cho thân mình đã. Sáng tinh mơ, lại lom-com lái 40 phút hắt-hiu đến chỗ làm. Sắp sang ngày mới. Cuối năm, đêm dài, càng khổ cho kẻ thiếu-thốn! Giấc ngủ (nếu đến) chỉ bón cho mình chút sức mà đứng máy 4 tiếng đầu tiên của ngày mai (4 tiếng sau, không hiểu tại sao mình còn lấy tấn được mà không ngã chui đầu vào vòng quay thép nhớt kia cho rảnh?). Dầu trời mưa cũng cần ghé trạm cho xe uống ghi sổ tạm một ngày xăng.

Cô bé mặt đỏ. Ánh đèn xanh xao từ trên hộc hắt xuống vẫn không gột bớt sốt trên da mặt cô ta. Không hiểu cô phục-vụ đùa hay thực. Một rượu, mười nước? Chẳng lẽ cái thứ nhạt hơn bia loãng kia lại phết màu của nó trên cô ta lâu đến vậy? Chào cô em. Tôi không thể là cây gậy chống cho cô. Thân tôi, tôi bước còn xiên xẹo nữa là. Cô nhớ gọi xe cho cô em nhé! Tôi về đây.

Anh ta có nét giống chàng. Ít ra là cũng trạc tuổi. Áo anh ta cũng đỏ. Với không-khí nhờm-nhợp trong này (chiếc thau nước lợ đổ vào bể

sơn) thật khó xác-định mức độ cao thấp của cũng một màu. Tiếc là màu đỏ kia lại nằm trên áo trong. Giá anh ta có cái áo khoác ngoài cùng màu như vậy thì... mình sẽ theo anh ta vô điều-kiện. Trong mưa, chín sẽ biến thành mười. Trong đêm đầm-đìa, các thứ khó tiêu dễ hòa-tan vào nhau; chất rút tỉa sẽ được xem như cái mình đang nghĩ, đang muốn. Chàng đang ở đâu? Đã no giấc; chiếc áo thụng đỏ chói trải dài theo thân người? (ngủ một mình hay có mình ngủ chung, vị-trí của nó vẫn không thay đổi, đến, dù như đòn, mình vẫn tự hờn dỗi, chàng có thể bảo mình xuống sàn trải nệm mà nằm để dành chỗ cho nó!) Nó, hơn cả người tình, là vật khắng-khít đến như thiêng-liêng với chàng. Về ông lão vô gia-cư, chàng chỉ kể với mình bằng ấy. Nó như chuyện thần-thoại (giả sử nó hóa phép trước chàng mâm cơm, ly rượu hoặc giúp chàng bay được thì đích thị). Cuộc sống buồn tênh; các thứ thần-thoại hoặc giả-thần-thoại là liều thuốc vỗ an không đến nỗi gây phản-ứng phụ.

Anh ơi, cho em theo với! Bụng mình ọt sôi. Có lẽ cần vào nhà vệ-sinh (nếu theo anh ta, mà lỡ nhà quá xa, không nhín được?). Đêm nay (đặc biệt đêm nay thôi), màu đỏ của áo, của bất cứ anh chàng nào, sẽ được mình mua bằng giá với màu đỏ áo của chàng.

Anh đưa tay vẫy khi bước ngang chỗ mình ngồi. Ơ, anh không nghe em gọi? Anh cúi xuống. Như tán dù đỡ mưa. Ấm rang: anh mở lòng tay mình; rồi cảm-giác lạnh tê: tiếng lắc-cắc của kim-khí; và sức nặng. Bàn tay được anh khép lại. Mình mở: màu thiếc đùng-đục của vài ba hình tròn to cỡ đồng xu. Anh bước về hướng cửa. Mình khẽ chồm, phất mạnh: mấy đồng kẽm vù nhanh hơn mấy cánh ong. Một trong chúng đánh trúng ót anh. Anh ta 'ái' khẽ, và quay lại. Cho tôi theo. Chờ tôi! Âm-thanh cuối cùng lọt tung qua khe cửa hở: một người khách vừa vào.

Anh mỉm cười. Màu đỏ áo rực lửa. Nó thôi đầy cả máng đèn có chữ 'exit' bên trên. Chiếc áo bỗng lộn nhanh một vòng. Nó dài theo tia mắt mình đang từ trên tóc anh ta chạy xuống. Màu đỏ lấn ra bên ngoài, để lại luồng xám chạy ngược vào trong. Chiếc áo thụng. Dài như những giọt nước ròng-rỏng hai bên tay áo. Nước vắt thành nguồn. Đêm thứ nhất chàng đưa mình về. Hôm nay chàng sẽ đưa mình thăm lại.

Thật hết sức lúng-túng trước một con người, một cô gái, một cô gái đẹp! Tên vô-lại vô-lương nhất cũng khó thể lạnh lùng trước một sinh-vật thánh-thiện như vậy. Cô không hơn đứa con nít. Cô trưng trước tôi một hoàn-cảnh. Nó, đứng đó, điềm-nhiên, vì biết sẽ được chú ý. Nó bắt

mình phải soi. Tấm gương thật khó nỗi nhìn vào. Giá mình có dụng ý thì dễ xử trí biết mấy. Thế đấy. Sự không thèm muốn, không tham-lam không phải lúc nào cũng đáng mong ước. Mình không nghe nhu-cầu trao đổi (nếu có, cũng không với đối-tượng như cô). Cuộc sống vật-chất (cái thuần vật-chất, chán ngán) đã triệt dần các nhu-cầu tâm-linh khác. Mình có thể tự đồng-hóa với một cổ máy mà không thấy chút gì bị chạm tự ái hay giảm danh-dự.

Để rồi, đêm nay hình như mình có một trái tim. Cô bé là vị thần y đã mang nó đặt lại trong lồng ngực mình. Và máu: một phần là máu của chính mình; còn lại, máu của cô. Mình sẽ nuôi dưỡng và cho nó lưu-thông trong cùng một nguồn. Mình sẽ 'tháp' luồng, tựa như vẫn, với cây cảnh (cái mà mình duy nhất tinh thông).

Tôi sẽ nhận em. Ngày mai, khi em còn say ngủ, tôi sẽ lên đường làm một cuộc săn tìm khác. Tôi sẽ mang hình-ảnh của em theo. (nó sẽ như lá bùa hộ mạng, giúp tôi may-mắn.) Cuộc sống bỗng dãn xa và thân-thiết quá đỗi! Khi về, nếu em còn chờ, tôi sẽ dắt em xuống phố tìm mua (ghi nợ) chiếc bánh sinh-nhật (của đêm). Nhưng tôi mong em sẽ đi, sẽ về với, và sẽ tìm được chàng hiệp-sĩ của em. Đêm tự nó rất hiền lành; và chỉ dễ sợ khi bị con người so-sánh với cái gọi là ngày.

Nguyễn-Hòa-Trước
01.01.04

Tác phẩm mới của nhà văn *Ngô Thế Vinh*

the green belt

nguyên bản Việt ngữ
Vòng Đai Xanh
tiểu thuyết

bản Anh ngữ của Nha Trang & William L. Pensinger
Ivy House Publishing Group xuất bản.

Sách dày 240 trang. Bìa cứng. Giá 23.95 Mỹ kim

Tin văn

Thế Quân

* *Cái chết của Saint-Exupéry*
* *"Cô bé lọ lem" trong văn học Trung Quốc*
* *Vladimir Nabokov đạo văn?*

*** Cái chết của Saint-Exupéry**

"Người lớn chẳng bao giờ hiểu cái gì về chính họ và quả thật là phiền hà cho trẻ con cứ phải tìm cách giải thích điều này điều nọ cho họ"
(Saint-Exupéry, trong *"Hoàng tử bé"*)

Sáu mươi năm sau chuyến bay bi thảm đã mang Antoine de Saint-Exupéry, nhà văn được yêu mến nhất nước Pháp, vào cõi vĩnh hằng, hôm 7/4/2004, chính phủ Pháp đã chính thức thừa nhận rằng họ đã xác định được xác chiếc máy bay mà ông lái vào cái ngày định mệnh: 31/7/1944

Hôm đó, lúc 8 giờ 45 sáng, Saint-Exupéry cất cánh từ phi trường Borgo, thuộc đảo Corse, trong một ngày đẹp trời. Đó là một sứ mạng bí mật nhằm thu thập những thông tin về các chuyển động quân của Đức trong vùng thung lũng Rhone miền Nam nước Pháp. Màn ảnh ra-đa theo dõi chuyến bay cho đến khi nó vượt qua bờ biển nước Pháp vào lúc 9 giờ 30 sáng. Theo kế hoạch, ông sẽ trở về căn cứ vào lúc 12 giờ 30. Nhưng chiếc máy bay không bao giờ trở lại. Vào lúc 3 giờ 30 cùng ngày, người ta loan báo ông mất tích. Tháng 4/1945, tang lễ được chính thức cử hành. Lúc đó, nhà văn 43 tuổi. Người Pháp thương tiếc. Những người yêu văn chương trên thế giới thương tiếc. Không ai biết vì sao chiếc may bay mất tích. Từ đó đến nay, cái chết của nhà văn vẫn còn là

một bí mật.

Tại sao máy bay rơi? Bị quân Đức bắn? Máy móc bị hỏng hóc? Hay đây là một vụ tự sát ngoạn mục được trù liệu trước của chính tác giả? Không có lời giải đáp cho những câu hỏi như thế được đặt ra từ những người quan tâm đến nhà văn.

Sau chiến tranh, qua nhiều nỗ lực, xác của nhiều máy bay đồng minh, kể cả mấy chục chiếc Lightning P-38 (loại máy bay Saint-Exupéry lái hôm đó) đã được tìm thấy dọc theo bờ biển nước Pháp thuộc khu vực mà người ta nghi là chiếc máy bay rơi, nhưng không có chiếc nào được xác nhận là của Saint-Exupéry. Sau đó, chính gia đình và bạn bè của tác giả tìm cách ngăn chận sự tìm kiếm tiếp tục, điều có vẻ trái với lẽ thường. Lý do? Cái chết bí ẩn của ông đã khiến ông trở thành hoàng tử trong "Hoàng Tử Bé", một nhân vật truyền kỳ, vốn được xem như anh hùng dân tộc Pháp. Tìm ra chiếc máy bay - và do đó, xác định được lý do của tai nạn, nhất là giả thuyết nhà văn của chúng ta đã tự sát bằng cách đâm máy bay xuống biển vì tuyệt vọng được chứng minh - sẽ làm yếu đi huyền thoại Saint-Exupéry. Mọi người, kể cả chính phủ Pháp, dường như muốn duy trì mãi huyền thoại đó. Vì nó giúp vinh danh không những tác giả mà còn gián tiếp vinh danh nước Pháp: một khuôn mặt văn hóa vĩ đại đã hy sinh cho nước Pháp thời đệ nhị thế chiến, điều rất cần để nước Pháp phần nào xóa tan đi cái nhục đã bị thất trận và bị chiếm đóng.

Dẫu vậy, người ta vẫn tiến hành công việc tìm kiếm xác chiếc máy bay. Mãi đến năm 1998, một người chài lưới Marseilles tên là Jean-Claude Bianco tình cờ vớt được một chiếc thẻ bài bạc mắc vào lưới. Chiếc thẻ bài có khắc tên Saint-Exupéry, tên vợ ông Consuelo và Teynal & Hitchcock, New York là tên nhà xuất bản lần đầu tiên xuất bản tác phẩm "Le petit prince" năm 1943. Thay vì xem đó là một khám phá đầy ý nghĩa trong việc tìm lời giải đáp về cái chết của nhà văn, thì nó lại dấy lên một cuộc tranh cãi mới về tính xác thực của nó, đồng thời về những giả thuyết xoay quanh cái chết của nhà văn giữa những người bênh và chống cuộc tìm kiếm. Khám phá này đã dẫn đến những tìm kiếm khác tại vùng biển đã tìm thấy tấm thẻ bài do những tay thợ lặn chuyên nghiệp, trong đó, đặc biệt có Luc Vanrell. Quả là không uổng công của người thợ lặn nhiệt tình này! Năm 2000, ông tìm thấy chiếc Lightning lẫn với một chiếc máy bay khác của Đức Quốc Xã loại Messerschmitt, nằm sâu 80 mét dưới mặt biển, gần phía nam thành phố Marseilles. Hai năm sau, ông tìm thấy một mảnh kim loại có con số 2734L mà sau các thử nghiệm chuyên môn, hóa ra là một phần

của động cơ của Lockheed Lightning P-38. Phấn khởi với kết quả, mùa thu năm 2003, Vanrell vận động tích cực và được chính phủ Pháp cho phép tiếp tục tìm kiếm. Ông tìm thêm hơn hai chục mảnh vụn khác nữa. Tất cả đều được xác định đúng là thuộc loại Lightning P-38.

Nhận thấy không thể đứng ngoài, cuối cùng, chính phủ Pháp phải nhúng tay. Đầu tháng 3 năm nay, dưới sự bảo trợ của Bộ Văn Hóa Pháp, một đội tìm kiếm chuyên nghiệp dưới sự hướng dẫn của Patrick Grandjean, một nhà khảo cổ học về biển thuộc Bộ Văn Hoá Pháp, tiến hành cuộc tìm kiếm quy mô, diễn ra trên một vùng biển dài một cây số và rộng 400 mét. Họ đã tìm thấy và xác định được nhiều mảnh vụn thuộc phần động cơ máy bay kéo ra được từ xác chiếc Lockheed Lightning P38, đúng nơi mà tay thợ lặn Luc Vanrell khám phá ra. Những nhà chuyên môn đã xác định tất cả đều thuộc về chiếc máy bay mà nhà văn đã lái 60 năm trước đây. "Đây quả là một khám phá vĩ đại", đại úy Frédéric Solano phát biểu. Trên vỏ bọc động cơ, người ta tìm thấy con số hiệu của máy bay: 2734 L. Đó là những con số được hãng chế tạo khắc bằng tay. Một phát ngôn viên của bộ Văn hóa cho biết "Những con số này phù hợp với con số chế tạo của nhà máy khi người chế tạo đính vào máy bay lúc nó bắt đầu được ráp". Đối chiếu những dữ kiện có được với không lực Hoa Kỳ, người ta tìm thấy con số đăng ký quân sự 42-68223 là thuộc về chiếc máy bay đã được Saint-Exupéry lái. "Nước mắt tôi trào ra khi tôi nhìn thấy con số", Pierre Becker, giám đốc xí nghiệp xây dựng dưới nước Comex, phát biểu.

Tất cả những mảnh vụn được tách ra từng phần riêng biệt và chùi rửa sạch sẽ, do Comex đảm trách. Những nghiên cứu cẩn thận cho thấy máy bay rơi hoàn toàn thẳng đứng với tốc độ rất nhanh khi đâm xuống nước. Người ta không tìm thấy một dấu vết đạn nào, và cũng không có bằng chứng cho thấy có hỏng hóc máy móc. "Chúng ta không biết tại sao. Có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ biết", đó là kết luận của Patrick Granjean. Hai mảnh được xác định của máy bay, gồm một vỏ máy và một phần của hệ thống bánh xe hạ cánh của máy bay, được mang ra trưng bày tại một buổi lễ tổ chức vào ngày 8/4/04 trước sự hiện diện của thân nhân xa gần của nhà văn.

Nói thì nói thế nhưng, câu hỏi vẫn dai dẳng đeo đẳng mọi người: tại sao máy bay rơi?

Được biết, lúc đầu khi ông yêu cầu được lái chuyến máy bay định mệnh đó, bộ chỉ huy đã từ chối. Nhưng ông nằn nì mãi và cuối cùng được phép bay 5 chuyến cho đơn vị Trinh Sát thứ 33 (33 rd Reconnaissance Group) là một đơn vị gồm toàn những phi công Pháp bay trên các

máy bay Hoa Kỳ.

Saint-Exupéry là một người rất yêu lái máy bay, nhưng không phải là một phi công giỏi. Là một người mơ mộng và đãng trí, ông đã nhiều lần bị tai nạn, trong đó sự bất cẩn là nguyên nhân chính. Ông nhìn những cuộc phiêu lưu với đôi mắt của một nhà thơ và quan điểm của ông về thế giới nhiễm đầy chất trẻ con. Về thể chất, ông to lớn quá cỡ, nặng cân, không thích hợp với kích cỡ của phòng lái loại Lightning. Lại không rành chức năng và cơ phận của nó. Ông thường lẫn lộn đơn vị đo lường của hai hệ thống khác nhau: feet và mét. Vả lại, lúc đó, ông đã 43 tuổi, cái tuổi quá quy định cho những chuyến bay như thế. Sức khỏe của ông cũng không được tốt và có triệu chứng của một trạng thái tâm lý bất thường: sự tuyệt vọng. Tất cả những yếu tố trên góp phần quan trọng gây ra tai nạn. Đồng thời, chúng cũng là những lý do khiến giả thiết "tự tử" càng thêm thuyết phục. Chưa kể là, theo lời kể của nhiều người quen, dường như ông đã tiên tri về cái chết của mình khi phát biểu trước đó rằng ông sẽ "kết liễu cuộc đời mình trong khi bay qua Địa Trung Hải".

Saint-Exupéry sinh năm 1900 ở Lyons trong một gia đình vốn đã từng là quý tộc địa phương. Cha là một nhân viên bảo hiểm, chết vì đột quỵ vào năm 1904, khi ông còn trẻ. Mẹ ông, một phụ nữ tài hoa, mang con về Le Mans vào năm 1909. Saint-Exupéry trải qua thời thơ ấu sống giữa nhiều bà con họ hàng. Ông theo học trường dòng và rồi sang Thụy Điển, học nội trú trong một trường Công giáo. Sau khi thi hỏng lớp dự bị đại học, ông vào trường Mỹ Nghệ (beaux-Arts) để học ngành kiến trúc. Bước ngoặc quan trọng trong đời ông diễn ra vào năm 1921 khi ông thi hành quân dịch và được gửi đi Strasbourg để huấn luyện trở thành phi công. Tháng 7/1921, ông một mình bay chuyến bay đầu tiên. Năm sau, ông tốt nghiệp bằng phi công và được đề nghị chuyển về không quân. Nhưng gia đình hôn thê ông chống đối và do đó, ông rời quân đội, lên Paris định cư, kiếm một việc làm văn phòng và bắt đầu viết. Những năm tháng đầu đời không may mắn. Cuộc hôn nhân tan vỡ. Việc làm không ổn định. Ông phải đổi nhiều nghề khác nhau, khi thì giữ sách khi thì chạy mánh bán xe hơi. Truyện đầu tiên của ông "L'aviateur" in ở tạp chí văn học "Le Navire d'argent" vào năm 1926. Sau đó, ông kiếm được một chân lái máy bay chuyên chở thư tín thương mại cho công ty hàng không Aéropostale. Ông chuyển thư trên vùng Bắc Phi trong vòng 3 năm, thoát chết nhiều lần. Năm 1928, được bổ nhiệm làm giám đốc phi trường Rio de Oro, sa mạc Sahara. Nhà ông ở là một chiếc lều nhỏ bằng gỗ và giường là một lớp nệm rơm mỏng.

Trong hoàn cảnh sống cô độc đó, ông buộc phải tập yêu thích sa mạc. Người ta không ngạc nhiên khi thấy khung cảnh sa mạc về sau này đã là nền cho những truyện hay nhất của ông, trong đó có "Le petit prince" và "La citadelle" (1948). Trong thời gian này, ông viết truyện dài đầu tiên, Courrier-Sud (1929), truyện sau được quây thành phim năm 1936. Truyện diễn tả sự can đảm của những phi công giai đoạn sơ khai của ngành hàng không thế giới. Đối với Saint-Exupéry, bay không chỉ là lái một chiếc máy bay, mà còn là thời gian để suy tưởng và hồi tưởng. Trong khi ở trên không, ông suy gẫm về sự cô đơn, tình bạn, ý nghĩa của cuộc đời, thân phận con người và tự do.

Năm 1929, ông chuyển về ở Nam Mỹ, nơi ông được bổ nhiệm làm giám đốc công ty Aeroposta Argentina. Ông bay chuyển thư qua rặng núi Andes. Kinh nghiệm này khiến ông viết truyện dài thứ hai, "Vol de Nuit", trở thành nổi tiếng quốc tế, đoạt giải văn chương Femina, được đưa lên màn ảnh với Clark Gable và Lionel Barrymore đóng vai chính. Trong câu chuyện, nhân vật Rivière, trưởng phi trường ngoan cường, nhất quyết không chịu về hưu và xem công việc đang làm như gắn liền với số phận của mình. Năm 1931, ông cưới Consuelo Gómez Carillo, một một góa phụ người Á Căn Đình yêu văn chương. Nhưng cuộc hôn nhân không êm ấm vì ông chẳng có nhiều thì giờ sống với gia đình và cũng do ông có nhiều tình nhân. Diễn tả về ông trong "Mémoires de la rose" sau này, bà viết "Ông chẳng hề giống ai khác mà là như một đứa bé hay một thiên thần rơi xuống trần gian từ trời cao".

Sau khi công ty hàng không ở Argentina đóng cửa, ông nhận chuyển thư giữa Casablanca và Port-Etienne và sau đó trở thành phi công trắc nghiệm cho hãng Air France và nhiều công ty hàng không khác. Ông yêu thích cuộc sống phiêu lưu, du lịch đó đây. Năm 1935, bị tai nạn máy bay ở Bắc Phi, ông đi bộ suốt nhiều ngày trong sa mạc trước khi được một đoàn lữ hành cứu. Năm 1937, ông bị một tai nạn khác ở Guatemala, lần này bị thương nặng, phải nằm viện lâu ngày. Trong thời gian dưỡng bệnh, được sự khuyến khích của nhà văn André Gide, ông viết về kinh nghiệm nghề nghiệp của mình. Tác phẩm "Terre des hommes" ra đời năm 1939, có tiếng vang lớn. Tấn phẩm đoạt hai giải, một là giải tiểu thuyết của Viện Hàn Lâm Pháp, "Grand Prix du Roman" và giải văn chương quốc gia Hoa Kỳ, "National Book Award".

Trong thời Đệ Nhị Thế Chiến, Saint-Exupéry gia nhập quân đội và mặc dầu ông không đủ điều kiện để bay các chuyến bay quân sự do nhiều lần bị thương, nhưng ông vẫn xin phép được bay và thực hiện nhiều chuyến bay táo bạo trên đất địch, được thưởng huy chương cao

quý nhất, "Croix de Guerre". Khi Pháp bại trận và bị Đức chiếm đóng, ông trốn thoát sang Hoa Kỳ. Năm 1942, "Pilote de guerre" xuất bản ở New York, diễn tả những chuyến bay vô vọng của ông trên phòng tuyến kẻ thù khi nước Pháp bị đánh bại. Cuốn sách bị cấm lưu hành ở Pháp dưới sự chiếm đóng. Cũng năm đó, khi quân đội Hoa Kỳ đổ bộ lên vùng Bắc Phi, ông quyết định gia nhập quân đội Hoa Kỳ với nhiệm vụ của một phi công. Sau một lần hạ cánh không an toàn, viên sĩ quan chỉ huy quyết định không cho ông tiếp tục bay vì đã quá tuổi quy định, nhưng rồi sau đó, thay đổi quyết định, cho ông tiếp tục phục vụ trong đơn vị. Năm 1943, ông cho xuất bản "Le petit prince". Tác phẩm kèm theo những hình minh họa do chính ông vẽ, viết bằng Anh văn - và chỉ được chuyển sang Pháp văn trong ấn bản xuất bản vào năm 1946 - được dịch ra 100 ngôn ngữ, kể về kinh nghiệm độc đáo của một chú bé du hành xuyên qua vũ trụ. Cho đến nay, tác phẩm vẫn còn là một trong những tác phẩm trẻ con phổ thông nhất trên thế giới dành cho người lớn. Trong một thời gian dài sau đó, tác phẩm được xem là bán chạy nhất trên thế giới chỉ sau có Thánh Kinh và Tư bản luận của Karl Marx.

Saint-Exupéry được người Pháp xem là biểu tượng quốc gia của họ. Ông là nhà văn duy nhất của thế kỷ 20 có hình và những bức tranh minh họa mà ông vẽ trong "Le petit prince" được in trên đồng quan Pháp cho đến khi được thay thế bởi đồng Euro. Không những thế, năm 2000, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh, tên của ông được đặt cho phi trường Lyon và nhiều đường phố cũng như trường học và một số cơ sở công cộng khác. Điều đó cho thấy người Pháp mang ông vượt hẳn lên trên những tên tuổi văn chương ngoại hạng như Jean-Paul Sartre, Camus, Malraux, Mauriac, vân vân. Mới đây, cùng thời gian đang diễn ra cuộc tìm kiếm những di vật thuộc chiếc máy bay mà ông lái, người ta phát hành một tác phẩm lộng lẫy đầy những tranh ảnh minh họa về cuộc đời của nhà văn do Nathalie des Vallières, người cháu gái kêu ông bằng ông, biên soạn. Sách là một sưu tập những bài tập làm văn thời thơ ấu của nhà văn cùng với nhiều điều lĩnh kỉnh, vụn vặt khác. Sách bán rất chạy. Điều đó cho thấy tình cảm mà người Pháp dành cho ông vẫn nồng nàn, cho dù cái chết của ông thực sự xuất phát từ nguyên nhân nào.

Tại sao Saint-Exupéry được yêu mến như thế, nhất là đối với người Pháp? Trong một bài báo có tựa đề "From the Murky Depths, fathoming the lasting appeal of Saint-Exupéry and "The Little Prince" in trong tập san "Leisure & Arts", số đề ngày 15/4/2004 (Hoa Kỳ), tác giả Ben-

jamin Ivry cho rằng sở dĩ nhà văn được yêu mến vì ông mang tính cách như Hemingway (Hemingwayesque identity), tính cách của một người ưa hành động. Ông cam đảm, yêu nghề, đầy nghị lực, sẵn sàng thực hiện những hành vi táo bạo không lùi bước. Hình ảnh của ông, trong đời thực cũng như trong truyện, nhắc nhở người Pháp về những ngày tháng anh hùng thời Đệ Nhất Thế Chiến, điều mà họ không làm được vào thời Đệ Nhị Thế Chiến. Ngoài ra, một số tư tưởng của ông, tuy không có gì sâu sắc, nhưng đơn giản và thực tiễn, dễ thực hiện trong đời sống. Người Pháp rất thích thú với những nhận xét đại loại như "Yêu không phải là nhìn nhau nhưng là cùng nhìn về một hướng", hay "Trong khi cho, người ta bắt một nhịp cầu qua hố ngăn cách của sự cô đơn", hay "Tình bạn phát sinh từ sự đồng nhất của những mục đích tinh thần – từ cuộc du hành chung hướng đến một ngôi sao" của nhà văn. Những tư tưởng ngắn gọn của ông được chọn lọc đưa vào trong một tác phẩm mới xuất bản có tựa đề "A Guide for Grown-ups: Essential Wisdom from the Collected Works of Antoine de Sant-Exupery" của Anna Burgard.

Thực ra, bài viết của Ivry mang tích cách châm biếm, giễu cợt - vừa đối với nhà văn vừa đối với người Pháp. Tác giả bài viết ngắn này cho rằng Saint-Exupery chẳng khôn ngoan tí nào khi công khai diễn tả sự ghét cay ghét đắng đối với tướng Charles de Gaulle. Ông chê văn của Saint-Exupery thiếu hẳn chất khôi hài kiểu Pháp (Gallic virtues of irony) và không mấy trong sáng (clarity of prose). Đó là một thứ văn phong hoa mỹ vô bổ. Ấy thế mà không thấy người Pháp nào lên tiếng bình phẩm, trái lại thích thú với những tư tưởng tầm thường như đã kể trên. Danh tiếng của nhà văn, theo ông, chỉ dựa trên những tư tưởng mơ hồ cũng như nhiều phần trong cuộc đời của ông vẫn còn nằm trong sự mơ hồ vậy. Kể cả vụ tai nạn máy bay!

Bá nhân bá tánh, xin miễn bình phẩm.

Chỉ xin thắp một nén hương lòng, tưởng niệm nhà văn Saint-Exupery, người đã mang cho tôi – và có lẽ rất, rất nhiều người cùng thế hệ – những suy gẫm mênh mang về cuộc đời và con người mỗi lần đọc lại "Le petit prince".

*** "Cô bé lọ lem" trong văn học Trung Quốc**

Như đã đề cập trong Tin Văn, Văn Học số tháng 3/2003, đó là một cô gái vừa bước vào tuổi dậy thì ở vùng tây-bắc Trung Quốc, tên là Ma Yan. "Tác phẩm" là một cuốn nhật ký - hay nói cho đúng hơn là những

cuốn sổ ghi chép - có tựa đề "Ma Yan's Diary" viết từ ngày 2/9 đến 28/12/2000, ghi lại những điều thầm kín của một thiếu nữ muốn đi học nhưng vì hoàn cảnh gia đình quá nghèo, có thể phải bỏ học để đi lấy chồng trong lúc còn nhỏ. Dĩ nhiên, người viết chẳng phải muốn viết - và chẳng có khả năng viết - một tác phẩm để xuất bản. Nếu không có một may mắn bất ngờ. Một ngày nọ, tháng 5/2001, "tác phẩm" - và qua đó, cô bé lọ lem Ma Yan - gặp "hoàng tử": Pierre Haski, thông tín viên nhật báo "Libération" trong một chuyến du hành săn tin ở làng Zhangjiashu thuộc Ningxia. Haski mang ngay tập nhật ký về Pháp. Ông viết bài phóng sự về cô gái đăng trên "Libération", kêu gọi lòng hảo tâm của độc giả. Lời kêu gọi được đáp ứng nồng nhiệt. Nhiều chi phiếu gửi đến. Một tháng sau, Haski trở lại Trung Quốc biếu cho gia đình cô gái 1000 nhân dân tệ (khoảng 120 đô-la). Số tiền tuy không đáng là bao nhưng đối với họ cũng đủ để trang trải chi phí học hành cho hai năm ở cấp trung học. Về Pháp, ông tiếp tục quyên góp với một mục đích rất giản dị: kiếm một số tiền giúp đỡ cô bé tiếp tục đi học sau này. Nhưng có một độc giả lên tiếng đề nghị xuất bản tập nhật ký ở Pháp. Thế là ông lại du hành qua Trung Quốc để ký hợp đồng. Ông ngạc nhiên một cách thích thú khi nhận ra lúc này, cuốn nhật ký đầy hơn, ghi thêm khoảng thời gian từ 3/7/2001 đến 13/12/2001. Hợp đồng ký xong, "tác phẩm" được dịch ra tiếng Pháp với lời đề tựa của Haski, phát hành vào tháng 10/2002: "Ma Yan's Diary: The Daily Life of a Chinese School Girl".

Phép lạ xảy ra: "Ma Yan's Diary: The Daily Life of a Chinese School Girl" bán được hơn 45 ngàn ấn bản ở Pháp và hàng chục ngàn ấn bản khác - bằng tiếng Ý, Hòa Lan, Nhật, Hy Lạp, Đài Loan, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha - đang được bán ra. Một phiên bản tiếng Anh sẽ được phát hành ở Anh mùa hè nay. Tác giả của nó, cô gái Trung Quốc bây giờ lên 16 tuổi, được mời đến tham dự hội sách Paris vào cuối tháng 3/2004 vừa rồi. Vậy là từ một cô gái nhà quê nghèo đói vô danh ở một nơi khỉ ho cò gáy bỗng chốc trở thành một "nhà văn" nổi tiếng thế giới. Nhờ cuốn sách, bây giờ gia đình cô bé thoát khỏi cảnh nghèo đói. Không những thế, số tiền bản quyền dành cho cô bé cũng được dùng làm học bổng, giúp đỡ khoảng 250 học sinh nghèo khác ở làng Ningxia được tiếp tục học hành.

Lời lẽ trong nhật ký ngắn gọn, nhưng biểu lộ một cá tính mạnh mẽ. Chẳng hạn như khi một cậu con trai lớn hơn đánh em cô, cô viết "Nếu tôi học hành siêng năng và có nhiều tiến bộ, tôi sẽ lên học đại học và trở thành một cảnh sát viên. Nếu những đứa con trai nào mà vi

phạm luật pháp dù là chỉ một tí thôi, tôi cũng sẽ trừng phạt nó". Cô mong ước được giúp đỡ cha mẹ: "Tôi phải học thật giỏi để được vào đại học, rồi tôi sẽ có việc làm tốt, và Mẹ tôi Cha tôi cuối cùng sẽ có một cuộc sống hạnh phúc" () "Vào thời buổi này, ngay cả những kẻ ăn mày cũng phải có bằng cấp. Nếu mà không học thì chẳng làm được cái gì cả. Trong những thành phố lớn, ngay cả đi cầu cũng phải biết đọc" () "Tôi đói khủng khiếp. Chẳng có bánh mì, chẳng có rau rán gì kể từ hôm thứ ba. Tôi chỉ ăn cơm không, không có đồ ăn. Tôi phải ăn cắp một miếng đồ ăn trong chén một người bạn".

Một hiệp hội mang tên là "Association for the Children of Ningxia" do Haski và cô Ma thành lập, quyết định dành 25% số tiền tác quyền để giúp dỡ những học sinh ở Ningxia. Số hội viên hiện nay lên đến 300 và quà tặng vẫn tiếp tục đổ về. Điều đáng ghi nhận là chính quyền Trung Quốc không những không tỏ vẻ khó chịu mà còn hợp tác với hiệp hội. Cuốn nhật ký được xuất bản ở Trung Quốc vào tháng 10/2003 và tác giả Ma Yan đã xuất hiện trên đài truyền hình nhà nước 3 lần. Tại một cuộc họp báo, cô gái đã đọc lên một lá thư mà cô mới nhận từ một người chị em họ bị bắt buộc phải bỏ học để đi lấy chồng, tiêu biểu cho số phận của những cô gái nông thôn nghèo nàn. Lá thư có đoạn viết "Lúc mà em nhận được thư này thì chị đã ở trong phòng hôn lễ rồi, đó là ngôi mộ của đời chị".

Qua chuyến du hành đầu tiên trong đời ra nước ngoài, "cô bé lọ lem" tỏ ra bình tĩnh và bình thường. Trong một cuộc phỏng vấn, cô trả lời rất giản dị "Bây giờ, tôi có thể ăn bất cứ cái gì tôi muốn ăn. Cha mẹ tôi không còn phải đi làm cực nhọc. Ông bà đã tậu được một ít đất, một con lừa và một số cừu. Ông bà cũng đã có xe gắn máy, một cái truyền hình mới và điện thoại. Nhà tôi cũng đã được sơn lại. Tôi cho là thế cũng đủ rồi". Được hỏi về mong ước trong tương lai, cô cho biết "Tôi muốn theo học ngành báo chí ở đại học". Tại sao? Cô chỉ vào nhà báo Haski, người mà cô gọi là chú Han "Bởi vì chú Han và những người khác đã qua tận xứ tôi và tìm những đứa trẻ nghèo như chúng tôi để giúp đỡ. Tôi muốn trở thành nhà báo để giúp những đứa trẻ nghèo như thế. Nhưng để vào được đại học Bắc Kinh, tôi phải học thật giỏi mới được"

Haski thú nhận, lúc đầu ông cũng lo ngại rằng tiếng tăm và tiền bạc đến một cách quá bất ngờ sẽ làm hư hỏng một cô gái nghèo. Nhưng bây giờ, ông có phần yên tâm "Thầy cô của cô gái cho biết cô vẫn là một học trò ngoan, rất rộng rãi với bạn bè cùng lứa".

Trên thế giới này, những cô bé lọ lem như Ma Yan thì vô số. Tìm

đâu cho ra những "hoàng tử" Haski?

*** Vladimir Nabokov đạo văn?**

Trong nền văn chương thế giới hiện đại, ít có nhân vật hư cấu nào gây ra nhiều sóng gió như Lolita trong truyện dài "Lolita" của Nabokov: tình yêu cuồng nhiệt giữa một giáo sư văn chương trung niên khả kính với một cô gái hấp dẫn mới có 12 tuổi đầu. Truyện viết bằng tiếng Anh, lúc đầu bị hầu hết các nhà xuất bản tại Hoa Kỳ từ chối vì những diễn tả tình dục quá táo bạo, đành phải xuất bản ở Paris năm 1955, nhưng rồi cũng bị chính phủ Pháp cấm, gây ra nhiều cuộc tranh cãi giữa những giáo sư, nhà văn, nhà báo, nhà phê bình văn học ở hai bên bờ Đại tây dương, kẻ bênh người chống. Đề tài: đó là một tình yêu thật sự hay chỉ là sự gian díu giữa hai kẻ dâm đãng?

Nửa thế kỷ trôi qua, mọi chuyện rồi cũng đâu vào đấy. Đột nhiên, Lolita trở lại, lần này, trong một sự vụ khác: Vladimir bị tố cáo là đạo văn. Số là mới đây, Michael Marr, một giáo sư văn chương người Đức, tình cờ đọc được một cuốn sách, cũng tựa đề là "Lolita", tác giả là Von Lichberg - một nhà báo nổi tiếng thời chế độ Quốc Xã Đức - bút hiệu của Heinz von Eschwege, viết vào năm 1916. Truyện Lolita này mô tả chuyện tình giữa cô gái với một người đàn ông ở trọ trong nhà vào dịp lễ. Hai người say mê nhau, nhưng rồi cô gái chết đột ngột làm tan nát trái tim người tình già.

Theo giáo sư Marr, *có lẽ* truyện "Lolita" 1916 đã cung cấp nền tảng cho truyện "Lolita" 1955 của Nabokov. Ông viết trên tờ tạp chí Đức "Frankfurter Allgemeine Zeitung: "Khi bạn đọc nó hôm nay và so sánh nó với truyện của Nabokov, bạn sẽ có một cảm giác ngờ ngợ lạ lùng. Sự trùng hợp giữa cốt truyện, cách diễn đạt cảnh tượng xảy ra và sự chọn lựa cái tên. Đáng tiếc là không có một quy luật luận lý nào có thể giải thích cho chúng ta biết tại sao lại có thể có một số trùng hợp như thế". Theo Marr, ông còn bị "sốc" khi thấy sự tương tự trong phần diễn tả mở đầu về cô gái giữa hai truyện: người kể chuyện "nhìn vào đôi mắt nàng và thấy rằng nàng chẳng còn là một đứa trẻ nữa".

Tất nhiên, gia đình và những người ủng hộ Nabokov phản ứng mạnh mẽ. Trong một điện thư gửi cho một nhà phê bình Nabokov nổi tiếng, giáo sư Dieter Zimmer, ông Dmitri Nabokov - con trai của nhà văn quá cố – lên tiếng cho rằng lời tố cáo đạo văn hoặc "là một cơn bão báo chí trong tách trà hoặc là một thứ tung hỏa mù có chủ ý". Theo ông, Lolita 1916 lấy khung cảnh ở Tây Ban Nha, còn Lolita của Nabokov

lấy khung cảnh ở Hoa Kỳ. Truyện Lolita 1916 là "một truyện ngắn được viết bởi một nhà báo" và "là một thứ tạp nhạp, chẳng có giá trị gì". Vả lại, cha ông vốn viết bằng tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Anh. Còn tiếng Đức, ông chẳng biết gì.

Trong một điện thư khác gửi cho tờ "The Guardian", ông trút hết nỗi giận dữ trước lời cáo buộc cha ông "Tôi đã đọc nhiều trong số những bài báo mà người viết đủ loại, từ những người Đức độc quyền cho đến những người Na Uy vô nguyên tắc cho chạy những hàng tít lớn loan báo sự giả mạo, cho đến những người Tây Ban Nha thiệt thà mà bảo thủ, đến những người Ý, những kẻ đã gây ra nhiều điều tệ hại nhất trong ngành báo chí. Ngược lại với những gì mà những kẻ viết thuê nói, chẳng hề có sự giống nhau nào về tên, chỉ trừ Lolita. Còn cốt truyện thì đó là một trong một mớ những cốt truyện căn bản mà tất cả mọi thứ văn chương đều dựa vào (đâu có cần gì phải vay mượn hay đạo văn của ai)". Ông mong người ta góp sức để "dập tắt cái trò nhảm nhí này" càng sớm càng tốt.

Trông bộ vụ việc cũng không kết thúc sớm như người con mong muốn đâu. Vớ được một đề tài để cãi vả nhau, báo chí và những cây bút ưa tranh luận đâu có dễ bỏ qua dễ dàng như thế!

Vladimir Nabokov sinh ngày 23 tháng 4 năm 1899 tại Petersburg, Nga. Cha ông là một trong những lãnh tụ của đảng đối lập thời Nga hoàng. Sau cuộc cách mạng Cộng Sản, gia đình ông trốn đi lưu vong ở Đức năm 1919. Bốn năm sau, cha ông bị bắn chết trong một cuộc tập họp chính trị tại Berlin. Trong gia đình ông, người ta có thể nói đến ba ngôn ngữ: Nga, Anh và Pháp. Bởi thế mà ngay từ nhỏ, ông đã đọc đủ loại tác phẩm, từ Wells, Poe, Browning, Keats, Flaubert, đến Verlaine, Rimbaud, Tolstoy và Chekhov cùng với những tác giả phổ thông như Conan Doyle và Jules Verne. Năm 1922, ông tốt nghiệp danh dự tại trường đại học Cambridge. Mười tám năm sau đó, ông sống khi thì ở Berlin khi thì ở Paris. Năm 1940, ông di cư sang Hoa Kỳ, dạy học ở Wellesley, Harvard và Cornell. Lúc này, ông bắt đầu viết văn bằng tiếng Anh.

Những tác phẩm chính của ông gồm có: Bend Sinister (1947), Lolita (1955), Pnin (1957), và Pale Fire (1962). Ông mất vào năm 1977 tại Montreux, Thụy Sĩ.

Cáo lỗi

Trong *Văn Học* số 216, do sơ suất của Tòa soạn, bài "Long thành cầm giả ca" của Trần Văn Tích thiếu phần Chú thích. Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc, và xin bổ sung như sau:

(1) William H.Nienhauser, Jr. cho rằng *ca hành* (*songs*) chỉ khác với *Nhạc phủ* (*yüeh-fu*) ở điểm "(...)the former tending to adopt the personae of various *yüeh-fu* "types", the latter tending to be the poet speaking in his own voice." (*The Indiana Companion to Traditional Chinese Literature*. Indiana University Press. Bloomington. 1986. :549 [mục từ *Li Po* (Lý Bạch)]. Nhận định này cũng có thể áp dụng cho *Long thành cầm giả ca*.

(2) *Hành thư* là một cách viết chữ hán. Đặc điểm cơ bản của chữ *hành* là nét bút lông đi nhanh, nét cong nhiều hơn thẳng. Lối chữ *hành* là lối chữ thực dụng, trong khi lối chữ *thảo* chẳng hạn là lối chữ nghệ thuật.

(3) Ching-hsien Wang. "The Nature of Narrative in T'ang Poetry", in *The Vitality of the Lyric Voice : Shih Poetry from the Late Han to the T'ang*. Ed. Lin and Owen. Princeton University Press. Princeton. 1986. :229.

(4) Vì *ca* và/hoặc *hành* thường hoán vận ở giữa bài nên một trong những cách phân đoạn tác phẩm là dựa vào những câu thơ được đổi vần. Chẳng hạn bài *Trường can hành* (kỳ nhất) của Lý Bạch có thể chia làm bốn đoạn : đoạn đầu chỉ có hai câu thơ hạ vần *ngạch, kịch;* đoạn hai dài nhất, từ câu thơ thứ ba đến câu thơ thứ hai mươi với các vần *lai, mai, sai, khai, hồi, hôi, đài, đôi, ai, đài;* đoạn ba từ câu thơ thứ hai mươi mốt đến câu thơ thứ hai mươi sáu với vần *tảo, tảo, thảo, lão;* đoạn bốn và cũng là đoạn chót là một tứ tuyệt ngũ ngôn hạ vần *Ba, gia, sa*. Áp vận trong bài này không khắt khe nghiêm cách mà sử dụng cả *vận bộ* (như *Ba, gia, sa*) lẫn *thông vận* (như *sai, khai, hồi, hôi, đài, đôi*). Nguyên tắc ăn vần này cũng được Nguyễn Du ứng dụng trong *Long thành cầm giả ca*. (Có thể xem nguyên tác bài *Trường can hành* trong Trần Trọng San. *Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị*. Bắc Đẩu xuất bản. Canada. 1994. :61-64)

(5) *Thơ chữ hán Nguyễn Du*. In lần thứ hai. Lê Thước, Trương Chính sưu tầm, chú thích, phiên dịch, sắp xếp cùng một số cộng tác viên. Nhà Xuất bản Văn học. Hà nội. 1978. 468 trang.

Tố Như thi trích dịch. Bản dịch Quách Tấn. An Tiêm xuất bản. Paris. 1995. 260 trang.

Cổ thi nhàn dịch. Tập I và II. Nguyễn Đức Hiển. Dư Chỉ Hiên. 1994. :450-459.

Nguyễn Du. Thơ chữ hán. Chi Điền Hoàng Duy Từ. Quyển I, Quyển II. California. 1986. 272 trang và 268 trang. Hai tài liệu sau này không có phần khảo luận, xác minh văn bản mà chỉ sử dụng văn bản của *Thơ chữ hán Nguyễn Du*, Lê Thước-Trương Chính, với tất cả những sai sót, lỗi lầm của ấn bản này.

Cổ văn tinh tuyển. Hán văn tinh túy. Lãng Nhân. Nhà Xuất bản TP HCM in lại. 1992. :305-317.

(6) Nguyễn Du. *Văn tế thập loại chúng sinh*. Hoàng Xuân Hãn chú thích hiệu đính. An Tiêm xuất bản. Paris. 1995. :50, câu 115-116.

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI
P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967

***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Gỗ và Đá
Tuỳ bút Trúc Chi, giá $15.00
Lưu Dày và Quê Nhà
Truyện dài của Ngự Thuyết, giá $15.00
Tuyển Tập Kiệt Tấn
500 trang, giá $25.00
Tân Hình Thức
Tiểu luận Khế Iêm, giá $12.00
Ở Một Nơi Khác
Tập truyện Hàn Song Tường, giá $10.00
Made In Vietnam
Tập truyện Phạm Hải Anh, giá $12.00
Bên Lưng Những Con Chữ
Tập truyện Song Thao, giá $12.00
Thương Nhớ Hoàng Lan
Tập truyện Trần Thuỵ Mai, giá $12.00
Những Người Đã Qua 2
Thế Uyên, giá $10.00
Giòng Sông Thanh Thuỷ
Nhất Linh, Giá $20.00
Đàm Thoại
Võ Phiến, giá $12.00
Viết Về Huế
Tuệ Chương - Hoàng Long Hải, giá $14.00
Nương Tựa Ở Giữa Đời
Tuyển tập Hồ Minh Dũng, giá $20.00

***

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

Giá 5 Mỹ kim